

M-PHONG TAP-CHI

Nước

Chế-đ

Một b^{cteur} *Rédacteur en chef* }

Nghĩa *hủ-nhiệm kiêm chủ-bút* }

PHẠM QUỲNH

Thư cl

Cảm-l

Danh-

Cảnh v

số ấ Cl

Manh-

Trong

Ấm g

Ấn - u

Một b

Thời - c

TOME XXVII

N^{os} 152 - 157

JUILLET - DÉCEMBRE

1930

Danh-ch

Khảo v

Giải ng

Các xu-

Cảnh-v.

Gương

Mê-tin

Danh-n

Nghĩa-l

Manh-t

Qui-phi

Thời-đà



10

1 Báo - th

1 Cải-cách

1 Máy điề

1 Nghề làm

1 Đời đạo

1 Trong

1 Phong-t

1 Truyện t

1 Tạp thơ

1 Nghĩa-l

1 Khảo v

1 Manh-t

1 Qui-phi

IN TẠI

ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)

80-82, Rue du Chancre, Hanoi

1930

NAM - PHONG TẠP - CHÍ

MỤC-LỤC

QUYỀN THỨ XXVII (từ số 152 đến số 157)^{r.}

Số 152 — Juillet 1930

	trang
Một bài diễn-thuyết tán-dương cái chế-độ Bảo-hộ.	1
Điều-ước Bảo-hộ năm 1884.	5
Trả lời bài Cảnh-cáo các nhà học-phiệt trong « Phụ-nữ tân-văn »	10
Giương đức-dục. II.	15
Sự lễ-nhượng đời nay.	21
Nguyễn Trụ tiên-sinh truyện.	25
Tiểu-sử Tuy-lý-vương.	31
Danh-nhân Hải-dương. II.	37
Cảnh-vật Hà-tiên. III.	42
Văn Chiến-quốc-sách. I.	53
Tiếng Nam Bắc khác nhau.	56
Thơ văn cũ Nam-kỳ.	61
Mạnh-tử quốc-văn giải thích. XXXVI.	70
Tám gương tinh.	81
Văn-uyên.	91
Thời-đàm.	93

Số 153 — Août 1930

Khảo về hiến-pháp Nhật-bản.	107
Chế-độ đồng-tử-quân.	121
Người diên.	128
Lập-hiến là gì?	134
Truyện ông nghề Tân.	137
Đông-sơn hoài-cổ.	147
Danh-nhân Hải-dương. III.	153
Đời đạo-lý. V.	157
Văn chiến-quốc-sách. II.	165
Cảnh-vật Hà-tiên. IV.	168
Giương đức-dục. III.	176
Mạnh-tử quốc-văn giải-thích XXXVII.	176
Tám gương tinh.	191
Văn-uyên.	
Thời-đàm.	

Số 154 — Septembre 1980

Nước Nam 50 năm nữa thế nào ?	215
Chế-độ lập-hiến và chế-độ đại-nghị.	219
Một bộ sách Tây khảo về văn-minh Tàu	226
Nghĩa chữ văn-minh ở trong tâm-lý người Pháp.	231
Thư cho em gái.	239
Tâm-lý linh Lê-dương	242
Danh-nhân Hải-dương. IV.	245
Cảnh vật Hà tiên V.	250
Văn Chiến-quốc-sách III.	258
Mạnh-tử quốc-văn giải thích. XXXVIII.	261
Gương đức dục. IV.	276
Tấm gương tình.	281
Văn-uyên	287
Một bài diễn-thuyết quan-trọng	292
Thời-đàm.	301

Số 155 — Octobre 1980

Dân-chúng Á-châu.	321
Khảo về hiến-pháp Vạn-quốc.	326
Giải nghĩa hiến-pháp.	335
Các xu-hướng về chế-độ đại-nghị.	342
Cảnh-vật Nhật-bản.	351
Gương đức-dục. V.	359
Mê-tin với chân-lý.	369
Danh-nhân Hải-dương. V.	380
Nghĩa-bộc báo chủ. (Hát chèo). I.	390
Mạnh-tử quốc-văn giải thích XXXIX.	400
Qui-phi diêm-sử I (tiểu thuyết).	410
Thời-đàm.	417

Số 156 — Novembre 1980

Bảo-thủ với tiến hóa.	431
Cải-cách về tri-thức tinh-thần.	435
Mấy điều khuyết-điểm của chính-thể đại-nghị.	439
Nghề làm báo.	446
Đời đạo-lý	452
Gương đức-dục. VI.	461
Phong-tục Hòa-bình	474
Truyện thần-nữ Vân-cát	479
Tập thơ đi Tây của đức Khải-định	485
Nghĩa-bộc báo chủ (Hát chèo) II	495
Khảo về hiến-pháp Vạn-quốc. II	502
Mạnh-tử quốc-văn giải-thích. XL	514
Qui-phi diêm-sử (tiểu-thuyết). II	521
Thời-đàm	530

Số 157 — Décembre 1930

Giải-nghĩa thế-giới đời nay	541
Nghĩa quốc-gia và lòng ái-quốc	546
Đời đạo-lý. VIII	549
Cảm-tưởng đối với thiếu-niên ngày nay	556
Truyện quan trạng Khiếu. I.	559
Bài ký về giáo-dục	571
Quảng-xương danh-thắng	583
Cuộc đi chơi Huế	586
Khảo về hiến pháp Vạn-quốc III	590
Gương đức-dục VII.	594
Nghĩa-bộc báo chủ (Hát chèo). III và hết.	612
Qui-phi diêm-sử (Tiểu-thuyết) III	619
Văn-uyển	626
Thời đàm	631

Các tranh ảnh

- Số 152 — Ảnh quan Thuộc địa Thượng-thư PIÉRET.
- Số 153 — Ảnh nhà Học-sinh Đông-Pháp ở xóm Học-sinh Paris.
- Số 154 — Ảnh nhà Học-sinh Đông-Pháp ở xóm Học-sinh Paris.
- Số 155 — Ảnh quan Thủ-tướng TARDIEU.
- Số 156 — Ảnh phong-cảnh Hà-tiên.
- Số 157 — Ảnh tượng Phật nhập nát-bản.

Phụ-trương bằng chữ Pháp. — Supplément en français

Une apologie du régime du Protectorat	1
Qui sera maître de l'Asie	4
Littérature chinoise : Le Poète K'iu Yuan 屈原	6
Une belle figure de mandarin	9
A propos d'une conférence.	12
Mahatma Gandhi	15
Anticipation : Ce que sera l'Annam dans cinquante ans.	17
Les clercs qui ne trahissaient point	19
La Main du poète	22
Foules d'Asie?	25
Autour d'une dispute	28
Education et politique	30
Conservation et évolution	33
Réforme intellectuelle et morale	36
Morale annamite et morale occidentale	39
Interprétation du monde moderne	41
Tombeaux sous la pluie	44

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

MỘT BÀI DIỄN-THUYẾT TÁN-DƯƠNG CÁI CHẾ-ĐỘ BẢO-HỘ (1)

Bài diễn-thuyết của quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư PIÉTRI đọc ở *Lorient* kỳ hội-ng nghị hội Liên-đoàn các nhà ở thuộc-địa cũ, không phải là một bài diễn-thuyết tầm-thường. Thực là một bài diễn-thuyết đáng kỷ-niệm, ý-tứ ngay-thẳng, lời-lẽ sáng-suốt, lại có cái khí-vị khoan-hồng quảng-đại nữa.

Tất cả các báo ở Đông-dương này, từ Nam chí Bắc, đều trích-lục và ngợi-khen bài diễn-thuyết đó, vừa hùng-hồn vừa ý-nhị, thật xưa nay chưa có mấy bài mà lại khiến cho cả dư-luận người Tây người Nam đồng-thanh tán-tưởng như vậy. Phải thực-dân Tây, phải quốc-gia An-Nam, hai bên đều không thể chỉ-trích được một lời nào trong bài diễn-thuyết đó, và nếu thành-thực thì phải công-nhận rằng lời quan Thượng-thư nói có lắm câu đích-đáng, xưa nay nhiều người hiểu lầm mà không biết vậy.

Nói tóm lại, bài diễn-thuyết của quan PIÉTRI, theo như lời một nhà báo Tây đã bình-phẩm, thật là lời-lẽ một người chính-nhân quân-tử vậy.

Các báo đã phê-bình nhiều rồi, nay tôi không bàn lại nữa.

Nhưng bài diễn-thuyết đó thật là một áng văn-chương đáng ghi-chép vào trong sách văn-tuyển của thuộc-địa, ở trong có một đoạn giải nghĩa về cái chế-độ Bảo-hộ một cách rất tinh-tường, nói rõ về tinh-cách cái chế-

độ này màu-nhiệm tinh-vi là dường nào, những nỗi khó-khẩn là thế nào, và muốn cho thành-công thì phải thế nào. Đoạn đó không những là một bài tán-dương về chế-độ Bảo-hộ, lại là một bài tâm-lý-học, chính-trị-học về thuộc-địa nữa.

Ông PIÉTRI trước hết tuyên-bổ rằng phạm-đối với các dân-tộc cũ mà vì tinh-cờ nước Pháp đã đảm-đương cái trách-nhiệm bảo-hộ, là những dân-tộc đã có lịch-sử, đã có văn-minh, đã có thể-thống về xã-hội, về chính-trị rồi, thì không thể dùng những phương-pháp chính-trị như cách đối với các nơi đất mới, người dân còn dã-man mộc-mạc vậy.

Ông nói rằng: « Như đất Đông-dương, cách cai-trị phải khác đất Tây-Phi-châu hay là Úc-châu. Ngay ở trong cõi Đông-dương, cũng có cái vẻ sai-biệt màu-nhiệm: như Trung Bắc-kỳ, cách cai-trị phải khác với Cao-miền, lại như người sơn-lâm, cách cai-trị cũng phải khác với người đồng-bằng. »

Nhân nói về hai cái phương-pháp cai-trị mà nước Pháp thường dùng để đối với các thuộc-địa, nhưng hướng-lai vẫn chưa quyết hẳn về đường nào, là chính-sách đồng-hóa và chính-sách hiệp-tác, quan Thượng-thư công-nhiên bác cái chính-sách đồng-hóa và chủ-trì cái chính-sách hiệp-tác.

(1) Nguyên Pháp-văn đăng ở báo *France Indochine* (xem phần phụ-trương).

Ngài nói rằng: « Cái chính-sách cũ xưa nay là cái chính-sách nhất-thiết đồng-hóa thuộc-địa theo mẫu-quốc, thì ngày nay ai cũng cho là không hay rồi, và nên dùng một cách mới-mẻ hơn, uyển - chuyển hơn, là cách hiệp-tác, cách này nước Pháp đã thử dùng đối với các thuộc-địa mới chiếm-lĩnh về sau này, mà thấy quả-nhiên có thành-hiệu. »

Ngài nói câu đó chắc là tưởng đến đất Maroc, là nơi ngài đã bắt đầu làm quan thuộc-địa ở dưới quyền thống-chế LYAUTEY, và chính là nơi cái chính-sách hiệp-tác đó, tức là chính-sách Bảo-hộ, đã có kết-quả tốt vậy.

Ngài giải nghĩa cái chính-sách bảo-hộ như sau này :

« Trong khoảng ba-mươi năm nay, có xuất-hiện ra một cái phương-pháp chính - trị mới đối với thuộc - địa, phương-pháp đó muốn thi-hành thì các nhà thuộc-địa ngày nay cần phải khôn-ngoaan khéo-léo hơn xưa nhiều. Cách này gọi là cách bảo-hộ, là một cái lối chiết - trung ở giữa hai cách « trực - tiếp cai - trị » (*administration directe*) và « cố-vấn cai-trị » (*administration consellée*), hay là muốn theo danh-từ của người Anh thì gọi là « thuộc-địa thống-trị » hay là « thuộc-địa của nhà vua » (*colonie de la couronne*), và « thuộc-địa tự-trị » (*dominion*.)

« Cách bảo-hộ này thì không phải lối nọ mà cũng không phải lối kia, chính là gồm cả hai lối làm một. Cái chính-sách đó nó có nhiều điều mẫu-nhiệm mà không có giới-hạn nhất-định. Nhưng quả là một chính-sách rất hay, các tay trừ-danh đi cai-trị thuộc-địa, đều đã dùng cả. Tôi thật là nhiệt-thành chủ-trương cái chính-sách đó. Những xứ như Tunisie, Maroc, Cao-miên hay An-Nam, là những dân-

tộc đã có nền-nếp rồi, biết yêu-mến quý-trọng cái lịch-sử của mình, thì phải dùng cái chính-sách đó, và phải dùng một cách thành-thực mới được. *Đừng có làm mà tưởng nên làm cách giả-dối, khiến cho cái lâu-dài tốt đẹp dần dần biến thành ra một cái bình-phong nhà mồ vậy...»*

Đoạn sau đó, ta nên đặc-biệt chú-ý, vì chính bởi cái chính-sách bảo-hộ « có lắm điều mẫu-nhiệm, mà không có giới-hạn nhất-định », nên người ta dễ có cái khuynh-hướng quên hẳn những lẽ mẫu-nhiệm đó và vượt qua những giới-hạn đó, khiến cho như lời quan Thượng-thư đã nói, cái lâu-đài tốt-đẹp biến thành cái bình-phong nhà mồ vậy. Ấy cái chính-thể Trung Bắc-kỳ hiện nay như thế, đã lâu nay chỉ còn cái tên bảo-hộ chứ không thực sự bảo-hộ, thành ra một cái tình-trạng mập-mờ, nhờ đó mà thật dễ làm cách giả-dối; sở-dĩ đến như thế là lỗi tại vua quan An-Nam cũng có, mà lỗi tại Chính-phủ Pháp cũng có. Cái tình-trạng đó thật là không xứng-đáng với nước Pháp mà cũng không xứng-đáng với nước Nam. Tình-trạng ấy thật là coi thường cái tâm-lý sâu-xa của cả một dân-tộc, hiện nay đương nhờ ảnh-hưởng Thái-Tây mà hình như tỉnh thức lại, tự nhận-chân mình, và thấy cái quyền giám-đốc chặt-chẽ quá đã lấy làm khó chịu. Bởi tình-trạng đó mà gây ra cái không-khi bất-bình u-uất trong dân-gian. Tình-trạng ấy cần phải sửa đổi, từ việc biến-động mới rồi lại càng cần lắm nữa. Về phần riêng chúng tôi, đã từng bày tỏ cái cách nên sửa đổi thế nào. Nay chính quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư, đã công-nhiên tuyên-bố rằng ngài quyết theo một cái chính-sách bảo-hộ rộng - rãi, thời các nhà cầm quyền cùng những người có tư-cách thay mặt cho dân nên bàn định lấy một cái chương-trình cải-cách thế

nào cho thi-hành được cái chính-sách bảo-hộ chân-chính cho xứ này, để đệ-trình cho quan thượng-thư xét. Nếu cái chương-trình đó mà chánh-đảng thời chắc thế nào chính-phủ Đại-Pháp cũng ưng-thuận, vì người thay mặt cho chính-phủ Pháp ở bộ Thuộc-địa hiện nay chính là một người chính-nhan quân-tử đã từng nói những lời hay lẽ phải ta đương bàn đây.

Nay lại xin bàn nốt về bài diễn-thuyết của quan PIÉTRI.

Ngài đã chỉ rõ cái sự sai-lầm cần phải tránh, rồi nói tiếp luôn rằng :

« Như cái chính-sách bảo-hộ, nếu biết thi-hành cho thành-thực, đừng coi như bức tranh cảnh ở nhà hát mà coi như cái đồ dùng để làm việc thật, nếu biết làm như thế thời chính-sách bảo-hộ có thể làm cho sự hành-động của ta ở thuộc-địa thành ra có lẽ chánh-đáng, mà lâm-thời gặp lúc nguy-hiểm lại có thể làm một cái trợ-lực để giúp-đỡ chỉ-bảo cho ta nữa. Chính tôi ở Ma-lạc-kha đã được biết có người như ông thủ-tướng MOKAI, tướng có thể sánh với các nhà chính-trị thật giỏi của Âu-châu cũng được, và mỗi lần ông ấy khuyên bảo điều gì, tôi thật thành-kinh và sẵn lòng nghe. »

Nước Nam này tưởng cũng không phải là không có những người có thể sánh được với ông thủ-tướng Ma-lạc-kha đó. Hường-lai sở-dĩ không thể xuất-hiện ra được, không thể thi tài ra được, chính là vì cái chế-độ hẹp-hòi, khiến cho nhân-tài không thể nảy-nở ra được. Lại gặp cơ-hội khó-khăn mà những người ấy sở-dĩ không được hết lòng hết sức mà ra giúp việc, cũng là bởi cái chế-độ không biết mở-mang ra cho rộng-rãi, cho chính-thể với quốc-gia không có gián-cách nhau, điều-hòa được cái chủ-

quyền ngoại-quốc với cái tư-tưởng dân-tộc vậy. Vẫn biết rằng một cái chính-sách như thế không phải là dễ, và các nhà cai-trị của ta không phải là ai ai cũng có thể thành-thực mà thi-hành được; chính-sách đó cần phải khôn-khéo lắm mới được, lại phải có những người thừa-hành cho đích-đáng. Nhưng đã kết-quả ở các thuộc-địa khác, thì ở đây không có lẽ nào lại không kết-quả được.

Đến sau quan Thượng-thư kết-luận bài diễn-thuyết nói rằng muốn giúp cho cái chính-sách hiệp-tác đó thì lại phải một cái « chính-sách lễ-nhượng » (*politique d'égards*) nữa, chính-sách này đối với một dân-tộc văn-vật biết trọng sự lễ-phép như dân An-Nam, thì lại càng cần lắm nữa.

Quan Thượng-thư nói rằng: « Tôi biết cái chính-sách bảo-hộ là cái chính-sách hay, bài diễn-thuyết này tức là một bài tán-dương cái chính-sách đó; nay kết-luận tôi lại xin nói thêm một lời: bênh-vực cho người bản-dân, kính-trọng những phong-tục, tôn-giáo, cho đến cả những sự tin-tưởng sai-lầm của họ nữa, như thế cũng chưa đủ... Lại còn phải cốt nhất là biết yêu-mến họ, đối với họ phải ăn ở cho có nhân-nhượng, cho rõ cái lòng thành-thực yêu-mến đó.

« Cái tình đùa-bỡn, chế-nhạo, gắt-gông không dân, không phải là những tình tốt nên đem đi thuộc-địa làm gì. Phải biết rằng dân thuộc-địa họ cũng có cái tình đa-cảm âm-thầm, nói một câu không nghĩ, xử một cách vụng-về, nhiều khi gây ra trong lòng họ những cái mầm thù oán vậy. »

Câu nói đó nên suy-nghĩ cho kỹ, và lời khuyên của quan Thượng-thư, nếu được phần nhiều người Pháp ở xứ này biết hiểu mà theo, thời sẽ

tránh được lắm sự xung-đột, lắm nỗi mất lòng, mà cho đến cái vấn - đề chính-trị cũng nhờ đó mà bớt khó-khăn phiền-phức đi vậy. Người ta hay trách người An-Nam là có tinh tự-kỷ quá, có tinh tự - cao lắm khi không phải đường, và hơi một tí thì hay mất lòng. Có lẽ cái bản-tinh như thế, và dễ cũng vì yếu-hèn cho nên thế, khiến cho mỗi khi thấy người ngoài thất-lễ với mình, dường như khinh-rẻ mình, thì trong lòng lấy làm đau-đớn lắm, và càng thấy những người Pháp địa-vị ti-tiện mà cũng xử thất-lễ với mình như thế, thì lại càng đau-đớn lắm nữa. Ai cũng biết rằng những cái vết thương phạm đến danh-giá người ta, là những vết thương khó chữa hơn cả. Nhiều khi việc chính-trị thành ra khó-khăn cũng là căn-nguyên tự đó.

Xem những lời trích-lục bài diễn-thuyết quan Thuộc-địa Thượng-thư đó thì biết ngài am-hiểu việc thuộc-địa là dường nào. Quan thuộc-địa phải biết việc thuộc-địa, điều đó tưởng như một lẽ cố-nhiên rồi; nhưng thực ra thì **h** khi được như thế, cho nên giữa lúc này là lúc xứ Đông-dương ta đương ở vào cái cảnh khó - khăn, mà đứng đầu bộ thuộc - địa lại được một người tư - tưởng vừa rộng - rãi vừa chảnh-dáng, có thể chuyển - di cuộc chính-trị bản-xứ cho thích-hợp với sự yếu-cần hiện-thời, được như thế, ta cũng phải lấy làm mừng vậy.

Nhân nói về việc Đông-dương, quan Thượng-thư có câu rằng :

« Ngày nay đương bàn xét đến việc Đông - dương, nếu cho vấn-đề Đông-dương là có thể lấy súng ống, lấy tòa án mà giải-quyết được, thì thật là coi rẻ cái lịch-sử mấy nghìn năm của một nước, cái tâm-lý của cả một dân-tộc, cùng sự tiến-hóa trong phong-tục, trong tâm-trí của dân-tộc đó »

Chinh-phủ Pháp chắc không bao giờ hiểu lắm như thế, và vì cuộc trị-an bị nhiễu-loạn nên phải trừng-trị cho dẹp yên, nhưng yên rồi thì tất chinh-phủ sẽ dò xét cho biết rõ lòng dân xứ này nguyện-vọng những điều gì, để tìm phương đối-phó cho được thỏa-thuận.

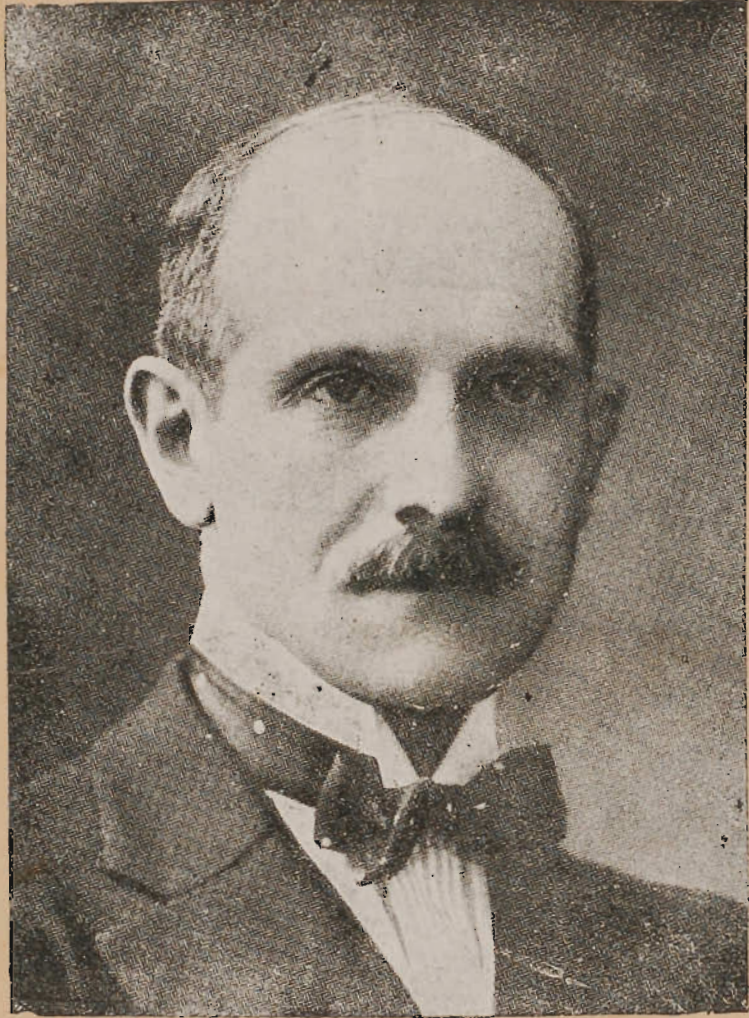
Vì quan Thượng-thư kết bài diễn-thuyết đã nói rằng :

« Rút lại chỉ có hai cách cai-trị thuộc-địa : một là lấy tình bạn-bè, hai là lấy sức võ-lực.

« Sức võ-lực, ta nên để cho thời-đại khác, dân-tộc khác dùng, mà ta cứ nên bằng ở cái tình bè-bạn mà thôi. Đó tức là thành-quách rất vững-vàng để đối với cái nạn cộng-sản vậy.

« Những dân như dân Đông-dương, về đường đạo-đức chỉ sống bằng cái lòng thờ phụng tổ-tiên cùng gia-đình thôi, không khi nào nhiễm được những chủ-nghĩa của đảng Đệ-tam Quốc-tế; nhưng đảng đó có những tay sành nghề phiền-loạn, học ở những trường chuyên môn ta đã biết đó, có thể thừa sự bất-bình nhất-thời trong dân-gian làm một cái cơ-hội tốt được. Ta phải nghiêm-trị những kẻ hại người cùng phương đồng-dang, không để cho nó phá-hoại được những công-phu sự-nghiệp của ta, nhưng ta lại phải cúi xuống mà xem nghe kẻ có bệnh kia, tỏ ra cho họ biết cái chán-diện-mục của nước Pháp, là nước hồi 140 về trước đã ra tay tảo-trừ những kẻ cường-quyền áp-chế trong cựu-thế-giới thế nào. »

Những lời như thế thật là làm danh-giá cho quan Thuộc-địa-bộ Thượng-thư, và khiến cho các dân ở dưới quyền bảo-hộ nước Pháp được vững lòng tin cậy. Giữa lúc cái không-khi trong nước không được tốt lành, mà nghe được những lời như thế chẳng là khoan-khoái lắm dư!



Chân-dung quan Thuộc-dịa Thương-thư PIETRI

ĐIỀU-ƯỚC BẢO-HỘ NĂM 1884

Nhân bàn về vấn-đề lập-hiến, thường nói đến điều-ước bảo-hộ năm 1884, là căn-bản chính-thể nước ta hiện nay. Nhưng điều-ước này ít người được biết tường; vậy bản-chỉ lục-đăng nguyên-văn bằng chữ Pháp ra đây, lại đối dịch quốc-văn để công đồng-lãm.

Điều-ước này, sách Tây thường gọi là « Điều-ước PATENÔTRE », ký ở Huế ngày mùng 6 tháng 6 năm 1884 (13 tháng 5 Kiến-phúc nguyên-niên), ngày 23 tháng 2 năm 1886 (20 tháng giêng Đồng-khánh nhị-niên) hai Chính-phủ mới trao giấy duyệt-y (*ratification*). Điều-ước này chính là định cách bảo-hộ Trung-Bắc-kỳ, có nhiều điều đã quá cũ, nhưng đại-cương vẫn phải coi là nền gốc chính-trị cho Trung-Bắc lưỡng-kỳ.

Le gouvernement de la République française et celui de S. M. le Roi d'Annam, voulant empêcher à jamais le renouvellement des difficultés qui se sont produites récemment, désireux de resserrer les relations d'amitié et de bon voisinage, ont résolu de conclure une convention à cet effet et ont nommé pour leurs plénipotentiaires, savoir:

Le Président de la République française :

M. Jules Patenôtre, officier de l'ordre national de la Légion d'Honneur, ministre plénipotentiaire et envoyé extraordinaire de la République près de S. M. l'Empereur de Chine ;

Et. S. M. le Roi d'Annam :

Leurs Excellences Nguyen Van Tuong, premier régent, ministre de l'Intérieur ;

Pham Than Duat, ministre des Finances,

Et Ton That Phan, chargé des relations extérieures, ministre des Travaux publics par intérim ;

Lesquels, après s'être communiqué leurs pleins pouvoirs respectifs, trouvés en bonne et due forme, sont convenus des articles suivants :

Chính-phủ Đại-Pháp Dân-quốc với Chính-phủ Đại-Nam Hoàng-đế, muốn cho từ nay về sau vĩnh-viễn khỏi những sự lòi-thối như vira xảy ra mới rồi, lại muốn cho khăng-khít cái tình giao-hiểu lân-cận của đôi bên, bàn định cùng nhau ký một tờ hiệp-ước, hai bên cử người toàn-quyền thay mặt như sau này :

Quan Tổng-thống Đại-Pháp Dân-quốc thì cử :

Ông JULES PATENÔTRE, thưởng-thu đệ-tứ-đẳng Bắc-đầu bội-tinh, toàn-quyền công-sứ, kiêm chức đặc-phái của Chính-phủ Dân-quốc tại nơi đức Hoàng-đế nước Trung-hoa ;

Đại-Nam Hoàng-đế thì cử :

Các quan Đại-thần : Nguyễn Văn-Tường, Phụ-chính đại-thần, Lại-bộ Thượng-thư ;

Phạm Thận-Duật, Hộ-bộ Thượng-thư, và

Tôn-thất Phán, coi việc ngoại-giao, quyền lĩnh Công-bộ Thượng-thư ;

Các quan-chức đó, sau khi đã trình bày các giấy hoàn-toàn ủy-quyền, xét ra hợp đáng thể-cách, bên cùng nhau định-định các điều như sau này :

Art. 1^{er} — L'Annam reconnaît et accepte le protectorat de la France. La France représentera l'Annam dans toutes ses relations extérieures. Les Annamites à l'étranger seront placés sous la protection de la France.

Art. 2. — Une force militaire française occupera Thuân-an d'une façon permanente. Tous les forts et ouvrages militaires de la rivière de Hué seront rasés.

Art. 3. — Les fonctionnaires annamites, depuis la frontière de la Cochinchine jusqu'à la frontière de la province de Ninh-binh, continueront à administrer les provinces comprises dans ces limites, sauf en ce qui concerne les Douanes, les Travaux publics, et en général les services qui exigent une direction unique ou l'emploi d'ingénieurs ou d'agents européens.

Art. 4. — Dans les limites ci-dessus indiquées, le gouvernement annamite déclarera ouverts au commerce de toutes les nations, outre le port de Qui-nhon, ceux de Tourane et de Xuan-day. D'autres ports pourront être ultérieurement ouverts après une entente préalable. Le gouvernement français y entretiendra des agents placés sous les ordres de son résident à Hué.

Art. 5. — Un résident général, représentant du gouvernement français, présidera aux relations extérieures de l'Annam et assurera l'exercice régulier du protectorat sans s'immiscer dans l'administration locale des provinces comprises dans les limites fixées par l'article 3. Il résidera dans la citadelle de Hué avec une escorte militaire.

Le résident général aura droit d'audience privée et personnelle auprès de S. M. le Roi d'Annam.

Art. 6. — Au Tonkin, des résidents ou résidents adjoints seront placés, par

Điều thứ nhất. — Nước Nam bằng lòng công nhận quyền bảo-hộ của nước Pháp. Nước Pháp sẽ thay mặt nước Nam trong các việc ngoại-giao. Người An-Nam ở ngoại-quốc sẽ thuộc quyền nước Pháp bênh-vực.

Điều thứ 2. — Lại cửa Thuân-an sẽ có quân-dội Pháp đóng thường-trực. Các pháo-đài cùng những công-trình kiến-trúc về quân bị ở trên sông Hương sẽ phá-triệt hết.

Điều thứ 3. — Các quan-lại An-Nam, trong khoảng từ địa-giới Nam-kỳ cho đến địa-giới tỉnh Ninh-binh, vẫn cứ giữ quyền cai-trị các tỉnh, trừ những việc thương-chính, công-chính, cùng đại-đề các công-cuộc cần phải có quyền chủ-trương n. ất-trị hay là phải dùng đến các kỹ-sư hoặc người làm là người Tây không kể.

Điều thứ 4. — Trong hạn địa-giới nói ở trên, Chính-phủ An-Nam sẽ tuyên-bố mở cho Vạn-quốc thông-thương hai cửa bể Tourane và Xuân-đài, ngoài cửa Qui-nhon không kể. Sau này hai bên sẽ thương-lượng với nhau mà mở ra các cửa bể khác nữa. Chính-phủ Pháp sẽ đặt các viên-chức ở mấy nơi đó, thuộc quyền quan Sứ ở Hué.

Điều thứ 5. — Quan Khâm-sứ, thay mặt Chính-phủ Đại-Pháp, sẽ chủ-trương cho việc ngoại-giao của nước Nam, và đốc-suất cho việc bảo-hộ được bình thường, duy không can-thiệp đến việc cai-trị riêng ở các tỉnh thuộc trong giới-hạn đã định ở điều thứ 3 trên.

Quan Khâm-sứ sẽ trụ-trát ở trong Hoàng-thành Hué và có vệ-binh theo hầu

Quan Khâm-sứ có quyền được chính mình vào tiếp-kiến riêng với Đại-Nam Hoàng-đế.

Điều thứ 6. — Ở Bắc-kỳ, Chính-phủ Dân-quốc có thể đặt các chức Công-sứ

le gouvernement de la République, dans les chefs-lieux où leur présence sera jugée utile. Ils seront sous les ordres du résident général.

Ils habiteront dans la citadelle et, en tout cas, dans l'enceinte même réservée aux mandarins; il leur sera donné, s'il y a lieu, une escorte française ou indigène.

Art. 7. — Les résidents éviteront de s'occuper des détails de l'administration intérieure des provinces. Les fonctionnaires indigènes de tout ordre continueront à gouverner et à administrer sous leur contrôle, mais ils devront être révoqués sur la demande des autorités françaises.

Art. 8. — Les fonctionnaires et employés français de toute catégorie ne communiqueront avec les autorités annamites que par l'intermédiaire des résidents.

Art. 9. — Une ligne télégraphique sera établie de Saigon à Hanoi et exploitée par des employés français. Une partie des taxes sera attribuée au gouvernement annamite qui concédera, en retour, le terrain nécessaire aux stations.

Art. 10. — En Annam et au Tonkin, les étrangers de toute nationalité seront placés sous la juridiction française.

L'autorité française statuera sur les contestations de quelque nature qu'elles soient, qui s'élèveront entre Annamites et étrangers, de même qu'entre étrangers.

Art. 11. — Dans l'Annam proprement dit, les Quan Bo percevront l'impôt ancien sans le contrôle des fonctionnaires français, et pour le compte de la cour de Hué.

Au Tonkin, les résidents centraliseront, avec le concours des Quan Bo le

và phó Công-sứ ở các nơi tỉnh - lý, tùy ý xét chỗ nào nên đặt thì đặt. Các chức ấy sẽ thuộc quyền quan Khâm-sứ.

Quan Công-sứ và phó-Công-sứ được ở trong thành, ngay chỗ nào để riêng cho quan An-Nam ở; nếu cần thì phải cho vệ-binh người Pháp hay người Nam theo hầu.

Điều thứ 7. — Quan Công-sứ không được can-thiệp đến những điều tế-toái trong việc nội-trị ở các tỉnh. Quan-lại bản-xứ về các ngạch văn cử chủ-trương các việc cai-trị, quan Công-sứ đứng kiểm-sát; nhưng các quan báo-nộ Pháp xin cách người nào thì phải cách.

Điều thứ 8. — Những viên-chức cùng người làm công là người Pháp, bất-cử thuộc ngạch nào, không thể trực-tiếp thông-tư với các quan-lại An-Nam, phải do qua quan Công-sứ mới được.

Điều thứ 9. — Sẽ đặt một đường giây-thé tự Sài-gòn ra Hà-nội, dùng người Pháp kinh-lý. Tiền thu được chia một phần cho Chính-phủ An-Nam; Chính-phủ An-Nam đổi lại sẽ nhượng đất cho để lập các sở giây-thép.

Điều thứ 10. — Ở Trung-kỳ cùng Bắc-kỳ, người ngoại-quốc bất-cử thuộc nước nào, cũng là ở dưới quyền thẩm-phán của nước Pháp.

Phàm sự phân-tranh, bất-cử thuộc về việc gì, của người An-Nam với người ngoại-quốc, cũng là người ngoại-quốc lẫn với nhau, đều do quan-quyền Pháp xử cả.

Điều thứ 11. — Trong địa-phần Trung-kỳ, các quan bổ vẫn thu thuế như cũ, không phải viên-chức Pháp kiểm-soát, và thuế nộp cho Triều-đình Huế

Ở Bắc-kỳ thì các quan Công-sứ cùng với quan bổ coi việc thuế-mã, và phải

service du même impôt, dont ils surveilleront la perception et l'emploi. Une commission, composée de commissaires français et annamites, déterminera les sommes qui devront être affectées aux diverses branches de l'administration et aux services publics. Le reliquat sera versé dans les caisses de la cour de Hué.

Art. 12. — Dans tout le royaume, les douanes réorganisées seront entièrement confiées à des administrateurs français. Il n'y aura que des douanes maritimes et de frontières placées partout où le besoin se fera sentir. Aucune réclamation ne sera admise en matière de douanes au sujet des mesures prises jusqu'à ce jour par les autorités militaires:

Les lois et règlements concernant les contributions indirectes, le régime et le tarif des douanes et le régime sanitaire de la Cochinchine seront applicables aux territoires de l'Annam et du Tonkin.

Art. 13. — Les citoyens ou protégés français pourront, dans toute l'étendue du Tonkin, et dans les ports ouverts de l'Annam, circuler librement, faire le commerce, acquérir des biens meubles et immeubles et en disposer. S. M. le roi d'Annam confirme expressément les garanties stipulées par le traité du 15 mars 1874, en faveur des missionnaires et des chrétiens.

Art. 14. — Les personnes qui voudront voyager dans l'intérieur de l'Annam ne pourront en obtenir l'autorisation que par l'intermédiaire du résident général, à Hué, ou du gouverneur de la Cochinchine. Ces autorités leur délivreront des passeports qui seront présentés au visa du gouvernement annamite.

kiểm-tra cách thu-nạp cùng cách chi-dụng. Sẽ đặt một hội-đồng, có các ủy-viên người Pháp và người Nam, để định khoản chi-tiêu cần dùng về các công việc hành-chính cùng các công-sở nhà-nước. Còn thừa bao nhiêu thì nộp vào công-khố của Triều-đình Huế.

Điều thứ 12. — Trong toàn-quốc, việc thương-chính chỉnh-đốn lại, sẽ giao cả cho quan-viên Pháp quản-lý. Sở thương-chính chỉ đặt ở các cửa bể cùng các nơi địa-giới, xét chỗ nào cần dùng thì đặt. Về việc thương-chính, phàm các kế-hoạch của quan binh đã thi-hành từ trước đến nay, không được dị-nghị gì cả.

Những luật-lệ thuộc về các thuế gián-liếp, thuế-lệ cùng thuế-ngạch về thương-chính, cùng thuế-lệ về việc vệ-sinh ở Nam-kỳ, từ nay sẽ thi-hành cho khắp địa-hạt Trung Bắc-kỳ.

Điều thứ 13. — Phàm người dân Pháp hay người thuộc quyền nước Pháp bênh-vực, trong toàn-hạt Bắc kỳ, cùng trong các cửa bể thông-thương ở Trung-kỳ, được quyền đi lại tự-do, buôn-bán, mua các động-sản cùng bất-động-sản và hưởng-dụng các cửa ấy. Đại-Nam Hoàng-đế phân-minh thừa-nhận những điều-khoản trong điều-uớc ngày 15 tháng 3 năm 1874 bênh-vực cho các cô-đạo cùng các giáo-dân.

Điều thứ 14. — Những người muốn đi lữ-hành trong địa-hạt Trung-kỳ, thì phải đi qua quan Khâm-sứ ở Huế hay quan Thống-đốc Nam-kỳ, mới xin được phép. Các quan ấy phát cho giấy thông-hành, phải trình cho Chính-phủ An-Nam duyệt-y.

Art. 15. — La France s'engage à garantir désormais l'intégralité des Etats de S. M. le Roi d'Annam, à défendre ce souverain contre les agressions du dehors et contre les rebellions du dedans. A cet effet, l'autorité française pourra faire occuper militairement, sur le territoire de l'Annam et du Tonkin, les points qu'elle jugera nécessaires pour assurer l'exercice du protectorat.

Art. 16. — S. M. le Roi d'Annam continuera, comme par le passé, à diriger l'administration intérieure de ses Etats, sauf les restrictions qui résultent de la présente Convention.

Art. 17. — Les dettes actuelles de l'Annam vis-à-vis de la France seront acquittées au moyen de paiements dont le mode sera ultérieurement déterminé. S. M. le Roi d'Annam s'interdit de contracter aucun emprunt à l'étranger sans l'autorisation du gouvernement français.

Art. 18. — Des conférences régleront les limites des ports ouverts et des concessions françaises dans chacun de ces ports, l'établissement des phares sur les côtes de l'Annam et du Tonkin, le régime et l'exploitation des mines, le régime monétaire, la quotité à attribuer au gouvernement annamite sur les produits des douanes, des régies, des taxes télégraphiques et autres revenus non visés dans l'article 11 du présent traité.

La présente convention sera soumise à l'approbation du gouvernement de la République française et de S. M. le Roi d'Annam, et les ratifications en seront échangées aussitôt que possible.

Art. 19. — Le présent traité remplacera les conventions des 15 mars, 31 août et 23 novembre 1874. En cas de contestations, le texte français fera seul foi.

Điều thứ 15 — Nước Pháp cam đoan từ nay giữ cho quốc-thổ của Đại-Nam Hoàng-đế được hoàn-toàn, phòng-bị bênh-vực cho khỏi ngoại-xâm nội-loạn. Vậy trong địa-hạt Trung Bắc-kỳ, các quan-chức Pháp xét chỗ nào cần phải đóng binh để thi-hành quyền bảo-hộ, cũng có thể đóng binh được cả,

Điều thứ 16. — Đại-Nam Hoàng-đế, từ-hậu vẫn cứ giữ quyền nội-trị trong quốc-thổ như xưa, trừ những điều hạn-chế đã định trong bản hiệp-ước này.

Điều thứ 17. — Các khoản nợ của nước Nam đối với nước Pháp hiện nay thì cách trang-trả thế nào sẽ định sau này. Đại-Nam Hoàng-đế cam-doan không được vay nợ của ngoại-quốc mà không có Chính-phủ Pháp cho phép.

Điều thứ 18. — Sau này sẽ họp hội-nghị để định giới-hạn các cửa bể thông-thương, cùng những khu đất nhượng cho nước Pháp ở trong các cửa bể đó, định những nơi nào đặt hải-đăng ở đường duyên-hải Trung-Bắc-kỳ, định thể-lệ cùng cách-thức khai mỏ, định chế-độ về tiền-tệ, định phân-số những khoản phải nộp cho Chính phủ An-Nam về các thuế thương-chính, thuế quan-sản, thuế điện-báo, cùng các khoản thu-nhập khác không kể trong điều thứ 11 ở trên.

Bản hiệp-ước này sẽ đệ-trình cho Chính-phủ Dân-quốc Đại-Pháp, cùng Đại-Nam Hoàng-đế duyệt-y, khi duyệt xong hai bên sẽ trao giấy cho nhau ngay để làm bằng.

Điều thứ 19. — Điều-ước này sẽ thay cho các bản hiệp-ước ngày 15 tháng 3, 31 tháng 8 và 23 tháng 11 năm 1874. Hoặc có dị-nghị thì duy lấy bản Pháp-văn làm bằng.

En foi de quoi les plénipotentiaires respectifs ont signé le présent traité et y ont apposé leurs cachets.

Fait à Hué, en double expédition,
le 6 Juin 1884

Nguyễn-văn-Tường,
Phạm-thân-Duật,
Ton-that-Phan.

PATENÔTRE.

Các chức toàn-quyền thay mặt hai bên đã ký tên và đóng dấu vào bản điều-ước này để làm bằng.

Làm tại Huế hai bản ngày mồng
6 tháng 6 năm 1884.

NGUYỄN VĂN-TƯỜNG
PHẠM THÂN-DUẬT
TÔN-THẤT PHÁN

PATENÔTRE

TRẢ LỜI BÀI «CẢNH-CÁO CÁC NHÀ HỌC-PHIỆT» TRONG «PHỤ-NỮ TÂN-VĂN» (1)

Phan Khôi tiên-sinh với tôi là chỗ quen biết cũ.

Từ khi tiên-sinh dời Hà-nội về Nam-kỳ, không có dịp gặp nhau. Nhưng về phần tiên-sinh coi chừng vẫn nhớ đến tôi luôn. Khi viết báo *Thần-chung*, khi viết báo *Phụ-nữ*, tiên-sinh thường nhắc đến tên tôi. Thậm - chí có khi không sẵn đầu bài, tiên - sinh lấy tôi làm đầu bài. Như mới đây, nhân tiên-sinh soạn chưa xong bài trả lời « bài trả lời » của ông Trần Trọng-Kim về nho-giáo, tiên-sinh lại sực nhớ đến tôi mà liền tặng cho cái huy - hiệu làm lãnh-tụ một đảng, tiên-sinh đặt tên là đảng « học-phiệt », rồi nhân đó viết một bài đại - luận, đề cảnh-cáo cho những người trong đảng ấy.

Nếu vì cảm-linh người cũ mà Phan tiên-sinh ân-cần đến tôi như thế, tôi xin cảm ơn.

Từ trước đến nay, sở-dĩ tôi không trả lời tiên-sinh là vì tiên - sinh mới thỉnh - thoảng tặng cho giùm ba câu mát-mẻ xa-xòì mà thôi, xét ra cũng không có quan-hệ gì.

Nhưng nay tiên - sinh công - nhiên làm án một phái cho là có tội với học-thuật nước nhà, mà lại phân - minh chỉ tên chỉ tuổi tôi là thủ-lĩnh, tức là thủ-phạm trong phái đó, thì tôi dầu có muốn làm mặt kiêu-căng cũng không thể sao làm thỉnh cho được.

Vả việc là việc quan-bệ lớn, không phải chỉ thiết đến một cá - nhân tôi thôi mà thiết đến cả học-giới nước nhà, tất tôi phải cùng tiên-sinh phân-trần mấy lời, không thể để cho độc-giả ngộ-nhận được.

Vậy Phan tiên - sinh kết án phái « học-phiệt » về những tội gì ?

(1) Nhân báo *Phụ-nữ tân - văn* gần đây có đăng một bài của ông Phan Khôi bình-phẩm về cái thái-độ của kẻ học-giả nước ta ngày nay mà có dẫn-đồng đến bản-chí chủ-bút. Vậy bản-chí chủ-bút có gửi bài trả lời cho báo ấy. Nay lục-đăng ra đây để công-đồng.

Trước hết chữ « học-phiệt » đó của tiên-sinh tự đặt ra nghĩa là gì?

Tiên-sinh cho nước ta có một bọn « học-phiệt » tức cũng như nước Tàu có bọn « quân - phiệt », là một bọn người cũng sảo có học - vấn, có tự-trưởng, nhưng phải cái tinh tự-cao tự-phụ quá, dường như muốn chuyên-chế dư-luận, chỉ lên mặt làm thầy người ta, chứ không chịu người ta chỉ-trích đến mình.

Tiên - sinh buộc cho bọn đó hai cái tội : một là phạm ai nghị-luận, chỉ-trích, công-kích, phâm-bình gì đến mình là cứ làm thình hết thảy, người ta gọi đến tên mà « chửi » cũng không trả lời, đó là một cái thái-độ rất khả-ố, vì tỏ ra khinh người mà lại hèn-nhát nữa; hai là chính vì cái thái-độ khả-ố đó mà cõi học nước nhà thành ra vắng-vẻ lạnh-lẽo, không ai còn muốn bàn-bạc cãi - cọ gì nữa, rõ ra cái cảnh tro tàn khói tỏa, quạnh-quẽ diu-hiu, là cái cảnh chết.

Tiên-sinh vì tiền - đồ học - thuật, hăm-hở mạnh-bạo đứng lên kết án phái « học-phiệt » đó, lời-lẽ nghiêm-nghị

Vậy những bị-cáo-nhân đó là ai ?

Tiên-sinh chỉ nói phái « học-phiệt » không có bao lắm người mà không kể rõ có những ai, song kêu đích-danh tôi là thủ-phạm. Vậy có lẽ tiên-sinh chỉ có ý muốn « gây sự » — xin miễn cho tiếng nô-m-na — riêng với tôi chăng?

Tiên-sinh buộc tội cho tôi có cái dã-tâm muốn chuyên - chế dư-luận, dường như muốn làm một tên Mussolini trong cõi học nước Nam này. Vậy ra tôi có oai-quyền, có thế-lực đến thế dư? Thế thì danh-giá cho tôi quá! Dù tiên-sinh có đem cả đại-đội đến mà công-kích tôi, tôi cũng cam-tâm mà lấy làm tự-khoái.

Song phạm xử án công-bằng, phải có chứng-cớ hẳn-hoi, chứ nếu vì tình-

ngi, vì ác-cảm với người nào mà kiếm cớ buộc tội cho người ta, thì cái án ấy không có giá-trị gì nữa.

Nay Phan Tiên-sinh đối với tôi mà khởi ra cái án « học-phiệt » đó, có phải là có chứng-cớ rõ ràng không, hay là chỉ vì « tình-ngi » mà bồng-dung kết-cấu ra? Có phải có sự thực hẳn - hoi không, hay là chỉ là một cái « án về thái - độ », một cái « án về khuynh-hướng » (*procès de tendance*), nghĩa là đoán phỏng chừng cái ý-hướng của người ta mà đem lòng yêu ghét buộc cho những tội không đâu?

Không biết chủ-ý tiên-sinh thế nào, nhưng trong bài đại-luận của tiên-sinh chỉ thấy dẫn có một việc làm chứng, là việc mấy năm trước ông nghề Ngô Đức-Kế công - kích tôi về truyện *Kiều*, mà tôi thủy-chung cứ làm thình, không trả lời, thế là phạm hai cái tội đã kể trên kia.

Ông nghề Ngô nay là người thiên-cờ rồi. Kể khuất người còn, chuyện bao năm cũ kể ra làm gì? Nhưng Phan Tiên-sinh đã dở-dối ra, thì tôi cũng phải nổi lời mà phân-trần cho rõ lẽ: xin vong-linh ông Ngô chứng-giám!

Họ Ngô với tôi vốn không có hiềm-khích gì.

Tôi thủy - chung vẫn coi ông như bậc đàn anh. Bấy giờ ông vào làm chủ-bút báo *Hữu-thanh* mới lập. Báo *Hữu-thanh* là một cái tạp-chí; báo *Nam-Phong* của tôi cũng là một cái tạp-chí. Báo *Hữu-thanh* ra sau, báo *Nam-Phong* của tôi có từ trước. « Hàng thịt nguyệt hàng cá », là cái thói thường của bọn con buôn. Trong làng văn làng báo có khi cũng mắc phải cái thói đó. Xem chừng ra ngay từ đầu báo *Hữu-thanh* đã không có ý thân-thiện với chúng tôi rồi. Tôi đoán thế nào cũng có một cuộc phản-đối. Nhân khi ấy Hội Khai-trí tiến-đức

mới đặt ra lễ kỷ - niệm cụ Tiên - điền là tác - giả truyện *Kiều*. Việc này tự tôi khởi - xướng, mà ông Trần Trọng-Kim cũng là một tay chủ-động. Bữa ông Trần và tôi diễn-thuyết ở sân nhà hội Khai-trí, có tới hai nghìn người đến nghe, coi ra hoan-nghênh cô-vô lắm. Ông chủ-bút *Hữu-thanh* có ý căm-tức liền viết bài phản-đối truyện *Kiều* và nhân thể mạt-sát tôi. Tôi giận lắm, hăng-hái muốn ra quyết-chiến với họ Ngô một phen. Vì tôi ôn-hòa thì ôn-hòa thật, nhưng không đến nỗi nhu-nhược mà bị người công-kích không biết đối-phó lại. Nhưng tôi nghĩ kỹ, rồi quyết hẳn làm thính không trả lời. Ai cũng biết rằng họ Ngô không phải vì truyện *Kiều* mà bình-phẩm truyện *Kiều*, chỉ vì kiếm cơ để gây cuộc « cãi lộn » với tôi, trước là làm một cách quảng-cáo cho báo *Hữu-thanh*, sau cũng có lẽ để thỏa một cái lòng ác - cảm riêng chắng. Truyện *Kiều* là một nền văn-chương kiệt-tác, xét truyện *Kiều* phải đứng về phương diện văn-chương mà xét, nay họ Ngô lại đứng về phương-diện đạo-đức, — mà là cái đạo - đức rất hẹp-hòi của phái hương - nguyện, — thì ra là chủ-ý lập-luận thiên đi để có chỗ mà công - kích người ta. Như vậy, thì không phải là một vấn - đề học-vấn văn - chương gì nữa, chỉ là một vấn-đề cá-nhân mà thôi. Tôi bèn định cứ làm thính, không bắt lời, tự-trung có hai lẽ như sau :

1) Bã là một vấn - đề cá-nhân thì việc chỉ can-thiệp đến hai người đối-thủ với nhau mà thôi. Bất-luận tài học ông nghề Ngô thế nào, ông có một điều hơn dứt hẳn tôi :

Như vậy thì cuộc tranh-luận không được ngang sức nhau nữa. Vả lại tự ý tôi cũng không muốn tranh-luận với ông, vì rằng dù thế nào mặc lòng, tôi cũng vẫn kính-trọng cái thân-thể của ông ;

nếu đã thành ra cuộc cãi lộn, thì tất phải dùng những lời nặng tiếng nhẹ, ông mục cho tôi là « văn-sĩ lóp-lép » thì tôi nể gì ông mà không tặng cho ông tên nọ tên kia, thành ra một cuộc đấu-khẩu hàng rau hàng cá, còn có sự-thể gì nữa !

2) Lễ nữa, — mà lễ này Phan Khôi tiên-sinh đoán trúng lắm, — là ông chủ-bút *Hữu-thanh* đã lập tâm « gây sự » với tôi để làm cách quảng - cáo cho báo ấy, thì tôi là chủ báo *Nam-Phong*, khi nào tôi chịu mắc mưu đó. Tôi làm thính không trả lời chính là một cách phá cái dã-tâm của họ vậy.

Ấy đầu đuôi câu chuyện như vậy. Rút lại là một câu chuyện cá - nhân, câu chuyện quyền - lợi cả, không có quan-hệ gì đến học-vấn tư - tưởng hết.

Bởi thế nên tôi cứ làm thính, không hề dả-động đến nửa lời. Làm thính là không muốn cãi lộn vô-ích, chứ không phải là khinh hay là sợ gì dư - luận.

Ồi dư-luận ! Dư-luận vẫn đáng kính-trọng lắm. Nhưng Phan tiên-sinh còn lạ gì dư-luận ở nước ta từ trước đến giờ hãy còn ấu-trĩ lắm. Nhiều người không biết phân-biệt chuyện nghĩa-lý với chuyện cá-nhân, không biết rằng người thục-giã thảo-luận với nhau là để tỏ-bày chân-lý, chứ không phải là cốt để thắng lẫn nhau, như trong cuộc đấu-vô vậy.

Tôi chắc rằng có người đọc bài « Cảnh-cáo » của Phan tiên-sinh nghĩ bụng rằng : « Ông này tất có bụng ghen-ghét gì Phạm Quỳnh mới kiếm chuyện cãi lộn như vậy. » Lại chắc có người không ưa tôi mà nghĩ rằng : « Đáng kiếp ! đã bị ông nghề Kế trị cho một lần, lại bị ông tú Khôi trị cho một lần nữa ! » Như vậy chẳng là oan cả cho hai bên dư ? Câu chuyện nghĩa-lý mà biến thành câu chuyện cá-nhân đó.

Đối với một cái dư - luận còn bở-ngỡ như vậy, tưởng cũng không nên

câu-nệ cho lắm. Không nên coi thường dư-luận, nhưng cũng không nên làm nô-lệ cho dư-luận. Có nhiều điều dư-luận nhao-nhao lên đó, mà người thức-giả nên làm thính.

Sau cuộc phản-đối của ông nghe Ngô. . . . Có người nổi gót ông Ngô cũng đem lời nọ tiếng kia mà phàm - bình tôi. Tôi đều nhất-thiết làm thính cả. Là vì những lời bình-phẩm đó là toàn về cái thái-độ chính-trị của tôi, mà tôi vốn không phải là nhà chính - trị. Chẳng biết từ nay về sau vì thời-thế bắt buộc có phải thực-lực ra làm chính-trị hay không, — đó là một cái nghĩa-vụ, nếu phải làm thì cũng không dám từ, — chứ từ trước đến nay thì sở-chí sở-sự không phải chuyên-chủ về mặt chính-trị; dầu có tham-dự vào chút đỉnh, cũng chỉ là tham-dự một cách gián-tiếp, đứng về địa-vị khách-quan, để làm một món khảo-cứu mà thôi.

Tôi vốn là nhà làm văn, nhà học-vấn. Cái chủ-nghĩa tôi phụng - sự bấy lâu nay, — kể có trên dưới mười-lăm năm trời, thật là dốc một lòng, chuyên một dạ, — chính là chủ - nghĩa quốc-gia, nhưng chỉ mới phụng - sự về phương-diện văn-hóa, chưa hề chuyển-di sang phương-diện chính-trị.

Tôi thiết-nghĩ rằng muốn cho nước nhà được tiến - bộ thì phải gây lấy khí - cụ để tuyên - truyền giáo - dục. Cái khí-cụ để tuyên-truyền giáo-dục là ngữ-ngôn văn-tự trong nước. Bởi thế nên trong mười-lăm năm nay, tôi không làm một việc gì khác cả: chỉ cù-cung tận-tụy về một việc, là cõ-động cho quốc-văn, tài-bồi cho quốc-văn, gây dựng cho quốc-văn thành một nền văn-chương đích - đáng, có thể dùng làm cái lợi - khí để truyền-bá văn-minh trong nước. Các bạn đồng-chí trong Nam ngoài Bắc cũng đã từng công-nhận cho cái công - phu ấy không phải là vô-ích.

Vi tôi chỉ chuyên-chủ về một việc tài-bồi quốc-văn như vậy, cho nên thiệt không đề chí về việc chính - trị. Ai bình-phẩm tôi về việc chính-trị là bình-phẩm sai cả. Tôi cho là bất-túc khinh-trọng cho tôi, nên không hề đối-đáp, không hề cải-chính bao giờ.

Nhưng đến việc văn-chương học-vấn thì tôi rất vui lòng thảo-luận. Bởi vậy nên Phan Tiên-sinh khởi ra cái án li-ký là cái án « học-phiệt » này, tôi liền cầm bút để cùng tiên - sinh phân-trần các lẽ. Tôi thật không dám khinh dư-luận, nếu dư-luận ấy là ở những người thức-giả như tiên-sinh.

Tiên-sinh thấy cái cảnh tiêu - điều trong học-giới nước nhà, lấy làm buồn, buồn sinh bực, bực bèn muốn qui-cửu cho người nào, liền qui - cửu cho tôi. Thế là tiên-sinh phán - đoán khí vội-vàng: Nếu trong cõi học nước nhà, có kẻ nào là tội - nhân, thì tôi đây không dám tự - cao, cũng có thể cho là một kẻ nhẹ tội hơn cả.

Nhưng học-giới nước nhà không phải ngày nay mới tiêu-điều. Đương lúc khoa-cử còn thịnh, đã có cái cảnh tiêu-điều đó rồi, vì cái học khoa-cử chỉ là cái học để thi đỗ làm quan mà thôi, không phải là học - thuật chân-chính. Nói đến học-thuật chân-chính thì cõ-lại nước ta đã có gì? Không dám bội - bạc tiên-nhân, nhưng thật không có người nào vậy. Trương-truyền lý-học thâm-thúy có cụ Chu An, cụ Trương Trình. Nhưng các cụ đã phát-minh được những điều gì, trước-thuật được những sách gì thật có giá-trị? Nào đâu là những phái Vương-học, phái Thiên-học như ở Nhật-bản, cũng học của Tàu mà khám-phá được nhiều điều người Tàu không nghĩ tới? Nước mình lĩnh không có gì cả. Chẳng qua là bởi cái tinh-thần học-vấn của mình nó bạc-nhuộc quá. Lại bởi cái

tính ý-lại, cái tính mô-phỏng của người mình nữa. Xưa kia phóng chép người Tàu, ngày nay bắt-chước người Tây. Xưa kia động nói là dương-danh ông Khổng, ông Mạnh, ông Chu, ông Trinh; ngày nay động nói là giở ra khoa-học với lý-luận, dân-chủ với dân-quyền! Nghe người ta nói mình cũng nói, chứ vị tất đã thấu hiểu đến chỗ tinh-vi.

Ấy cái hiềm-tượng của học-giới ta ở đó, ở cái tính nô-lệ của người mình đó, chứ không phải là lỗi tại người này hay người nọ.

Nay muốn cho cõi học được vui-vẻ sầm-uất, không cần phải dùng đến những cách dương động kích tây, nay công-kích người này, mai phản-đối người nọ, để làm một trò chơi cho khách bàng-quan.

Phải nên cùng nhau hiệp-lực cố gắng dựng cho nước nhà một nền «quốc-học» đích - đáng, không Tây mà không Nho, có cái tinh - cách đặc - biệt, tiêu-biểu được cho cái tinh thần cố-hữu của nòi-giống. Cái ý - tưởng đó ngày nay Phan tiên-sinh mới đề-xướng, mà về phần tôi chủ-trương đã lâu năm rồi.

Vậy ngày nay chúng ta có nên cố-động lập một hội « Chấn - hưng quốc-học » họp-tập những người có chí học-vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội-nghị một lần để bàn các kế-hoạch nên thi-hành cho nước nhà mau có một nền quốc-học xứng-đáng không?

Thiết-tưởng thế còn hơn là cãi vã nhau vô-ích.

Phan tiên-sinh nghĩ sao?

PHẠM QUỲNH



NAM SON

« Năm chữ: « Vô-sở-vì nhi vi 無所爲而爲 » Nghĩa là không vì nhột chút gì mà làm thì cứ làm, đó mới thực là chốn nguồn gốc thánh hiền, kẻ học-giả lúc mới nhập-môn khởi-niệm là phải xét từ đó trước. Nay nhiều người mới học được một ít đã mắc là có vị ý riêng rồi, chỉ vì còn vướng cái bụng khen chê lợi hại chưa thoát hẳn được, nên mới thành ra như thế ». 無所爲而爲五字。是聖賢根源。學者入門念頭。就要在這上做。今人說話第二二句。便落在有所爲上。只爲毀譽利害心脫不去。開口便是如此。(呂心吾坤)

Xét: Nay kẻ học-giả mới nghe cái thuyết biện-thuật trên này, thì chẳng ai chẳng lý làm vu-khoát. Nhưng thử hỏi cái người mà có vị điều gì mới nói đến ái-quốc, thì có thực phải là ái-quốc không? Vậy nên bảo rằng lúc mới lập-tâm, phải nên bỏ hẳn cái lòng tư-vị ấy đi. Nếu không bỏ hẳn được lòng tư-vị ấy đi, thì suốt cả thiên-hạ đều là nguy cả.

« Thiên-cổ học-thuật, chỉ cốt xét từng ly từng tí ở lúc bắt đầu khởi-niệm. Sống chết không sai, là không sai cái bụng nghĩ ấy; hoặc từng ngày từng tháng giữ vững được điều nhân là giữ được bụng ấy vậy. » 千古學術。只在一念之微上求。生死不違。不違此也。日月至至此也。(王龍谿)

« Tuy trong lúc trăm nghìn người, công-phu chỉ cốt giữ ở chỗ bụng nghĩ kia ấy; tuy lúc lặng ngời một mình, công-phu cũng chỉ cốt giữ ở chỗ bụng nghĩ kia ấy. » 雖在千百人中。工夫只在一念微處。雖獨居冥坐。工夫亦只在一念微處。(錢緒山德洪)

« Tâm với tích chửa khi nào phân-lách ra bao giờ, nếu cái tích còn khá ngó, thì cái tâm cũng không thể tin hết được. Nếu mình tự tin mình bình-sinh quyết không có cái lòng ăn trộm ăn cướp, thì dầu có kẻ biện-tâm cũng

không thể lấy điều ấy mà nghi mình được. Nếu mình tự-tin quyết không có cái tâm ham công-danh phú-qui, cũng như là quyết không có cái lòng ăn trộm ăn cướp, thì người ta ai cũng tin mình, không phải nói ai cũng biết cả. »

心迹未嘗判。迹有可疑。畢竟其心尚。有不能盡信處。自信此生。決無盜賊之心。雖有褊心之人。亦不以此疑我。若自信功名貴富之心。與決無盜賊之心一般。則人之相信。自將不言而喻矣。(王龍谿)

« Xử sự nguyên thuộc cái tâm, cái tâm có lúc không giữ được, thì việc làm có lúc bất-cần; chỉ những lúc người ta có trông thấy thì mới giữ cần mà thôi; vì sợ người ta trông nghe mà mới hết sức giữ-gìn, đó tức là vị ngữ-vị, chứ không phải là cái đạo học của người quân-tử trở lại xét ở mình. » 處事原屬此心。心有時而不存。即事有時而不謹。所謹者任人之可見聞耳。因見聞而後有著力。此之謂爲人。非君子反求諸己之學也。(羅念菴)

« Kẻ học-giả không biết rằng một niềm nghĩ đã sai, thì tức là bọn anh kẻ trộm rồi. Vậy nên trông thấy người nào khi dắc-ý mà phụ cả quốc-gia, thì mình lấy làm than-thở. Nào biết đau mình mà đau-đau cầu lợi, đó là cái gốc nó đã gây ra từ đấy, đến lúc dắc-chí chẳng qua là lúc nó đã kết quả vậy. » 學者不知一念之差。已爲跖之徒也。故視得志之人。負於國家。往往竊歎之。豈知已之汲汲營利。是其植根而得志之時。不過成就結果之耳。(潘雲松)

« Mệnh trời lưu-hành đều phú cho vật một cái không giả-dối 无妄, giả-dối 妄 nó vẫn tương-tự với chân thật 眞, nên cớ-nhân ghét những kẻ tương-tự mà không phải. Tương-tự mà không phải nó rất tế-vi, đạo tâm cũng rất tế-vi, cái giả-dối nó vẫn tựa theo đó, tựa theo chân-thật mà đứng rồi nó lại tựa theo chân thật mà làm, hễ đã có tâm giả-dối thì tức là có hình giả-dối, nhân đó

mới bịa ra những giả - thích giả - đối, danh - lý giả - đối, luận - thuyết giả - đối, sự - công giả - đối, rồi tạo thành ra một cái thế-giới giả - đối, giả - đối rồi cũng đến diệt - vong hết, vậy nên có câu rằng: Kẻ giả dối không ngay thẳng mà sống được là may. Tâm người ta từ khi bị phải cái bệnh-căn giả-dối từ nhỏ rồi tỏ rõ thêm tiết-lậu mãi ra, rồi thành ra khí-trá. Khi đối với *khiểm* nghĩa là khuy-khiếm, sách *Đại-học* trước nhất răn tự-khi, là mình tự đối tâm mình, tức là khuy-tâm, tâm-thể vốn nó viên-mãn, chột có vật gì nó vướng vào thì tức là khuy-khiếm ngay. Cái bệnh tự-khi nó không khác gì cái lỗ thủng bờ đê, rồi nó đến lỗ cả sông: 天命流行。物與无妄。妄者真之似者也。古人惡似而非似者非之微者也。道心惟微。妄即依焉。依真而立。即託真而行。有心斯有妄形。因有妄解釋妄名。理曰言說妄事功。以造成妄世界。妄者亡也。故曰罔之生也幸而免。人心自妄根受病以來。自微而著。益增洩漏。遂受之以欺。欺與慊對。言虧欠也。大學首嚴自欺。自欺猶云虧心。心體本是圓滿。忽有物以撓之。便覺有虧欠處。自欺之病。如寸隙當堤。江河可決。(劉戡山宗周)

« Người nào mới mắc về bệnh tự-khi, tức là đã bước đến cái cửa ra vòng người vào vòng thú. Nếu lại không gia cái công cần-thận xét lúc một mình, thì thành ra con người trá-ngụy, từ đó dấu trông thấy người quân-tử, cũng không có cái thái-trạng gì biết thẹn-thò cả, chỉ thuần là cây khôn dụng mẹo, giả-cách ngoài mặt là nhân-tử mà nết làm thì trái khác, tâm - thể đến đó đã nát ra từng mảnh, tiến lên rồi thành ra con người hương - nguyện giả - dối, giống như trung tín, giống như liêm-khiết, đối trời lừa người, vô-sở bất-chí, mà vẫn tự-đắc lấy làm phải, không biết gì nhân-gain có sự liêm-sĩ nữa; thậm-tệ nữa rồi thành đến như Vương Mãng giả cách *khiểm-cang*, Phùng Đạo giả cách *liêm-cần*, giết cha giết vua đều bởi đó mà ra. Phải biết rằng cái chứng « khi » với cái chứng

« ngụy » tuy khác nhau không mấy, nhưng mà tội - trạng có thiếu thâm, không thể kể nhất-luật được. Cái bệnh kẻ sĩ-phu đời nay phần nhiều mắc về chữ « ngụy 僞 », mong lấy cái người chỉ mắc chữ « khi 欺 » cũng đã là tốt, nhưng cũng hiếm có. 自欺受病。己是出入人獸關頭。更不加慎。獨之。功。轉入人僞。自此即見君子。亦不復有厭然情狀。一味挾智任術。色取仁而行違。心體至此自碎。進之則為鄉愿。似忠信。似廉潔。欺天罔人。無所不至。猶宴然自以為是。全不識人。有廉恥事。充其類為王莽之謙恭。道之廉謹。弑父與君。皆由此出。故與僞雖相去不遠。而罪狀有淺深。不可一律論。近世士大夫受病。皆坐一僞字。求其止犯欺者。己是好器。不可多得。(劉戡山)

Cần xét: Lời bàn của *Chấp-sơn tiên-sinh* trên đó phân-biệt về nghĩa ba chữ: vọng 妄, khi 欺, ngụy 僞 rất rõ ràng, rất nên thể-nhận. Nghĩa chữ vọng 僞 cũng như *Phật-thuyết bảo* là vô-minh không minh, nghĩa là mờ tối không rõ, vốn cùng giống với cái bản-thể chân thật, không mấy người tránh khỏi. Mắc đến bệnh khi 欺 thì đã dối đến tâm rồi, nhưng cái tội khi-trá thì cái tâm biết hổ-thẹn vẫn hãy còn. Đến như ngụy 僞 thì đã quen tinh đi rồi, con người mà đã đến là ngụy thì không thể chữa lại được nữa, khá rắc lắm thay!

« Kẻ học-giả xưa nay hay mắc cái bệnh hương-ngoại tri-cầu 向外馳求, nghĩa là chỉ ruổi theo bề ngoài, thành ra một cái bệnh suốt đời. Lũ ta thử trở lại xét mình thì ai cũng phải chột dạ mà mướt mồ-hôi ra! Người ta từ khi mới sinh ra, tai mắt thắm-thía, động một tí gì cũng di-duyên với ngoại-vật, bởi thế mới chăm chăm chú chú đem hết toàn-phó tinh - thần đều dùng ra bề ngoài cả, cái thói ấy đã lâu. Kẻ học-giả đã có chí về đạo thì phải đem hết cái tinh-thần hương-ngoại, trở lại mà xét mình, thì sau này mới có cái công - phu sửa mình được. Phải biết

rằng đạo không phải là ngoại-vật, trở lại xét mình là đạo ở đây. Vậy có câu rằng: Ta muốn cầu lấy lẽ phải thì lẽ phải đến ngay. Nhưng vì mắc cái thói quen đã lâu, chẳng khác gì như con người phóng - đăng quên mất cả nhà, lạc mất cả đường về, muốn ngoảnh đầu trở lại mà vẫn vướng mắc cái duyên nợ cũ, không biết tở là vật gì. Có khi tự nghĩ đến ta mà xét đến thân ta, không biết thân ta là cái khu-xác đấy thôi; lại tự nghĩ đến ta mà xét đến tâm ta, không biết tâm ta là cái khẩu nhĩ đấy thôi; lại nghĩ đến ta mà xét về tính với mệnh ta, không biết đó đều là danh-vật tượng-số cả. Xét về khu-xác là phần ngoài, xét về khẩu - nhĩ cũng là phần ngoài, xét về danh-vật tượng-số lại là phần ngoài ở bề ngoài, thế là đều theo đuổi về bề ngoài cả, đã hướng về bề ngoài thì không đâu là chẳng phải ngoài, lúc khởi cư là ngoài, lúc âm-thực là ngoài, lúc động-tĩnh ngũ-mặc cũng là ngoài, lúc mà tồn-duỡng là vì ngoài, lúc mà tĩnh-sát cũng là vì ngoài, lúc mà đời theo điều thiện đời điều lỗi cũng là vì bề ngoài cả, như thế có tệ hơn kẻ bất-học không? Vậy nên đọc sách thì chỉ chuộng về đường khoa-cử, làm quan thì chỉ cầu cho béo thân gia, huân-nghiệp thì mong cho đến ngôi Công-Khanh, khi-tiết thì chỉ mong cầu lấy danh - dự, văn-chương thì chỉ dựa-nịnh cho thích người nghe, không điều gì là không mắc cái bệnh che-chở bề ngoài. Kẻ học-giả phải nên lấy chân-thật làm tâm mình, ngày hằng chăm-chỉ nom-nớp chỉ lo càn-dáng lấy việc của mình, thân là thân ta chớ không phải là khu-xác, tâm là tâm ta chớ không phải là khẩu-nhĩ, tính-mệnh là tính-mệnh ta chớ không phải là danh-vật tượng-số, phải nên thân-thiết thể-nhận luôn, từ lúc khởi-cư ăn nghỉ trở đi, không lúc nào là chẳng xét ở mình, đến lúc xét mà được ra thì trời đất

vạn-vật không cái gì là chẳng phải của ta có. Tóm lại thì đạo-thể vốn không có nội-ngoại, mà kẻ học-giả sở-hướng lại tự phân ra nội-ngoại; sở-hướng mà ở về trong thì càng tìm xét càng biết đến nơi đến chốn, mà lại càng rõ-ràng; vậy có câu rằng: Cái đạo của người quân-tử âm-nhiên mà càng ngày càng rõ. Nếu sở-hướng mà ở ngoài, thì càng tìm xét càng xé vụn ra, lại càng tiêu-vong đi mất; vậy có câu rằng: Cái đạo của kẻ tiểu-nhân, diên-nhiên mà càng ngày càng mất. Kẻ học-giả phải sớm phân-biệt mới được.)

今爲學者下一頂門針。卽向外馳求四字。便做成一生病痛。吾儕試以之自反。無不悚然汗浹者。凡人自有生以後。耳濡目染。動與一切外物作緣。以是營營逐逐。將全副精神。都用在外。其來舊矣。學者既有志於道。且將從來一切向外精神。盡與之反復。身道來。此後方有下手工夫。可說。須知道不是外物。反求卽是。故曰我欲仁。斯仁至矣。無柰積習既久。如浪子亡家。失其歸路。卽一面回頭。一面仍住舊時緣。終不知在我爲何物。自以爲我矣。曰吾求之身矣。不知其爲軀殼也。又自以爲我矣。曰吾求之心矣。而不知其爲口耳也。又自以爲我矣。曰吾求之性與命矣。不知其爲名物象數也。求之於軀殼外矣。求之於口耳外矣。求之於名物象數外矣。所爲一路向外馳求也。所向是外。無往非外。一起居焉外。一飲食焉外。一動靜語默焉外。時而存養焉外。時而省察焉外。時而遷善改過焉外。此又與於不學之甚者也。是故讀書則以舉公卿。仕官則以肥身家。勳業則以望聽聞。何莫而非向外之病乎。學者須發真寶爲我心。每日孜孜汲汲。只幹辨在我家當。身是我身。非關軀殼心是我心。非關口耳。性命是我性命。非關名物象數。於此體認親切。自起居息以往。無非求在我者。及其求而得之。天地萬物。無非我有矣。總之道本無內外。而學者自以所向分內外。所向在內。愈尋求。愈歸宿。亦愈發皇。

故曰。君子之道。闡然而日章。所向在外。愈尋求。愈决裂。亦愈消亡。故曰。小人之道。的然而日亡。學者幸早辨之。(劉蕺山)

Cần xét : Những lời sao-lục trên này đều là bảo kẻ học-giả cho biết đường phân-biệt tâm-thuận, các bậc tiên-triết nói về việc này còn nhiều, giảng bàn về đường chân học-thuật, thiên-ngôn vạn-ngữ đều cốt-tử về điều ấy cả, đây là sao-lục lấy những lời rất thống-thiết mà thôi. Thế mà học-giả còn có kẻ ngờ bảo rằng cứ chuyên về đường học vị-kỹ, thì há chẳng gần giống như người chỉ độc-thiên lấy thân mình, học mà quá thiên-trọng về vị-kỹ như thế thì có khi vô-ích cho đời. Nhưng không phải thế, Khổng phu-tử bảo là vị-kỹ khác hẳn với nghĩa vị-ngã của Dương Chu, vị-kỹ nghĩa là muốn độ cho người thì trước phải độ cho mình; nếu không có cái tâm độ cho người, thì những điều mà mình tự độ cho mình không khỏi là vị ý riêng, như thế thì cái chốn tâm-niệm kín-đáo kia đã hỏng mất rồi. Vậy nên Truyền-tập-lục có nói rằng : Đạo Phật chỉ là việc nhất-thống, đề cầu cho thành-tựu cái tâm tự-kỷ (1). Nhưng nếu không hay tự độ cho mình mà chỉ nói độ cho người, ta sợ rằng người chưa kịp độ, mà mình đã hể-m-đắm trước rồi, lại mượn lấy cái câu độ cho người, để tự che chỗ phần-sức cái tâm-địa ô-uế dốt-đặc. Vương Dương-minh chê những hạng người ấy chỉ là đối mình đối người, suốt đời mà không biết tỉnh-ngộ, cả nước mà phần nhiều những hạng người ấy, có phải là phúc cho nước không? Khổng phu-tử có nói rằng : Vẫn ghét những kẻ hay liến miêng. Họ dẫn cái thuyết ấy để bác cái thuyết biện-thuật của tiên-hiền, đều là những kẻ liến-miêng mà nịnh cả:

« Đi học chẳng gì trước hơn là phải phân-biệt chữ thành chữ nguy. Nếu không đứng vững về đường thành-thực, thì dầu học-hành thế nào, cũng chỉ là người đi ở trên đường cầm-thú.»

爲學莫先於辨誠僞。苟不於誠上立脚。千修萬修。只做得禽獸路上人。(劉蕺山)

« Người đời không ngày nào là chẳng sinh-hoạt ở trong bọn muông chim, nhưng chỉ vì lấy là người thị-tỉnh, lại xem người thị-lĩnh, nên đây đây cùng không biết dó mà thôi.»

世人無日不在禽獸中生活。但以市井人讓市井人。彼此不覺耳。(劉蕺山)

Xét : Hai lời nói trên này rất là thống-thiết, không phải là lời ghen-ghét thế-tục mà nói đâu.

« Có người bạn hỏi rằng kẻ sĩ sinh ở dưới đời Tam-dại chỉ sợ là không hiếu-danh, thế thì chữ «danh» cũng chưa có thể gạt đi được. Vương Kim-Như nói rằng : Đó chẳng qua là lời tiên-nho nói khích, nếu nói đến chữ «danh» thì di-họa không phải là nhỏ. Người bạn lại bảo rằng tức như ngày nay họp hội, những người lại nghe giảng cũng là vì có cái tâm hiếu-danh, cứ như cái tâm-niệm ấy thì cũng đáng khen. Tiên-sinh bảo rằng : Cứ như lời nói ấy lại càng có bệnh, nếu cái hội học này vì danh mà khởi lên, thì ra đưa thiên-hạ đều làm kẻ loạn-thần tặc tử, tự lữ mình xưng lên cả, các bạn nên dừng chân lại chớ vào cửa ấy làm gì. Người bạn lại bảo rằng đại-đề thánh-hiền học-vấn đều tự vị mình mà khởi-kiến; kẻ hào-kiệt mà lập nên sự-nghiệp thì cũng là vì huân-danh mà khởi-kiến, không có hiếu-danh thì sợ rằng sự-nghiệp cũng không thành. Tiên-sinh bảo rằng : Không nên coi

(1) Dương-minh nói câu này là chưa hiểu hết cái chân-tướng đạo Phật, nay dẫn ra đây cốt để cho rõ rằng đáng tiên-triết mà nói cái học-thuyết vị-kỹ là kiêm cả thành-vật.

lâm người hào-kiệt, cồ-nhân nhất-ngôn nhất-dộng, có thể tin ở đương-thời mà truyền về đời sau được, đều là có một đoạn tinh-thần chân-chí ở trong, cái đoạn-tinh thần ấy tức là bụng thành, vì có thành mới hay dựng được công-nghiệp mà truyền đến bất-hủ; nếu hơi có chút là n hiếu-danh, thì đều là hư-giả tức là bất-thành, đã bất-thành thì không có sự vật gì, công-nghiệp còn từ đâu mà sinh ra.» 有友問三代下惟恐不好名。名字恐未可抹壞。王金如云。這是先儒有激之言。若論一名字。貽禍不是小小。友謂即如今日之會。來聽者亦爲有好名之心耳。卽此一念。便亦足取。先生曰。此語尤有病。這會若爲名而起。是率天下而爲亂。臣賊子者。皆吾輩倡之也。昔友裏賢學問。從自己起見。豪傑建立事業。則從動名起見。無名心恐事業亦不成。先生曰。不要錯看了豪傑。古人一言一動。凡可信之當時。傳之後世者。莫不有一段真至精神在內。此一段精神。所謂誠也。惟誠故能建立。故足不朽。稍涉名心。便是虛假。便是不誠。不誠則無物。何從生出事業來。(劉蕺山)

Xét: Lời nói trên này thực là tách-lách đến tinh-vi, chúng ta phải nên để ý mà xem đến khôn mới phải. Cái tâm danh-dự vốn là cái cửa pháp-môn đưa dẫn người ta làm cho phát-phát tự-lập. Nhưng cái danh-dự với cái ý hiếu-danh hai đảng khác nhau xa, xem như là phải vũ-sĩ đời Chiếu-quốc, nếu gặp kẻ nào làm t. n mất cái danh hùng-dũng, thì cũng liều mà chết theo, thà rằng hi-sinh cái sinh-mệnh, chớ không chịu hi-sinh mất danh-dự, đó tức là cái tâm danh-dự. Cái phong ấy ngày nay bên nước Nhật thịnh lắm, mà người Tây cũng có, chính hợp với lời Khổng-tử

bảo rằng kẻ biết then-tức thì mới có cái đức hăng-hái; còn như kẻ hiếu-danh thì khác hẳn thế, cái mục-dịch cuối cùng của họ chỉ ở về lợi-ích, mà danh-dự chẳng qua là cái mục-dịch gián-tiếp mà thôi, nếu đến khi mà danh-dự và lợi-ích không giữ được cả đôi thì ý họ muốn hi-sinh bỏ đi ấy ở về điều nọ hay là ở về điều kia? Tất là họ bỏ cả danh-dự mà vor lấy lợi-ích, còn kẻ gì sinh-mệnh nữa, như thế sao gọi là tâm danh-dự được. Chấp-sơn bảo rằng xưa nay những bậc hào-kiệt mà hay thành được một sự nghiệp, đều là có một đoạn tinh-thần chân-chí ở trong, thực là lời danh-ngôn thiên cổ, tức như người tây-phương gọi là « yèn-si-phi-lý-thuần », chỉ chuyên chú ý về một việc, mắt chẳng phải là không trông thấy, tai chẳng phải là không nghe tiếng, tâm chẳng phải là không lo-lắng, cho đến cái việc người đời rất là hăm-liện, cũng chẳng hay đổi cái chí mình; cái việc người đời rất lấy làm nguy khốn, cũng chẳng hay cướp cái chí mình, như thế mới là chân-thành mới hay cảm-dộng được. Nếu không thế mà hay làm nên được sự-nghiệp thì chửa nghe thấy bao giờ. Chấp-sơn lại nói rằng: Cái hội này nếu vì danh mà mới phát-khởi, thì ra đưa thiên-hạ đều làm kẻ loạn-tặc, đều tự lẫn ta xưng lên cả. Ngày nay mà xưng lập nên hội cũng nhiều lắm, kẻ xưng lên với kẻ đua theo, chẳng biết có xét về điều ấy không? Nói tóm lại chỉ cốt xét hỏi rằng mình thực là không có sở vì gì mà làm, hay là có sở - vì mới làm mà thôi.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch.

SỰ LỄ-NHƯỢNG ĐỜI NAY (1)

Phàm người ta hội-hợp nhau lại để lập thành một cái đoàn-thể nào (như hội thể-thao, hội tiêu-khiển, hội doanh-nghiệp, hội "sa-lông", hội "câu-lạc" hay hội nghiệp - đoàn, v. v.), tất phải đặt ra phép-tắc, thường gọi là điều-lệ, để cho ai nấy đều theo, khiến cho sự hành-động cùng mỗi lợi-quyền riêng của mỗi người, phải tùy-thuộc ở sự hành-động cùng sự phát - đạt chung của đoàn-thể. Thế nghĩa là cá - nhân phải nhường bỏ một phần quyền mình cho xã-hội. Xã - hội nhỏ như thế, xã-hội lớn là các quốc-gia cũng vậy, cũng phải có phép-tắc về chính-trị, về luân-lý để chi-phối cho cả toàn-thể xã-hội. Luật-pháp thì chi-phối những sự giao-tế thường của người dân với nhau, như không được giết lẫn nhau, không được trộm cướp nhau, nếu không thế thì xã-hội cũng không sinh-tồn được. Luân - lý là gồm những phép-luật không biên chép thành điều, để chi-phối cho những thói ăn cách ở của người ta, những luật-phép không thành văn đó là để bổ-trợ cho những luật phép đã biên-định và cũng có nhiều điều rồi dần dần sáp-nhập vào bộ luật biên-tập của xã-hội; đó là chứng-cớ rằng xã-hội có tiến-hóa vậy.

Nay những luật-phép về chính-trị, về luân-lý đó, đã bao gồm được khắp cả những sự giao-tế của người ta, vừa đàn ông, vừa đàn bà, ở trong một xã-hội văn-minh chưa? Như trong một sa-lông kia, bà chủ nhà giới thiệu ông với một người khách lạ, thì ông đối với người khách ấy, về đường pháp-luật, về đường luân-lý, thật là không có cái trách-nhiệm gì cả. Hai người

chuyện-trò với nhau mà thành ra có cái vẻ vui-thú, thì sự đó không thuộc về pháp-luật mà cũng không thuộc về đạo-đức. Ông thấy người ấy đối-đãi với ông một cách quý trọng thì ông lấy làm vui lòng, và về phần ông, ông cũng gắng sức để tỏ cho người ta biết rằng ông trọng cái tài - trí hay là cái nhan-sắc của người ta. Như vậy thì trong loài người, ngoài hai cách giao-tế về pháp-luật và luân-lý ra, lại còn một cách giao-tế nữa, là cách giao-tế để cầu vui trong xã-hội. Hai cách giao-tế về pháp - luật và luân - lý là có cái tinh-cách duy - lợi rõ-ràng. Sự sinh - hoạt trong xã - hội lấy đây làm gốc, thì đây là cái phần yếu-cần của xã-hội. Còn những sự giao-tế để cầu vui là cái phần thêm ra ở ngoài, là một món xa - xỉ - phẩm vậy. Cuộc giao-tế thiết - yếu đến đâu là hết, thì cuộc giao-tế tiêu-khiển bắt đầu từ đó. Ví như cái gác chuông nhà thờ kia, vừa cao vừa nhọn, là nơi tuyệt - đỉnh của tòa nhà thờ, vậy thì cuộc xã-giao tiêu-khiển cũng là nơi tuyệt-đỉnh của sự giao-tế người ta trong xã-hội với nhau.

Nay cách giao - tế cao - thượng ấy, thật là không có phép-tắc gì nhất-định, không có phép-tắc gì là bắt-buộc người ta phải theo, không theo không được. Trong cuộc xã-giao đó, có lắm cách mầu - nhiệm tinh-tế, không thể định thành điều luật mà bắt-buộc phải theo được. Chỉ do sự tập - quán mà thành ra quen-thuộc, do cách giáo-dục mà thành ra nền-nếp mà thôi, mà sự tập-quán cũng sự giáo - dục đó là

(1) Nguyên Pháp-văn của văn-sĩ GASTON RAGNOT.

bắt đầu từ thuở nhỏ mà đi, cho nên người nào không thông - thạo những cách đó, ta thường gọi là người không có giáo dục hay người không có tập-quán vậy. Muốn cho tường những cách đó, thì phải là người « thiệp », nghĩa là phải có tập-quán về đường xã-giao. Như sự giao-tế ở nơi triều-miếu, không có giống như ở chốn thị-thành : cho nên tiếng Pháp có chữ *courtoisie*, là cách lễ - nhượng ở nơi triều-miếu. Lại sự giao-tế ở nơi thành-thị không có giống như ở chốn thôn-dã : cho nên tiếng Pháp có chữ *urbanité*, là cách lễ - nhượng ở nơi thành-thị. Ở nơi triều - miếu thì chào cúi rạp đầu xuống ; ở chốn thành-thị, thì chào cất cao mũ lên ; ở chỗ thôn-dã, không cất mũ mà cũng không cúi đầu.

Xem như thế thì người ta càng xum-hạp nhau, càng thân gần nhau, thì cách lễ nhượng lại càng phải cần có và càng phải phát-đạt. Đoàn thể càng nhỏ hẹp, thì cách lễ - nhượng đó lại càng nghiêm - nhặt. Như các hội sa-lòng ngày nay tức là những nơi người ta họp-tập nhau lại, người tài-sắc, kẻ anh-hào, cùng nhau đan-díu vì công-danh, vì ái-tình hay vì tính hào-hoa phong nhã, tự đặt ra những lễ-lối lịch-sự mà ước - định với nhau cùng theo, không bắt-buộc mà tự-nhiên có cái tinh cách cưỡng-bách. Các hội sa-lòng như thế, các hội nghị-sự cũng vậy, như hội văn-học, hội quốc-chính, hội ủy-viên, thời-thường-họp tập lại một nơi những người ý kiến phản - trái nhau, có khi là cừ-thù với nhau, cùng nhau trao đổi những lời kia tiếng nọ, ở trong cũng phải đặt ra những lễ-lối phép-tắc, không bắt-buộc mà cũng có cái tinh-cách cưỡng-bách.

Như vậy thì cái phạm-vi của sự lễ-nhượng đã có giới-hạn phân-minh đó : là phạm cuộc giao-tế lấy sự vui thú làm cốt, thì cách đối-đãi với người

phải tỏ ra lòng qui-trọng người như mình muốn cho người qui-trọng mình. Minh chuộng người là muốn để cho người chuộng mình đó mà thôi. Cách lễ - nhượng là cách đáp-đổi, kẻ nọ người kia cùng nhau trao đổi những phép lịch-sự cho đẹp lòng nhau vậy. Những điều-luật của xã-hội, những phép-tắc về luân-lý là có cái tinh-cách đại-đồng bao-quát, chứ đến cách lễ-nhượng trong cuộc xã-giao, thì là tùy ở người. Sự lễ-nhượng là một cái sản-vật cao-qui trong xã-hội, cũng như tình hữu-ái, chỉ có quan-hệ đến cá-nhân mà thôi. Có khi cách lễ-nhượng lại là trái lại với cái thứ tự thiên-nhiên. Người có lễ-nhượng thì vì nền-nếp, vì thói quen, đối với ai cũng tỏ lòng quý trọng, có khi tự trong bụng mình không thể, mà ngoài mặt làm ra thế, rồi tự-nhiên trong bụng cũng đổi đi mà thành ra qui-trọng thật, vì cái lệ thường như thế, người ta nhất-ngôn nhất-ngữ, nhất-cử nhất-động, đều có thể biến-đổi được ta n-tính mình cả. Cho nên cách lễ-nhượng không phải thuần là giả - trá cả. Trong cách lễ-nhượng là có lòng tôn-kính ở đó, và những hình-thức lễ-phép không phải là hảo-huyền vô-lý : Đối với kẻ triều-thần thì các lễ-nghi thiên-tử tức là cái oai-quyền của thiên-tử đó. Cúi đầu xuống trước người nào, là tôn-trọng người ấy đó.

Sự lễ-nhượng đó ngày nay thế nào ?

Mới xét ra thì tưởng rằng một xã-hội tổ-chức theo chủ-nghĩa dân-chủ, lấy sự bình-đẳng làm gốc, tất cách giao-tế của người ta phải dễ-dàng và vui-thú hơn. Thực ra thì ở một xã-hội dân-chủ, sự giao-tế có dễ-dàng hơn thật ; nhưng có được vui-thú hơn không ?

Cứ như trên kia đã nói, cái phong-thú trong cuộc giao-tế là ở tại người ta. Nay xét ra cách sinh-hoạt đời nay,

trọng công-chúng hơn cá-nhân, trọng sự thương-công kể-lợi hơn sự nhân-hạ giao-du, trọng sự lợi-lộc về vật-chất hơn sự lợi-ích về tinh-thần. Ta quen thuộc nhiều người quá, không kịp nghĩ cách đối-phó với mỗi người phải thế nào cho hợp lễ-phép; sự giao-tế càng nhiều thêm lên, thì lại càng lạt-lẻo đi. Người ta giao-tiếp với nhau chỉ để bàn công - việc, tập thể-thao, hay là vì chút ái-tình nam-nữ mà thôi. Một cái thư đánh máy không cần phải có phép-tắc bằng cái thư viết tay; lại gửi cho nhau cái giấy-thếp hay cái điện-tín, thì không cần phải lời-lễ rườm-rà gì nữa. Tôi còn nhớ hồi chiến-tranh, có mấy anh em cùng làm việc ở một buồng giấy quan binh; một người lúc bình-thời làm quan ngoại-giao, có tính lễ-độ lắm: mỗi lần ông ta nói chuyện bằng điện - thoại với ai cũng hình như muốn cúi chào người nói chuyện với mình, làm cho anh em trong buồng giấy đều cười ồ cả lên... Ngày nay trong cách giao-tế của người ta, không ai trọng cái tài-năng riêng của từng người nữa, mà chỉ biết xét theo cái hình-thức bề ngoài thôi. Như ký một cái khế - ước với nhau, dù là tờ hôn ước nữa mặc lòng, thì đã có câu lễ lối sẵn-sàng, còn cần gì phải tỏ ra lễ - phép với nhau nữa. Mua bán vật gì, lập ra hội gì, hay đình-định lấy nhau, các điều - kiện đã biên chép rõ - ràng, chỉ có một là bằng lòng, hai là không bằng lòng mà thôi, cần gì phải tỏ lễ-nhượng nữa. Đời này là cái đời vôi - vàng, kẻ vôi kiếm tiền, người vôi ăn chơi, nên xét quanh mình, trừ bạn cầu lợi hay bạn mua vui ra, ngoại-giả coi là người đưng nước lã hết, cũng có khi coi là kẻ ngăn-trở, người cừ-thù nữa. Thành ra nhất-thiết là duy - lợi cả, cái gì vô - ích, cái gì phiếm, là không chơi.

Xét ra kẻ thanh - niên ngày nay khuynh-hướng về đường vụ - thực đó, có lẽ cũng bởi ham tập thể - thao mà ra. Thử xét cái cách con trai con gái đối - đãi với nhau trong một cuộc khiêu-vũ thì đủ biết. Nhận kỹ thì thấy có khác xưa nhiều, vì chính trong cách nam-nữ đối với nhau là cái vẻ phong-nhã lịch-sự không còn gì nữa. Biết bao nhiêu kẻ thanh-niên có bạn gái đưa vào dự cuộc khiêu-vũ ở một nhà nào, cứ tự-nhiên mà đến, không ra mắt chào bà chủ nhà nữa! Lại một người thanh-niên, có người giới-thiệu cho người con gái, nếu không vừa ý, thì mấy khi là chịu giữ lễ-phép vẫn cứ làm ra mặt ân-cần để khỏi lộ cái ý của mình ra, thường thường là quay lưng lại, ngoảnh mặt đi ngay! Trái lại, thì đã thân nhau, lại làm ra cách sỗ-sàng quá. Cách sỗ-sàng đó, cũng bởi sự tập thể-thao mà ra: họ cho là coi bạn gái cũng như bạn trai, tiếng tây gọi là *camaraderie*. Thuở nhỏ chơi đùa với nhau đã thế, lớn lên dan-diu với nhau cũng vậy. Cách đàn ông đàn bà đối-dãi với nhau như vậy là phổ-thông khắp trong xã-hội, đâu đâu cũng thế, lúc nào cũng thế. Các lối-lãng mới, các cách-thức mới là căn-nguyên tự đó cả. Không những phong - tục thay đổi về đường đó, mà tinh - tinh cũng khuynh-hướng ra mặt đó. Cuộc ái-tình nam-nữ mà có vẻ điềm-nhiên sỗ-sàng cũng là bởi tại đó. Hình như đời nay cái nhân-cách đã không có giá trị, thì người đàn-bà cũng không được biệt-dãi như xưa vậy.

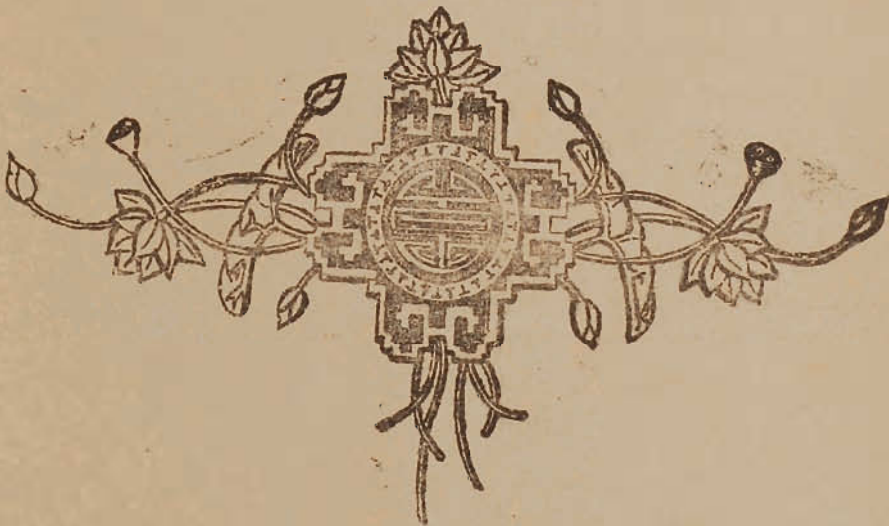
Tình-trạng như thế, khiến cho nhiều người không khỏi bi-quan. Vì ta biết rằng người có lễ-nhượng thì cách lễ-nhượng đó là có lợi-ích ngay cho bản-thân nữa, cái cách mình đối - đãi với người thế nào là có ảnh-hưởng ngay đến mình như thế. Như con đối với

cha mẹ ngày nay có ý tự-do, không phải là không có tôn-hại đến cái lòng hiếu-thảo. Lại có lắm gia - đình, vợ chồng mới lấy nhau, lời ăn tiếng nói không giữ-gìn, rồi sau phươg-hại đến cả sự hạnh-phúc trong gia-đình. Cách nói-năng với cách cư-xử không có khác nhau như người đời thường tưởng lầm đâu.

Tuy-nhiên, xã hội đã xoay ra như thế, thì chúng ta cũng không thể làm sao được. Thói lễ - nhượng đã mất đi rồi, không còn làm sao phục-hồi lại được nữa. Mà xét cho kỹ, có người cho rằng sự bợc-trực, sự chất-phác, sự sô-sàng nữa vị tất đã là không có giá-trị, mà có thể khiến cho cuộc giao-tế trong xã-hội được thành-thực hơn, cho thế há phải là vô-lý dư? Có lẽ việc này cũng như trăm nghìn việc khác, chỉ tỏ ra thời-đại ta là một thời-đại quá độ mà thôi. Cái cách lễ-nhượng đời xưa chẳng qua là khiến cho người ta trong lòng đáng phải thế nào thì ngoài mặt lộ ra như thế. Kể cho cùng thì cũng là một cách trang - tác giả - dối vậy. Ngày nay thì thiên-hạ không muốn giả-dối như thế nữa, muốn cái gì

cũng thực cả. Vậy thì ta có thể mong được rằng cái dối ngày xưa sẽ thành ra sự thực bây giờ, vì người ta đã cải-hóa tâm-tinh thì trong lòng đáng thế nào, ngoài mặt rõ hẳn ra như thế không? Sự lễ - nhượng khi đó không phải là một cái kỷ-luật của xã-hội nữa mà sẽ là một cái đức-tính của cá-nhân. Người ta ai ai cũng sẽ biết kính - trọng nhau cả, không cần phải làm ra mặt lễ-nhượng nữa. Con trẻ cũng không cần phải dạy cho biết lễ - phép nữa, chỉ dạy cho biết sự thành - thực là đủ, và người ta hề tính-tinh cao-thượng thì sẽ tự-nhiên là có lễ-độ. Nhà luân-lý-học LA BRUYÈRE có câu nói rằng: « Chỗ miếu-đường ví như một cái lâu-đài xây bằng cẩm-thạch cả, nghĩa là những người châu-tuần ở đó là những người rất cứng-rắn, nhưng mà rất lễ-phép... » Trong xã-hội đời nay, đã bỏ mất sự lễ - phép đi rồi, thì cũng nên bỏ nốt cả cái thói « cứng-rắn » đó, tức là cái thói khắc-bạc đi nữa, mà lấy cảm-tình lấy hữu-ái thay vào, chẳng là hay lắm dư?

HỒNG-NHÂN [dịch



NGUYỄN TỰU TIÊN-SINH TRUYỆN

阮就先生傳

Xưa nay binh - phẫm những bậc danh-thần nước ta, người thì trọng về nhân - chính, người thì trọng về thanh - liêm, người thì trọng về có tài kinh - tế, những bậc ấy xét tự thế-kỷ thứ 19 trở về trước, nước ta tưởng không thiếu người. Duy từ khoảng thế-kỷ thứ 19 đến nay, đương hội Âu Á đồng-văn, sự giao-thiệp rất là quan - trọng, đương cái chức phương - diện, trong đối với triều - đình ngoài đối với Đại-Pháp chính-phủ, dưới đối với thân-sĩ quốc-dân, xử-trí thế nào cho được tròn cả mọi mặt, thực cũng rất khó; tất có cái tài tứ - phương bát - diện, giỏi ngón nào cũng giỏi, xoay mặt nào cũng hay, trên không đắc - tội với triều - đình, sau không trái ý với Chính-phủ, sau nữa không thù-oán với thân-sĩ quốc-dân, như thế mới được là bậc thức - thời quân-tử, ta vẫn thường hâm-mộ bậc ấy mà chưa được mấy người.

Như cụ Phạm Văn-Thụ, mới đây tạ-thế, cụ có chính-tích, mắt ta được thấy, tai ta được nghe, mà trong triều ngoài quận cho đến dân-thôn phụ - lão, ai ai cũng biết tiếng cụ, ai ai cũng thán-tích cụ, nên ta không cần phải nhắc đến nữa. Duy trước cụ có ông Nguyễn Tựu đương triều Đồng-khánh triều Thành-thái, trải chức

án-sát, bố-chính, tuần-phủ, cách đây độ năm - mười năm cái ảnh-hưởng chưa xa mấy, khoa-hoạn của ông tuy không được hiển-hách như cụ Phạm, nhưng đương cái hoàn - cảnh bấy giờ, so-sánh với cái hoàn-cảnh vừa đây còn nhiều sự khó - khăn, nhiều điều ngăn-trở, thế mà ông xử-trí cũng được ổn-đáng, sĩ-phu không ai chỉ-nghị điều gì, thực cũng đáng kính đáng trọng.

Năm trước tôi có qua chơi hạt Hà-tĩnh, ngồi bên quán nghỉ chân uống nước, gặp ông lão, tu-mi quắc-thước, nghiêm-nhiên một vị túc-nho. Tiện khi ngồi rồi binh-phẫm đến nhân - vật ở tỉnh đó, ông lão ấy có thuật lại truyện ông Nguyễn Tựu, tự khi tại quan, có lòng nhân-chính, có bụng thanh-liêm, có tài kinh-tế và đối với văn-thân ở tỉnh-hạt có ý chu-toàn, xử với dân-sự lại càng thể-tất lắm, nên lính-hạt đến nay vẫn còn ca-tụng phúc-tinh. Nghe những lời ông lão thuật lại, khiến tôi gây một mối cảm-tình lai-lãng, ghi nhớ bên lòng không quên, nhưng không dám bằng cái miệng người kia mà định-luận được, nên phải cố ý tìm-tòi đến nơi đến chốn cho có xác-bằng.

Mới rồi tôi có qua xem chùa Thần-quang ở làng Dũng-nghĩa thuộc tỉnh Thái-bình, chùa ấy là cổ-tích ở xứ Bắc-kỳ ta, mà làng ấy chính là quê cha đất

tỏ của ông. Tiện dịp vào xem chỗ ông ở, và để quan-sát một thể. Nhà ông có một tòa nhà bảy gian bằng gỗ lim lợp ngói, làm theo lối cổ rất là vững-vàng, gian chính-tâm đặt ban thờ ông, đồ tự-khi cũng được chỉnh-đốn, còn hai bên thời để con thừa-tự ở. Lúc ấy con thừa-tự là cậu hàn Hiền ra khoản-đãi, ý muốn lưu lại để tiếp chuyện, nói cái nhà đó chính là trước cụ Lục giảng đạo ở xứ Phát-diệm làm cho ông tự khi tri-huyện Kim-sơn, đến nay đã hơn 50 năm mà chưa hỏng một cái rui vỡ một hòn ngói nào cả. Hồi tháng sáu năm ngoái bị bão, chung quanh các nhà gỗ đều bị đổ nát, duy có cái nhà đó là giữ được an toàn, nên những xóm làng đàn bà trẻ con đến trú-ngụ, may được yên-ôn cả. Khi ấy sự nhớ đến lời ông lão kia nói, đem hỏi người thừa-tự, nói đương lúc ấy cũng còn ít tuổi và lâu ngày cũng không nhớ hết, liền đem một cuốn hành-trang của ông cho xem, chép tự khi ông còn nhỏ cho đến lúc đỗ ra làm quan, và lược kể cái chính-tích của ông, không được kỹ - càng cho lắm, nhưng so - sánh với những lời ông lão kia, thời cũng đúng không sai; tiếc vì quốc-sử không chép đến, dư-luận không ai nhớ đến, thành ra lâu - ngày mai-một quên đi mất, may mà tai ta lại được nghe, mắt ta lại được thấy, mà ta không tuyên-bố cho công-chúng biết, thế thời ta đối với tiên-nhân chẳng là vô-tình lắm dư ! Vậy xin chép một đoạn lịch-sử sau này để cống-hiến các bậc hoạn-sĩ và cũng bổ-ích cho các nhà sử-học sau này.

Ông sinh năm đinh-dậu triều vua Minh-mệnh thứ 18, đương tây-lịch 1838, người làng Dũng - nghĩa, tên tự là Thành - chi. Cha là Nguyễn Doãn-Trung, mẹ là Nguyễn Thị - Thìn, giữ nền phúc - hậu, vốn dòng nho - gia, kiếm nghề làm thuốc chữa bệnh, ai nghèo đói thời cấp cho thuốc-thang không lấy tiền, nên sinh được ba con đều được hiển-đạt, đó cũng là hoàng-thiên bất - phụ người hảo - tâm vậy. Anh cả ông là Nguyễn Doãn-Vọng, đỗ cử-nhân, quan đến đốc-học, anh thứ là Nguyễn Doãn-Cử đỗ cử-nhân, quan đến thị - lang. Cha mẹ mất sớm, ông nhờ có anh quản-cổ nuôi ăn đi học, khoa canh-ngọ triều vua Tự-đức năm thứ 23 đỗ cử-nhân, cách năm năm ông ra huấn - đạo huyện Gia-viễn, năm Tự-đức thứ 30, ngày tháng tư ông ra tri-huyện Kim-sơn; chỗ ấy nhiều dân đi giáo, thường cùng với lương-dân gây việc kiện-cáo, tự khi ông đề-ly, phạm có tụng-sự, ông đem nghĩa - lý hiểu bảo, khiến cho lương giáo hai bên hòa - giải về nhà yên nghiệp làm ăn. Ông Trần Lục 陳陸 là cụ đạo ở xứ Phát-diệm nghe tiếng lấy làm cảm-phục, biết nhà ông thanh-đạm, tuy có quan - lộc nhưng trong túi không có thừa tiền bao giờ, nhà ở mãi tranh vách nửa đủ che được mưa nắng mà thôi, nên có làm một nếp nhà gỗ lim đem về tận làng để cho ông làm nơi biệt-thự ; đó là đem một tấm lòng tốt đối với ông vậy.

Ông Trần Lục (tục gọi cụ Sáu) trước cùng với ông Nguyễn Trảng-Tộ ở tỉnh Nghệ-an đi du-lịch nước Pháp. Ông

Tộ thời quan-sát về chính-trị, khi về nước có dâng thư lên vua Tự-đức nói xin sửa đổi chính-trị theo như cách văn-minh ở bên Thái-tây, ông Trần Lục thời quan-sát về học-thuật, khi về nước chuyên việc giảng đạo; sau Triều-đình có trao cho chức Nguyên-phủ-sứ và sắc cho là cò «*tiền thanh-tra hậu giảng đạo* 前清查後講道». Fàm-sự ông Trần Lục ta chưa hiểu như thế nào, nhưng cũng là người có kiến-thức vậy.

Tháng tám năm Tự-đức thứ 33, thăng chức tri-phủ phủ Anh-son, khi dâng - trình thân-hào ở hạt Kim-son, vịn sau xe biểu tình ái-mộ. Năm Kiến-phúc ngày tháng bảy năm đầu phụng mạng đi thanh-tra tỉnh Quảng-nghĩa, xem xét các việc rất là công-bằng, chiếu thăng chức Giám-sát ngự-sử đạo Hà-Ninh kiêm đạo Sơn-Hung-Tuyên. Không bao lâu vua Kiến-phúc băng-hà, vua Hàm - nghi lên ngôi, năm át-dậu, đương tây-lịch 1885 ông Tôn-thất Thuyết giúp chính, chuyên giữ binh-quyền, mưu chống với nước Đại-Pháp; ngày tháng năm, binh nước Pháp tới Kinh-thành, vua Hàm-nghi chạy ra Hà-tĩnh lấy huyện Hương-khe làm chỗ hành-tại, binh Pháp tiến đánh Nghệ-an và Hà-tĩnh, vua Hàm-nghi chạy ra Cam-lộ, bấy giờ Kinh-thành đã thất-thủ, dân-tinh huyền-náo, chính-lệnh phân-vân, việc giám-sát tướng cũng không dễ, Đình-nghi ông là người thâm-trầm cẩn-trọng, cử ông sung chức Giám-sát-ngự-sử đạo kinh-kỳ; tháng 11 năm ấy thăng chức Lại-khoa chưởng-ấn, kiêm coi

việc bộ Hộ - bộ Lễ. Đương lúc ấy Nghệ-Tĩnh văn-thân nổi loạn, mượn tiếng cần-vương để chống với nước Pháp, ông Phan Đình-Phùng người Hà-tĩnh, cùng với gia-tướng là Cao Thắng, Nguyễn Đăng, đắp đồn ở trong núi, chiêu-tập nghĩa-binh, để định kế khôi-phục. Ông Lê Linh và ông Hà Văn-Mĩ cùng với ông Phùng là người cùng tỉnh; Nghệ-an thì có Nguyễn Sĩ, Nguyễn Hữu-Chính, Nguyễn Xuân-Ôn, Đình Văn-Chất, đều là tay chiến - tướng ở trong đảng Nghĩa-sĩ. Ngoài ra cũng nhiều phái đảng mượn tiếng khởi-nghĩa để rối cuộc trị-an.

Vua Đờng-khánh lên ngôi chiếu-dụ cho các thân - hào ở các tỉnh phải nên thu đồ binh, cởi áo giáp, tuân lệnh triều - đình, không được kháng-cự như trước nữa, nhưng lũ ông Phùng ông Chính vẫn cứ kháng - khái không chịu giải binh. Bấy giờ có chiếu cho ông thăng chức án - sát tỉnh Hà-tĩnh và phải thân - hành trong hạt phủ - dụ dân - sự không được nào - động, đầu đấy cứ việc yên phận làm ăn. Ông tuân mệnh hết lòng hết sức đem sự lợi-hại, lẽ họa-phúc hiểu-bảo cho dân hạt nghe, nên không xảy ra sự gì thiệt - hại lắm.

Ngày tháng chín năm ấy thăng hàm Hồng-lô tự-khanh lĩnh chức Bộ-chính-sứ; tháng sáu năm thứ hai, ông can việc chiết-nạp tiền thuế ở huyện Can - lộc bị phạt ba tháng lương.

Ngày tháng tư năm thứ ba, gặp kỳ tân-hung thịnh-diễn, chiếu ông sung chức Chánh-chủ - khảo trảng Thừa-thiên, trảng thi ấy tôn-thất và con các quan cùng là ấm-sinh tọa-giám, đều đến ứng-thi; chủ việc hành-văn, giữ sao cho được công-bằng, tưởng cũng rất khó, ông có chính-sự và kiêm cả văn-chương, ông ra chủ-khảo khoa ấy lấy những người trúng-tuyển, đều thiếp sĩ-vọng. Việc trảng thi thanh-thỏa, lại ra Hà-tĩnh cung chức.

Vua Đồng-khánh mất, vua Thành-thái lên ngôi, ngày tháng giêng năm đầu gặp tiết đặng-quang, ơn chiếu thưởng cho ông quân-công một cấp; đến tháng năm bà Từ-dụ thái-hoàng thái-hậu là mẹ vua Tự-đức gặp tiết bát-tuần đại-khánh, ơn thưởng cho gia một cấp và ban cho một đồng tiền phi-long, cùng là vóc nhiều to lựa các hạng rất là long-trọng. Ngày tháng 11 năm thứ hai chiếu ông theo quan Công-sứ và quan Kinh-lược Hoàng Cao-Khải đi tiêu-phủ trong hạt.

Ông Hoàng Cao-Khải cùng với ông Phùng là người cùng làng, bèn đưa thư cho ông Phùng và đưa lễ-vật đến tặng rất hậu, đề dụ ông Phùng ra thú. Lời dụ đại-ý nói rằng:

«Sĩ-phu ở trên đời ai cũng có chí khác, nhưng cốt phải thăm-thời đạt-thế, việc có nên làm thời sẽ làm, nếu chưa nên làm mà làm miễn-cưỡng thời không những việc không thành mà hại lây đến cả dân-tộc. Ông cùng với tôi là chỗ cố-giao, vả người đồng-

hương, nên tôi phải đem lòng thành-thực nói để ông biết, việc ông làm chính là nghĩa-cử, nhưng nay Triều-đình cùng với Đại-Pháp giảng-hòa mà lại không tuân-mệnh, thế thời vì ông mà gia-hương thân-thích phần-mộ đến nỗi thiệt-hại; tự hỏi cái lương-tâm có nhân được hay không? Việc đó tưởng ông đã hiểu rồi không đợi tôi phải nói, nhưng vì đem một cái tình cố-cựu mà đối với ông, nên bất-đắc-dĩ phải nói, nhưng chưa chắc đã lọt đến tai ông, xin ông thử nghĩ kỹ lại, thôi việc binh-chiến, thời tôi xin đưa ông ra để giải-hòa với nước Pháp mà tôi cũng xin hết sức bảo-toàn gia-son của ông đều được vô-dạng.» Ông Phùng tiếp được thư rồi trả lời, đại-ý nói rằng: «Ông hết bần-phận của ông, tôi hết bần-phận của tôi, vả tiền-nhân tôi đời chịu ơn nước, không may nước gặp phải biến-cố, nên tôi cũng phải cùng nước cùng lo, dù có tan xương nát thịt, tôi cũng xin cam lòng, cốt nghĩ làm sao trước khỏi phụ cái ân-trách của Triều-đình, sau khỏi phụ cái chí-nguyện của tiền-nhân, chính là cái đại-hi-vọng của tôi vậy». Bèn nhất-quyết giữ chỗ hiểm-yếu, chừa binh lương sửa đồ khi-giới, để mưu tiến-thủ sau này. Sau ông Nguyễn Thân người Quảng-nghĩa đem tập-binh hai nghìn giúp quân nước Pháp chia đường tiến đánh quân ông Phùng. Chưa kịp giao-chiến ông Phùng không may bị bệnh chết, chôn ở trong núi, sau binh nước Pháp tìm được mộ ông Phùng đào lên khám-nghiệm, thời ngón tay cái có một ngón mọc chạnh một bên, trên mặt quan có

chữ « Hàm-nghi để sắc tứ lưỡng kỳ kinh-lược đại-sứ bình-nhung đại-sứ chi ấn 咸宜帝勅賜兩圻經略大使平戎大帥之印 » Ông Phùng mất không bao lâu giặc văn-thân Nghệ Tĩnh cũng dẹp yên cả.

Ngày tháng giêng năm Thành-thái thứ ba, chiếu cho ông Nguyễn Tự thăng chức Tuần-phủ ở tỉnh ấy. Đương bấy giờ đảng văn-thân khởi-nghĩa, cũng nhiều người can về tình-nghĩa, hiện bắt được tiến-sĩ, cử-nhân, tú-tài 18 người, còn những người thường không kể, ông xét những người ấy không bắt được tang-chứng gì, liền tâu Bộ và thương-thuyết với quan Công-sứ, tha cho về, không có tra hỏi chi cả ; cũng có khi bắt được sổ sách can về việc quốc-phạm, ông tự nghĩ việc đó tra xét cũng không có bổ-ích gì, hoặc nhân vì sự hiềm-khích mà vu - chức ra giấy - má để buộc tội cho nhau, hoặc là những kẻ siểm-nịnh muốn cầu lấy công-trạng, mà tào ra sổ sách như thế chẳng, ngạn có câu : « Bói bèo ra bọ », bọ có phải ở bèo đâu, bói mãi thời thành ra có bọ, thế thì bọ không phải tự bèo, tự tay người bói ra vậy, chẳng thà đem đốt cái sổ sách ấy đi, khiến cho yên việc và khỏi ã - lụy đến lương - dân. Việc ấy ông thực là người có chân - kiến, có đạt-quan, cho nên xử chỗ nguy-nghi mà công việc cũng được bình-tĩnh cả, nên thân-hào trong hạt cảm-phục cái đức-chính của ông. Khi ông đi hiệu-dụ đến đâu thời dân-sự lấy làm hoan-nghênh coi như cha mẹ vậy.

Ngày tháng tư năm thứ ba, dân Hà-tĩnh kém đói, nhiều dân khiếm thuế, ông can việc ấy, phải giáng bốn cấp. Ông tiếp được chiếu-chỉ thần-sắc vui-vẻ như thường, nói rằng : « Thiếu thuế là lỗi ở dân, mà tội chính ở ta, không biết điều-tễ cho dân, nếu ta biết cách điều-tễ thời dân được giàu thịnh, can gì đến nỗi phải khiếm thuế, dù phải giáng hay cách, ta không có dám hối-hận chi. » Ngày tháng sáu năm ấy lại can về việc thăm - án không hợp, bị phạt hai tháng lương, kể đến tháng ba năm sau can về việc to-thuộc biện việc chậm trễ, bị phạt bổng một năm. Năm ấy viên huyện Thạch-hà, tỉnh hay uống rượu, nhân việc quan quá chén say, đánh mắng dân, và lại có ý xu-mị để cầu lấy tiếng khen, dân - đảng họ lấy làm căm tức, bèn nổi binh, kéo vào phá huyện. Việc ấy ông bị giáng một cấp. Tháng chín năm ấy tỉnh-hạt lệ phải cung-tiến hai đôi chim giải-phước, khi đem vào Bộ chết mất một con, châu-phê phạt bổng ba tháng. Năm ấy ông thường thiếu tiền, người nhà phàn-nản với ông rằng: « Người ta làm chức bố án phủ huyện lương bổng không bằng ông, thế mà vẫn thấy thừa tiền dư bạc, vợ con lại được ăn mặc sang - trọng, đồ-đặc sạm sửa rất là xa-hoa, mà người ta vẫn thấy nay được thăng, mai được thưởng, không phải phạt giáng bao giờ ; như ông thời chỉ được có tiếng quan Tuần và cái tiếng thanh - liêm hảo, nhưng vẫn phải phạt bổng giáng cấp luôn luôn, hai ba năm nay chả được mấy quan tiền lương, mấy học gạo,

thậm-chí phải vận của nhà để tiêu mà cũng không đủ, nói ra thời thẹn với chị em, không nói ra thời bực với ông lăm.» Ông cười mà rằng: «Đò là lỗi tự tôi, vụng cách làm quan, tôi lại không biết thạo ngón kiếm tiền, tôi lại không quen thói ô-mị như họ, nên bị phải giáng phạt, đó là sự thường; vả nhà ta vốn nhà thanh-bạch, khi còn học trò, nhiều khi phải ăn rau ăn cháo, nay được như thế này ơn trời lộc nước, tưởng thế cũng đã quá hậu, thôi còn phàn-nàn chi nữa.» Người nhà nói: «Đã hay rằng vậy, tôi có dám trách ông không khéo kiếm tiền đâu, không biết cách xu-mị đâu, chỉ nghĩ rằng ti-thuộc họ làm việc chậm cũng phạt đến ông, con chim phươn nó chết là tự mạng nó, hay là tự người đem con chim không biết giữ-gìn cho cẩn-thận can gì đến ông, mà cũng bị phạt bằng, thế thời ngậm nước lã mà làm việc quan hay sao?» Ông bảo: «Im tôi nói cho mà nghe: mình làm chức thủ-hiến trong một tỉnh, bất kỳ việc lớn nhỏ mình cũng phải xem xét đến, nếu xảy ra một cái tơ cái tóc nào cũng phải chịu lỗi. Vả chính-thể quản-quyền ở nước mình xưa nay vẫn thế, biết chống cãi thế nào cho khỏi được!»

Năm ấy gặp ân-diễn xét ông đi quân-thứ cũng có công - trạng, sắc cho khai - phục nguyên - hàm và ban cho tơ lụa vóc nhiều và áo gấm một chiếc, bạc ba lạng, đó cũng là một cái ân bằng để dưỡng-liêm vậy.

Năm sau gặp ân - diễn, ông được phong-tặng. Sớ xin về quán làm lễ phần-hoàng xong lại ra tỉnh Hà-tĩnh lĩnh nguyên-chức. Ngày tháng giêng năm giáp-ngọ triều vua Thành-thái thứ sáu, ông mất tại tỉnh-ly, hàng tỉnh đưa linh-cữu ông về quê, thân-hào ai cũng thương tiếc, đưa cữu đi qua đầu thời đảng văn-thần đặt lễ ở trên núi bãi-vọng, để biểu chút cảm-tình đối với ông. Thương cho ông, tiếc cho ông, đương lúc quốc-gia hữu-sự mà ông đã vội lòng yếm-thế, mãi bước dâng-tiên, tuy vậy ta lấy làm bất - hạnh cho ông, mà ta lại lấy làm đại-hạnh cho ông, tai ông không phải nghe đến việc đời, bụng ông không phải lo đến việc đời, thế cũng là hoàn-danh hoàn-phúc vậy.

THIỆN-ĐÌNH



TIÊU-SỬ ĐỨC TUY-LÝ-VƯƠNG

(Phụ chép một đoạn lịch-sử nước nhà)

Đức-ông Tuy - Lý tên tục là Miên-Trình 綿賓. Ngài còn những tên tự là Khôn-chương 坤章 và Quý-trọng 季仲, và những biệt-hiệu Tĩnh-phổ 靜圃 và Vĩ-dã 葦野 nữa. Ngài là con thứ mười-một vua Minh-mệnh, và là con đầu lòng bà phi Lê-thị Tiếp-Dư, sinh giờ canh-ti, ngày 19 tháng chạp năm Gia-long thứ 18 (3 Février 1820) (1); sinh trong điện Thanh-hòa 淸和殿, Thái-tử-cung 太子宮, trong « Cấm-tử-thành ». Điện-mạo đã thừa thanh-tú, thông-minh lại sớm tỉnh trời, tinh-tinh cao-thượng, học-tập siêng-năng, ngài lại là người con chi-hiếu, nên vua Minh-mệnh có lòng yêu-giấu vô-cùng.

Thấy ngài được vua cha sủng-ái, đức ông Thương-Son 倉山 (2) có nói một cách ghen-tỵ rất thân-yêu rằng:

*Bất thị Miên-trình kim tật bệnh,
Thử gian hà xứ đắc thiên-hương?*

不是綿賓今疾病
此間何處得天香 (3)

Nghĩa là: *Vì nếu Miên-Trình nay
chẳng ốm,*

*Chỗ này bao được hưởng hương
trời?*

Trong Cung-từ có nói rằng mỗi khi ngài se mình, vua liền vội-vã đến thăm, mà đi bộ từ điện Văn-minh 文明殿 đến cung ngài nằm. Hồi ngài còn thơ-ấu, chịu ơn mẫu-giáo rất nhiều, đức Bà sinh ra ngài là một bậc tài-hoa đức-hạnh song-toàn, thường vẫn dạy ngài

những điều đạo-lý trong bộ « Chu-tử chi hiếu kinh » 朱子至孝經. Năm lên bảy tuổi, ngài bắt đầu thụ-giáo quan Thái-phó Lê Dương-Hòa, ngài tư-chất thông-minh, học ít nhớ nhiều, lại thêm có tính hiếu-học và rất quý-trọng thầy. Bởi vì ngài cũng có thể như phần nhiều các ông Hoàng khác, vui chơi nơi lầu vàng điện ngọc, cùng là đam-mê việc kỳ-sạ kiếm-cung, mà chán-nản việc học-hành sách-vở. Lê Dương-Hòa vì thế rất yêu mến ngài và vui lòng lắm. Khi học hết khoa-học phổ-thông, liền dạy sang khoa thi-ca từ-phú. Mà chính khoa học sau này, ngài xuất-sắc vô-cùng. Cái thi hương của ngài phát-siễn ra một cách rất chóng. Năm mới 13 tuổi, thiên-hạ đã gọi ngài là ông « Hoàng Thơ ». Sau này về đời vua Tự-đức, vua trọng kẻ sĩ, nên hồi đó văn thơ rất thịnh. Vua Tự-đức đã có câu nói rằng:

*Văn như Siêu, Quát vô Tiền-Hán,
Thi đáo Lùng, Tuy thất Thịnh-Đường.*

文如超适無前漢。
詩到從綏失盛唐。

Hai mươi năm về sau, ngài đã trở nên một người trong hai tay đại-thi-sĩ trong nước. Quyển văn của ngài nhan đề là « Vĩ-dã hợp tập » 葦野合集 đã được nức tiếng khen ngợi trong làng văn ta tàu thuở ấy. Sau đây là lời phê của quan Trạng Vương Tiên-Khiêm, Giám-đốc trường Quốc-tử-giám Bắc-kinh:

(1) Ngài sinh chính vào ngày vua Gia-long băng-hà, nên ngày sinh-nhật của ngài năm nào cũng để lui lại về sau một ngày.

(2) Tên hiệu Đức-ông Tùng-thiện, con trai thứ mười vua Minh-mệnh.

(3) Trích trong Cung-từ 宮祠.

« Thật là một áng văn kiệt-tác, lời văn thật thanh-thoát mà ý-từ thâm-trầm. Xem trong toàn-tập, có một cái triết-lý rất sâu-xa. Tác-giả quyển « Vĩ-dã hợp-tập » là một nhà thi-sĩ đại-tài. Ta nghe nói : người tuy tuổi cao tác lớn, mà vẫn không lúc nào ngơi việc sửa đức tu thân và vẫn chăm việc giáo-hóa bọn đầu xanh tuổi trẻ. Người dạy chỉ thuần luân-lý, chớ không hề nói đến văn-chương. Đức ông Tuy-Lý thật là một bậc thi - sĩ và là một bậc đại-hiền. »

Bộ « Vĩ-dã hợp-tập », chia làm 11 quyển, đã xuất-bản năm 1875.

Ta nói lại truyện trước.

Năm 1836, đức-ông Miên-Trinh vừa 16 tuổi. Vua Minh-mệnh muốn kén cho ngài một người vợ trong bọn con gái các quan đại-thần, liền truyền cho năm quan Đại thống-chế trong nước được phép tùy ý chọn làm khách đồng-sàng ba vị Hoàng - tử ; Miên-Thâm, Miên-Trinh và Miên-Bửu.

Quan Thống-chế Tả-quản Tin-võ hầu là Phạm Văn-Điển 范文典 (1), tỏ lời khen đức-ông Miên-Trinh ở trước mặt rồng rằng : « Đệ thập-nhất Điện-hạ mới thực là bậc thông-minh đức-hạnh. Ngài lại quảng-bác uyên-văn và thi-tài phóng - dật. Kẻ ngu-thần xin đem tiệp-nữ dâng ngài để hầu-hạ ngài trong cung-khuyết. »

Ngay trong năm ấy, đức ông Miên-Trinh làm lễ thành-hôn.

Hai năm sau, ngài lĩnh chức Tuy-quốc-công.

Nhưng mãi tới năm 1851, ngài mới bước chân vào chính-giới. Đầu tiên ngài làm Giám-đốc trường Tân-học, là trường học con trai, dạy các con cháu trong Hoàng - thất. Năm 1854, ngài được phong Tuy-lý-công. Mười

một năm sau, ngài được bổ làm Hữu-tôn-nhân (tức là một chức bồi - thăm trong cung).

Vua Tự-đức gọi ngài bằng chú ruột qui-trọng ngài lắm, vì vua cũng là một tay văn-sĩ. Nhân ngày tứ-tuần khánh-tiết của ngài (1859), vua Tự-đức mừng ngài đôi câu đối thêu, chính vua làm ra :

*Văn chắt kiêm ừ, công kham
đương thử ;*

Hiếu từ đại lạc, ngã diệc tự chi.

文質兼優。公堪當此。
孝慈大樂。我亦似之。

Nghĩa là : Văn - chương đặc - sắc, ý đẹp lời cao, đó là riêng của khanh ; trên hiếu dưới từ, ấy là sự vui sướng chung cả của ta.

Đức-ông Miên-Trinh đưa đôi câu đối cho bà mẹ xem, bà nhủ rằng : « Mẹ không biết con có tài văn-chương như thế. Song, điều mẹ lấy làm quý-hóa, là thấy con có lòng hiếu-hạnh, là mẹ vui - mừng sung - sướng mà thôi. Nay Hoàng-thượng đã tri - ngộ đến lòng hiếu-thuận của con, tức là ân thánh dồi-dào lắm đó. Ngày xưa đức Thánh có nói : « Ở đời gặp được người tri - kỷ, thì không còn gì đáng ân-hận nữa. » Đối với con, người tri-kỷ ấy là Hoàng-thượng, từ khi ngài đã biết đến con, ấy là ân sâu một gánh, con phải cố mà báo-đáp cho phu. Con phải tận-trung báo-quốc, sao cho đáng với tấm lòng ân - sủng của Thánh-hoàng. »

Ngày hôm sau ngài vào chầu vua, vua phán rằng : « Đức Thái-hậu thường vẫn nói với trẫm rằng : Lệnh-tôn-cung là bậc hiền phi tử - mẫu. Riêng trẫm vẫn không được biết người, và cũng không được diện-kiến người lần nào. song trẫm cũng chắc rằng lời đức

(1) Là một viên võ-trưởng rất thao-lược anh-hùng ở triều Gia-long, Minh-mệnh và Thiệu-trị. Ông ấy đã làm phó-lãnh-binh nhà Kinh-lược Bắc-kỳ, và đánh dẹp được nhiều đảng loạn, nhất là đảng Nông Văn-Vân.

Thái-hậu chẳng sai. Khanh, tài cao học rộng, đức-hạnh gồm hai, há chẳng cũng nhờ ở mẫu-giáo đó ư? Cho hay con người ta ở đời, không đức nào bằng đức hiếu. Trâm rất đổi vui lòng mà nói với Khanh như thế »

Đoạn vua Tự-đức cho đem vàng lụa biểu bà Lê - thị, cùng là thưởng-phong rất hậu, cho thật xứng-dáng với cái công đã dạy-dỗ con.

Năm 1868, bà mẹ từ-trần, ngài thương cảm đau - đớn không thể tả được. Trong sách *Đại-Nam liệt-truyện* 大南列傳 có chép một đoạn rằng : « Suốt khi bà phi ngoại-bệnh, ngài lo-lắng, không thiết đến thay quần thay áo. Có khi ngài quên cả ăn. Đêm nào ngài cũng túc trực bên giường, không biết mỏi-mệt là gì. Lúc nào ngài cũng ở bên cạnh mẹ, cố làm hết các cách để mẹ được vui lòng. Suốt trong cung, ai cũng gọi ngài là ông « Hoàng Hiếu. »

Ngày trước, khi bà mẹ chưa mắc bệnh, ngài cũng ân-cần phụng-dưỡng không lúc nào ngơi. Buổi sáng buổi chiều, một ngày hai bận vào cung thỉnh-an, hỏi-han sức khỏe mẹ ra sao. Khi nào truyền cho ra, ngài mới lui ra. Ngài đã ngoại bốn-mươi tuổi, mà mỗi khi bà mẹ ngự ra ngoài thành, ngài vẫn đi chân theo sau võng. Ngài biết tính nết mẹ, nên hề mẹ hơi tỏ ý muốn làm sự gì, là ngài làm cho mẹ hài lòng ngay. Khi nào có ai tặng biểu ngài hoặc đồ bảo-vật hoặc đồ thực-phẩm cao-lương, ngài lại đem vào biểu mẹ. Trong biệt - thự của ngài bao nhiêu những qui-vật của vua ban và của bà mẹ đưa cho, đều bày đặt xếp treo riêng cả vào một tầng trên. Còn những đồ-đạc và những ngoạn-vật của riêng ngài, dù đẹp dù quý đến đâu, cũng để cả vào tầng dưới.

Trong khi tang mẹ, ngài chịu suốt tháng ngày đăm-chiêu khổ-hạnh, không biết sự vui-thú là gì. Ngài từ chức Hữu-tôn - nhơn, đóng cửa ở nhà, không tiếp-kiến bạn-bè gì nữa.

Đến năm 1870, ngài lại lĩnh chức cũ, và đến năm 1878, ngài được phong làm Tuy-ly Quận - vương 綏理郡王. Qua năm 1882, nghĩa là trước khi vua Tự-đức băng - hà một năm, ngài được thăng chức Hữu-tôn-cánh 右尊正.

Mấy tháng cuối cùng đời vua Tự-đức, trong nước xảy ra nhiều việc quan-trọng. Nhân đương khi vua mắc bệnh, hai quan đại-thần là Nguyễn Văn-Tường (1) và Tôn-thất Thuyết (2) được thế chuyên-quyền, rất là lừng-lẫy. Hai người không còn kiêng-nể giấu-giếm gì, chia tay nhau ra mà quyền-hành trong nước. Cái thái-độ khinh vua lẫn nước như thế, nên lòng công-phân ngấm-ngấm suốt trong dân-gian, song trừ đức-ông Hường-Sâm 洪 蔘 ra, không ai là người dám ho-he phản-đối.

Đức - ông Hường-Sâm là con trai thứ sáu đức Tuy - lý - vương, khi đó đương làm chức Sung-biện Nội-các 充 辨 內 閣. Hai người quyền-thần lúc bấy giờ quyền - thế bách - dịch, hề các quan ai không theo phục, là lập-tức hoặc dùng mưu-kế hoặc lấy võ-lực mà trừ-khử cho hết. Vậy mà chẳng phiên hội-nghị nào là đức-ông Hường-Sâm không đứng lên tuyên-bố tội-trạng của hai người ấy ra, cùng là tỏ ý bất-phục. Vì đó mà hai kẻ quyền-thần âm-mưu định tru-di cả nhà hai đức-ông Miên-Trinh và Miên-Tăng (3). Nhưng gian-kế không thành, vì trước khi vua Tự-đức giá-băng, có để di-chức lại rằng : « Hai vị Hoàng-thúc Thọ-xuân-vương (Miên-Định) và Tuy - lý Quận - vương

(1) Chết ở Tahiti năm 1886.

(2) Chết ở bên Tàu năm 1913.

(3) Em đức-ông Tuy-Lý.

(Miên-Trinh) là những người tuổi cao đức lớn, trăm vẫn kính-trọng xưa nay. Hai khanh khá nên đồng-lao cộng-ác, dẹp nước yên dân, để khuông-phủ xã - tắc, thì vong-hồn trăm cũng được yên thỏa suốt vàng. »

Song-le, lời Thánh di - truyền, chỉ có thể ngăn không cho Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết thi - hành được gian-kế, chứ cũng không thể để cho hai đức ông Miên-Định, Miên-Trinh vâng được lời thánh-dụ, vì sức yếu tay không, bao nhiêu quyền hành, binh-mã đều ở cả trong tay bọn phản-thần.

Vua Tự-đức băng-hà ngày 19 Jaiilet 1883. Thái-tử Thoại-quốc-công lên nối ngôi, đặt niên-hiệu là Dục-đức, nhưng vừa lên ngôi được ba hôm thì bị Nguyễn Văn - Tường và Tôn - thất Thuyết hạ ngục và giết chết. Sau vụ kinh-biến ấy, hai tên quyền-thần đã có ý tranh-cạnh ngầm-ngâm với nhau. Cũng may về sự rình-lừa dòm-dỏ lẫn nhau như thế, mà trong nước không phải kinh-quá việc nguy-biến gì; chúng tôn Hoàng-tử Lăng-quốc-công lên làm vua, tức là vua Hiệp-hòa.

Chính cùng với tân-quân, mà Đức-ông Hường Sâm, đã nói trên kia, bần định việc đánh trừ Nguyễn Văn-Tường và Tôn-thất Thuyết, Ngài tỏ cho vua biết những cách lộng-quyền tàn-bạo của bọn phản-thần, cùng là khuyên vua tư-đổi chúng ra khỏi hãn Kinh-thành. Nhưng vua Hiệp - hòa nhu-nhược, không dám quả-quyết hành-động; liền chỉ phong cho Đức-ông Miên-Trinh tước Tuy-lý-vương (1883) là tước cao to nhất, có ý để cho quyền-thế được ngang hàng với hai tên quyền-thần. Song, sự ngang hàng đó chỉ hữu-danh vô-thực. Mà thật ra, có Đức-ông Miên-Trinh ở trong triều, thì những cách hành-động của chúng chỉ hơi bị trở-ngại đôi chút thôi. Ngoài ra, binh-mã ở trong tay chúng, chúng chiêu-

tập được một đảng rất mạnh thế, bao nhiêu đảng-viên đều là những tay sai khiến đặc-lực cả.

Tình-hình trong nước vào khoảng hai năm 1882 - 1883 là như thế. Mà vào đạo ấy, tình-hình bên ngoài cũng chẳng yên gì: việc người Pháp lập Tòa Sứ-quán trên hữu - ngạn sông Hương-giang, và việc những chiến-hạm Pháp vào trong cửa Thuận, phải cần những cuộc thương - thuyết ngoại - giao rất khó-khăn chăm-chút.

Chết chệt vào giữa bao nhiêu cơn khủng-khoảng, vua Hiệp-hòa tự biết sắp đến cơ nguy. Một mặt, vua họp sức với Đức-ông Hường-Sâm và vài người trung-thần để trông coi những tình - thế trong triều; một mặt vua truyền Đức-ông Tuy-Lý đại - diện vua ra giao-thiệp với quan Đại-sứ Pháp. Viên quan giữ chức Ngoại-giao (Bạc Thần) nguyên là bè-đảng bọn Tường, Thuyết, liền phản-đối việc cử người đại-diện ấy. Nhưng vua bồng lại quả-quyết được, mà phán rằng: « Hoàng-thân Tuy-lý-vương là người đã tuổi cao trí rộng, lại thêm từng trải và có bụng ái-quốc trung-quân, từ nay mà đi, hoàng-thân sẽ thay mặt trăm trong tất cả các cuộc thương-thuyết ngoại-giao với người Pháp và sẽ được các quan Thượng-thư phụ-tá. »

Song tình - thế mỗi ngày một rối tung. Tường và Thuyết chỉ chờ có dịp tốt là sẽ cướp lấy nước.

Bồng-nhiên tên Thái-giám Đạt năm lấy bức mật-thư của đức-ông Hường-Sâm viết gửi cho vua, rồi cầm đi báo bọn phản-thần, thế là bao nhiêu những mưu biến-động đều vỡ tung cả ra. Sau khi bắt Hường-Sâm tống-ngục, hai tên phản-nghịch liền truất ngôi vua Hiệp-hòa (29 novembre 1883), đến hôm sau thì giết chết ở trong Thái-y-viện 太醫院.

Bấy nhiêu việc biến-động làm đức-ông Tuy-Lý lâm vào một cảnh-ngộ rất nguy-nan. Vua bị giết, con thì bị giam

cầm giết lỏng, còn tro-troi một mình ngài không tài nào chống-chọi được với gian-đáng. Ngài liền dời bỏ Kinh-thành, vì điều ngài sợ nhất là bị bọn phản-thần bắt ngài phải qui-thuận với chúng, làm thương-tồn đến tâm lòng trung-nghĩa đá vàng của ngài trải bấy nhiều lâu thờ chúa. Có người xin lại ra đề lo việc triều-đình, ngài đáp : « Ngày xưa, Triệu Đôn thờ vua Tấn. Đôn có một người bạn đồng-liên là Triệu Xuyên. Xuyên giết vua rồi cướp ngôi. Triệu Đôn vốn có tiếng là trung-nghĩa, mà cũng tro mắt ra nhìn, chứ không đi ra khỏi nước. Cho nên sử trách Triệu Đôn là giết vua. Lão-phu tuy là người trong Hoang-tộc, chức cả tước cao trong nước, mà đề bọn nghịch-thần cướp nước giết vua như thế, lão - phu cũng lấy làm hồ thẹn lắm rồi. Việc đã sinh ra vậy, lão-phu tự nghĩ cũng không nên đề cho cái tên giả này lại nhớp-nhơ chung với chúng nữa »

Đức-ông Tuy-Lý liền đi ra Thuận-an, được người Pháp tiếp đón. Nhưng vài hôm sau thì Tường và Thuyết yêu-cầu được với quân Pháp phải đem ngài giao trả chúng Ngài bị hạ-ngục. Những con trai ngài cũng phải cùng chung một số-phận với ngài. Bọn nghịch-thần sắp đem xử-tử mấy bố con ngài thì vua Kiến-phúc cảm-thương ra chỉ ân - xá. Ngoại Đức-ông Hường-Sâm bị xử trảm hôm 30 Décembre 1883, còn cả nhà Đức-ông Tuy - Lý đều nhờ ân vua mà chỉ phải phát-vãng đi các tỉnh Thừa-thiên, Quảng - Ngãi, Bình - định và Phú-yên.

Sau khi vua Kiến - phúc mất một cách khả-nghi (Juin 1886), Tường và Thuyết lại tìm bắt đề tiêu-diệt hết họ hàng nhà ấy. Chúng giết người con cả ngài là Đức-ông Hường-Tu. Nhưng sự tàn-ác của chúng cũng đến đó thì phải thôi.

Trong nước lúc bấy giờ đương bối-rối về việc ngoại-giao thông-hiểu Pháp-Nam, nên nhuệ - khí của bọn quyền-thần cũng vì thế mà giảm đi nhiều. Chúng muốn nổi lên đánh đổ quân Pháp rồi đem vua Hàm-nghi đi. Vua Kiến-phúc lên nối ngôi, rồi chết, cái cơ sở - dĩ biết đâu chẳng ở bọn Phụ-chánh. Ngờ đâu việc chúng làm lại không thành. Vua Hàm - nghi miễn-cưỡng chúng ép phải đi theo, bị bắt ở trong dãy núi tỉnh Quảng-bình, nhưng Kinh - thành Huế đã bị quân Pháp đánh và hạ-thủ từ hôm 5 Juillet 1885 rồi.

Quân Pháp vào thành Huế, treo bảng ân-xá để an-dân. Nhân khi bề-bọn, những người bị giam tự bề xích rồi vượt ngục, ra theo với bọn dân nổi loạn trong thành.

Vua Đồng-khánh, em ruột vua Hàm-nghi, được người Pháp và triều - đình cất lên làm vua. Bỗng bọn văn-thần nổi lên, cái phong-trào ấy lan ra khắp các tỉnh Trung-kỳ, lấy cớ mưu sự cứu-quốc và theo chủ-nghĩa quân-thượng, song kỳ-thực là để đánh đuổi quân Pháp và tái-lập vua Hàm-nghi.

Ở Quảng-ngãi, có cử-nhân Lê Trung-Định và tú-tai Nguyễn Tu-Tàn chiêu-tập được ở ven sông Trà-khúc mấy nghìn người có khí - giới ; ngày 13 Juillet 1885, hai người tôn Đức-ông Tuy-Lý làm Phụ-quốc-vương 輔 國 王. Nhưng ngài thấy chi-hướng của họ có vẻ quá-lạm, ngài nhất-định từ - chối không chịu ra đứng đầu đảng họ. Không những thế, ngài lại còn ngăn không cho họ giết viên quan Công-sứ tỉnh Quảng-ngãi mà họ đã bắt được. Ba hôm sau, cả hai người đầu đảng và bọn đồng-chi đều bị toán quân của triều-đình do Nguyễn Thân chỉ - huy đánh giết không còn một mống nào.

Vua Đồng-khánh lên ngôi, (23 Septembre 1885), việc nước mới yên.

Ngày 27 Octobre, Đức-ông Tuy-Lý ở Quảng-ngãi về kinh. Mấy bố con ngài đều được phục-hồi nguyên - tước và được ban khen. Hai Đức-ông Hường-Tu và Hường - Sâm vì nước mà chết, triều-đình truy-phong và lập đền thờ, xuân-thu quốc-tế.

Vua Đồng-khánh phải bệnh trong mười sáu hôm, rồi băng-hà ngày 28 Janvier 1889. Vua Thành-thái, là về ngành hàng-tộc khác, lên nối ngôi.

Vua Thành - thái hãy còn ít tuổi, triều-chính đều do một hội-đồng phụ-chánh, mà Đức-ông Tuy - Lý thì đứng đầu. Tháng Novembre 1890, ngài được ân-thưởng Đệ-tam-đẳng Bắc-đầu-bội-tinh. Năm sau, vua miên cho ngài vào châu không phải quý lạy, và cho phép ngài thiết-lập tòa Phụ-chánh tại biệt-thự ngài ở làng Vĩ-dã, mỗi tuần-lễ chỉ phải vào triều một lần, hay có việc gì cần lăm hãy vào. Trong đạo chỉ, vua còn có nói rằng: «Vi khanh tuổi già sức yếu, vả trẫm muốn tỏ lòng kính-trọng khanh, nên dù trong những phiên châu có chỉ triệu khanh, mà khanh thân - thể khiếm - an hay trời nóng rét bất - thường, trẫm cũng cho phép khanh được miên.»

Đến tháng Novembre 1897, vua Thành-thái đến tuổi thành-nhân, tòa Phụ - chánh bỏ. Đức-ông Tuy-Lý được phong chức Phụ - nghị cận - thân 輔 饒 近 臣.

Song ngài nhận cái chức ấy cũng chẳng được bao. Lần cuối cùng ngài vào châu vua là hôm 9 Novembre 1897. Vài hôm sau thì ngài ngộ bệnh. Một viên y-sĩ Pháp, là quan thiếu-tá, tục gọi là «Ti-ti-la» (1) cùng với các quan thái-y ngày đêm săn-sóc chữa chạy cho ngài.

(1) Chắc là quan bác-sĩ Pethellaz (L.SOGNY)

Nhưng mệnh trời đã định, ngài lâm-chung giờ Hợi ngày 24 tháng mười (18 Novembre 1897), hưởng - thọ 79 tuổi. Lễ quốc-táng của ngài khởi-sự giờ dần, ngày 20 tháng chạp (12 Janvier 1898), an-táng vào địa-phận làng Dương-xuân-thượng, ngay cạnh mộ bà thân-mẫu ngài, cách xa kinh-thành Huế độ hai cây-số. Đền thờ ngài lập ngay vào chỗ nhà ngài ở trước, ở làng Vĩ-dã, trên con đường đi Thuận-an. — Ngài sinh-hạ được 39 con gái và 41 con trai.

Sách Đại - Nam chính - biên liệt-truyện có chép rằng : «Hoàng-tử Miên-Trình bẩm tính thông-minh dĩnh-ngộ, và đức-tinh đáng để làm gương. Người khiêm-tốn nhũn-nhặn, ngài lại là một bậc trung-thập hiếu tử nghĩa-sĩ trong-bằng.»

«Gần 80 tuổi mà tinh-thần còn tráng-kiện, tai vẫn tỏ, mắt vẫn tinh-tường. Tính ngài ưa tĩnh và thích sự nhàn. Tuổi tuy cao mà vẫn còn hiếu-học, nên rùng văn bẻ sách, không có quyền nào ngài lại chưa xem. Vốn sinh - trưởng nơi lâu vàng gác ngọc, tính ngài lại không trọng hư-vấn mà chỉ ưa sự tầm-thường dân-dị. Ngài chỉ mặc quần áo vải to, và ăn uống sèn-h-soàng dẽ - dãi. Đối với ai ngài cũng sẵn lòng độ-lượng bao-dong.»

«Không lúc nào ngài ngại việc dạy học-trò. Những văn-nhân thi-sĩ cùng những siah-viên đã thụ-giáo ngài đều vi ngài với Thái-son 泰山, Bắc - đầu 北斗. Tập thi-văn Vĩ-dã họp-tập của ngài thật là thiên-niên bất-hủ.»

SONG-MAI THUẬT

(Thuật theo L. SOGNY, *Les Familles Illustres. S. A. Le Prince Tuy-ly*. Trong tập *Bulletin des amis du Vieux Huế*)

DANH-NHÂN HẢI-DƯƠNG (1)

4. — Đại - tướng - quân Trần Khánh-Dur 陳慶餘

Trần Khánh - Dur là Tôn - thất nhà Trần, sinh ở làng Chi-linh 至靈, huyện Chi-linh, phủ Nam-sách, Hải-dương. Trước phong là Nhân - huệ - vương 仁惠王. Khi giặc Nguyễn vào ăn cướp nước ta, Khánh-Dur cất lên đánh đuổi được giặc Nguyễn ra. Vua Trần Thánh-tôn khen là người dũng - lược, lập cho làm Thiên - tử nghĩa - nam 天子義男, là con nuôi vua. Sau ông lại đánh giặc Mông được đại-thắng, vua bèn phong cho làm Phiêu-ky đại-tướng - quân 驃騎大將軍. Chức ấy phi Hoàng-tử không được phong, vì ông là con nuôi vua nên mới được.

Tướng - quân Trần Khánh - Dur lại còn được thăng nhiều chức nữa, rồi bị tội tư-thông với bà Thiên-thụ Công-chúa, phải cách tuột hết quan-tước. Tướng-quân lại về ở làng Chi-linh.

Chi-linh là đất sơn-cước, thô-sản có nhiều than củi. Tướng - quân ở nhà quê, sinh-kế cùng-quần, làng Chi-linh ở kề cửa sông Lục-đầu, có cái bến gọi bến Gốm. Tướng-quân bèn đi buôn than và tậu một cái thuyền nan để tự chở lấy. Ôi, đang là một vị thần-vương, một chức Đại-tướng-quan, một ngôi nghĩa - nam của Thiên-tử, mà quay ngay ra làm một nghề rất hèn-hạ vất-vả. Chẳng nề than-tro nhem-nhọ, mưa nắng dãi - dầu. Qui-hồ tay làm hàm nhai, không phải phiền lụy đến kẻ khác là được. Chú lái đò than bến Gốm kia chỉ biết bạn cùng trăng trong gió mát sông Lục-đầu mà vui thú đến

già. Chú có còn nghĩ gì có một ngày mà thuyền nan lại ghé mạn thuyền rồng nữa. Thật cũng thú thay mà cũng đại-anh-hùng thay. .

Năm Thiệu-bảo thứ tư, đời vua Trần Nhân-tôn, giặc Nguyễn lại sang xâm lấn. Vua phải ngự thuyền về Đông - hải. Thuyền vua đậu lại cửa sông Lục - đầu, vua trông thấy Tướng-quân Khánh-Dur đang treo cái thuyền than, Ngai cho vời. Khánh-Dur cứ để áo cộc, nón lá gồi, bước sang yết-kiến vua. Vua nói nam-nhì sao cùng-cực đến thế. Ngai bèn hạ chiếu miễn tội và lấy áo ngự-y cho mặc để ngồi bàn việc quân. Tướng-quân nói nhiều điều hợp-y vua Nhân-tôn, ngai bèn cho Tướng-quân làm Phó - tướng ra ngự cửa Vân-đồn ngoài Đông-hải.

Năm Trưng - hưng thứ ba, Tướng-quân bắt đầu đánh với giặc Nguyễn một trận thì bất-lợi. Lại bị lệnh truyền phải siêng giải về kinh. Tướng - quân xin khoan cho vài ngày để đánh một trận nữa.

Tướng - quân lại thu-tập bọn tàn-quân ra đón thuyền tải của giặc ở Tàu sang, đánh lấy được không biết bao nhiêu là lương-thực khí-giới của giặc. Tiếp-thư dâng về Kinh, vua tha tội cho.

Cũng vì trận Tướng - quân Trần Khánh-Dur đánh lấy được tất cả thuyền tải của giặc Nguyễn ấy, quân giặc thiếu lương, ngày càng khốn-đốn. Nền chi Hưng-đạo-vương bèn đón đánh ở cửa Bạch - đằng mà phá tan giặc Nguyễn. Tướng-quân Trần Khánh-Dur thực có công lớn ở cuộc binh - định giặc Nguyễn vậy.

Tướng - quân lại kiêm có tài văn-học. Có viết bài tựa đề vào quyển sách

(1) Xem tiếp kỳ trước, N. P. số 151.

Vạn-kiếp tôn-bi của Hung-đạo-vương, lời văn hùng - kinh lắm. Có câu rằng :
 « 夫善師者不陣。善陣者不戰。善戰者不敗。善敗者不死。故陣者陳也。巧也... Người tài dùng quân không phải bày trận; người tài bày trận không phải giao-chiến; người tài chiến-tranh không chịu thua. Người khéo thua không chịu thua mà đến chết... Cho nên nghĩa chữ trận 陣 là trần-liệt 陳列 ra; là khôn khéo đó. »

Nay có đền thờ Tướng-quân ở bến Linh-giang 靈江, tức là bến Gốm làng Chi-linh, gọi là đền Gốm Khách trảy lễ đền Kiếp-bạc đều vào lễ yết đền Gốm. Còn chỗ Tướng-quân gặp vua cũng ở bờ đông - ngạn sông Lục-dầu giáp làng Chi-linh thì gọi là bến Than, để kỷ-niệm một cái giai-sự tao-phùng của đấng anh-hùng trên lịch-sử. Chỗ này trong địa - dư gọi là Nhận-loan cổ-độ 雁灣古渡. Tức là một cảnh trong tám cảnh cổ-tích của huyện Chi - linh vậy.

5.— Tướng-quân Phạm Ngũ-Lão 范五老

Phạm Ngũ-Lão sinh ở làng Phù-ứng 扶擁, huyện Đường-hào (nay đổi là Mĩ-hào về Hưng-yên) Hải-duong, đời nhà Trần.

Ngũ-Lão nhà nghèo mà có chí lớn. Hay xem sách mà giao - du rộng. Thường làm môn-khách nhà Hung-đạo đại - vương. Đại-vương tiến ra Triều-dinh. Vua Nhân-tôn sai Phạm Ngũ-Lão làm chức Quản-hữu-vệ Dục-thành-quân 管右衛翊聖軍.

Năm Trùng-long thứ hai đời vua Anh-tôn, Thượng-hoàng Nhân-tôn đi đánh Ai-lao. Trung-thành-vương làm tiên-phong bị quân Ai-lao vây. Phạm Ngũ-Lão đem quân tiếp đến bên đánh võ vây và đuổi tan quân Ai-lao. Vua thưởng cho một cái kim-phù 金符 là cái thẻ bằng vàng.

Năm Trùng-long thứ năm, quân Ai-lao vào xâm lấn sông Tráng-long. Phạm Ngũ-Lão đánh đuổi quân Ai-lao mà thu-phục được đất cũ lại. Lại được thưởng một cái vân - phù 雲符 là cái thẻ chạm vân, và tiến lên chức Hữu-Kim-ngô-vệ Đại-tướng-quân 右金吾衛大將軍.

Năm thứ 9, Ai-lao vào ăn cướp bat Đà-giang. Đại-tướng-quân Phạm Ngũ-Lão đánh quân Lào một trận ở Mương-mai 芒枚 hạt Đà-giang, bắt được tù-binh Lào nhiều lắm. Lại được thăng chức Thần-vệ Đại-tướng-quân và thưởng cho một cái qui-phù 龜符 là cái thẻ chạm con rùa.

Năm thứ 10, Tướng-quân đi đánh được kẻ ngịch-thần là Biếm 貶 được thăng chức Điện-sứ và được thưởng một cái hổ-phù 虎符 là cái thẻ chạm con hổ.

Đến năm Đại-khánh đời vua Minh-tôn, tướng-quân theo Huệ-vũ-vương là Quốc-Chân 國瑱 đi đánh Chiêm-thành. Đạo-quân của Quốc-Chân không được lợi. Tướng-quân bèn cho binh bản-bộ ờ ra đánh chẹn đạo-quân Chiêm. Quân Chiêm đại-bại. Được phong chức Quan-nội hầu 關內侯 và một cái phi-ngư-phù 飛魚符 là cái thẻ chạm con cá bay.

Năm Đại-khánh thứ bảy thì Phạm Ngũ-Lão tướng-quân mất, tuổi 66, phó-cáo đệ về kinh, vua Anh-tôn nghỉ hợp buổi chầu 5 ngày.

Tướng-quân cầm quân rất có kỷ-luật, dãi chur-tướng như người trong nhà; xử với sĩ-tốt thì cam-khổ cùng chung. Cho nên Tướng-quân dãi lĩnh toán binh nào là thành phụ-tử chi binh cả. Vì thế mà đi đánh đâu là được đấy. Phạm khi đánh được đâu, thu-hoạch được vật gì là để sung vào kho quân-phi cả, chứ không lấy riêng một tí gì. Thật là người coi khinh tiền của vậy.

Tinh Tướng - quân hay ngâm-vịnh, thường ngâm bốn câu thơ rằng :

橫槩江山恰幾秋。三軍貔虎志吞牛。
男兒未了功名債。羞向人間說武侯。

*Non nước bao thu ngọn giáo vàng,
Ba quân hùng hổ chí hiên-ngang ;
Công-danh chữa trả cho xong nợ,
Truyện Vũ-hầu xưa thẹn nói bàn.*

Nay xét đến công-danh sự-nghiệp của Phạm Tướng - quân còn hiển-hách trên lịch - sử. Tướng-quân thực không phải là chỉ ngâm xuống vậy.

Nay ở làng Phù-ứng có đền thờ Phạm Tướng-quân, người đến lễ - bái đông lắm.

6.— Yết-Kiều 歇驕

Yết-Kiều sinh ở làng Hạ-bì 下裴, huyện Gia-lộc, Hải - dương, cùng với Giã-Tượng là hai người thầy-tớ thân của Hưng-đạo Đại-vương.

Làng Hạ-bì tục gọi là làng Quát, chuyên làm nghề chài lưới. Yết-Kiều có sức khoẻ lạ thường và tài lặn, thường xuống nước làm việc suốt ngày như ở trên cạn. Đời vua Trần Nhân-tôn, giặc Nguyên sang xâm lấn, hạm-đội của Ô-mã-nhi mấy trăm chiếc vào đô đầy cả cửa Vạn-ninh. Triều-đình yết bảng cầu ai có thể đánh phá được hạm-đội ấy của giặc. Yết-Kiều ra xin nhận việc ấy. Triều-đình cấp binh-giáp cho ông đều không nhận, chỉ xin phát cho một cái khoan sắt rất lớn. Rồi cầm khoan lặn xuống bể khoan thủng tàu của giặc ra. Sau Ô-mã-nhi thấy tàu cứ tự-nhiên mà đắm mất nhiều lắm, biết là có người đến đục tàu, bèn lừa mọ bắt được Yết-Kiều.

Ô-mã-nhi hỏi Yết-Kiều rằng : « Trong nước người được mấy người tài - giỏi như ngươi ? » Yết-Kiều trả lời rằng : « Như tôi thì nhiều lắm, nếu khoan-dong cho tôi thì xin đưa đến cho mà bắt. »

Ô-mã-nhi sai lấy thuyền chở Yết-Kiều đi. Ông lừa lúc chúng bất ngờ, nhảy tọt xuống bể mất.

Từ đó Ô-mã-nhi biết nước ta có nhiều người tài-giỏi, sợ lắm. Ông Yết-Kiều thực dự có công to trong cuộc dẹp giặc Nguyên. Khi dẹp giặc xong, chưa kịp ban thưởng thì ông mất. Vua nhà Trần sức cho làng Hạ - bì lập đền thờ ông. Và cho phép cứ thủy-triều lên đến sông ngòi nào thì người làng Hạ-bì được tới đánh cá đến đấy, mà tiền thuế thì người họ ông được thu để làm tiền hương-hỏa cúng ông.

Nay làng Hạ-bì vẫn còn đền thờ. Tục gọi là « Đức Thánh Quát ». Còn thuế lệ và quyền-lợi về nghề chài thì sau đời Trần, lịch-triều vẫn tuân theo đến mãi gần đây hải còn.

Cũng vì ông Yết-Kiều tài lặn, và nhờ tài lặn mà lập nên công-lao lớn với nước ta. Cho nên đời sau những kẻ tôn-sùng mà mê-tin, bèn bịa ra rằng : « Yết-Kiều một lần ra bờ bể, thấy hai con trâu đang húc nhau trên bãi. Yết-Kiều cầm đòn càn vào đánh thì đôi trâu chậy cả xuống bể mất. Yết - Kiêu biết là trâu thần. Thấy mấy cái lông còn sót lại ở đầu càn, ông bèn nhặt lấy nuốt vào bụng. Từ đó xuống nước cũng như đi ở trên cạn. Đó cũng là câu chuyện thường thấy về thần-quyền thời-đại, không có lạ gì.

7.— Trần Kiến 陳見

Trần Kiến sinh ở làng Cự-sạ 巨乍 nay đổi là Đông-khê 東溪, huyện Đông-triều, đời nhà Trần.

Trước Trần-Kiến làm môn - khách nhà Hưng-đạo Đại-vương. Đại - vương tiến lên vua Nhân - tôn, Gặp có giặc Nguyên sang, vua sai Trần Kiến bói xem thế nào. Trần Kiến xem rồi đoán-quyết thế nào ta cũng đánh được giặc Nguyên. Vì thế vua cũng thêm vững lòng. Sau quả nghiệm. Giặc tan, vua

khen hay mà cho Trần Kiến làm quan An-phủ 安撫 An-khang-lộ, rồi đổi sang phủ Thiên-tràng, nay về Nam-định.

Ông làm quan rất công-liêm. Có một người đem biếu một mâm cỗ, ông hỏi vì cớ gì mà cho, và không thụ. Người ấy nói là ở làng sở-tại, nhân ngày giỗ mà kính ngài thì đem biếu, chứ không xin việc gì. Rồi cố nói mãi, ông mới nhận.

Được ít lâu, người biếu cỗ ấy vào xin một việc, ông bèn thò tay móc họng mửa ra trả.

Đời vua Anh-tôn được làm quan Kiểm-pháp 檢法. Phạm có cái kiện-cáo nào là lấy lý lấy tình xử phăng-phẳng xong ngay, ai cũng khen là « đáng là quan Án »

Sau thăng đến chức Hàn-th - khiên. Vua cho một cái hốt có bài Ngự - chế khắc vào hốt rằng :

泰山貞高象笏貞烈。
靈豨麋角爲笏難折。

Hốt này vôi-vôi, như núi Thái-sơn ;
Sừng con linh-trai, cứng rắn không sờn.

Ông Kiến còn làm quan đến đời vua Minh-tôn, tới chức Bộc-sạ 僕射. Trước sau một mực thanh - khiết cương-trực. Thật là một vị hiền - thần đời Trần.

8.— Mạc Đĩnh-Chi 莫挺之 và gia-thế họ Mạc

Tiên-thế. — Cứ sách *Thuyết - Mạc* của ông Đình Gia - *Thuyết* mới khảo-cứu thì họ Mạc nhà Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh, vốn là dòng-dõi ông Cơ Chất-Khiết tức là con cháu họ Cơ nhà Châu làm vua bên Tàu. Nhà Châu mất nước, Cơ Chất - Khiết đến ở quận Trác-lộc. Rồi làm quan Chấp-kích-lang nhà Hán. Cơ quân-công được tứ-tinh là họ Mạc 莫 và được thực - ấp ở Trịnh-ấp. Bây giờ ở huyện Nhâm khâu, phủ Ha-gian còn có nơi gọi là Mạc-châu, tức là chỗ

phát-tích họ Mạc. Từ Mạc Chất-Khiết trở về sau, đời nào cũng hiền - đạt và cũng thiên-cư dần về mé nam Trung-quốc. Đến đời nhà Nam - Tống thì họ Mạc sinh-tụ ở Quảng-đông tỉnh lăm. Khi ấy có một chi họ Mạc ở Phiêng-nung là nơi tỉnh - thành Quảng-đông bây giờ, sang ở làng Lũng-động 隴洞 huyện Chi-linh, tỉnh Hải-dương nước ta. Vài đời đến Mạc Hiền-Tích thì hiền-dạt.

Sách *Thuyết-Mạc* nói họ Mạc từ sau đời Chất-Khiết đến khi phồn-thịnh ở Quảng-đông, đời nào cũng có tên người quan-chức và chỗ ở. Nhưng đó là việc bên Tàu nên đây chỉ lược dẫn cho biết qua thế-hệ nhà họ Mạc, còn thì theo sách *Hải-dương-chi* chỉ nói tương từ Mạc Hiền-Tích mà thôi.

Mạc Hiền-Tích 莫顯績 là ông tổ phát-tích họ Mạc nước ta ở làng Lũng-động, nay cái Long - động 龍洞 Hải-dương. Ông đỗ văn - học thủ-tuyển 文學首選, năm bình - dân (1086), niên-hiệu Quảng - hựu 廣祐 nhà Lý. Làm quan đến Thượng-thư. Em là Mạc Kiến-Quan 莫建官 cũng đỗ văn - học thủ-tuyển, năm kỷ-tị, niên-hiệu Quảng-hựu. Hai anh em làm quan đồng-triều. Lại 5 đời đến Mạc Đĩnh-Chi.

Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh — về văn-chương cùng các câu đối, đối đáp với người Tàu của Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh di sử, nhiều sách và báo *Nam-Phong* này đã tường-huật nhiều lần, đây chỉ nói qua lịch-sử của Tiên-sinh mà thôi, hiệu là Tiết-phu 節夫, sinh ở làng Lũng-động. tương người bé nhỏ mà cực xấu-xi, có lẽ xấu như con khỉ, nên bọn hiếu - kỳ mới bịa ra có câu chuyện « hầu-tinh giáng-thế 猴星降世 » và câu chuyện bói giống khỉ thực. Tiên-sinh còn bé đã thông-minh tuyệt-phẩm Mỗ-côi bố, nhà cực nghèo mà hiếu-học, nhờ được Chiêu Quốc-công 昭國公 là tôn-thần nhà Trần mở trường học ở làng bên,

nhân tác-thành cho. Đỗ Trọng-nguyên năm giáp-thìn niên - hiệu Hưng-long nhà Trần. Đi sứ Tàu, về làm quan đến Đại-liêu ban Tả-bộc-sạ 大僚班左僕射, tức là chức Tể tướng. Rất thanh-liêm, vua Trần Minh-tôn phải thán-phục, Về già cáo lão về quê mở trường dạy học.

Nay về địa - phận làng An-ninh là hàng tổng còn di - chỉ nền nhà học, tức là Trọng-nguyên cổ-đường 狀元古堂, là một cảnh trong tám cảnh cổ-lịch huyện Chí-linh. Niên - hiệu Gia - long các thân-bào Chí-linh mới lập văn - từ hàng huyện lên cái nền cổ, nhà học ấy nay còn. Còn ở làng Long-động thì nay thờ tiên-sinh làm Thành - hoàng-thần.

Con cháu. — Con của Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh là Mạc Khản, Mạc Trục đều đỗ Hương - cống, làm quan đến Viên-ngoại-lang đời Trần Dụ-tôn.

Đến đời thứ tư thì phân một chi sang ở làng Ma - Khê huyện Thanh-hà. Đến đời thứ năm, chi ở Thanh-hà lại phân sang ở làng Cồ-traí gần bể. Ở Cồ-traí hai đời thì sinh ra Mạc Đăng-Dong. Mạc Đăng-Dong tức là cháu bảy đời Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh và là tổ triều nhà Mạc.

Mạc Đăng-Dong sinh ở làng Cồ-traí, huyện Nghi-dương đời Lê. Nhà nghèo làm nghề chài lưới, có sức khoẻ. Hay chơi nghề đi vật. Vua Lê Uy-mục-đế cầu những kẻ dũng-sĩ, Đăng-Dong vào thi đỗ lực-sĩ, được tuyển làm lính túc-vệ. Rồi làm đến chức Thiên-vũ-vệ chỉ-huy-sứ, tước Vũ-xuyên-bá. Đời vua Chiêu-tôn được ra làm Trấn-thủ xứ Sơn-nam.

Khi ấy có loạn Nguyễn Kinh, vua Chiêu-tôn phải chạy ra xứ Bắc và triệu Đăng-Dong về dẹp loạn. Đăng-Dong đánh được bọn Nguyễn Kinh ở Từ-liêm, rước vua Chiêu-tôn về kinh. Từ đó Đăng-Dong uy - quyền cực thịnh, bèn cướp ngôi nhà Lê, bức-bách đề Chiêu-tôn phải trốn, rồi lập Hoàng-đệ

Lê Xuân làm Cung - hoàng. Lại bách cung-hoàng phải truyền ngôi cho mà dời để-vị nhà Lê về nhà Mạc.

Đăng-Dong làm vua ba năm, niên-hiệu là Minh-đức, rồi truyền cho con là Đăng-Doanh, niên-hiệu là Đại-chính. Đăng-Doanh mất, con là Phúc-Hải nối ngôi, niên-hiệu là Quảng - hòa. Phúc-Hải mất, con là Phúc-Nguyên nối ngôi, niên-hiệu là Vĩnh-dịnh. Phúc-Nguyên mất, con là Mậu - Hợp nối ngôi, niên-hiệu là Thuần-phúc, sau cải năm lần niên-hiệu nữa là Sùng-khang, Duyệt-thành, Thụy-thái, Hưng-trị và Hồng-ninh. Đến đấy thì nhà Hậu-Lê về khôi-phục thành Thăng-long, Mậu-Hợp bị bắt. Từ Đăng-Dong đến Mậu-Hợp vừa năm đời, 66 năm. Mạc Kinh-Cung lại chạy lên giữ xứ Cao - bằng, truyền ba đời, 62 năm nữa mới diệt-vong.

Xem thế thì họ Mạc con cháu Đĩnh-Chi tiên-sinh sau phân ra ba ngành lớn. Một ngành ở Long-động, một ngành ở Thanh-hà và một ngành ở Cồ-traí. Vậy nhà Mạc tức là ngành ở Cồ-traí, còn hai ngành kia vẫn thủ-thường an-nghiep. Nhà Mạc mất, họ tôn - thất tản-cur ần náu ra nhiều nơi xứ Bắc-kỳ. Có người sang cả đất Lưỡng-Quảng bên Tàu nữa. Khi nhà Mạc mất, chúa Trịnh tìm bắt dòng-dõi họ Mạc thì các ngành đều phải cải ra họ khác, như ở Nam - sách thì cải ra họ Nguyễn, Thanh-hà thì cải ra họ Lê. Nay vẫn còn dòng-dõi. Còn các nơi khác có người đã phục tính lại họ Mạc.

Lại báo *Sông-Pháp* Hà - nội, năm 1928 có đăng một việc như sau này: Có một người Cao-ly sang du - lịch nước ta, đến Bắc-kỳ, bút-đàm với một người Việt-Nam. Người du-khách Cao-ly ấy tự-xưng là một quan huyện, vốn dòng giống Mạc Đĩnh - Chi tiên - sinh. Ông bất-đắc-chí với Chính-phủ Nhật - bản mà bỏ quan đi du-lịch. Ông nói nguyên-ủy rằng khi Mạc tiên-sinh giữ sứ-sự ở Yên-kinh, chơi thân với Trọng - nguyên

sứ-thần Cao-ly. Sứ Cao-ly nhân mời Mạc tiên-sinh về Cao-ly chơi và gả cho Mạc tiên-sinh một người cháu gái họ làm thiếp. Mạc tiên-sinh đưa bà thứ về ở Yên-kinh ít lâu. Bà thứ ấy có thai thì có quốc-thư triệu Mạc tiên-sinh về nước.

Mạc tiên-sinh cho bà thứ về Cao-ly. Bà sinh được một người con trai và ở

vậy nuôi con. Từ đấy đến nay, thành một họ cự-tộc ở nước Cao-ly.

Việc ấy mà quả thực thì con cháu Mạc Đĩnh-Chi tiên-sinh đến nay truyền bá giải-rắc hầu khắp cõi Á-Đông. Thực cũng thịnh thay.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG - THUẬT

CẢNH-VẬT HÀ-TIÊN

III

16. — Cầm thú

Thú vật chia ra làm hai giống, giống có cánh gọi là thượng-cầm, giống đi chạy trên mặt đất gọi là hạ-thú. Giống nào cũng có một thú ở rừng với một thú ở nhà.

Đầu tiên, trời đất sơ-khai, thì chỉ có giống thú rừng. Con thú rừng nào người đi săn, đánh bẫy bắt được đem về nhà nuôi dưỡng tử-tế, thì con thú ấy là thú nhà. Gần người lâu chừng nào, thì nó càng quen đi, bớt tánh dã-man rừng rú và dễ sai dễ dạy. Quen hơi người rồi thả ra, ta không phải ngại gì, nó cứ ăn ở trong nhà ta, chớ không còn mẫn cảnh rừng cao núi thẳm nữa. Nhiều con khôn-ngoa, hiền-hậu, trung-tín lắm. Có con lại giúp ta nhiều việc, mà đến thác lông sừng cũng còn chỗ dùng.

Như thế thì dầu thác nhưng vẫn còn người nhắc-nhở, cũng không đến nỗi như chó chết hết chuyện vậy.

Gà, vịt nhà nào cũng đều có nuôi. Gà giò chừng hai cắc một con, còn gà mái nhảy ổ lối bốn năm cắc, tùy theo khi mắc rẻ. Vịt có mắc hơn gà, ăn ngon hơn mà có khi cũng chậm tiêu hơn, vì vịt nhiều mỡ. Mỗi con

chừng tám, chín cắc (hào) hoặc một đồng không chừng. Có người nói rằng thịt gà thiếu ăn độc, và kẻ có bệnh siễn ít khi dám ăn.

Mỗi khi cúng-kiến tế - tự, thường dùng gà vịt nhiều. Gà và ngỗng biết ấp trứng, vịt xiêm cũng ấp trứng, vịt ta lại không. Vịt xiêm đá lộn không thua gà đờ.

Le-le, bồ-çâu, gà tây, gà sao đều ăn thịt ngon.

Có thứ le-le người bắt được lúc còn nhỏ nên nuôi nó cũng quen như vịt nhà.

Ngỗng lớn con, lòng trắng, mỏ đỏ rất lịch-sự. Ngỗng ăn cỏ ăn lúa, không ăn trứng đế, ai cũng nói rằng ngỗng ăn chay, để nhớ ơn ông Dã-Trường tái-sinh cho. Trứng ngỗng lớn bằng hai trứng vịt ta.

Gà chọi nuôi đá đờ ; tối ngày nuôi dưỡng săn-sóc từ cái lòng miếng vậy. Lúa phải vút cho sạch bụi. Nước trong-trẻo và giữ cho thường. Không dám thả đi bậy sợ đá với gà khác mà hu gà ; để đợi có độ mới dám đá. Gà độ này hay kiếm giống gà Rạch-già hay là Cà-mau là gà hay. Mấy người hay chơi gà, hề thấy gà thì đã biết gà hay hay là gà đờ, biết mặt gà chân gà lanh-

lẹ hay chậm-lục. Một độ gà có khi ăn thua nhau đến bảy tám trăm hay vài nghìn đồng; có lẹ đánh cá như theo cuộc đánh võ, đua ngựa như các liệt-cường Âu-Mĩ vậy.

Giống gà này ở Hà-tiên ít có, người nào hay chơi mới nuôi thôi.

Gà tây gà sao cũng không nhiều. Một vài nhà nuôi cho có sẵn, lâu lâu có dịp gì mới làm thịt.

Gà tây mình lớn chân cao, lông kiến có vằn đen, nên trông có vẻ lịch-sự hơn các giống gà khác.

Gà tây nhiều lông, nên gà nòi cũng khó thắng được.

Gà sao nhỏ con, mình tròn tròn, lông đen có đốm xanh, có đốm trắng nho nhỏ như sao, nên tục gọi là gà sao. Nói về gà cồ, có câu ca-dao rằng :

*Gà cồ ăn quần cối xay,
Đập cho một gậy chạy quay mòng mòng.*

Bồ-câu mình nuôi từ nhỏ đến lớn, nhưng không chắc nó ở đời với mình. Thời mình hưng-thịnh thì bồ-câu tới ở không biết bao nhiêu; lúc suy-sụp thì kéo nhau đi chỗ khác. Lúa đến đâu bồ-câu đến đó; lúa hết thì bồ-câu bay đi. Thịt bồ-câu đã hiền lại ngon; bắt con nào làm thịt thì không nên cho mấy con khác ngó thấy.

Mỗi nhà đều có nuôi heo, có người nuôi heo nái để con, hay nuôi heo thiến để bán làm thịt. Mỗi ta heo lối hai-mươi lăm đồng, còn heo ốm chừng hai-mươi hai đồng là mắc.

Thịt heo một lớp da, ba lớp mỡ. Mỡ heo nấu món gì cũng không kỵ: thịt gà, thịt chuột, thịt rắn, các thịt rừng đều nấu được cả.

Chó giữ nhà thường là chó xi. Chó săn, nhiều người biết lựa giống chó hay lắm. Con chó nào hay, giá vài chục đồng không bán. Con chó săn trong miệng có đốm đen, đuôi cong và chân dài. Chó đực thì phải bỏ đuôi về tay trái mới tốt.

Chó săn hay hơn chó xi, bụng thối lên, chân cao, đòn dài, ngực lớn, tat dựng lên. Nó đánh hơi lẹ - lẹng, và rượt con thit không thể thoát thân được với nó. Chó săn ít hay sủa.

Chó giữ nhà, thường lựa chó không có lang lông nơi mũi. Chó lang mũi là chó hay ăn vụng.

Trong miệng có mấy khía gọi là hay, cách đi làm sao mới gọi là hay, thì chỉ có người sành nghề mới biết. Có câu : lang đầu thì bán, lang trán thì nuôi, lang đuôi thì ăn thịt.

Người ta dùng chó đi đuổi thỏ, săn hưu mang, heo rừng.

Chó lông đen kêu là chó mực; chó lông trắng gọi là chó cò. Lông vàng là chó vàng; lông có vằn là chó vện; vừa vàng vừa đen là chó luốc. Có con và đen, và vàng. Răng chó nhọn bén, có nọc độc.

Giống chó lớn hơn hết, thì kêu là chó nòi, vì hình-dạng cao lớn, ở nước Nam ít có giống chó ấy. Sau này người Tây-phương đem qua nuôi, rồi lần lần mới sinh-sản ra nhiều. Có thứ chó mực, mình cao bầy, tám tấc, sắc lông đen ngời, trên lưng thường có một đường xoáy dài từ vai chi đuôi. Giống này là chó Phú-quốc. Tiếng sủa hùng-hào và giữ nhà hay đi săn đều giỏi lắm.

Có nhiều con chó rất tài lợi. Khi chủ phồng một khúc cây xuống sông, thì tức-khắc nó đem lên liền.

Chó giới là giống chó nhỏ con, ở miệt Cây - dừa, Phú - quốc có nhiều. Chó giới đầu nhỏ, mỏ nhọn, dit to, nuôi nó vì tương nó đẹp mà thôi.

Chó xù lông dài, dịu - dàng, mình mập, cẳng lùn, hình-dạng không giống chó kia. Có con khôn, biết lạy, biết đi mùa đồ. Chủ phải đui mù, thì biết dắt đi xin.

Chó săn Cà-mau cũng là giống chó hay.

Trong các giống thú nhà chỉ có trâu bò là thú có công nhất với người, làm công việc quanh năm vất-vả ngoài đồng.

Trâu ơi ! ta bảo trâu này :

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

Cấy cày vốn nghiệp nông-gia,

Ta đây trâu đấy ai mà quản công ?

Bao giờ cây lúa còn bông,

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Trâu thì ở đầm, ở ao, hoặc nơi đồng thấp, chỉ có nước thì ưa, có bùn thì chịu, tính-nết ôn-hòa, tương đi chậm-chạp. Da trâu thường màu đen. Trâu không được nhiều bằng bò. Ruộng lầy thì cày trâu ; ruộng vồng thì cày bò. Cũng có vài con trâu lông trắng, da hơi hồng-hồng, gọi là trâu cò.

Da bò, thường màu vàng sẫm, đỏ đỏ, đen, có vá, có khi lem, có khi lông trắng. Bò vàng sẫm và đỏ thì kêu bò phào, đen là bò hóng, bò mực, có vá là bò vá, trắng là bò so.

Mèo ưa ở chỗ nào tối để rình chuột. Mắt nó vào chỗ lối chiếu sáng như ngọc, nó lanh-lẹ và tỏ tai.

Mèo leo cây thật tài, và khi rúi-ro trên cây té xuống cũng không sao, vì mèo biết uốn mình nên thế nào cũng giùm bốn chân ; bởi thế nên thường nói mèo có nghề võ, mèo làm hiểm, hại cho cọp leo cây té xếp mũi.

Con mèo, con mèo, con meo,

Ai dạy mày trèo, mày chẳng dạy tao.

Thịt mèo ăn mát như thịt chồn. Người khách Huế-kiều hay ăn.

Mèo sắc lông đen là mèo mung. Cặp mắt sáng, thấy chuột thì giết chết. Có câu : Sát nhất-miêu cứu vạn-thử.

Giống mèo hễ thấy chó thì chau mày, nhãn nanh găm hét dữ-tợn, có tiếng khua động thì nó trốn mất.

Con mèo đập bễ nổi rang.

Con chó chạy lại nó mang lấy đòn.

Giống mèo lang mỏ cũng là giống ăn vụng.

Ở Hòn - chông cọp nhiều lắm ; cũng có khi loạn rừng đến phá xóm làng. Minh lông vàng, có vân vện, khoang đốm, hình-dạng không khác con mèo. Cọp đốm gọi là cọp gấm. Cọp vất khăn là cọp có khoang dài theo cổ, đuôi dài chấm đất. Thú lông trắng gọi là cọp bạch. Cọp bạch có con lớn đi tu. Thú lớn là cọp chúa.

Nhiều người nói rằng cọp chỉ ăn người tới số, mà muốn ăn phải có lệnh Thổ-thần mới dám. Cọp chúa không ăn người, vì giống ấy tu, và ai bắn cũng không được. Khi cọp chúa đi thì có con chim Lệnh kêu : Bon-bon tránh khỏi, thế là làm cho người biết rằng cọp chúa sẽ đi tới.

Con cọp hình vóc bằng con chó hay lớn hơn ; về ban đêm con mắt sáng như mắt mèo. Đền dọi vào, thì thấy ửng đỏ ; cọp ngó đèn một lát thì nheo mắt và sẽ ngó nữa.

Tại Hà-tiên ở Cây-da Cửa-lũy, ngày trước cũng có. Tên cọp ít khi kêu ; kêu tránh là : ông kẹ, ông thầy, cáo vàng.

Có thú cọp gọi là hạm, miệng mồm hôi-hám, ruồi lẳng thường đi theo. Hạm hay ăn thịt người.

Răng cọp làm thuốc rất quý.

Beo thường nhỏ hơn cọp. Thịt cọp ăn rất bổ-dưỡng mà nấu với măng tre ăn phải chết. Râu mép cọp để vào măng tre, thành ra con sâu, ỉa cứt rất độc, người ăn nhắm không phương cứu khỏi. Có khi người đi rừng cũng lượm được móng cọp, hay là sữa cọp đọng theo kẹt đá. Cách săn cọp dẫy khai, đánh roi, thì tại đây ít nghe nói.

Con thỏ vừa bằng con mèo. Lông trắng hay có vá. Ưa ăn cỏ hôi, lá khoai lang. Không nên cho uống nước, nếu uống nhắm nước thì sẽ chết ngay. Cỏ có nước, thỏ ăn cũng chết. Điều cần nhất là chẳng nên nắm mình nó ; thường phải xách lỗ tai.

Con heo rừng là một con thú rất mạnh dạng, da vàng, lông dài hơn lông heo nhà, miệng có nanh. Thịt không có mỡ nhiều như heo nhà, thịt ngon hơn. Da cứng, có người nhai không nát, muốn ăn nó rất khó.

Có hai thứ heo : heo có vàng và heo thường. Heo có vàng không phải nó có vàng bạc chi, hay là màu da nó vàng. Da nó vàng cũng như con heo thường, nhưng nó có ông tà giữ, ít ai săn được nó.

Heo được hai ba tháng, có sọc xuôi theo mình, vàng giọt, gọi heo sọc dưa. Heo ở trên gò hay trên núi ; ở Hà-tiên núi nào cũng có. Ở Giang-thành, mùa nước đổ, đồng ruộng ngập hết, heo, mang lên núp trên gò. Khi ấy không cần bắn súng hay đánh bẫy. Cứ bơi xuống ra gò, lấy cây lấy đá liện nó cũng chết. Nhưng các thú ấy đến lúc cùng đường, có nên tàn-sát như thế chẳng. Nghe đâu người Hải-nam đi tàu gặp chim sa cá lụy, cá nhảy vô tàu, chim sa trên cột buồm để nghỉ cánh thì không hề đá-động tới.

Ở Ruộng-muối gần Thạch-động và Trà-phô, nhiều heo rừng. Ban đêm, có trăng, dễ đi săn hơn ban ngày. Săn heo rừng, phải núp lên, phải bỏ lét từ chút, và phải đi phía dưới gió, vì nó bắt-hơi giỏi. Có người làm tum, làm giàn trên lùm cây ngồi chờ cả một vài canh ; trời mưa dông gió cũng không nệ, muỗi cắn thì vuốt, không dám đập. Săn cách này tiện hơn và khỏi hại.

Heo rừng, hình giống heo nhà, nhưng chỉ có heo sặc đen mà thôi, không có heo lang mỏ dài, lông cứng, cẳng cao, không được lớn như heo nhà, vì ở rừng ít có món bổ-dưỡng, và lại phải chạy ngược chạy xuôi. Heo rừng hay phá-hại lúa thóc của người canh-nông. Heo đực lớn một, hai tạ, có nanh ở mõm mọc ra, và quất lên,

trắng như ngà, nhỏ bằng ngọn tay, và có thể đánh người chết được. Nanh heo cọp cũng phải kiêng. Heo cái không bao giờ có nanh.

Có con lớn quá, da thật dày, hay lăn dầu chai và cát, súng bắn không thấu ; người gọi heo ấy là heo lăn chai hay là lăn sỏi, lăn sạn.

Heo là giống mền tự-do, kháng-kháng giữ lấy tự-do, rủi mắc bẫy thì dám cắn cụt chân dặng đi cho được. Heo ba chân thường là heo lớn, ai thấy cũng phải tránh.

Con nhím đuôi vẫn, mình có lông nhọn, bắn người cũng khó chịu. Lông nào già bắn mới được. Khi nó bắn trái cây không rớt liền tại đó, nó đi chỗ khác và lâu lâu trở lại, có rớt thì lượm ăn.

Con nhím ăn nhiều thứ cây thuốc nên chi cái bao-tử nó dùng làm thuốc rất hay, người ta thường đem ngâm rượu trị bệnh ho lao.

Lông dài làm cán viết, thứ cụt để làm trâm giắt đầu. Ngoài trót đầu thật nhọn. Con nhím lớn hơn con mèo, sau đuôi có chùm vỏ khô nên chạy nghe khua như lục-lạc. Mỗi cái lông đều có khúc trắng khúc đen.

Loại con sóc, con nhen, con lồi thường ưa ăn củ-hũ dừa, củ-hũ chà-lá.

Chồn mướp mình sọc như trái mướp, có xạ hương mùi thơm để làm thuốc uống.

Chồn cáo lớn hơn hết, gàn bằng con chó ; thứ ấy ít có. Người ta thường tìm kiếm nó đặng lấy mật và huyết, nói rằng người nào ho lao mà uống được thì sẽ hết bệnh.

Chồn sao da trắng mốc, có đốm đen ; chồn đèn nhỏ con, lông đen, hay ở theo xóm làng, bắt gà bắt vịt ; nhưng không lẽ lại bắt được thường. ăn què chồn đèn mắc bẫy.

Nai, mang, hươu, ở xa trông thấy cũng tựa nhau, toàn sặc đỏ, giọt, lông

dài, đuôi cụt, dưới bụng lông trắng. Mang nhỏ hơn cả, thịt ngon, mềm, da mỏng, dễ săn bắn. Mang giống như bò con vậy. Nai và hươu săn bắn khác cách hơn các thú kia. Muốn bắn nai cùng hươu phải thả đèn voi khí đá, trên đầu đội nón, gắn ngọn đèn, ngoài có đồ bao-phủ, trước có kiến dày để voi cho xa, có ống giấy chun chạy đến bình-khi đá.

Nai hươu ở đồng cỏ và ở các nơi cao ráo. Nai giống như bò, cẳng cao mình ốm. Nai đực hươu đực thì có gạc, tai dài, mắt to. Đến lúc gặp đèn thì ngó chăm-chỉ. Đèn đem lại gần chừng nào thì càng ngó chăm-chỉ hơn, nữa. Có con đã từng bị bắn thấy đèn bỏ chạy. Nhưng cũng có thể làm trở lại được. Lúc nó đang chạy, phải bịt đèn lại hoặc vòng một cái, nai không hiểu chuyện gì, cũng đứng lại trông.

Gạc nai chia làm hai nhánh, mỗi nhánh phân ra bốn nạng nhỏ. Nai đực có gạc, gọi nai chà. Nai con mới có sừng còn mềm, gọi là nhung.

Cà-tong lớn hơn nai, thịt to thớ, chạy ba cẳng, còn một cẳng nữa ngay ra cầm lái. Hươu nai ở Phú-quốc, Trà-phò nhiều hơn các chỗ.

Con mạy không có gạc.

Gạc nai, hươu, cà-tong đều gọi là lộc. Đến tháng 5, tháng 6, là thời mùa lộc giải rặc. Lúc bấy giờ, vỏ ngoài mềm một phần như vỏ cua lột; rụng một phần mà mọc lên lớp khác. Gạc mới nhú lên được vài tấc gọi là lộc nhung. Lộc nhung bán rất mắc, mỗi lượng bán đến hai ba chục đồng. Lộc nhung là thuốc bổ, uống vào nóng lắm.

Nai chạy, gạc đều xếp theo hai bên mình, đầu đưa tới trước.

Nai, hươu mắc bẫy thì hay kiếm thế đập cho hư cái lộc nhưg. Cắt ra thật mỏng, một màu đỏ tươi, lạng muối và cầm rất dẹt như lãnh nhiều.

Khỉ có hai thứ: khỉ đột và khỉ mai, khỉ mai nhỏ con. Khỉ lông trắng, kêu

là khỉ. Khỉ lông đen đen, xám tro, kêu là cà-kbu hay lọ nôi. Cà-khu thịt ăn bổ-dưỡng, mật làm thuốc kinh-phong-xương ngâm rượu để trị bệnh nhưc mới. Làm thịt cà-kbu, phải giữ cho khéo phạm cái ruột. Ruột phạm, thịt hôi lắm, khử thễ nào cũng không hết. Thú lớn như tượng, gấu ở Hà-tiên không có. Mật con gấu trị bệnh tức thật màu-nhiệm.

Con trúc hình giống con rắn mối, nhưng lớn hơn và có vảy nhiều. Khi nó gặp người ta thì giấu cái đầu vào mình và cuộn tròn lại, như thế nên dễ bắt lắm.

Chim phượng màu đen như quạ, đuôi dài, thịt ngon.

Chia voi, chắt-chòe, én là loài chim nhỏ. Ó én (yến) là món ăn ngon.

Cù-dèn mình trắng, có đốm đen, đầu đen, cổ trắng, cánh đen, mỏ dài, cổ cao, chân đỏ hay chân đen. Giống chân đỏ ít có, qui bầu lắm, mà khó bắn.

Con cù-dèn bắt được rồi không bỏ món nào hết. Huyết lông đốt ra, và mật thì uống trừ bệnh ho lao. Huyết thì hòa với rượu mà uống. Cẳng thì làm ống điếu hút thuốc. Thịt nó ăn vào bổ-dưỡng và mát-mẻ.

Con cù-dèn bắt sống bán một trăm đồng bạc cũng không thiếu gì người mua.

Mật cù dèn làm thuốc, giá bán mỗi cái mật bốn năm chục đồng; còn bộ lông bán riêng. Lông lớn dùng kết quạt; lông con để làm thuốc ho hay lắm. Xương cũng qui, để mài uống.

Gà sồi là giống cò trên đầu sồi, không lông. Lông cánh dùng kết quạt. Phía sau đuôi có lông rất mịn, nhỏ hơn sợi chỉ, mà lại trắng-trẻo; lông ấy cầm máu rất hay.

Gà dầy trước cổ có một cái dây lòng-thông, chân thấp hơn gà sồi, mình tròn, mỏ dài. Con cò có lông măng mềm-mại, cầm máu cũng hay.

Con diệp tựa như củ đèn, lông xám, để trứng nhiều. Đến kỳ lên rùng đẻ, mỗi con để chừng 100 trứng. Có khi người gặp đem về bán cả 9, 10 thúng lớn. Trứng diệp nhỏ hơn trứng vịt, hơi dài, màu xanh, ở trong trứng trắng trong như bột trái ấu.

Con sẻ mình đen mốc. Con lớn nặng hơn một yến. Con trống đầu đỏ. Thường đi cả bầy chừng 3, 4 chục con. Sẻ ăn trong đồng xa, trông như người ta đi gặt lúa hay cấy lúa vậy. Sẻ hay đề-phòng, không hay đi gần lùm bụi.

Phượng-hoàng, trĩ, hạc đều là loài linh-diều. Chỉ nghe lời truyền chớ không ai trông thấy được.

Chim hoàng-anh, chim khách đều là các thứ chim tiếng hót véo-von êm-ái.

Đều, ó, én, quạ, vịt, chèo-bẻo, quỳên, mạnh-vũ, két, anh-võ, mỏ nhát đều là những chim ăn sâu bọ trùng đẻ.

Cồng-cộc, mỏ nhát biển, chim sa-sả, thẳng chài, cò ngà, cò quắm, cò ma đều là loài chim ở dưới sát (bùn), ăn cá tôm. Có câu ca-đạo nói về chim sa-sả :

*Nực cười chim sả cá hanh,
Đố ai xấp được chim lành cá y.*

Chim ó hay xớt gà con.

Nhông, sáo, cuồng lông, đen, mỏ vàng. Lúc nhỏ nuôi cho đến lớn, lột lưới và tập cho nói tiếng người, nghe cũng thanh-thú.

Bò-câu-đất lông trắng. Cu ngói, ức ửng đỏ như gạch ngói. Bò-câu lông xanh như két là bò-câu xanh. Giống bò-câu có tiếng là phản-chủ ; ở đâu có lồng sơn thếp tốt hơn thì nó bỏ chủ cũ mà đi đến đó ; nhưng biết đi thơ ngoài mặt trận, trong vòng giáo dục gươm trần thì không phải là dở vậy. Thịt rất ngon, nhưng nhiều người cho là độc hơn thịt ngỗng. Mỗi ngày, ăn một con, trong ba tháng không khỏi mang bệnh tê-bại.

Chim trao - trảo, chim sáo, chim cuồng là chim ăn hồ-tiêu.

Chim sâu là chim ăn sâu-bọ.

Chim bò cắt đóp muỗi, giới ăn trái cây chín, chim sẻ-sẻ hay ăn lúa gạo.

Giới có hai thứ : giới chuột và giới quạ, lớn con, huyết nhiều, nấu cháo ăn ngon. Giới quạ hay ăn trái đa.

Củ-đèn, cồng-cộc, chàng-bè, kèn-kèn, cò sẻ là loại ăn cá. Mỏ cồng-cộc mài uống, làm thuốc mắc xương.

Kèn-kèn là giống hay ăn thịt thú, như chó chết, bò chết cũng là thầy ma.

Mùa lúa chín, thường có nhiều thứ chim tụ đến. Người ta lập thế bắt cả xâu.

Chim áo già, ốc cao, chàng nghịch, thẳng chài, trao-trảo, chia vô thường hay mắc lưới.

Le-le, mỏ nhát, bò câu xanh, con trích, con quốc, gà rừng đem quay ăn rất ngon.

Mùa xuân là mùa tu-hú kêu rí - rả.

Thường khi, nghe tiếng chim te-te hoành-hoạch kêu trên rừng.

Chim hít cô nhỏ con, sắc lông tốt. Mỗi lần lúa chín, thì chim đó kêu ran. Có tích như vậy : thuở trước, chỉ có một hột lúa chín ; nếu cô nó ăn thì nó chết, còn nó ăn thì cô chết. Rớt lại, chim hít cô ăn đi, cô của chim phải chết, và mỗi lần lúa chín thì nó nhắc-nhỏ.

Chim bìm-bịp lông mình màu đen, lông cánh màu già. Xương ngâm rượu làm thuốc. Nước lờn thì bìm-bịp kêu.

*Bìm-bịp kêu nước lờn anh ơi,
Buồn bán không lời chèo chống mới-mé.*

Chim bìm-bịp bữa kia mượn cái tràng của chim trả-trệt đã lâu ngày rồi, mà không trả. Chim trả - trệt đi đòi ; trả trệt, trả trệt. Bìm-bịp trả lời : không kịp không kịp.

Lúc trưa, nghe bò cu gáy thật là buồn-bã.

Muốn bắt chim bò-cu, phải làm cái lục (cái rỏ cái lồng), để trên đầu sào dài, để nhựa giẻ hay miếng lưới trên lục ấy. Đoạn, thả con bò-cu mỗi vô lục và bo cho nó gáy. Bò-cu khác lại đá lộn thì mắc bẫy. Người đời hay ché chó săn, chim mỗi. Nhưng chỉ có chim mỗi là có tội, vì là giống phản đồng-loại.

Chim lưới nhon thường hay nói giở nghe êm tai lắm, như con két, cưởng là loài bắt-chước tiếng người thật hay. Nói được mà không hiểu là gì. Nghe nói con quạ làm cách này cũng tập nói được. Quạ con vừa bắt xuống ò, thì đảo một cái hàm tối thật sâu để nuôi ở dưới, dựng cho nó khỏi nghe tiếng quạ lớn kêu. Trong ít lâu nó lớn, nó không biết kêu như quạ kia. Chừng đó đem để vô lồng, dạy nó, thì nó nói giỏi lắm.

Con quốc-quốc và mỏ-nhát hay ở dưới mấy lùm cây tùm-gọng. Thấy người thì lủi mau như nhíp.

Ở Hà-tiên, chim hồng hoàng, cao-cát không có nhiều. Khi nào trời muốn mưa, thì có chim cắt-ca, chim én bay chào-dào, la ó trên không.

Người Tây-phương hay thích nuôi chim ục, chim cú, cho rằng đẹp. Còn người Trung-huê hay nuôi chim sâu, lồng đan thật cao, và sơn màu lục tốt-tươi, nuôi kỹ-lưỡng.

Các chim ăn đêm đã mang tiếng là ăn trộm các chim ban ngày. Mà thương thay! tiếng oan ấy, tiếng xấu ấy thì buộc cho một mình con vạc; chim trạng-sư có kêu oan thế nào được.

*Vạc xưa bán đất cho cò,
Đến nay vạc phải lẩn mò ăn đêm.*

17. — Vòm hào, tôm cá.

Có hai thứ cá qui-bâu hơn hết là cá cơm và cá bạc-má. Cá cơm để làm nước mắm, cá bạc-má làm cá mặn, mỗi năm bán được mấy trăm vạn đồng.

Sông rạch không nhiều mà bờ biển rất dài, nên các thứ tôm cá vòm hào không thiếu chi.

Xóm Cầu-câu và xóm Tô-châu thường chuyên về nghề ha-bạc, cả bốn mùa đều theo thú giang-hồ. Chiều đến thì bủa lưới xuống xuống, lớp vô Đông-hồ, lớp ra Kim-dữ, tảng sáng lại trư về chợ.

Đánh lưới có chừng lắm. Mùa bắc thì đánh từ chạng-dạng đến nửa đêm trở về, lúc ấy đã lạnh và đã đi đến nước sâu, cá rộng đường đi, nên không bắt được.

Mùa nam thường đánh trong sông, đánh đến rạng đông mới về, có khi tới mặt trời lên cao mới về.

Mũi Kim-dữ lặn được vòm nhiều; có bãi cát lớn, tảng sáng, nước ròng, trời mát-mẻ, đàn-bà, con nit xách dầm, bừa cào, khên rỏ, và xúm nhau cào nghêu hay là bắt móng tay, cà-xiêu.

Bắt cà-xiêu thì dùng cây dầm 6, 7 tấc. Nhìn trên cát có lỗ méo, họ lấy dầm xoi xuống kề miệng hang thật sâu rồi ra sức nạy đất lên thì có con cà-xiêu dính theo về đất. Mỗi lỗ thì bắt được một con. Có khi một hang lại có hơn chục con.

Con vòm vỏ xanh và dài. Vòm dính theo đá và gốc cây, vòm đóng từ về lớn chắc-chắn, gọi là một quày.

Vòm, nghêu, cà-xiêu móng tay ít có thường, giá rất mắc.

Con nghêu vỏ láng, trắng, có khuôn đở. Vòm bán thúng, bán khên. Mỗi khên 7, 8 cắc.

Con cua, con ghẹ hơi giống nhau. Cua có hai càng, tám ngoe, có kẻ kêu « là con hoành-hoành », vì nó đi hàng ngang, có kẻ kêu là vô-trường công tử vì nó không có ruột.

Con ghẹ nhỏ hơn cua. Trên mai, có bông trắng trắng đen đen hay là màu xanh màu đỏ. Mai cua hơi xám xanh, hai càng đỏ. Ghẹ sáng trắng thì ốm.

gọi là ghe bán thịt. Ghe chết phải luộc liền, không thì cũng bán thịt.

Con ghe cũng đi ngang hàng, nên tục nói: ngang quá ghe.

Đặt rập nước sâu mới có ghe lớn. Vỏ mềm và thịt no đủ, ngọt ngon hơn cua. Một con lớn chừng hai, ba xu.

Sam cũng hơi giống cua. Mai lớn, hơi tròn, sau có đuôi cứng. Trên mai, có hai con mắt. Cũng đủ ngoe càng như cua. Nước ròng, sam hay tấp từng cặp vỏ bờ, một con cái một con đực. Sam cái lớn hơn, và có trứng hơi nòng, dùng nướng chộn gói.

Con mực có hai thứ: mực tuột và mực ống. Ở Phú-quốc, thề mực được nhiều. Một thứ phơi khô, một thứ làm mắm. Mực có râu như ròng, nên gọi mực là long-tu.

Tôm có nhiều thứ: tôm càng, tôm bạc, tôm gọng, tôm tích, tôm vồ-ngực, tôm sú.

Tôm vồ-ngực màu vàng giợt, đầu lớn mình nhỏ mà giẹp. Tôm sú có vằn có vện, có khi vỏ lại đen.

Tôm bạc và tôm sú bằng nhau, nhưng tôm sú cứng hơn.

Tôm càng có hai thứ: thứ lớn gọi tôm càng, thứ nhỏ bằng lòng tay cái thì gọi tôm lóng.

Tôm bạc cũng hai thứ: bạc trắng, và bạc đất, vỏ đen hơn.

Sông Hà-tiên, có bữa có tôm bầy. Vài mươi chiếc xuống ra đó, chài tôm cả một hai canh, một người chèo, một người vãi chài. Có người vừa chèo vừa vãi chài một mình. Như thế gọi là chài tôm nước sâu. Đi dài bờ sông mà chài, không dùng xuống, thì gọi là chài bộ.

Tôm rẻ là một cắc, mắc thì hai, ba cắc tới năm sáu cắc một cân. Tôm làm mắm và phơi khô, nhưng không nhiều.

Ở Cà-mau Bang-long, Vàm-tấn, có khi tôm càng nhiều quá cũng phơi khô.

Tép rong, tép gạo thì xào và xúc bánh tráng. Con ruốc vừa bằng con tép giông, hay đi từ bầy. Xúc ruốc thật nhiều đem về làm mắm ruốc.

Con nha hay là ba - khia (còng) cũng làm mắm.

Hào miêng lớn con mà không ngon bằng hào chón.

Sò huyết ăn rất bổ-dưỡng; sò lông có khi ăn đau bụng.

Ốc hương, ốc ngọt, ốc len, ốc gạo, ốc tai tượng là các thứ ăn đặng. Ốc tai tượng vỏ lớn như cây quạt, như lỗ tai loài voi tượng.

Ốc dụng vỏ dùng cần liền như ốc xacừ. Mỗi tạ chừng hai hay bốn chục đồng.

Ốc dừa, ốc gai, ốc mượn hồn, ốc cờ không ăn đặng.

Con nhau - trâu hình tròn, hay hút nhớt cá. Xào rời, ăn giòn như bao-tử heo.

Mấy chỗ nước ngọt có nhiều cá rô, cá lóc, lương, cá trê trắng, cá trê vàng, cá sặt, cá sặt bướm nhỏ con, cá lạt giống con lươn, mình vàng.

Cá bống cát (đề vảy kho, nhám như cát mịn), bống nghệ một hai khi chài lưới được.

Khoảng tháng 9, tháng 10, cá linh theo nước Châu-độc đổ vào đây. Gặp nước mặn, phải khờ đại và thả ngựa theo dòng.

Hồ, ao có cá thia-thia màu xanh màu đỏ, hột nuôi trong tỉnh, để đã ăn tiên.

Nước ngọt lại có cá chốt, cá nhái, cá lim-kim cá sơn, cá dôi, cá lẹp trắng, cá lẹp huyết, cá chia vôi, cá mạo, cá rôi, và các thứ cá út; út trơ, út rún, út sàng, út râu, út trắng.

Cá nâu, cá hanh, cá mú là cá giở chà (ở trong đồng chà dưới mé nước). Một hai khi cũng vô lưới.

Cá cơm, cá trích, cá sòng, cá nục là cá chạy rờ chạy dáy. Người ta ít ăn cá chình, cá sơn, cá thòi - lòi, cá nóc. Các thứ ấy ăn vào rất độc, lắm khi làm hại mạng người.

Cá chình mắc câu thì nó trì kéo rất mạnh, tuồng như lưỡi câu mắc gốc. Khi đem được lên, thì đem đập liền chớ không dám để lâu vì nó quăn hư câu đứt nhợ.

Cá chình sống dai, mình cắt một khía đuôi, rồi thả rộng vào viêm; bữa mai cắt một khía nữa, cá cũng lành mạnh. Khi nào cắt khỏi rún, cá mới chết. Cá chình tương-tự con lươn, nhưng thường ở biển.

Cá thòi-lòi là một giống cá hay nhảy trên mặt nước như bay vậy. Cá thòi-lòi ở cù-lao Vung (lĩnh Sóc-trang) lớn hơn bắp tay, và cá ấy ăn được.

Cá nóc rất hại vì hay khoét thịt người. Mình có mụn rất nhiều. Cá đeo theo dựa ghe, và kêu tựa-tựa như ảnh-ưởng. Có thứ ăn vào chết ngay. Tuy vậy cũng có chỗ dùng. Cá lớn móc thịt ra hết, lấy tấm da dòn trấu, căng ra đem phơi, lớn như dừa khô, để làm bong-bóng đèn rất xinh đẹp.

Cá kè, lý ngư, tai tượng, ba gà, đuối ó, bần sảo, ít khi đánh được.

Cá cò đụng nhắm mình, như dây điện-khi giật mạnh.

Cá thu mùa mình tròn. Cá thu mình giẹp, gọi là cá chán. Có khi cá thu gọi là cá ảo.

Cá chét-cheo nhỏ con. Thứ lớn hơn là chét bùn, chét xanh kỳ, chét đất.

Cá chét bùn lớn được 4, 5 yến lại gọi là cá chét gộc, hay là cá gộc. Ở Rạch-giá, phơi khô gộc rất nhiều.

Cá én thịt bùi, mình tròn, vẩy hơi xanh.

Cá chan lớn lên gọi là cá bè. Cá bè vàng ngon thịt hơn cá bè tre, thường để xe khô, vì ăn tươi thịt nó hơi chát.

Cá chim ô chưa được ngon bằng cá chim sành.

Cá hường vện lại không được ngon như hường bông.

Giống cá kẽm ít khi được trông thấy.

Cá dôi - trường, cá sủ, cá huỳnh không sánh kịp cá chày hay cá nhồng. Cá chày nhiều xương, bề ngang, bề dài cân phân với phau. Ăn từng cá chày thật nhiều, hay phải chừng làm tá. Rạch-giá, Vàm-tán có nhiều.

Cá nhồng mình tròn, dài quá một thước.

Cá bẹ vàng được trọng - dụng hơn cá bẹ trắng.

Cá rửa xương nhiều, hay dùng nấu nước kèn; nấu xong phải lược xương.

Cá sọc, cá ốp, cá bằng-chặng, cá cóc, cá rỏi, cá lạc đều là cá ở biển.

Cá chạch ở theo đất bùn, nên chỉ đất sỏi sao có chạch vàng. Đầu đuôi thiệt nhọn, sau đuôi, mỗi bên có ba điểm tròn, xanh xanh.

Cá sạo lên khỏi nước thì ươn. Người Triều-châu gọi ươn là sạo, và người nước ta do theo đó mà đặt tên.

Cá lù-đù thịt không ngon, thường để làm phân. Cá phân mỗi thúng hay mỗi khên chừng 2 cắc, hay 4 cắc.

Cá cơm lựa xong, một khên 4, 5 cắc. Cá ngác tựa cá trê trắng, mình đen gai độc, đâm rất nhức.

Cá cóc mình cũng có gai.

Cá đuối có nhiều thứ; đuối ó, đuối làm, đuối cò, đuối gioi, đuối ghim.

Cá đuối làm gan béo lắm. Cá nhỏ như cái đĩa, cá lớn cả 2, 3 yến.

Cá đuối ghim nhỏ con; nhà nghề hay cử tên, ít khi dám nói đến. Trên đuôi có cái nẻ, cái gai độc lắm. Cá nhỏ đụng mình một chút, thì thấy nhức nhối, sinh ra bách bệnh.

Cá đuối xẻ ra phơi trên dây như cây quạt sè ra, khoảng trắng khoảng đen.

Cá hổ không vẩy, mình dài và giẹp, đóng phần trắng phau như bạc.

Cá đối lá, cá đối nhọn hay đi từng bầy lới vài trăm con, khi nào gặp cồn thì nhảy sào-sạt cả trăm thước mới thoi. Cá này không ăn câu, vãi chài bắt nó mới được.

Cá mai, cá ve, cá liệt, cá sông là mấy thứ cá nhỏ thường bán chợ.

Mấy thứ bán rẻ tiền là các thứ cá sát, cá dứa, cá hộp, cá cao, cá đỏ, cá chêm nhỏ, cá chêm chị.

Cá sát lớn con kêu là cá dứa.

Cá chêm lớn 7,8yến thì gọi là cá vược.

Cá ngân dài như bàn tay. Cá ngân có ba thứ: ngân bột, ngân lưng, ngân chỉ. Ngân lưng và ngân bột cũng một màu. Ngân chỉ có một lần xanh trên lưng như sợi chỉ; thứ này nhỏ hơn hết. Người Phú-quốc kho trong thùng thiếc rồi chõ đi bán, gọi là cá kho hòn.

Cá nạng có cây nạng trước đầu. Truyền rằng thuở nọ đức Cao-hoàng (Gia-long) đi thuyền ngoài vịnh Xiêm-la bị giáp nước, Vua dạy bỏ neo. Neo vừa xuống, có con cá nạng tới nạng mỏ neo kéo ghe qua khỏi giáp nước.

Cá sóc, cá ộp thịt cứng, kho chẳng ngon; chỉ muối, chiên sả nghệ.

Cá mò, cá sông, cá bạc má, cá trang, cá thieu, cá thu, cá chim đều kho ăn được hết.

Cá đối mình tròn, cá mò mình giẹp.

Cá liệt có hai thứ: liệt xuôi và liệt ngang.

Cá đỏ cũng hai thứ: cá sông và cá biển. Cá đỏ trong sông nhỏ hơn cỡ tay. Cá đỏ ngoài biển lớn như cây quạt; ngon hơn béo hơn.

Cá vồ, cá chan, cá vược, cá mú, cá ngừ, cá chét gộc là mấy thứ cá ngon. Cá ngừ bán mắc tiền; lâu lâu, mới bắt được một lần. Cá ngừ bán khô được giá hơn bán tươi. Người nào không hợp ăn vào hay phải chứng ngứa mình. Mùa nam ở Hàm-ninh đánh cá ngừ rất nhiều. Lúc ấy, trong Hà-tiên cá ít. Cá ngừ kho xong đem bán tại đây. Một thùng thiếc (20 lít) 4, 5 đồng.

Cá lươi trâu thịt ít mà rất ngọt bùi; mình thì một bề giẹp, bề trên thì khum; miệng méo và cong như lươi trâu le ra. Cá sơn-bầu cái mới trên dài và quớt lên.

Cá nhám da trơn, không có vảy.

Cá cào cũng loài cá nhám, trước đầu có một cây ngang như cây bừa cào.

Cá nhám, cá cào, cá mập lầy về bán mắc tiền. Các thứ cá ấy gọi là hàng: hôm nay không có hàng, khoảng này hàng chạy nhiều.

Cá nhám có nhiều thứ: nhám giàn, nhám thâm, nhám đá, nhám giấy, nhám vàng, nhám nghệ.

Cá nhám cào lớn bằng hai cá nhám giàn. Vi-kỳ giống nhau, nhưng đầu thì hơi khác. Cá nhám giàn đầu nhọn; đầu nhám cào có ngạnh hai bên. Dựa ngạnh, có hai con mắt lớn. Da cá mốc-mốc, có mục nhỏ, thịt không ngon. Vi-kỳ cá nhám, cá mập phơi khô 15, 17 đồng một tạ. Cá lớn mới lấy da.

Cá giống lớn con, bán khô cũng được giá.

Bong-bóng cá bè đường phơi khô ăn rất bở và làm thuốc rất hay.

Cá cuối hình-tích tựa như con heo. Lỗ mũi và tiếng kêu cũng giống heo. Dùng lưới quăng hay là câu kiều thì bắt được. Cá này bán tươi nhiều người mua, còn dư thì xẻ khô. Mỡ thì thắng dễ thoa chỗ phỏng lửa. Cá lớn có hai nanh tròn và dễ-dặt. Nanh ấy nghe bên Triều-châu dùng trị bệnh hạch. Da cá phơi khô.

Ở trên đã nói hai thứ cá qui bàu là cá cơm và cá bạc-má.

Cá cơm nhỏ như ngón tay, bề dài chừng 6, 7 phân, vảy trắng, xương nhiều. Cá hay đi từng bầy. Người Phú-quốc dùng làm nước mắm mấy trăm năm nay, danh tiếng lầy-lùng, đến người Tây-phương cũng không chê được.

Cá trích không ngọt nước bằng, nhưng cũng dùng làm nước mắm được. Một năm bán lối 40 000 tỉnh, một tỉnh ba lit.

Cá bạc-má lớn như bần tay, mình cá no đủ không giẹp. Dưới bụng trắng, trên lưng xanh màu giông. Phía bụng gần sau đuôi da giùn chừng 5, 6 chỗ như răng cưa. Đuôi chẻ hai.

Bãi Lộc-trĩ chạy nò mỗi năm lối 15.000 tạ, kể vừa cá mặn khô, cá mặn ướt.

Có hai loại linh-ngư là nước, cá ông.

Cá nước đầu tròn, nặng gần 1 tạ. Người An-Nam không ai ăn. Cá thường quây quần theo bầy ruốc. Có khi êm trời thì trường lên bầy ruốc, và nhào lộn để lừa con ruốc vô miệng.

Ghe chạy gặp nước trũng lên, họ cất tiếng kêu nước đua, thì cá lội theo mau lắm. Có khi nó lặn mất và một chập lâu lâu thì nổi lên cho mình biết ăn thua. Cá ông to lớn hơn hết về loài cá.

Có khi cá ông lụy vô bãi, một người đứng bên này dòm qua bên kia không thấy. Thợ lưới chôn cất, để tang rất thành-kính. Người trưởng-nam mang nghèo vài năm rồi sau mới khá được. Cá ép theo ép hai bên thừ thịch. Ghe bầu gặp thì gỡ ra.

Cá ông đi thì ở trước cặp cá dao và mẩy con mực.

Có việc nguy-cấp, cá dao ra sức, còn mực: thì phun mực ra cho tối-tăm. Cá dao một loài với cá cào, có một cái dao trước đầu, ước được một thước năm, bề bằng có hai tắc rưỡi.

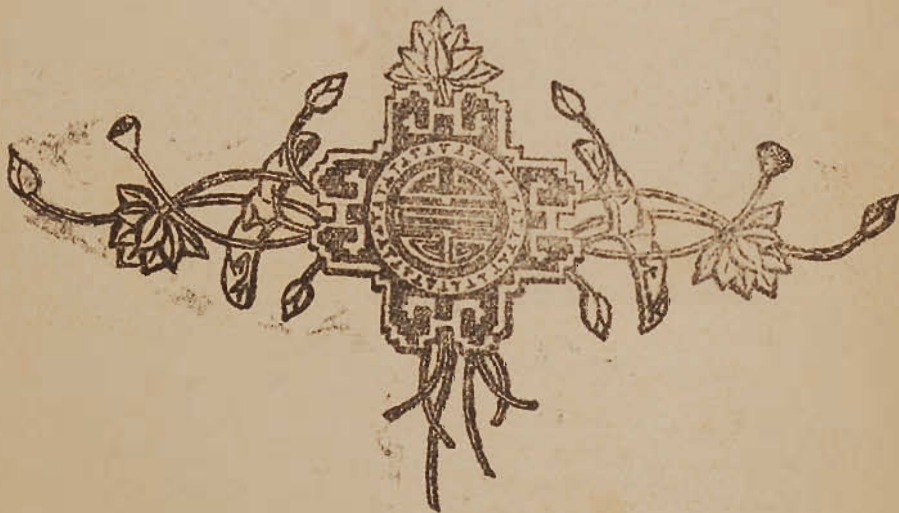
Cá ông có công đỡ thuyền vua nên được phong tước Nam-hải đại-tướng-quân.

Các cửa biển sông Cửu-long, mỗi năm có lệ rước ông: ken ghe lại, trống phách, cờ xí, múa lân, đờn kêu rầm-rộ. Rồi chèo ghe ra biển, mừng ông. Ông lên vọi thì biết năm ấy làm nghề được khá hay không khá.

Tục-ngữ đã khen đầu cá chan, mang cá vồ là hai món thiệt ngon. Cá dao nói về con cá cũng nhiều:

- Cá lưới trâu sâu ai méo miệng,
Cá sơn-bầu nhiều chuyện quớt môi,
- Chi ngon bằng gỏi cá nhồng,
Chi vui bằng được tin chồng vinh-quí.
- Ba đồng một khía lá buôi,
Cũng mua cho được mà nuôi mẹ già.

(Còn nữa)



VĂN CHIẾN-QUỐC SÁCH

1.—Tô Tần đem chước «hợp-tung» bảo vua Triệu

Tô Tần đi từ Yên sang Triệu, mới đem chước «hợp-tung» nói với vua Triệu rằng:—«Thiên-hạ bây giờ, từ bậc khanh-tướng cho đến kẻ sĩ bổ-y, ai cũng mến phục Đại-vương là người vì nghĩa, ai cũng muốn đến để phụng mệnh và giải bày cái bụng trung-thành ra trước mặt Đại-vương, đã lâu nay rồi. Nhưng chỉ vì Phụng - dương - quân (em vua Triệu) ghen-ghét Đại-vương, sợ không được chuyên-nhiệm. Vì vậy những kẻ tân-khách du-dàm, không ai dám tỏ hết lòng ra với Đại-vương. Nay Phụng-dương-quân đã qua đời rồi, Đại-vương từ nay mới được thân-cận với những kẻ sĩ-dân, vậy tôi mới dám đem cái lòng ngu-muội mà dâng lên.

«Nghĩ cái kế của Đại-vương bây giờ, không gì bằng an-dân vô-sự, mà đừng có giở-dối gì là hơn. Cái gốc an-dân là phải chọn lấy nước giao-hảo, chọn được nước giao-hảo thì dân an, chọn mà không được thì dân chung-thân cũng bất-an. Vậy xin nói về việc ngoại-hoạn, Nếu Tề với Tần cùng làm địch-quốc của ta thì dân không an được. Thế mà dựa Tần đánh Tề, dân cũng không được an, mà dựa Tề đánh Tần, dân cũng không an được.

«Thế cho nên định mưu hại người chủ-sự bên kia, đánh lấy nước kẻ khác, thì cái sự hở mồi ra mà nói để đoan-tuyệt giao-tình của họ là rất khó-khẩn. Vậy xin Đại-vương giữ cẩn-thận mà chớ có hở-han ra, thì xin ngài đuổi cả tả-hữu ra ngoài.»

Tô Tần bèn nói: «Mỗi chước mỗi khác, như âm với dương vậy. Vì Đại-vương mà nghe chước của tôi thì Yên tất phải đem cái đất sản chiến cừu chó

ngựa đến nộp, Tề tất phải đem cái đất sản cá muối đến nộp, Sở tất phải đem cái đất sản cam quit đến dâng. Cho đến Hàn với Ngụy đều phải đem cả đất thái-ấp cùng làng thong-mộc đến dâng. Bây giờ những bậc quý - thích phụ-huynh của Đại-vương cũng cùng được có đất phong cả.

«Ngày xưa Ngũ-Bá sở-di hao binh tổn tướng là chỉ cầu lấy cái được thêm đất. Vua Shang vua Vũ sở-di giết vua tranh nước cũng là chỉ để phong hầu cho thân-thích. Thế mà bây giờ Đại-vương chỉ ngồi yên mà được hòa hai điều đó, thực tôi cầu-nguyện cho ngài quá.

«Nay Đại-vương thân với Tần thì Tần tất đánh Hàn với Ngụy. Thân với Tề thì Tề tất đánh Sở với Ngụy. Ngụy thua thì phải cắt xứ Hà-ngoại cho Tề. Hàn thua thì phải cắt xứ Nghi-dương cho Tần. Nghi - dương mất thì đất Thượng-quận tuyệt với Triệu. Hà-ngoại mất thì đường sang Triệu nghẽn. Còn Sở mà thua thì Triệu vô-viện. Ba chước đó ngài không xét kỹ không được.

Tần mà nó đem binh xuống đường Chỉ-dạo thì đất Nam-dương phải nung. Nó đánh sẵn vào Hàn, vây lấy nhà Châu thì Triệu tự mòn-môi đi. Nó lấn Vệ chiếm lấy sông Kỳ thì Tề phải vào châu nó.

«Tần mà nó đã đặc-chí ở vùng Sơn-đông như thế rồi tất nó quay binh vào Triệu. Binh lần đã qua sang sông Hà sông Chương rồi thì tất nó đóng ở đất Phiên-ngô mà trận phải bày ở dưới thành Hàn-đan nước Triệu đó. Tôi sở-di lo thay cho Đại-vương là ở chỗ đó.

Hiện nay các nước ở Sơn-đông không nước nào mạnh bằng Triệu. Hất rọng ba nghìn dặm, quân đời-giáp vài mươi

vạn, binh-xa nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc ăn đủ mười năm. Tây có núi Thường-sơn, nam có sông Hà sông Chương, đông có sông Thanh-hà, bắc có nước Yên mà Yên vốn là nước yếu có cần gì.

« Và Tần nó không ghét nước nào bằng Triệu, thế mà nó không dám cử-binh đánh Triệu là vì có gì? Là nó chỉ sợ Hàn với Ngụy họ nhóm đường về của nó đó. Thế thì Hàn với Ngụy thực là cái liếp che mặt nam cho Triệu vậy. Chớ như Tần đánh Hàn với Ngụy thì không thế. Hai nước ấy không có núi to sông lớn gì để ngăn-trở, nó cứ tầm ăn lá bắc lại lần cảnh nam, chớ tới quốc-đô thì mới thôi.

« Hàn với Ngụy đã không địch nổi được Tần, tất phải vào làm tôi Tần. Tần không vương gì Hàn với Ngụy nữa, tất nó dồn cả tai-vạ vào cho Triệu. Tôi sợ đi lo thay che Đại-vương lại ở chỗ đó.

« Tôi nhớ xưa, vua Nghiêu không có đến ba tên quân, vua Thuấn không có một thước đất nào, thế mà đều có được cả thiên-hạ. Vua Vũ thì không có bọn dân trăm người mà làm được vua cả Chư-hầu. Vua Thang vua Võ thì quân không quá ba nghìn, xe không quá ba trăm cỗ mà làm được Thiên-tử, là các nhà ấy biết cách làm đó.

« Thế cho nên đáng minh-chủ là ngoài phải liệu xem cái thế của địch-quốc mạnh hay yếu. Trong phải tính xem cái số sĩ-tốt mình ít hay nhiều, giỏi hay hèn. Thì cái cơ thắng-bại tồn-vong nó đã bày tỏ ra ở trong bụng mình rồi, chớ có thể sợ miệng liếng mà bàn tính mập-mờ được đâu.

« Tôi trộm đem địa-đồ thiên-hạ ra mà xét thì thấy đất Chư-hầu to gấp năm của Tần. Như thế thì dĩ-chắc đâu bên nào đánh được bên nào và bên nào phải làm tôi bên nào.

« Cứ những kẻ chủ-trương chước «liên-hoành» thì họ đều muốn cho Chư-hầu cắt đất cho Tần mà xin hòa.

Hòa với Tần rồi thì lâu cho cao cung cho đẹp,ngồi mà nghe đàn ngọt hát hay, ăn của ngon vật lạ. Bước ra có xe rộng êm, quay vào có sân dài rộng và gái đẹp nhớn-nhờ. Nhưng chợt cái bị Tần nó lừa thì không biết cùng ai lo linh. Ấy bọn «liên hoành» họ chăm-chăm đem quyền-thế Tần để dọa nạt Chư-hầu mà yêu-cầu cắt đất là thế. Vậy xin Đại-vương nghĩ kỹ mà xem.

« Tôi xem đáng minh-chủ là phải tuyệt sự ngờ, khử kẻ xàm, ruộng bỏ những vết phao truyền, lấp hết những lối bè-đàng. Cho nên những kế làm cho chừa lớn, đất rộng, binh cường, kẻ bày-lời mới phỏ bày ra trước mặt. Vậy tôi xin nghĩ kế cho Đại-vương là không gì bằng hợp cả Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu lại làm một. Sáu nước kết-thân với nhau để chống cự Tần. Các nước đều cho Thừa-tướng hoặc Tướng-quân cùng đến hội ở trên sông Cảng-thủy, trao đổi tri-lễ cho nhau. Giết con ngựa trắng lấy máu ăn thề mà thề với nhau rằng: Tần đánh Sở, thì Tề với Ngụy đều đem quân tinh-nhuệ ra giúp. Hàn thì tuyệt đường đem lương của nó, Triệu thì đem quân qua sông Hà sông Chương, Yên thì giữ mé bắc núi Thường-sơn.

« Tần đánh Hàn với Ngụy thì Sở tuyệt đường đem lương của nó, Tề đem quân tinh-nhuệ ra giúp, Triệu đem quân qua sông Hà sông Chương, Yên giữ đất Văn-trung.

« Tần đánh Tề thì Sở tuyệt đường đem lương của nó, Hàn giữ đất Thành-cao, Ngụy chặn đường Ngộ đạo, Triệu đem quân sang sông Hà sông Chương và cửa Bắc-quan, Yên đem quân tinh-nhuệ ra giúp.

« Tần đánh Yên thì Triệu giữ ở núi Thường-sơn, Sở đóng ở cửa Vũ-quan, Tề đem quân qua bể Bột-hải, Hàn với Ngụy đem quân tinh-nhuệ ra giúp.

« Tần đánh Triệu thì Hàn đóng ở đất Nghi-dương, Sở đóng ở cửa Vũ-quan, Ngụy đóng ở đất Hà-ngoại, Tề đem

quân qua bề Bội-hải, Yên đem quân tinh-nhuệ ra giúp.

«Chư-hầu nước nào mà bội-ước trước thì năm nước kia cùng đến đánh.

«Sáu nước kết-thân với nhau để chống-cự Tần, Tần tất không dám đem binh ra Hàm-cốc-quan mà tàn-hại các nước vùng Sơn-đông nữa. Như thế là bá-nghiệp của ngài phải thành.»

Vua Triệu nói: «Quả-nhân còn trẻ-trung, cai-trị việc nước chưa được mấy ngày, cũng chưa được nghe cái kế trảng-cửu xã-tắc lần nào. Nay thượng-khách có lòng nghĩ đến thiên-hạ, muốn cho Chư-hầu được yên, vậy quả-nhân xin đem cả nước theo ý-kiến thượng-khách »

Bấy giờ vua Triệu bèn phong cho Tô Tần làm Vũ-an-quân, cấp cho một trăm cỗ xe trạm vẽ, một nghìn dật vàng tốt, một trăm đôi ngọc bạch-bích và một nghìn cuốn gấm vóc để đi giao-ước với Chư-hầu.

2. — Trịnh Đồng lấy việc binh nói với vua Triệu

Trịnh Đồng sang phương bắc đến nước Triệu vào yết vua Triệu. Vua Triệu hỏi: « Ông là một nhà bác-sĩ ở nam-phương, ông có chước gì để dạy quả-nhân này? » Trịnh Đồng thưa rằng: « Tôi là kẻ quê-mùa ở nam-phương, có biết gì mà ngài hỏi. Tuy-nhiên, ngài đã cho tôi vào yết ở trước mặt, tôi đâu dám nín yên. Lúc tôi còn bé, cha tôi có dạy cho nghề binh. » Vua Triệu nói: « Quả-nhân không thích việc binh. »

Trịnh Đồng ngửa mặt lên trời, vỗ tay mà cười, nói rằng: « Binh vẫn là việc mà thiên-hạ không thực lòng ham chuộng đấy. Cho nên tôi cũng đã biết Đại-vương không thích. Tôi đã đem việc binh nói với vua Chiêu-vương nước Ngụy. Ông ấy cũng nói quả-nhân không thích. Tôi có nói với ông ấy rằng: Ngài có làm được như ông Hứa Do không? Ông Hứa Do không có hệ-lụy gì với đời, nên ông không thích việc binh.

Còn như ngài thì ngài nối ngôi của tiên-vương truyền lại, ngài có muốn cho tôn-miếu vững yên, cõi đất không bị cắt mất, xã-tắc được lửa-hương không? Ông ấy nói rằng: Có muốn thế. — Tôi lại thưa: Nay có người mang hạt châu quý, vàng ngọc đẹp và của báu hàng muốn lạng mà thường ra trọ ở ngoài cánh đồng, người ấy trong mình không có cái oai như Mạnh-Bôn, cái khỏe như Kinh-Khanh, ngoài thì không có cung nỏ gì để chống cự, tôi chắc rằng người ấy không thoát nạn qua được một tối. Vậy bây giờ có một nước tham-lam cường bạo nào đem binh tới biên-thùy nước ngài mà đòi lấy cõi đất của ngài, ngài lấy lẽ phải bảo nó không nghe, lấy nhân-nghĩa hiểu nó không nghe, thế mà ngài không dùng đến cái khi-cụ của đời Chiến-quốc thì làm sao mà đương nổi. Ngài mà không dùng việc binh nữa thì các nước lân-bang người ta đặc-chi với nước ngài ngay. »

Vua Triệu nói: — Quả-nhân xin vâng lời ông.

3. — Công-tôn Long can Bình-nguyên-quân đừng thụ phong

Tần đánh Triệu, Bình-nguyên quân sai người sang Ngụy cầu-cứu. Ngụy Tấn-lãng-quân đem binh đến dưới thành Hàn-đan thì Tần phải bãi binh.

Nguy-Khanh bèn nói với vua Triệu mà xin thêm phong ấp cho Bình-nguyên-quân rằng: « Không phải một tên lính nào vào chiến-đấu, không bị gây một ngọn mác nào, mà gỡ được hoạn-nạn cho cả hai bên, là nhờ ở sức Bình-nguyên-quân đó. Dùng sức của người ta mà quên công của người ta thì sao phải. »

Triệu-vương nói: — Phải, ta cũng sắp phong thêm đất cho ông ấy đấy.

Công-tôn Long nghe biết chuyện ấy, đến yết Bình-nguyên-quân mà rằng: « Ngài trước đã không có công hao binh tổn tướng gì mà được phong ở Đông-vũ-thành, hào-kiệt nước Triệu còn nhiều người ở trên ngài mà ngài được

làm Tướng-quốc. Như thế là vì ngài là họ nhà vua. Ấy thế là ngài được phong ở Đông-vũ-thành mà không chối từ là mình vô công, được đeo tướng-ấn nước Triệu mà không chối từ là mình vô-tài. Nay mới một lần gỡ được quốc-nạn thì đòi thêm phong ấp. Thế tất là kẻ tôn-thất được phong thì người trong nước

người ta xét lại công-lao đó. Nghĩ kể cho ngài, chi bằng không thụ phong nữa là ổn »

Bình-nguyên-quân nói : « Xin vâng, »
Rồi không thụ-phong

(Còn nữa)

ĐỒ-NAM-TỬ

TIẾNG NAM BẮC KHÁC NHAU (Tự-vựng Hà-nội-Sài-gòn)

Theo văn quốc-ngữ, tiếng nói trong Nam nói khác ngoài Bắc nhiều lắm. Tất cả một văn V trong Nam nói ra văn D hết thấy, như : vào thì nói dào, vô thì nói dô, vừa thì nói dừa, vân-vân. Bởi tiếng nói như vậy cho nên khi viết cũng theo tiếng nói, trong các sách in thường có chỗ vay viết ra dầy, vâng viết ra dâng. Lại còn mấy văn goa, qua và hoa nói hơi dĩa dĩa như nhau. Về văn trắc quốc-ngữ thì những văn cuối cùng có chữ C, T lẫn nhau, có G không G lẫn nhau, ách ắt lẫn nhau, bởi vậy cho nên mặt viết ra mặc, ban viết ra bang, bèn viết ra bêng, bách viết ra bắt, lại cũng có khi ịch viết ra ít nữa. Còn các dấu thì dấu 〃 và dấu ˆ không phân-biệt, hai dấu ấy số dùng nhiều hơn là dấu ˆ, trong các hộp chữ các nhà in, hễ dùng hết dấu ˆ rồi dùng sang dấu 〃, hoặc khi bỏ chữ thì hai dấu ấy bỏ lẫn nhau, mà khi viết thì cơ-hồ không dùng dấu ngã, chỉ dùng chung một dấu như dấu hỏi kiêu in mà thôi ; dấu nặng cũng thường khi lạc sang dấu hỏi nữa.

Tiếng nói trong một nước mà nói tiếng này sang tiếng khác được, viết lẫn chữ này sang chữ khác được, thế thì tiếng nói không có thể một ngày một giàu thêm lên mà lại phải nghèo bớt đi, như vậy có thể gọi là sai lầm hay là không đúng.

Tuy vậy, chữ quốc-ngữ phổ-thông ở trong Nam trước ngoài Bắc, những

sách và tự-điển trong Nam ngày trước in đúng hơn các sách trong Nam ngày nay, thế thì cái sai đó có lẽ tự tại ngày nay không dễ tri đến. Nay quốc-ngữ đã thành một lối chữ riêng của cả nước Việt-Nam ta, muốn cho Nam Bắc một nhà, tâm đầu ý hợp, tưởng về phương-diện quốc-âm ta cần phải lưu-tâm lắm. Cái đặc-sắc viết quốc-ngữ ở trong Nam là phân-biệt được đúng những văn tr, ch, d, gi, r, s và x, còn về những tiếng danh-từ dùng khác ngoài Bắc, cũng không có bao nhiêu, tiện đây xin biên mấy tiếng Bắc Nam nói khác nhau, gọi là « Tự-vựng tiếng Hà-nội-Sài-gòn, » trong bản này có tiếng thông-dụng ở Sài-gòn mà không thông-dụng ở Lục-châu, cũng như ở ngoài Bắc có tiếng thông-dụng ở thôn-quê mà không thông-dụng ở Hà-nội, vậy lấy hai nơi đó làm trung-điểm. Tự-vựng cộng có 330 tiếng, có tiếng hơi giống, có tiếng khác hẳn, có tiếng trái lại, có tiếng dịch hơi khác nguyên-ý, không đủ nghĩa, tưởng điều đó cũng là một lẽ cố-nhiên. Còn như muốn cho lối văn trong Nam ngoài Bắc viết được đúng nhau, thì phạm - vi bài này chưa kịp bàn đến, mong các độc-giả trong nước sẽ lưu-tâm về quốc-âm mà nghĩ đến tiếng nói và chữ viết phổ-thông của cả Bắc Nam thì cái nạn gặp nhau coi nhau như người nước ngoài, tưởng cũng tránh được không khó.

A

Ăn sang trọng, ăn ngon.	Ăn sướng.
Ăn kham-khở	Ăn cực.
Ăn vụng	Ăn lén.
Ăn công	Ăn bạc.
Ăn tiêu	Tiêu xài.
Anh, em (nhân-tình)	Qua, bầu.
Anh cả, anh trưởng	Anh hai.
Áo quần giặt là	Đồ ủi.

Ở

Ở nhờ	Ở đậu.
Ở nhà quê	Ở trong đồng.

B

Ba xu	Ba chim, tiền rưỡi.
Bận lắm	Mắc quá.
Bận thắm	Bận chặm.
Bận-phận	Bồn-phận.
Bảo-tàng	Bửu-tạng.
Bánh da	Bánh tráng.
Bánh chưng, bánh nếp	Bánh tét.
Bánh tày	Bánh mỳ.
Bệnh, đau yếu	Bịnh, đau.
Bỏ chữ (việc nhà in)	Trả chữ.
Bố vợ	Ông sui.
Bốc thuốc, cắt thuốc	Hốt thuốc.
Bốn xu	Bốn chim, hai tiền.
Bằng gỗ	Bằng cây.
Bit tất	Giớ.
Bốn hào	Hai quan.
Bí đỏ (quả)	Bi rợ.

C

Cá khô	Khô.
Cá mẫn	Mẫn.
Cái duộc	Cái công.
Cãi nhau	Rầy lộn.
Cát hung	Kiết hung.
Cái đĩa	Cái đĩa.
Cái chum	Cái lu.
Cái cốc	— li.
Cái mũ	— nón.
Cái thìa	— muỗng.
Cái tem (timbre)	Con cò, cò.
Cái bát ăn cơm	Cái chén.
Cái bát chiết yêu,	— lộ.
bát chậu	
Cái bếp kiềng	Cái cà ràng.
Cái quần bút, bút	Cây viết.
Cái thuyền	Cái ghe.
Cái hòm	— rương.

Cá quả, cá chuối	Cá lóc.
Cái bao diêm	Cái ống quẹt.
Cành cây	Nhánh cây.
Chập lại	Vọt lại.
Còn nhiều, có nhiều	Còn hiêm, hiêm.
Chút đỉnh	Chút xin.
Chim chuột, giai gái	Mèo chó.
Cuiều hôm qua	Hồi hôm.
Chụp ảnh phóng-đại	Rọi hình.
Cha tôi	Ông già tôi.
Chè	Trà.
Chộp được	lộp được.
Chát bóp	Chát lót.
Chiều hôm nay	Bữa hôm này.
Cái âu đồng	Cái ô.
Cái cúc áo	Cái nút áo.
Cái ghế vải	Cái ghế bố.
Có nhiều lắm	Có hung.
Con chấy	Con chi.
Con thạch-sùng	Con thần-lăn.
Con thần-lăn	Con thạch-sùng.
Công việc	Cộng chuyện.
Cửa hàng	Tiệm, cửa tiệm.
Con lợn	Con heo.
Công-sứ	Tham-biên.
Cương-thường	Cang-thường.
Cổ tay	Cờm tay.
Cổ chân	Cờm chun.
Con giai	Con trai.
Con cây hương	Con chồn.
Cây thông	Cây ngo.
Cái tăm	Cây xĩa rặng.
Cầu vòng	Mống trời.
Con ngan	Con sim, con vịt xiêm
Con cừu	Con trừu.
Con hoẵng	Con mang.
Con hùm	Ông cạp.

D

Dầu hộp, dầu máy	Dầu nhớt.
Dầu vừng	— mè.
Dầu thầu dầu	— sô.
Dầu hỏa	— hôi.
Dần dần	Lần lần.
Dan hàng	Căn phố.
Dây thép (fil de fer)	Kẽm.
Đeo mạ, rắc mạ	Xạ, xạ lúa.
Dịp tốt	Nhip tốt.
Dịch vào	Xit vô.
Đọc khoai	Cộng môn.
Đọc mùng	Cộng bà-khà.
Duyệt tòa, trình tòa	Ốp bộ.
Dựa cây	Mủ cây.
Dựa cao-xu	Dựa thung.

Đ

Đánh nhau
Đắp chân
Đất
Đánh rơi
Đem
Đèn đất
Đèn dầu hỏa
Đi rẽ tay phải
Đi thẳng
Đi trình cảm
Đèn, miếu, phủ
Đội xếp
Đồ tiền, đồi bạc
Đốc-lý, sở đốc-lý
Đuổi theo
Đùa bôn
Đừng có nên...
Đũa cả

Đánh lộn.
Đắp mền.
Mức.
Đánh rớt.
Đam.
Đèn khi đá.
Đèn dầu hôi.
Đi quẹo tay mặt.
Đi thẳng tuốt.
Đi cớ cò bốp.
Chùa.
Ma tà.
Thối bạc.
Xã-tây.
Rược theo.
Đùa dớn.
Mựa chớ nên...
Đũa bẽp.

G

Gà sống
Gác, nhà gác
Gáng sức
Giả làm
Giấy cáo-bạch
Giấy thấm
Giặt là
Giầu gia, thông-gia
Giả nhời
Giả tiền
Ghế ngựa, bực
Gio
Giầu không
Giạ lúa, một gia
Ghét dữ, ghét lắm
Giục-giã

Gà trống.
Lầu, nhà lầu.
Ràng sức.
Dối làm.
Giấy rải.
Giấy chặm.
Giặt ủi.
Suí gia.
Trả lời.
Trả tiền.
Dán (ván).
Tro.
Trầu.
Mỗi gia 40 litres.
Ghét hung.
Hối-hả.

H

Han-hoi
Hoàn lại
Hãng đầu ngựa (mes-sageries maritimes)
Hiền-hách
Hay
Hay nhĩ
Hảo hán
Họ Hoàng
Hãm máy
Hết sạch
Hiệu tây đen
Hiệu khách
Hạt tiêu sọ
Hai xu
Hai hão

Han-hoi.
Huàn lại.
Sở nhà rồng.
Hiền-hách.
Ngó
Hay nè.
Hảo hớn.
Họ Huỳnh.
Thăng máy.
Hê t trội, hết trơn trội.
Tiệm chà-già.
Tiệm chệt.
Tiền cà.
Tiền xu, hai chim.
Đồng, qóc tư, quan tiền.

Hào chỉ, một hào.
Hoa ngọc-lan
Hoa quả
Hôi rinh-rich
Hôi mấy giờ
Hũy thông-thả
Huyện, phủ
Họ Vũ

Các bạc.
Hoa sứ.
Bông trái.
Hôi bùng-sinh.
Lôi mấy giờ.
Thùng-thắng.
Quận.
Họ Vũ.

K

Khuyết áo
Ki-lô-mét
Điện-khi, điện
Khuỷu tay
Kiền khôn
Khách bộ-hành
Kính-trọng
Kê đơn thuốc
Kính trắng
Khách, chiếc

Khuy áo.
Cây số.
Hơi điên, hơi.
Cùi chỏ.
Càn khôn
Bộ hiềng.
Kính trọng.
Cho ta thuốc.
Kểng trắng.
Chết.

L

Lênh-đênh
Lam giồng, giồng giọt
Làm công việc gì
Làm xong chưa
Lá khoai
Lúa giỗ
Lúa nếp, gạo nếp
Lúa tẻ, gạo tẻ
Lọc
Luôn luôn
Lâm việc làng
Là quần áo
Lấp máy
Lò bát
Lấy dựa

Linh-dinh.
Lâm rầy.
Màn công truyên.
Làm rồi chưa
Lá môn
Lúa trồ.
Nếp.
Lúa, gạo.
Lược.
Hoài hoài
Lâm làng.
Ủi đồ.
Ráp máy.
Lò gốm.
Chích mu.

M

Một xu
Một hào (0p.10)
Mật-thám
Mãng trách, quở
Mắt lòng
Mẹ vợ
Mặt giới
Mặt giảng
Mặt mía
Mẹ tôi
Miếu thờ-thần
Mắt hết
Mặc áo
Một ngum (hộp) nước
Màn (muối)

Một chim, xu nhỏ
Một cắc (tiếng Hai
một giắc).
Linh kín.
Rầy ta.
Mếch lòng.
Bà suí.
Mặt trời.
Mặt trắng.
Đường non.
Bà già tôi.
Chùa ông tí.
Tiếng.
Bản đồ.
Một miếng nước.
Mùng.

Mai kia
 Một chút
 Một nghìn
 Một vạn
 Mắm tôm

Mai mốt.
Chút xiu.
Một ngàn.
Một muôn.
Mắm nem.

N

Nhiều tuổi, có tươi
 Người làm vườn
 Ngày chủ-nhật
 Nhanh-nhẹ
 Nhân-duyên
 Ngã lãn
 Nền
 Nến cơm
 Người làm mối (bà
 mối)
 Nghiện
 Người gù lưng
 Người (ai)
 Nhảm rượu (đánh
 chén)
 Ngồi cạnh
 Nắm tay
 Nước xuýt nước dùng
 Ngoài ruộng (đồng)
 Nhặt
 Nay
 Nhà thương làm phúc
 Ngày thượng-nguyên
 Ngày giỗ
 Ngày kia
 Nhiều tuổi hơn
 Nhặt lay
 Nhà gác
 Ném đi, quăng đi,
 đập đi, vứt đi
 Ngã
 Ngụp (lặn)
 Nói lấp, nói nhịu
 Nói láo, hỗn láo
 Nhớn bé, to nhỏ
 Nói thật
 Nho-lâm
 Năm hào
 Nghìn bạc

Trọng tuổi.
Phường rây.
Ngày chúa nhật.
Lanh-lẹ.
Nhơn duyên.
Té nhào.
Đèn cầy.
Đèn giội.
Mai đông.
Ghiền.
Người ốm ốm.
Cấp ràng (Caporal)
Nhau rượu.
Ngồi xề.
Củ tay.
Nước lèo.
Trong điền.
Lạt, lợt.
Này.
Nhà thương thí.
Ngày ngưng.
Ngày kỵ cơm, vía.
Bữa mốt.
Lớn tác hơn.
Lượm lấy.
Nhà lầu.
Liệng đi.
Té.
Ngộp.
Cà lăm.
Nói phách chó.
Lớn nhỏ.
Nói thiệt.
Nhu-lâm.
Nửa đồng.
Ngàn bạc.

P

Phúc
 Phải cần - thận, phải
 trông nom đấy
 Phân gio
 Phủ Thống - sứ
 (Thống-soái)
 Phủ-thủ

Phước.
Coi chừng chừng.
Phân tro.
Dinh Thượng-thơ.
Thầy pháp.

Q

Quả
 Quả dưa
 Quả na
 Quả mướp đắng
 Quay đất
 Quyền sách
 Quán bút
 Quả doi
 Quán du-côn

Trái.
 - thơm.
 - mạng cầu.
Trái ỏ hoa (khổ qua).
Bong vụ.
Cuốn sách.
Cây viết.
Trái mận.
Anh chị.

R

Rượu vang
 Rượu lậu
 Rằm rằm
 Rau cải cúc
 Rơi xuống
 Rau mùi
 Rét
 Rắc-rối
 Rành-mạch
 Rượu bia

Rượu chát.
Rượu rừng.
Rằm rằm.
Cải tần ô.
Rớt xuống.
Ngó, cây ngó.
Lạnh.
Cắc-ké.
Rành-rẻ.
Rượu la-ve.

S

Sáng hôm nay
 Sáng mai
 Sinh-bình
 Sinh
 Sở Lục-lộ
 Sông bễ
 Sáng nhoáng
 Soi đèn
 Sốt rét (bệnh)
 Sấp sứa

Sơm mơ này.
Sơm mơ mai.
Sanh-bình.
Trồ.
Trường-tiền.
Sông bển.
Sáng bển.
Rọi đèn.
Nóng lạnh.
Sấp sứa.

T

Trứng gà
 Trứng vịt
 Trông xem
 Táy
 Táy đen
 Tòa sứ (Công-sứ)
 Tri-phủ, tri-huyện
 Toàn-quyền
 Thống-sứ
 Tổng-đốc (hàm)
 Tuần-phủ (hàm)
 Trẻ con
 Thịnh suy
 Thẳng-hoặc
 Tinh-danh
 Thế thi
 Tiến-bộ

Hột gà.
Hột vịt.
Ngó coi.
Lang-sa.
Chà, chà-giã.
Tòa bố.
Chủ quận.
Chánh-soái.
Thống-đốc.
Đốc-phủ-sứ.
Đốc-phủ.
Con nít.
Thạnh suy.
Thoắn-hoặc.
Tánh-danh.
Vậy thì
Tấn-bộ.

Thoái-bộ
 Thực, thật
 Thơ-ký (chức)
 To sù, to tướng
 Tàn-tiền
 Tùng-thư
 Thư-quán
 Tra đồ ăn
 Thích, thú-vị
 Thế-giới
 Thối-tha
 Tim
 Tờ-mờ
 Tráp giàu
 Thanh-tân
 Triều-đình
 Thuốc tây
 Thịt lợn
 Thịt cừu
 Tờ trình
 Trình trước-ba
 Tức thì, nên phải
 Thuế môn-bài
 Tàu thủy
 Tiên-sinh
 Thịt bò khô
 Toét mắt (bệnh)

Thôi-bộ.
Thiệt.
Từ hàn.
Bư,
tiền, tặng.
Tùng-thư.
Thư-quán.
Nêm.
Sướng, khoái.
Thê-giới.
Thối-tha.
Kiểm.
Lu-mờ.
Quả trâu.
Thình-tân.
Trao-đình.
Thuốc sô.
Thịt heo.
Thịt trừu.
Tờ cớ.
Đóng bách-phân.
Tua, tua khá.
Thuế sanh-ý.
Tàu.
tiên sanh
Khô bò.
Bét mắt.

U

Ứng theo
 Ứng thuận
 Ước chừng

Khùng theo.
Chịu.
lối chừng.

Vào
 Vé (vé tàu)
 Ví-dụ
 Võ
 Vải lay
 Vạn
 Viên hồ lơ
 Vội-vàng
 Vừng

Xoay vùn
 Xoi côm
 Xối côm
 Xe mô-tô (xe binh-
 bịch)
 Xong
 Xum họp
 Xúc-xác
 Xướng giốc (xe)
 Xấu-hồ
 Xe tay, cao-xu
 Xe ô-tô
 Xe ngựa cửa kính
 Xe điện
 Xe đạp
 Xin quẻ thẻ
 Xà-phòng
 Xát

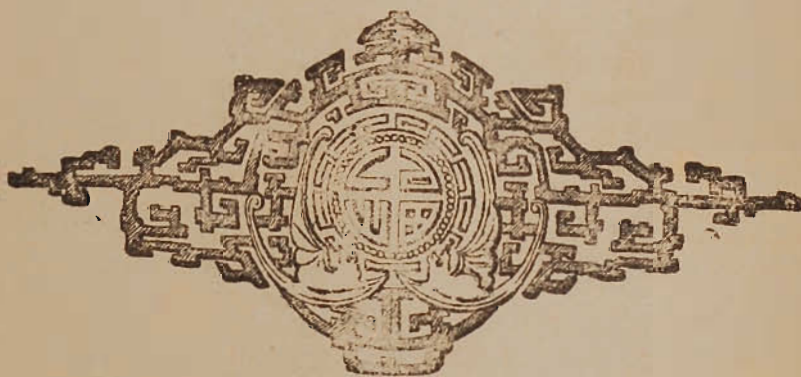
V

Vô, dồ.
 Giấy, giấy tàu.
 Tử thí.
 Bề.
 Xá.
 Muốn.
 Dương cục.
 Lật-đặt.
 Mè.

X

Xây vùn.
 Dùng côm.
 Xúc côm.
 Ô-tô xít.
 Rời.
 Xum hiệp.
 Lúc-lắc.
 Xướng trống.
 Mắc cỡ.
 Xe kéo, kéo.
 Xe hơi.
 Xe kiếng.
 Xe điện.
 Xe máy.
 Xin sâm.
 Xà bông.
 Chà.

NGUYỄN TỬ-LĂNG



THƠ VĂN CŨ NAM-KỶ

Phải lòng con gái

I

Khen ai khéo dưỡng một cây chanh,
Thích ý tình ưa muốn bẻ nhánh;
Đoái thấy trái kia phòng liếc tới,
Chực nhìn gai gốc phải đi quanh;
Lân-la lắm kẻ tình tranh-tú,
Diu-dập bao người ý rắp-danh;
Trái ấy muốn mua tình chẳng bán,
Nỡ nào cao-cách dạ bao đành.

II

Bao nhiêu con gái bảo lời cho,
Lịch-sự chi bằng lấy học-trò;
Nghe đạo thánh-hiền đà phỉ dạ,
Nếm mùi kinh-sử đối như no.

Nhớ bạn

(Thơ viết theo hình chữ thập)

Thương người nhớ bạn tưởng vắn-
[vương,
Vương-vấn tưởng bạn tình tha-thiết;
Thiết-tha tình bạn ngãi hơn-lương.
Lương - hơn ngãi bạn nhớ người
[thương (1).

Đi câu

Gãm trong bá nghệ thiếu chi đâu,
Thích ý đi câu cũng chước mầu;
Sấm-sửa mời thơm nơi vực thẳm,
Chiu-nương cần trúc dựa sông sâu;
Dối xưa quân-tử bìa còn sáng,
Nhớ thuở Thái-công tiếng hỏi lâu;
Thong-thả chiu-nương theo bốn-phận,
May dẫu gặp chỗ khỏi lo âu

Đi buôn

Buôn tàu lớn vốn dễ đâu a,
Nhỏ to toàn chích mặc ý ta;
Hóa-vật chỗ chuyên nơi chợ sớm,
Bửu-tài khắp được chốn phôi-pha;

Nhớ câu mai giá như tâm-ý,
Tưởng chữ thuận tình mặc thích-lha;
Dĩ nghĩa dĩ nhân chiều cũng gặp,
Ắt là sanh lợi dặng sau xa.

Đi cà

I

Nghề nông khuya sớm nhọc-nhắn thay,
Mưa xuống âu lo những việc cà;
Nối gót Tử-Lăng ra sức cày,
Nương roi Y-Doãn rạng công dày;
Phải thời mạ-mộng gieo nên tốt,
Gặp vận mùa-màng dặng khắp nơi;
Mới biết siêng-năng nhiều có lúa,
Người no nhà đủ nghĩ thêm hay.

II

Nhà nông lúc hạn thắm lo thay,
Mưa xuống dầm-dề thuận việc cà;
Khuya sớm chiu nương theo bạn tác,
Viễn vinh ruộng ngoại bởi công dày;
Hòa-miêu thanh-mộ trong đồng rộng,
Nhân-vật hoan-nhân khắp mọi nơi;
Bồn-nghiệp khân-nguyên đầu nữ phụ,
Xoay vần no đủ gấm cang hav.

Bình điền

Khen thay tạo-hóa rất nên hiền,
Thậm trách ai làm có bệnh điền;
Tụ-tọt mặt-mày coi bằng-lảng,
Giận-hờn cười thốt hóa phân-phiền;
Ấu lo công chuyện đà không tiện,
Nong-nả việc làng cũng chẳng siêng;
Triều khừ mộ hồi đầu có biết,
Quận lo ăn mặc với lo tiền.

Đi học

Thăm-thẳm rừng rù biết bấy thiên,
Phép ra đi học phải cho siêng;
Thi thơ chỉ tưởng dưng xao lảng,
Kinh sử ôm lòng phải gắng chuyên;
May dặng công-danh nhờ đạo thánh,
Nỗi lòng cha mẹ cảm ơn hiền;
Cho hay siêng học trời đầu phụ,
Ngàn thuở lưu-danh tiếng hỏi truyền(2).

(1) Nguyễn Xuân-Huy, tú-tài (1823-1916).

(2) Nguyễn Văn-Đoi. (1854-1914)

*
*
*
Hỏi-vấn tánh-được thi.

Trước kinh lạy trông ân bối-mẫu,
 Sau tỏ cùng thực-nữ hồng-hoa.
 Đòi ta từ bán-hạ giao-hòa,
 Lòng những ước liên-kiều hai họ.
 Duyên xích-thước anh đã gấn bó,
 Nghĩa quẽ-chi em khá ghi lòng.
 Mặc ai dầu trời tiếng phùng-phong,
 Đòi ta nguyện phụng-loan kiết-cánh.
 Ngồi nhớ tới đạo-nhơn cá m cảnh,
 Nỡ để cho quân-tử ưu-phiên.
 Muốn sao cho nhân-nghĩa huỳnh-liên,
 Thì mới đặng vui-vầy viễn-chí.
 Buồn ngồi chốn mạch-môn thặng-thỉ,
 Nhớ thuyền-quyên tục-đoạn gan vàng.
 Nghĩa mẹ cha nghĩa tổ hoải-san,
 Tình song nhạc tình đã đổ-trọng.
 Ngày vái với thiên-môn lộng-lộng,
 Đêm nguyện cùng thực-địa chiếu tri.
 Dạ muốn cho trọn chữ dương qui,
 Vây nên phải cạn lời bạch-truật.
 Bấy lâu tướng linh-tiêu phụng-dực,
 Nay mới trông độc-hoạt loan-phòng.
 Trách dạ em nhiều nỗi xuyên-khung,
 Chạnh tủi phận lòng này cam-toại.
 Vi nhãn-nhục không trông trái phải,
 Nỡ phụ người bạch-chỉ tri nhân.
 Tướng cùng nhau tụ hội Châu-Trần,
 Hay đâu bậu ký sanh viễn-địa.
 Nầy kinh-giới chẳng toàn nhân-nghĩa,
 Chốn tiên-hồ nguyện kết kiều-châm.
 Tai vẳng nghe trời tiếng huỳnh-cầm,
 Chạnh tủi phận đầm-đầm trạch-tả.
 Nhớ trinh-nữ dường đao cắt dạ,
 Quận nhân-bào tựa muối xát lòng.
 Ngùi châu-sa lụy ngọc ròng-ròng,
 Đoạn thần-khúc đề thơ trách bậu.

Chiêu dương cố-sự phú

Vườn mai rạng tỏ, cụm liễu giao
 nhánh ; thoại lâm trào trận gió hải-
 đường, mây chất-ngất giữa trời thổ-lộ.
 Thú vui bốn thú, đời dễ muôn đời.
 Có một người chỉ hứng lộng khơi, dòng
 lệnh - tộc danh Trương Thủ - Chi.
 Lòng thiết-thạch không tham phú-
 quý, dạ sắt đĩnh chí dốc thanh - nhân.

Nơi Thái-công ăn chốn Thạch - bàn,
 học Nghiêm-tử ngụ miền sơn-trạch.
 Ôn nhuần gội com đào nước mạnh.
 Dạ hằng chuyên chiếc hạnh áo tơi,
 Xem bông huê nghị hứng mặc chơi, dựa
 toán phụng ngâm-nga ngồi ngóng.

Thấy hang nhỏ đòi cua ăn bông,
 kiếm mồi ăn ngày tháng nuôi nhau.
 Cua cái bèn mình lột chịu đau, cua
 đực lại toan bề dưỡng-dục. Chồng nằm
 ngoài giữ loài hung-độc, vợ nằm trong
 kẻ chúng nghi ngờ. Những đợi chờ
 ngày lụn tháng qua, phút đến cũ mình
 an khoẻ mạnh. Chồng mừng vợ mạnh,
 vợ mừng chồng như cụm liễu giao
 nhánh. Cua cái bèn ngũ-tạng khỏe lành,
 cua đực lại tứ-chỉ chuyển lột. Tay chân
 yếu mười phần còn một, xương thịt
 mòn muôn mạch đều không. Lòng
 những tin có vợ nuôi chồng, hay đâu
 nỗi say trai đắm gái. Nhớ thù quên ngãi,
 nhớ oán quên ân. Vào trong hay cắt
 thịt xé thân, ra ngoài cửa ăn tươi nuốt
 sống.

Trương Thủ-Chi trong lòng cảm-
 động, dạ găm rằng nhân-vật dữ đồng.
 Bèn trở về tấu động cứu-trùng, cùng
 Đường-chúa tỏ bày sau trước.

Tổng bảng rao chư-hầu bá - tước,
 cùng thứ-dàn võ-sĩ văn giai. Có gã nào
 lực-sĩ anh-tài, giết đặng vợ đầu dâng
 bệ ngọc. Ngồi nhứt-phẩm quyền phong
 nhất thế, chức Tam - công lộc hưởng
 thiên-niên. Có một chàng lực-sĩ dưới
 hiên, ra vàng lệnh sát thê cầu tướng.
 Lãnh bảo-kiếm tạ từ ngọc-trường. Trở
 về nhà ngồi dựa thảo-đường. Chờ đêm
 khuya sẽ liệu kỳ - phương, đợi ngày
 vắng sẽ toan lực-đại. Nghe tiếng vợ
 than cùng con dại, thương cha con ở
 chốn chiến - trường. Thân cơ-hàn ăn
 tuyết năm sương, phận lao - khổ màn
 trời chiếu đất. Lo việc nước quên bề
 gia-thất, mắng phò vua phế rẫy thê-
 nhi. Đêm năm canh sầu tựa tử-qui,
 ngày sáu khắc thảm dường bố-cốc.
 Con có cha dường như cô-độc, gái có

chồng khác thể vọng-phu. Con thơ đức bốn ai tu, vợ yếu giềng ba ai gánh. Nghe tiếng vợ trong lòng cảm-cảnh, thấy mặt con dạ lại xót-xa. Đơm hai hàng nước mắt nhỏ sa, grom một cái đang cầm tay rã. Ruột cắt ruột lẽ đầu đành dạ, tay chém tay sự khó nan đương. Minh trối mình đem nạp trào-đường, tội chịu tội tâu qua thiên-tử. Lệnh trên phủ giám - quan cầm giữ, mới bỏ chàng lực-sĩ ngục-đường. Lệnh truyền rao khắp hết bốn phương, đem bằng dân chur-châu thiên-hạ.

Gái nào đành dạ mà giết đặng chồng, chém lấy đầu đem nạp bệ rồng, vua phong chức Hoàng - tôn quận-chúa. Có một nàng Nữ-Tổ, thật là gái vô-song. Nghe lệnh truyền như hỏa ngộ phong, thấy bằng dân đường ngr đặc thủy. Lòng bạc-ác như con Đát-kỷ, dạ gian-hùng chẳng khác họ Hàn, Cáo chín đười sao dám sánh gan, hùm ba miệng vừa đương xúng sức. Lãnh grom báu về nhà ngời chực, tài cầm grom tại cửa đứng sòng. Nghe tiếng chồng than-thở trong phòng, thấy con trẻ u-ơ trên chiếu. Một con nhỏ tuổi còn thơ yếu, không mẹ già khát sữa triu cha. Đã bỗng vào thôi lại ấm ra, trông chẳng thấy một khuya một vắng. Con buồn ngủ khóc thôi ả quận, cha dô con đương nhấp giắc nồng.

Nữ-Tổ bèn bước đến phòng trung, thấy chồng ngủ cầm grom giết thác. Lòng đã nên bạc-ác, dạ gian - hùng tham của hại người. Trên chẳng kiêng trời chín đất mười, dưới không kể hàng năm đạo sáu. Mạch còn tuôn máu, lá nõ rơi nhánh. Đạo tao-khang nõ dứt cho đành, duyên kinh - hổ nõ hoài cho đáng. Con đề vậy không hề động dạng, xách đầu chồng đem nạp bệ rồng. Trên dưới đều xem thấy hãi-hùng, trong ngoài cũng chau mày rơi lụy. Lệnh truyền rao quận-sĩ, bắt Nữ-Tổ gia-hình. Phân thây nàng tứ hải văn danh, xẻ thịt gã muôn đời tiếng nghị. Còn như

chàng lực-sĩ, phong cho chàng quân-ngoại chẵn dân.

Nghĩ sự đời nhân-vật đồng cân, đặt một bồn lưu-truyền thiên-hạ.

Xuân-Kiều văn-sách

Câu hỏi

Vấn gia-trung hữu nhất Xuân-Kiều ;
Sĩ-nhân dĩ phú-gia đồng-nhật lai vấn.
Phụ-mẫu dục khước sĩ-nhân nhi giá phú-gia.

Xuân - Kiều chi ý nãi viết :
Chẳng tham ruộng mẫu đôi liền,
Tham người hay chữ bút nghiên theo đời.

Thế-gian có câu vi rằng :
Thiên văn chớ lấy học trò,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.
Xuân-Kiều chi ý hà hậu ư thử nhi hạc ư bỉ dư?

Bài làm

Quyết hữu xuân-xanh thực-nữ, tuổi vừa hai tám trăng tròn, bướm gỏi thơ sang, nhận đưa tin đến.

Cũng có anh vốn làng hay chữ, muốn đề hồng-diệp chi duyên. Cũng có anh vốn trang nhà giàu, muốn đính kim-hoàn chi nghĩa.

Cha mẹ định liệu, duyên số chưa hài, nãi vấn chi Kiều-nương giả viết :

Một đóa đào liễu, đòi bên yến anh, bên có tái, bên có chữ, lòng con muốn định bên nào ?

Xuân kiều nãi khởi nhi đối viết :
Chẳng tham ruộng mẫu đôi liền,
Tham người hay chữ bút nghiên theo đời.

Quả bất như thị ngộ giả, khởi bất tri sở vị hiếu-học giả hồ ?

Tây cây nửa quả cây tre, lưng dai bảy thước, dĩ khổ rộng chi vải, hết một châu, hết châu rưởi, tưởng chưa đầy đôn xóc chi lưng :

Cơm cho trắng, cá cho ngon, ăn ngày ba bữa, vắt ngón tay chi tréo, nằm giường dưới lên giường trên, tự bất giác trưa ngày chi ngủ.

Thế-gian thiên-vân chi nói, lương-hữu dĩ dã.

Phù phú giả, tranh chi phủ dã, hữu đầu cá đầu tôm chi chấp vá, nhiên-hậu hữu quan dài quan vắn chi tiền, tức dĩ chi nhi tậu ruộng mẫu tậu ruộng liền, hà mạc phi vất cỏ chày chi sở do chi;

Lợi giả oán chi nguyên dã, hữu cỏ mèo cỏ chó chi buộc treo, nhiên-hậu hữu kho lớn kho con chi lúa, tức dĩ chi nhi tậu ruộng bầu tậu ruộng trọt, hà mạc phi rán sành mỡ chi sở do lai.

Cổ vô kỳ đức giả, yên hữu kỳ bản tai, tức trăm năm sau chi con cháu, ninh tri kỳ bất vi thiên-vạn-chủ chi điền; thử phú-giả bất khả tham chi minh-nghiệm dã.

Phù học-trò kỳ nhơn-trung chi bảo; kỳ tịch-thượng chi trân.

Bảng vàng bia gấm cội thánh-vực chi ru-đu, sôi nấu truyện kinh chi nghĩa lý;

Tuyệt án rềm thơ, vườn nho-lâm chi thông-thả, vui chơi trời đất chi văn-chương.

Trong mười năm rèn tập văn-chương, nguồn học-hải đào sâu, bài kinh chuốt bài truyện chuốt, mà bài văn-sách cũng thông, chữ nghĩa chắc trong tay chi khô-i-thâm;

Vừa ba năm gặp hội khoa-trường, bút văn-phong càng nhọn, đệ nhất tru đệ nhì ru, mà kỳ đệ-tam cũng tốt quyền kinh binh trên chiếu chi quan-trường.

Bảng thiên-môn chi dán một treo, tức tên hãn đồ đầu, tam tầng khóa võ-môn chi cấp-lãng;

Yến hoàng-cung chi ban dĩ lãnh, tức tờ về dã chóng, một tiếng vang bình-địa chi lôi-thanh.

Cờ mở bên đường chi rước, tức áo vải mà đai cân, chiếu lều mà lọng võng, anh học-trò mới đó, nghiêm-nhiên vi đài-các chi lệnh-ông;

Gấm về trong xã chi vinh, tức chị nho mà bà thám, thẳng đở mà câu chiêu, ông bà già nhà ta, huyền-nhiên tác cao-đường chi hầu cụ.

Lên chức quan ngoài quận trong trào chi qui, tức hèo huè grom bạc sáo về phụng rō-ràng, chông dù vợ võng chi nghênh-ngang, quyết bất chi như dãi gió dầu mưa chi bợn nọ;

Vừa gặp hội trăng thanh gió mát chi chiều, tức rượu cúc trà lan, chén quýn-tương ngào - ngạt, chông phượng vợ loan chi ch m-chệ, quyết bất-chi như dầm mưa dãi nắng chi đoàn kia.

Ông ra công-dường ngồi hỏi kiện, tức kẻ thừa người bằm, cúi đầu dạ chi mấy chú nhà giàu, lệnh một troàn mà nọc nọc vồ vồ, mạc bất bài lệnh-ông chi làm phúc;

Bà vào tư-thất năm nghĩ-ngoi, tức kẻ quạt người hầu, chấp tay kêu chi mấy anh cày ruộng, nạt một tiếng mà thừa thừa bằm bằm, mạc bất kinh bà lớn chi lên oai.

Chung khi ấy, sán lan cửa quế, con cháu đầy đàn; chiếu gấm màn hoa, ông bà giai lão.

Tiền thừa tiền, lúa thừa lúa, phát chi vi thiên khu vạn khoảnh chi điền, hà-hoạn-hồ cánh cò bay chi bất thẳng;

Vàng dư vàng, bạc dư bạc, tán chi vi lũy các trùng lâu chi cảnh, hà-hoạn-hồ xe ngựa tứ chi bất dung.

Xuân - Kiều hữu sở - kiến nhi vân nhiên dã.

Tánh-dược văn-tế

Hỡi ôi !

Miền địa-cốt xa dời;

Cửa thiên-môn vội hé.

Giấc trần-mộng hè lai xuân vắng, huè vừa kiết-cánh, cội dã héo-hon.

Kiếp phù-sinh vật-hoán tinh di, cảnh mới hợp-hoan, người đà phân rẽ.

Nhớ linh xưa :

Khi ở Quảng-bì trang nho-nhã, gặp hội lành đoạt giáp tranh khôi;

Lúc vào Nam-tinh trị y-phương, nhân thế-biến nhàn cư ẩn-sĩ.

Lòng đạo-vị nước non vui thú, thánng
ngày đặng chữ thung-dung ;

Cuộc phong-trần xe ngựa mặc ai,
khuya sớm giữ câu phòng-kỉ.

Vốn cũng biết trâm-anh phiệt-duyệt,
ngùi-ngùi vì lỗ dịp đương - qui ;

Đâu chẳng là thủy-thỏ quốc-vương,
nhẹ nhẹ mới băng chừng viển-chí.

Lương hạnh - hơn rộng mở, hay
giúp kẻ nghèo người khó, phòng sau
yến - ẩm thê - nhi ;

Lòng ích-chí khôn cùng, xa lo vợ yếu
con thơ, nên trước lập thành cơ-chỉ.

Phước mình gặp đương chừng hậu-
phác, cháu con xum-hiệp, cả nhà vui
hưởng cuộc xuân-đài ;

Số ai xui nên nổi bất - lưu, huê cỏ
ngậm ngùi, chéch bóng lại sang miền
nhược-thủy.

Ôi !

Núi thường-son thăm lấp, trăm năm
khôn kiểm cõi linh-xuân ;

Nền cố-chỉ sàu găng, ngàn dặm xa
trông làng tử-ly.

Mấy nhành quế-tử, hình én ủ-ê ;

Một cụm mầu-đơn, tiếng quỳên năn-
nỉ.

Thối từ nay, cha già con, thầy già tớ,
đau niềm phụ-tử, thăm thăm ả bắc
nhận bay ;

Thối từ nay, chồng xa vợ, anh xa em,
cảm nghĩa cốt-bì, cuộn cuộn dòng
đồng nước chảy.

Ngày nay hỡi một nhà tinh-tự, hương
đốt lăm-đường, đèn chong linh-tọa,
chỉ thiết cô-nhi quả-phụ, phục-linh xin
chứng tắc thành ;

Rạng mai rồi hai ngã âm-dương, chỉ
treo đơn-triệu, xe gác linh-nhi, nhân-
trần trở đạu hi-sinh, cam-thảo hết tình
theo lễ.

Hỡi ôi thương thay !

Hỡi ôi thương thay !

Bản vô-sự phú đa-ưu

Muốn suy kim cở ; nghĩ việc xưa sau.
Có của hề nhà giường nhà gác ;

Không của hề bữa cháo bữa rau.

Máu đỏ đầu đen đội trời hề với chúng
Tay lành chân mạnh đạp đất hề cùng
nhau.

Đạo xế chơi chiều, thông thả sường
thay kẻ khó ;

Thức khuya dậy sớm, ưu-phiền nhọc
bấy nhà giàu, giả - dã.

Nguyên phú nghèo :

Áo Tử-Lộ lang-thang ;

Bầu Nhan-Uyên lục-thục.

Nhà Nguyên-Hiến bóng trăng lỏ đồ.
chí lăm điền ngũ phần tam ;

Bếp Tăng - Sầm lửa đỏ leo - teo,
lòng dốc thi tam phú lục.

Học hành chí quyết ; nghĩa thông,
lý thông, mà văn-chương cũng thông ;

Sách vở lo-le, kinh thuộc, sử thuộc,
mà sử-ký cũng-thuộc.

Lần lần ngày hai cơm tẻ, không vay
Khải, nợ mượn Sùng ;

Khẩn - khẩn giữ một lòng son, tìm
nơi trong, lánh nơi đục.

Vậy cho nên :

Cày ruộng sách thuế tha sưu miễn,
lý - trưởng nghề cùng ;

Phất ngọn cờ, quân tới tướng lui,
Tây-dương thủ-thúc.

Vui đờn nhẹ, chà nhẹ như phật
như tiên ;

Vui rượu chơi, chà chơi không
cần không tục.

Giày hoa lóng-lánh, ngậm câu tuyết
bạch phong-quang ;

Bút thỏ lăm-li, họa dạng lan mai
trúc, cúc.

Tựa tây-hiên ngậm thi năm bảy vậ,
dạng khác chỉ bút võ mặc ca,

Đạo đông-ly hái cúc một đôi hoa, thối
vi tựa Vu-phong Nghi - đục.

Bước lên ghế di-thơ sở quỳên, uốn
lưỡi ngậm vận cũ lần lần ;

Mở màn ra nhật xuất tam can, tréo
môi hút điệu binh sục-sục.

Cái nghèo mà đặc đạo, sung-sướng
đã ghê đời, không lo khó nhọc, giả đã.

Nguyễn phú giàu :

Cướp người không gậy ;

Thắt chúng khi eo.

Cho vay một vốn bốn lời, hai ở
hai ống ;

Trả thiếu lưng ở nửa bát, đòi kẹp
đòi treo.

Dắt trâu cây, lấy ruộng sâu, thói ví
tựa như cường gia dành ồ ;

Lắm tiền ròng, nhiều bạc, chảy, chẳng
nài chi như ong nọ thối eo.

Bữa trưa tinh tới, bữa sớm tinh lui,
thắt mèo hề treo chó ;

Canh một chưa năm, canh năm đã
dậy, ấp vịt hề nuôi heo.

Cước chỗ kia, xắn chỗ nọ, tay lấm
chân bùn, thói ví tựa làm than chi khi ;

Cây chỗ nọ bừa góc kia bụng đói
cật rét dáng hình như bị ướt chi mèo.

Nói đến việc học-hành, cứ giữ buồng
the mà núp ;

Tranh những điều đục-lợi, chẳng từ
non núi cũng treo.

Vậy cho nên :

Chữ nghĩa lem-nhem, thắt bầy thẳng
đói ;

Gạo tiền rúc - rich, cướp mấy đũa
nghèo.

Hương-trung chi trẻ khá khá xong,
chười cũng sợ mắng cũng sợ ;

Dịch-lệ chi đoàn song song đôi, quở
dạ theo nọ dạ theo.

Cái giàu mà bất-đắc-đạo, chi ăn tro
năm trấu, cố nan kỳ cực, giả đã.

Nay hiệp giàu nghèo cho đình-chính,
hiệp cực-sướng ư thử-trung.

Không học không hành, người đục
tuy giàu cũng đục ;

Hay chữ hay nghĩa, kẻ trong tuy khó
cũng trong.

Nói đến việc giàu, chúa-Bản nhất
chiêu tai họa ;

Đổi theo phận khó, Bà-Di thiên-cổ
thanh-phong.

Văn tế.

Tiếng sùng đất rền ; lòng dân trời tỏ,
Mười năm công võ ruộng, chưa ai
còn tiếng nổi như phao ;

Một trận nghĩa đánh cừ, tuy là thác
tiếng vang như mõ.

Nhớ linh xưa :

Cui-cúc làm ăn ; toan lo nghèo khó.
Chẳng quen cung - ngựa, đầu tới
trông nhung ;

Chỉ biết ruộng trâu ở theo làng họ.
Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc
cấy, tay vốn quen lấm,

Tập sùng, tập mác, tập giáo tập ngũ,
mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong-hạc phập-phồng trong
mấy tháng, trông tin quan như trời
tạ trông mưa ;

Mùi tinh-chiên vấy-vá đã ba năm,
ghét thói nọ như nhà nong ghét cỏ.

Bữa thấy bông-bong dăng trắng lớp,
muốn tới ăn gan ;

Ngày xem vết khói chạy đen sì, muốn
ra cắn cỏ.

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin
ra sức đoạn-kinh ;

Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi,
chuyến này quyết ra tay bộ-hổ.

Khá khen thay ;

Chẳng phải thiết quân cơ quân vệ,
mà theo dòng ở lính giảng binh ;

Chẳng qua là dân xóm dân làng, bởi
mến nghĩa làm dân chiêu-mộ.

Mười tám ban võ-ngệ, chưa kịp
tập rền ;

Mấy mươi trận binh-thu, không chờ
bài bố.

Trên cật một manh áo vải, nào chờ
mang mã tấu bầu ngòi ;

Trong tay một ngọn tầm-vông, nào
chờ sắm dao tu nỏ gỗ.

Hỏa-mai đỡ bằng rom con cúi, mà
đốt xong nhà điện vậy kia ;

Gươm dao dững bằng lưỡi dao phay,
cũng chém đặng quân-quan chúng nó.

Chi chờ quan quản đóng trống ghi
trống thúc, đập xong lướt lối xem giặc
cũng như không;

Chi sợ kẻ cừu bắn đạn nhỏ đạn to, xô
cửa thẳng vào liều mình như chẳng có.

Kẻ dâm nạng người chém ngược,
làm cho má-tờ má-ní hồn kinh;

Đoàn ó trước lũ hè sau, trời kệ lâu
thiếc tàu đồng súng nổ.

Những vì làng nghĩa lâu dưng;

Đâu biết xác phàm vội bỏ.

Đoái sông Cần-giuộc, cỏ cây mấy
dậm sâu dặng;

Nhìn chợ Trường - bình, già trẻ hai
hàng lụy nhỏ.

Cũng chẳng phải ăn cướp ăn gian
đâu tới, mà làm quân đánh giặc cũng
cam tâm;

Vốn cũng chẳng giữ đồn giữ lũy bỏ đi,
mà hiệu lực theo quân cho đáng số.

Bởi nghĩ rằng: tấc đất ngọn rau, ân
chúa vun trồng cho nước nhà ta;

Bát cơm manh áo nợ đời mắc-mớ
chi ông cha nó.

Vì ai nổi quân quan khó-nhọc, ăn
tuyết năm sương;

Vì ai nên đồn-bảo tan - lành, xiêu
mưa ngã gió.

Sống làm chi theo quan khác điệu,
quăng binh hương xô bàn độc, thấy
vậy cũng thêm buồn;

Sống làm chi ở lính má-tờ, chia rượu
lạt ăn bánh mì, ăn sáo không biết hồ.

Chẳng thà thác mà đặng câu địch-
khải, về theo tổ-phụ cũng vinh;

Chẳng thà còn mà mang chữ hàng
người, ở với man-di rất khó.

Ôi thôi!

Chùa Lão-sơn gọi lại bóng trăng rằm,
Đông Sơn-lan một khắc đặng trả hồn,
chúc phận bạc trôi theo dòng nước đỏ.

Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ,
ngọn đèn khuya leo-lét trong lều;

Não-nùng thay vợ yếu chạy tìm
chồng, con bóng xế dật-dờ trước ngõ.
Một trận khói tan; ngàn năm tuyết rờ.

Binh tướng nó còn chờ sông Bến
Nghé, làm cho bốn phía mây đen;

Cửa nhà ta còn ở đất Đồng-Nai,
ai cứu một phen con đỏ.

Thác đặng trả nước non rồi nợ,
danh thơm đồn sáu tỉnh đều khen;

Thác đã ưng đền miếu dề thờ, tiếng,
quần Lịch muôn đời cũng mộ.

Trước đánh giặc sau cũng đánh giặc,
linh-hồn theo giúp cô binh đặng trả
thù kia;

Sống thờ vua thác cũng thờ vua, lời
dụ rành phong ấm - tử, đủ đền công
nợ.

Nước mắt anh-hùng lau chẳng ráo,
thương vì hai chữ thiên-dân;

Nén hương nghĩa-sĩ thấp càng thơm,
cám bởi một câu vương-thổ.

Đánh bạc phú.

Thả phù, phú dữ quý thị nhân chi sở
dục, bất dĩ kỳ đạo đắc chi bất xử dã.
Còn như bản dữ tiện thị nhân chi sở ố,
bất dĩ kỳ đạo đắc chi cũng bất khứ dã.
Nhất sanh hiệp mệnh chung tu hữu,
Vạn sự tưng tâm mạc cuống cầu.

Có phải là:

Giàu mà bất-ngãi bất-nhân, tám
mươi kiếp quân tham tính lặn;

Giàu mà không ăn không mặc, ba
mươi đời thẳng mọi giữ tiền.

Ngày sửa-sang rắp chốn li - phiên,
sợ lũ Đạo-Chính xoi tường khoét vách;

Đêm trần-trọc không an trảm-tịch,
sợ dòng Tào Mãng dòm-dỏ ngó coi.

Có phải:

Phú quý úy nhân thiên-hạ hữu,
Bần cùng tứ chí thế-gian vô.

Nói đi nói lại, nói sự chi cho hết sự
thị phi;

Luận tới luận lui, luận nghề chi cho
bằng nghề đánh bạc.

Chén da bò khui ra mới hậu, đại chiến-
đường dạng mặt Càng - long.

Con cò quay bạc lấy xuất hành, Cò
chú tống trở tay Khấu-Chuần.

Xí mừng chộ, ngẫu mừng áp,
.....

Xám xung cọt lượng xung thâu,
Có thắng bại mấy đồng tiền mốc.

Táng-cứ dục ngan dưới chiếu, manh
hành tàng, ai dễ thua ai ;

Băng - cao lẳng liễu trong trường,
đường lợi-hại, thế nào hay thế.

Túng nó táo, kẻ kêu thày, người kêu
cậu, bắt diệc lạc hồ ;

Thua vai xừ, vay bạc tháng đợ tiền
ngày, ta hà cập hỉ !

Mới biết: dắc chi dị hề thất chi dị,
Á hà ! sanh giả không hề tử giả không.

Thôi thôi : giàu giờ ngộ, khó giờ mùi,
trang hào-kiệt dễ luận câu thành-bại ;

Kẻ nói tí người nói sừ, chí nam-nhi
lo trả nợ phong-lưu.

Cố dặt thế nhà, sợ mang chữ tiểu-nhân
hoài-thổ .

Bán con đợ vợ, mừng đặng câu hiếu-tử
sự - thân.

Mưa rắng :

Thua mà sanh thói ngược thói xuôi,
vậy chớ Gia-Cát mới trả Kinh - châu
cho Công - Cẩn.

Mưa rắng :

Thua mà sanh lòng trộm cướp, vậy
chớ Võ-Ky sao trộm hồ-phù sang cứu
Nguyễn - quân.

Cho hay :

Đại-hiền kinh thế phương năng biến,
Quân-tử tri cơ thiện xử quyền.

Nào ai chừa mà ăn xâu thày Tử-Lộ,
cho nên thày mặc áo tẻ-bào ;

Nào ai hốt mà ăn cơm ông Khổng-
khâu, cho nên ông ăn cơm sơ-phạn .

Tuy là bữa no bữa đói, Bình phùng
thời cũng mặt Đế-sư ;

Tuy là áo cấp quần cùng, Diệt ngộ-
vận cũng nên tay Vương-bá.

Khuê-phụ đồ yên giới

Thiếp có nghe rằng :

Lạc bất khả cực,

Cực lạc sanh ai.

Dục bất khả tưng

Dục tưng thành tai.

Xét trông cổ vãng kim lai,
Nhiều người có biết, ít ai khỏi làm.

Nước đầy trong bát khá cầm,
Lạ thay một mảy, dục-tâm khó giăng.

Đã chen vào đám phong-trần,
Sắc tài tử khí bao giăng bốn bề.

Lánh bên nọ, mắc bên kia,
Nhảy ra ngoài khỏi thất thì thân-tiền.

Từ xưa các đấng thánh-hiền,
Nói sau nương giá lời truyền trong
kinh.

Rắn mình mà có bản-mình,
Ấy là phương thuốc dưỡng sinh ở đời.

Muốn vui theo cuộc chơi bởi,
Ngắm mình rồi phải soi người làm
gương.

Việc đời biết mấy muôn ngàn,
Nhắc cân lợi-hại lựa dằng an-nguy.

Phận hèn đâu sánh tề-mi,
Phải toan đỡ-tiệm phòng-vi xin trình.

Nha-phiến là thuốc hoa-lang,
Bạch ô hai sắc khí hương một mùi.

Thú chơi thanh-nhã cũng vui,
Mền nằm gối dựa mấy hồi nghiab-
ngang.

Trà thơm rượu tốt bỉ-bàng,
Trầu têm thuốc vấn, rổ-ràng đèn chong.

Tiêm đuôi chuột, móc đầu rồng,
Xà cừ khay cần, quân đồng ống hoa.

Phòng riêng màn gấm trướng sa,
Một hai ống khách năm ba chuyện-trò.

Sấm sanh hộp nhỏ nời to,
Mở rương lục-tặc, bày đồ bát-trần.

Cùng nhau giao mặt tréo chân,
Luận bàn tích cổ, phân-trần sự kim.

Nhập-thần đôi mắt lim-dim,
Hồn bay lỗ ống, phách chim đáy ly.

Liên nhau kể tháng luôa ngày,
Khỏi quen hơi mũi nhựa dầy lá gan.
Ngày đêm thức nhấp khác thường,

Bệnh nghiên rầy đã vương mang bên
minh.

Tướng bày môi nhợt da xanh,
Hết xưng tay quý, đã trình mặt ma.
Ai ngờ chút lửa đèn hoa,
Đốt lên dầu đất dầu nhà cũng tan.
Ai ngờ chút ống tre tàn,
Thổi ra trâu ruộng một đoàn cũng bay.
Tiền hao thêm lại mình gầy,
No chi tới vợ béo gì tới con.
E khi cửa hết tạt còn,
Trăm năm biết có vuông tròn cùng
chăng.

Đạo trời bĩ thái không chừng,
Đem mình đãi-các ra thân phong-trần.
Việc người mắt thấy đã từng,
Những phong-lưu ấy xin đừng là hay.
Nhỡn-tiền kể đến sự này.

Những người cờ bạc là tay hoang-loàng.
Rủ nhau hiệp lũ vầy đoàn,
Khai sòng đồ hột, lập bàn cờ di.
Ngủ chừ thiên cảo giống kì, (?)
Chỗ thi xoay võ, chỗ thi hốt me.
Sẵn nơi tiền mượn bạc thuê,

Ham bề lợi trước, quên bề hại sau.
Anh em đua cuộc doanh-thâu,
Tôi tham ai cũng muốn thu cho đầy.
Dỗ-dánh khéo kiếm lời hay,

Trong lòng thâm dặt gian này lặn kia.
Quen tay lâu thắm nước mê,
Sinh-nhai cũng bỏ, gia-thê cũng liêu.
Lần lần tháng ít năm nhiều,
Buổi mai vài chục, buổi chiều vài trăm.
Tới điều nhà bán đất cầm,

Như dao mài đá, như tấm ăn dẫu.
Phong-ba nổi trận cầu-âu,
Nhà ngang cũng ngã, phố lâu cũng chôn.
Giật mành nghĩ mới biết khôn,
Thì dả nước nọ đến chân đã rời.
Còn chi chi nữa là vui,

Đa-mang phận bạc ra hồi vận đen.
Trong tay sạch bạc ráo tiền,
Chú thua lúng túng, chú nghiên thân-thơ.
Tài-thần trở gót bước lơ,
Cái nên lánh mặt, cái hư theo mình.
Cùng đường khó lẽ chấp-kinh,

Dời lòng tráng-sĩ ra tình thất-phu.
Mưu thần toan chước dạ-du,
Trộm vàng Vương Khải, cắp thu Thạch-
Sùng.

Đọc sông liếc mắt nghiêng trông,
Rútthuyền Phạm Lãi mở phòng Tây-Phi.
Nóng lòng dương lúc thiên-mi,
Màng chi liêm-sĩ quẩn gì tử - sinh.
Đón người thương-khách bộ-hành,
Dẫu rằng vật trọng vật khinh dễ từ.

Như cồn đã nổi tiếng hư,
Dưới sông chạy mặt trên bờ vang tai.
Lời xưa tục-ngữ nào sai,

Chơi dao thì cũng có ngày đứt tay.
Đáo đầu thiên ác từ đây,
Quan binh bắt dặng án đây phương xa.

Ghe phen phép chẳng khứng tha,
Năm buông đại-hải ngòi nhà Côn-lôn.
Đứng trong sóng biển gió cồn,

Nát gan khừ-quốc, lạnh hồn ly-hương.
Xe đá núi, nhờ cỏ đường,
Cổ đeo gông ngắn, chân mang xiềng dài.

Xung quanh lạ cảnh lạ người,
Bơ-vơ ngàn dặm, lạc loài một thân.
Bùn vá áo, bụi may quần,

Thú non là vợ, chim rừng là con.
Xưa sao rượu tốt trà ngon,
Chừ sao cơm cục muối hòn thế ni.

Khi sao thuốc hộp đèn ly,
Chừ sao nhựa nhất nhựa nhì sạch trơn.
Xưa sao ngồi tiệm nhỡn-tiền,

Bạn cùng tứ-thánh bát-tiên một phòng.
Chừ sao khiêng đất đào sông,
Tạm yên chẳng thấy giúp công chút nào.

Khi sao nhảy thấp treo cao,
Tung-hoành đường vắng, hùng - hào
đêm thanh.

Chừ sao áo lục quần thanh,
Bụng teo gan thót mặt xanh sắc chàm.
Vui một thuở, thắm trăm năm,

Đói con rách vợ, bắc nam lạc bầy.
Người thân-thích, kẻ cố-tri,
Tài nào gỡ dặng, trí gì gỡ xong.

Trời xanh con mắt có trông,
Thấy người âu phải trước phòng thân ta.
Chủ trong là phận đàn bà,

Thờ chồng là một, việc nhà là hai.
 Phận hèn nào dám cười ai,
 Nghĩ câu dương cực âm hồi mà kinh,
 Sợ câu thiên-đạo ác-dinh,
 Liền theo chữ nhục, chữ vinh cùng gần.
 Hai điều quan-hệ tấm thân,
 Lo xa nên phải ân-cần khuyên-lon.
 Chi bằng luyện nét thiện-lương,
 Ở nhân nơi ngài lễ thường xưa nay.
 Sao cho đẹp mặt nở mày,
 Mũi lan thắm-tháp, hương bay trong ngoài.

Giúp nhân sẵn có người tài,
 Là tam ích hữu, ai là dễ mình.
 Xa gần nào-nức tham-danh,
 Đẹp duyên hương lửa, phẩm tình trước sau.

Khỏi trong đảng-tử côn-dồ,
 Khỏi sa vào chốn lao-tù như ai.
 Thoát vòng tử sắc khí tài,

Thua trang hiền-thánh hơn loài phàm-ngo.

Những từ duyên kết hảo-cừ,
 Ân-tình cũng lắm, công-phu cũng nhiều.
 Cát, la nay dựa nhánh tông,
 Ngửa trông quân-tử một đều là đây.
 Dám dẫu trái đạo xướng-tùy,
 Sửa dặng để dâm nhảy đi khỏi đầu.
 Cùng nhau chẵn chiếu bấy lâu,
 Sao cho vinh ám tiếng sau để truyền.
 Xin nghe tiện-thiếp lời khuyên,
 Giá bằng vàng bạc muôn tiền không hơn.

Trai tai bằng có quở quang,
 Dầu rằng chín giận mười hờn cũng cam,
 Mai-xai ít chữ lam-nham,
 Soi đời gọi chút để làm gương chung.

NGUYỄN VĂN-KIỆM sao-lục

MANH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH

孟子國文解釋

XXXVI

XIII

不喜聞曰。孟爲正仲魯
 寐。而之吾子政。子樂欲

Dịch-âm.— Lỗ dục sử Nhạc Chính-tử vì chính. Mạnh-tử viết: « Ngó văn chi hỉ nhi bất mị. »

DỊCH-NGHĨA.— Nước Lỗ sắp muốn cho Nhạc Chính-tử cầm quyền chính-trị. Thầy Mạnh nói rằng: « Ta nghe tin ấy, mừng rằng đạo ta có cái cơ thi hành được, mà quên đi chẳng ngủ.

Chú-giải. Nhạc Chính-tử = Học trò thầy Mạnh.

Dịch-âm.— Công - Tôn Sửu viết: « Nhạc Chính - tử cường hồ? » Viết: « Phủ ». « Hữu trí lực hồ? » Viết: P^hủ. « Đa văn thức hồ? » Viết: « Phủ ».

DỊCH-NGHĨA.— Công-Tôn Sửu hỏi rằng: « Nhà thầy mừng như vậy tất là cái tài Chính-tử đủ trị nước Lỗ, thế thì Chính-tử là người cường-nghị đấy ư? » Thầy Mạnh rằng: « Không ». Sửu hỏi: « Là người có trí-lực đấy ư? » Thầy Mạnh rằng: « Không » — « Là người rộng nghe nhiều biết đấy ư? » Thầy Mạnh rằng: « Không ».

曰。公孫丑
 曰。樂正
 曰。強乎。
 曰。否。有
 曰。知虛乎。
 曰。否。多
 曰。開識乎。
 曰。否。

魯國乎。
 天下而况
 好善優於
 善足乎。曰。
 也好善。好
 曰。其爲人
 喜而不寐。
 然則曷爲

Dịch-âm — « *Nhiên tắc hề vi hỉ nhi bất mị ?* » *Viết* : « *Kỳ vi nhân dã hiếu-thiện.* » « *Hiếu-thiện túc hồ ?* » *Viết* : « *Hiếu-thiện ưu ư thiên-hạ, nhi hưởng Lỗ-quốc hồ ?* »

DỊCH-NGHĨA. — *Sửu* hỏi rằng : « *Thế thì nhà thầy làm sao lại mừng mà chẳng ngủ ?* » *Thầy Mạnh* nói rằng : « *Chính-tử là người hay yêu-mến cái tài giỏi của người.* » *Sửu* hỏi rằng : « *Một nết hay yêu-mến cái tài giỏi của người mà đủ trị nước Lỗ ư ?* » *Thầy Mạnh* nói rằng : « *Cái nết hay yêu-mến tài giỏi của người đem ra trị thiên-hạ còn có sức thừa, phương-chi là một nước Lỗ.* »

Chú-giải. — *Hiếu-thiện* = Yêu-mến những điều tài-dức của người mà rộng lượng bao-dung. *Ưu* = Có thừa, ý là nói cai-trị thừa sức.

以 來 千 皆 海 善 夫
善 告 里 將 之 則 苟
之 而 輕 內 四 好

Dịch-âm.— « *Phù cầu hiếu thiện, tắc tử-hải chi nội, giai tương khinh thiên-lý nhi lai cáo chi dĩ thiện.* »

DỊCH-NGHĨA. — *Kia* như *minh* nếu *thực* yêu - mến những điều hay của người, thì người trong *bố* a bề, đều chẳng *quản-ngại* gì nghìn dặm, mà *dem* đến bảo *minh* lấy điều hay.

Chú-giải. — *Khinh* = *Khinh* - *dị*, là nói chẳng *quản* - *ngại* gì *khó*.

欲 治 可 得 乎。
諂 面 諛 之 人 居 國
諛 之 人 至 矣 興 讒
里 之 外 則 讒 諂 面
里 之 外 士 止 於 千
音 顏 色 距 人 於 千
知 之 矣 訑 訑 之 聲
將 曰 訑 訑 予 既 已
夫 苟 不 好 善 則 人

Dịch-âm.— « *Phù cầu bất hiếu-thiện, tắc nhân tương viết : Di di, dư kỳ dĩ tri chi hỉ ; di-di chi thanh-âm nhan sắc, ư nhân ư thiên-lý chi ngoại ; sĩ chỉ ư thiên-lý chi ngoại, tắc sàm-siêm* »

diện du chi nhân chi hỉ ; dữ sàm - siêm diện chi nhân ư, quốc dục trị khả đắc hồ ? »

DỊCH-NGHĨA.— « *Này* như *minh* nếu *chẳng* yêu *mến* điều hay của người, thì người *thiên-hạ* chắc *bản* riêng với nhau rằng *kể* kia coi cái *dáng-bộ* di-di, *tự*-*đắc* là ta đã *biết* cả rồi. Cái *bộ* *thanh-âm* *nhan-sắc* di-di ấy, làm cho *cự-tuyệt* cả người *hiền-tài* ở ngoài nghìn dặm, *kể* *hiền-sĩ* đã *đứng* *dừng* lại ở ngoài nghìn dặm mà *chẳng* thêm đến, thì *lũ* người *gièm-pha* *dua-nịnh* tất đến ngay. Cùng với *lũ* người *gièm-pha* *dua* - *nịnh* ở, thì *lời* nói phải *chẳng* được *nghe*, *chính-sự* hay *chẳng* biết *làm*, như vậy mà *muốn* cho *nước* *binh-trị* có thể *được* *chẳng* ? »

Chú-giải. — *Di-di* = *Dáng* *bộ* *cây* *minh* là *giỏi*, *chẳng* *thích* *nghe* điều hay *lời* phải.

Toàn *chương* này là nói *việc* *hành-chính* *quí-hồ* hay *dung-nạp* được người *hiền-tài* trong *thiên-hạ*, *chớ* không *phải* chỉ *cây* ở *điều* *sổ-trưởng* của *minh*.

XIV

去 就 子 則 子 古 陳
三 三 曰 仕 何 之 子
所 所 孟 如 君 曰

Dịch-âm.— *Trần-tử* viết : « *Cổ chi quân-tử, hà như tắc sĩ ?* » *Mạnh-tử* viết : « *Sổ tỵ tam, sở khứ tam.* »

DỊCH-NGHĨA.— *Trần-tử* hỏi rằng : « *Đấng quân-tử đời xưa, thế nào thì ra làm quan ?* » *Thầy Mạnh* nói rằng : « *Đấng quân-tử chỉ tùy từng lúc gặp-gỡ tiếp-dãi, nên tới mà ra làm quan có ba hạng ; nên bỏ mà đi cũng có ba hạng.* »

則 弗 未 之 也 行 禮 敬 迎
去 行 衰 禮 則 其 言 以 之
之 也 言 貌 就 言 將 有 致

Dịch-âm.— « *Nghênh* *chi* *trí* *kính* *dĩ* *hữu* *lễ*, *ngôn* *tương* *hành* *kỳ* *ngôn* *dã*, *tắc* *tỵ* *chi*. *Lê* *mạo* *vị* *suy*, *ngôn* *phát* *hành* *dã*, *tắc* *khứ* *chi*.

DỊCH-NGHĨA.— « Gặp được ông vua nghênh-tiếp mình trong rất kính mà ngoài hết lễ, bàn nói điều gì ông vua cũng đem thi-hành lời mình nói, thì nên tởi mà làm quan. Còn như tiếp-đãi lễ mạo tuy chữa kém bớt, nhưng lời nói mình chẳng thấy thi-hành, thì nên bỏ mà đi.

則去之。禮貌衰。則就之。以有禮。之致敬。言也。迎。未行其。其次雖

Dịch-âm.— « Kỳ thứ tuy vị hành kỳ ngôn dã, nghênh chỉ trí kính dĩ hữu lễ, tác tự chi ; lễ mạo suy, tác khứ chi.

Dịch - NGHĨA.— « Bậc thứ hai thì dẫu chữa thi-hành lời nói mình, nhưng tiếp - đãi mình rất kính mà hết lễ, thì nên tởi mà làm quan. Khi nào thấy lễ-mạo ông vua tiếp-đãi mình suy-kém thì nên bỏ mà đi.

也。免死而已矣。恥之。周之亦可受。饑餓於我士地。吾不能從其言也。使者不能行其道。又戶君聞之曰。吾大食。飢餓不能出門。其下朝不食。夕不

Dịch-âm.— « Kỳ hạ chiêu bắt thực, tịch bắt thực, cơ ngã bất năng xuất môn hộ. Quân văn chi viết : Ngô đại giả bất năng hành kỳ đạo, hựu bất năng tông kỳ ngôn dã, sử cơ ngã u ngã thổ-địa, ngô sử chi. Chu chi diệc khả thụ dã, miễn tử nhi dĩ hĩ ».

DỊCH- NGHĨA.— « Bậc kém nữa thì ông vua bỏ mình, khiến mình sớm chẳng được ăn, chiều chẳng được ăn, đói khổ chẳng thể ra được khỏi cửa. Ông vua nghe biết hối lại mà rằng : « Ta điều lớn đã chẳng biết thi-hành đạo người ấy, lại chẳng biết nghe theo lời người ấy, khiến người ấy đói khổ ở đất nước ta, ta lấy làm xấu hổ ? » Rồi đem lương-bông chu-cấp cho, so

về nghĩa vua đối với dân, thì vua cho cũng nên vâng nhận, nhưng chỉ nên vâng nhận phần ít để khỏi chết mà thôi, rồi cũng bỏ mà đi. »

Chú-giải.— Toàn chương này là nói người quân-tử vẫn muốn ra làm quan để thi-hành đạo học của mình, nhưng phải tùy xem thời-ngũã để mà lui tới.

XV

奚舉於市。舉於海。百里。於士。孫叔敖。中。管夷吾舉。舉於魚鹽之。築之。膠鬲。傅說舉於版。於賦畝之中。孟子曰。舜發

Dịch-âm.— Mạnh-tử viết : « Thuấn phát u quyển-mẫu chi trung, Phó Duyệt cử u bản trúc chi gian, Giao Cách cử u ngư diêm chi trung, Quán Di-Ngô cử u sĩ, Tôn-Thúc Ngao cử u hải, Bách-Lý Hề cử u thị. »

DỊCH-NGHĨA.— Thầy Mạnh nói rằng : « Trai xem những bậc thánh-hiền đời xưa, như vua Thuấn phát-tích ở trong chốn ruộng-tương, ông Phó Duyệt cử lên ở nơi khiêng vác đắp đất, ông Giao-Cách cử lên ở tro. g nơi bán cá bán muối, Quán Di-Ngô thì cử lên từ khi bị tù với quan sĩ, Tôn Thúc-Ngao cử lên ở bến bẻ, Bách-Lý Hề cử lên ở nơi chợ.

Chú-giải.— Thuấn = Ông Thuấn cây ở núi Lịch-sơn, vua Nghiêu cất lên dùng, rồi truyền ngôi cho. Phó Duyệt = Ông Duyệt làm phu đắp đất ở nơi Phó-nham, vua Vũ-Đình nhà Thương cử lên làm tướng. Bản-trúc = Ván ghép lại đồ đất đắp làm tường. Giao-Cách = Ông Giao-Cách gặp đời loạn, làm nghề-nghiệp bán cá bán muối, vua Văn-vương nhà Châu cử lên làm quan. Quán Di-Ngô = Tức là Quán Trọng người Tề trốn sang nước Lỗ, bị làm tù, kẻ sĩ-quan áp-giải về nước Tề, Vua Hoàn-công cử lên làm tướng-quốc. Tôn Thúc - Ngao = Thúc-Ngao ẩn-cư ở bờ bẻ, vua Trang-vương nước Sở cử lên làm quan lệnh-doãn. Bách-Lý Hề = Bách-Lý Hề bị nhục đói ở chợ, vua Mục - công nước Tần cử lên làm quan dai-phu.

其動亂空筋骨苦於是故
所心其乏其骨其心是人天
不能忍所為身餓其志也降
。性。所。為。身。餓。其。志。也。必。先。大
。曾。以。拂。其。先。任
。益。以。拂。其。先。任

Dịch-âm. — « Cố thiên tương giáng đại-nhiệm ư thi nhân dã, tất tiền khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân-cốt, ngã kỳ thể phu, không phạp kỳ thân, hành phật loạn kỳ sở vi, sở dĩ động tâm nhân tính, tăng ích kỳ sở bất năng.

DỊCH-NGHĨA. — « Cho nên trời kia sắp - sửa giáng cái trách - nhiệm lớn cho người ấy, tất trước làm cho khổ cái tâm-chí người ấy, nhọc cái gân cốt người ấy, đòi cái thể - xác người ấy, cùng-túng cái thân người ấy, động làm gì thì làm cho trái-loạn cái ý mình muốn làm. Trời khiến như thế, là để cho khích - động cái tâm, kiên - nhẫn cái tính, thêm ích cho những điều chữa hay chữa làm được, mà rồi tái giới cả.

Chú-giải. — Hai tiết trên này là nói đấng thánh-hiền thường gặp lúc khổ-ách rồi sau mới hanh-thông, đề khuyên người ta nếu gặp vận truân-kiến phải nên cố gắng.

喻。聲。色。作。慮。心。改。然。人
而。發。徵。而。衡。困。後。恆
後。於。於。後。於。於。能。過

Dịch-âm — « Nhân hằng quá nhiên hậu năng cải, khổ ư tâm hành ư lự nhi hậu tác, trung ư sắc phật ư thanh nhi hậu dụ.

DỊCH-NGHĨA. — « Người bậc trung-thường thì thường có lỗi rồi sau mới biết đổi, khổ ở tâm ngang-trái ở bụng nghĩ rồi sau mới hay phân-khởi, nghiệm ở sắc người ngoài tức giận, phật ở tiếng người ngoài chê-bại, rồi sau mình mới biết tỉnh-ngộ.

Chú-giải. — Hành 衡 = Cũng như chữ hoành 橫 là ngang, n. hĩa là ngang-trái chẳng thuận. Dụ = Hiểu biết, tỉnh-ngộ.

Tiết này là nói bậc người trung-nhân có gặp khổn-khở bị người quở trách rồi mới hay đổi lỗi mà nên người khác.

恆者。外敵則士。家無入
亡。國患國無出拂法則

Dịch-âm. — « Nhập tắc vô pháp-gia bất-sĩ, xuất tắc vô địch-quốc ngoại-hoạn giả, quốc hằng vong.

DỊCH-NGHĨA. — « Một người như vậy, mà một nước cũng thế. Nếu trong một nước, trở vào trong thì không có nhà pháp-độ kẻ phụ-bật, trở ra ngoài thì không có nước khác cừu - địch, sự ngoài lo-lắng, nước như thế thì thường đến mất

Chú-giải. — Pháp-gia = Nhà nổi đời làm quan giữ-gìn pháp-độ, tức là nhà thế-thần. Bất-sĩ = Kẻ hiền-sĩ giúp đỡ can-ngân, tức như kẻ gián-thần.

Đây là suy rộng ra nói đến nước cũng vậy, có gặp lúc ưu-nguy, và có người khôn-phép phò-tà, thì mới giữ được nước.

也。安死患於知然
樂於而憂生後

Dịch-âm. — « Nhiên hậu tri sinh ư ưu hoạn, nhi tử ư an-lạc dã ».

DỊCH-NGHĨA. — « Xem thế mới biết rằng người ta thường sống về lo-lắng, mà thường chết về yên vui vậy ».

Chú-giải. — Câu này là tổng-kết cả mấy tiết trên, khuyên người ta ở trong lúc ưu-hoạn phải nên lo sinh-tồn, mà ở lúc yên vui chớ nên quên ưu-hoạn.

XVI

而教者。教不術教孟
已誨是誨屑矣。亦子
矣。之亦也之予多白。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Giáo diệc đa thuật hĩ, dư bất tiết chi giáo hối dã giả, thị diệc giáo-hối chi nhi dĩ hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Dạy người cũng có nhiều thuật vậy. Những người mà ta bắt - tiết dạy

bảo, nếu người ấy biết cảm-khích mà lui về sửa mình, thế cũng là ta dạy bảo cho người ấy đấy vậy ».

Chú-giải. — *Tiết* = Sạch. *Bất-tiết* = Chẳng cho người ấy là sạch-sẽ đáng dạy, mà cụ-tuyệt di, tức là một cách chẳng thêm dạy mà là dạy đấy, gọi là bất-tiết chỉ giáo-hối.

Chương này bảo người ta nên thể - nhận lấy ý dạy-bảo của người quân-tử để mà tu-tỉnh lấy mình.

Thiên tận-tâm thượng

盡 心 章 句 上

(Gồm bốn mươi sáu chương)

凡 四 十 六 章

I

天 則 其 也。其 者。其 月。孟 矣。知 性 知 性 知 心 盡 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử viết* : « *Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã, tri kỳ tính tác tri thiên hĩ.* »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta hay cùng - lý mà làm cho sung-mãn hết toàn-thể tâm mình, thì hay biết được cái lẽ trong bản-tính. Đã biết được cái lẽ trong bản-tính, thì biết được trời vậy.

Chú-giải. — *Tâm* = Một bản-thể thần-minh của người ta đủ cả mọi lẽ để ứng-phó với muôn việc. *Tính* = Cái lẽ vốn sẵn đủ ở trong tâm mà gốc tự trời phú cho. Vậy nên đã học đến cùng-lý tri-tri mà làm cho sung - mãn được hết cái lượng của tâm mình, thì tự khắc là biết suốt được tính-lý, đã biết được tính-lý, thì khá xét biết được nguyên-lý tự trời.

Đây là nói thiên-nhân nhất-lý, tâm - tính nhất nguyên, người ta phải học cho đến cùng-lý.

也。事 所 其 心。存
天 以 性。養 其

Dịch-âm. — « *Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã.* »

Dịch-Nghĩa. — « Kẻ học-giả hay gìn-giữ cái tâm mình cho thần-minh, thuận nuôi cái tính mình cho hồn-toàn, là đề thờ trời vậy.

Chú-giải. — Tâm với tính tức là trời ở đời tận-tâm dưỡng-tính tức là vâng theo lẽ trời, mà không dám trái vậy.

命 以 之。以 修 不 殀
也。立 所 俟 身 貳。壽

Dịch-âm. — « *Yếu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở-dĩ lập mệnh dã.* »

Dịch-Nghĩa. — « Đã biết được đến lẽ trời thì đối với sự chết non, sống lâu, chẳng lấy làm nghi-nhị gì cả, chỉ tu cái thân để đợi đến khi chế, là đề toàn lấy cái mệnh của trời phó cho vậy. »

Xét : Tâm với tính với trời đều là nhất-lý cả. Nói về lý thì gọi là trời, nói về bầm-thụ thì gọi là tính, nói về phần hồn dưỡng ở người thì gọi là tâm. Lại bởi phần thái - hư thì có tên gọi là trời, bởi phần khí-bóa thì có tên gọi là đạo, hợp thái-hư với khí thì có tên gọi là tính, hợp phần tính với tri-giác thì có tên gọi là tâm. Học-giả hay tận-tâm tri-tính, suy biết được đến lẽ trời, tức là học đến cùng-lý vậy ; lại hay tận-tâm dưỡng-tính, vâng theo lẽ trời, tức là học theo làm sự - thực vậy. Nếu chỉ học cho cùng-lý mà không hay làm theo sự-thực, thì không có bổ-ích gì cho mình cả. Nay đã học biết được đến lẽ trời mà trong lòng không có nghi-nhị gì về sự chết non sống lâu cả, tri đến như thế mới là cùng-lận, lại hay vâng theo lẽ trời, suốt đời tu lấy thân để đợi kỳ chết, để trọn vẹn lấy mệnh trời, nhân đến như thế mới là hoàn-toàn. Học đến như thế mới thực là trí nhân kiêm tận, thiên nhân hợp nhất vậy. (Dịch lời liên-nho)

II

正。受也。非曰。孟
其順命莫子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Mạc phi mệnh dã, thuận thụ kỳ chính.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Phạm sự cát-hung họa-phúc, sự gì chẳng phải là mệnh trời, nhưng người quân-tử chỉ sửa mình mà thuận chịu cái mệnh chính - đáng, chớ không so-sánh cầu may.

Chú-giải. — Chính = Cái mệnh số chính - đáng, trở những sự họa-phúc tự-nhiên, bỗng dưng nó đến.

Toàn chương này là tiếp theo chương trên nói thêm ra đề phát-minh về cái nghĩa lập-mệnh.

之巖立者知是
下。牆乎不命故

Dịch-âm. — « Thị cố tri mệnh giả bất lập hồ nham-tường chi hạ.

DỊCH-NGHĨA. — « Thế cho nên kẻ biết cái mệnh chính - đáng của trời chẳng khi nào đứng ở dưới chỗ tường sắp đổ.

Chú-giải. — Nham-tường = Nham nghĩa là nguy hiểm. nham-tường là cái tường nguy hiểm sắp đổ.

Tiết này là nói người đã biết mệnh-số thì không làm sự hiểm-ác đề đến mắc vào tai-va.

也。正死道盡
命者。而其

Dịch-âm. — « Tận kỳ đạo nhi tử giả, chính mệnh dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Kẻ đã hết được cái đạo tu-thân mà chết, là cái mệnh chính - đáng vậy.

命非死桎
也。正者梏

Dịch-âm. — « Chất-cốc tử giả phi chính mệnh dã.»

DỊCH NGHĨA. — « Kẻ tự mình làm ác bị gông cùm mà chết, chẳng phải là cái mệnh chính - đáng vậy ».

Chú giải. — Chất cốc = Gông cùm, cái đồ siêng xích chân tay kẻ có tội.

III

者求於求失之。求孟
也。在得有之。舍則子
我。也。益是則得曰。

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Cầu tắc đắc chi, sả tắc thất chi, thị cầu hữu ích ư đắc dã, cầu tại ngã giả dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Có một vật, chẳng cầu nó thì chớ, cầu nó thì được. Chẳng bỏ nó thì thôi, bỏ nó thì mất. Ấy là cầu mà có ích về sự được vậy. Vì là cầu những điều sẵn có ở trong tính ta đấy vậy.

Chú-giải. — Hữu-ích ư đắc = Là ý cầu nó chẳng khó-nhọc mà được nó rất dễ - dàng. Tại ngã = Sẵn có ở mình, trở những điều nhân điều nghĩa điều lễ điều tri ở trong tính mình sẵn có.

者求於求有道。求
也。在得無命。得之
外。也。益是之有

Dịch-âm. — « Cầu chi hữu đạo, đắc chi hữu mệnh, thị cầu vô-ích ư đắc dã, cầu tại ngoại giả dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Có một vật, cầu nó phải có đạo, không cầu cần được. Được nó đời có mệnh, không chắc hẳn được, ấy là cầu mà không ích về sự được vậy. Vì là cầu những vật ở ngoài thân ta đó vậy. »

Chú-giải. — Vô-ích ư đắc = Là ý cầu nó chỉ thiệt-tha hoài, mà được nó rất khó. Tại ngoại = Trở những vật phú-quí lợi-lộc ở ngoài thân ta.

IV

我備物曰。孟
矣。於皆爲子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Vạn vật giai bị ư ngã hi.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cái lẽ bản-nhiên của vạn-vật đều đủ cả ở trong tinh ta vậy.

Chú-giải. -- Vạn-vật = Tức là vạn-lý, lớn thì như những điều cương-thường luân-lý, nhỏ thì như những điều tế-vi trong các sự vật, những lẽ đương-nhiên ấy trong tinh-phận ta đều đủ cả.

大樂而反
焉莫誠身

Dịch-âm. — « Phấn thân nhi thành, lạc mạc đại yên,

DỊCH-NGHĨA. — « Xét lại mình ta, mà mọi lẽ ở trong tinh-phận mình đều thành-thực tự-nhiên cả, thì vui thú chẳng điều gì lớn hơn vậy.

焉莫求而彊
近仁行恕

Dịch-âm. — « Cưỡng thứ nhi hành, cầu nhân mạc cận yên »,

DỊCH-NGHĨA. — « Nếu chưa được thành-thực tự-nhiên, thì nên cố gắng theo về điều thứ mà làm, muốn cầu đến điều nhân, chẳng gì gần hơn đấy vậy. »

Chú-giải. — Thứ = Suy bụng ta ra bụng người, điều gì trong bụng mình chẳng muốn thì đừng đem điều ấy xử với người. Nhân = Những lẽ thành-thực tự-nhiên, không tạp tự-ý

Toàn - chương này là nói vạn-lý đương-nhiên đều đủ cả ở trong tinh-phận ta, xét lại mình ta mà tuyệt không có ý riêng đều là thành-thực tự-nhiên cả, thì vui thú biết chừng nào ! Nếu còn có tự-ý gián-cách, thì phải nên cố-gắng suy bụng ta ra bụng người mà làm theo công-lý, rồi tự-khắc là tìm đến điều nhân cũ g không xa vậy.

V

者知之終不習不行孟
衆具而身察矣著之子
也。道不由焉。而焉。而曰。

Dịch-âm — Mạnh-tử viết : « Hành chi nhi bất trừ yên, tập hĩ nhi bất sát yên, chung thân do chi, nhi bất tri kỳ đạo giả, chúng dã ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Hằng ngày theo làm đạo-lý mà chẳng biết cái lẽ đương-nhiên của đạo được rõ, học tập đạo-lý mà chẳng xét cái lẽ sở-dĩ-nhiên của đạo được tinh, vì thế nên nhiều người suốt đời noi đạo mà vẫn chẳng biết đạo vậy ».

Chú giải. — Đây là lời than tiếc cho kẻ học-giả vẫn hành-vi học-tập hằng ngày mà vẫn không hay tinh-tâm thể-nhận đạo-lý cho được rõ ràng, người thường thì chẳng trách chi, kẻ học-giả thì không nên thế.

VI

恥恥。恥恥。以不曰。孟
矣。無之無無。可人子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Nhân bất khả dĩ vô sỉ, vô sỉ chi sỉ, vô sỉ hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Cái tâm tự biết hổ thẹn ai là chẳng có, người ta chẳng nên không có cái tâm hổ-thẹn, đã biết không hổ-thẹn là xấu, thì tự biết đối ác làm thiện, không khi nào bị sự hổ nhục nữa ».

VII

矣。人之曰。羞
大於恥子

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Sĩ chi u nhân đại hĩ ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Điều xấu-hỗ quan-hệ ở người ta rất lớn.

Chú-giải. — Sĩ = Cái tâm hổ thẹn người ta vẫn sẵn có. Làm người mà giữ được cái tâm biết hổ thẹn thì tiến được lên cõi thành-hiến, nếu mất cái tâm hổ thẹn thì gần là loài cầm thú. Vậy nên cái tâm hổ thẹn quan-hệ về nhân-phẩm người ta rất lớn.

Toàn chương này là ý răn người vô-sĩ.

焉。用無巧變爲
恥所者之機

Dịch-âm. — « Vi cơ biến chi xảo giả, vô sở dụng sỉ yên.

DỊCH-NGHĨA. — « Kẻ làm những sự cơ-mưu biến-trá khôn-khéo, mà tự lấy

là m đặc-sách, là kẻ ấy bỏ mất cái tâm-hồ thẹn đi mà không dùng vậy.

Chú-giải. — Cơ = Cơ-muru hãm-hại người
Biến = Biến-trá lừa dối người.

有。若。人。不。不
人。何。若。恥

Dịch-âm. — « Bất sỉ bất nhược nhân, hà nhược nhân hữu. »

DỊCH-NGHĨA. — « Một sự vô - sỉ đã chẳng bằng người, thì đã mất hết bụng lương-tâm đi rồi, còn mong sự gì bằng người được nữa. »

VIII

况。見。禮。故。其。賢。好。孟
得。且。則。王。道。士。善。子
而。猶。不。公。而。何。而。而。曰
臣。不。得。不。忘。獨。而。忘。古
之。亟。亟。見。之。勢。然。古。之
之。亟。亟。見。之。勢。然。古。之
賢。王。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Cồ chi hiền vương, hiếu thiên nhi vong thế ; cồ chi hiền-sĩ, hà độc bất nhiên, lạc kỳ đạo nhi vong nhân chi thế, cồ vương công bất tri kính tận lễ, tắc bất đắc lữ kiến chi, kiến tả do bất đắc lữ, nhi huống đắc nhi thần chi hồ ! »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Đấng hiền-vương đời xưa yêu mến người hiền-đức mà quên cái thế-lực của mình. Kẻ hiền-sĩ đời xưa há lại chẳng thế, cũng tự vui cái đạo-đức của mình mà quên cái thế-lực của người, cho nên đấng vương - công chẳng tri-kính hết lễ, thì chẳng được hằng tiếp-kiến người hiền-sĩ. Tiếp-kiến còn chẳng được luôn luôn, nữa là cậy có tước-lộc mà sai khiến được kẻ hiền-sĩ ư ! »

Chú-giải. — Hiếu-thiện = Yêu mến cái tài-giỏi đức tốt của người hiền. Lữ = Hằng, luôn luôn.

Đây là nói đấng hiền-vương đời xưa lay nhún mình để tiếp kẻ sĩ ; mà kẻ hiền - sĩ thì cũng không chịu uốn cong đạo mình để cầu

lợi, ý là than tiếc cho kẻ sĩ đời nay chỉ lựa theo thế-lực của người để cầu lợi - lộc, mà không biết lấy đạo tự trọng vậy.

IX

遊。語。乎。好。曰。句。謂。孟
子。吾。遊。子。踐。宋。子

Dịch-âm. — Mạnh-tử vị Tống Câu-Tiền viết : « Tử hiếu du hồ ? Ngô ngữ tử du. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh bảo Tống Câu - Tiên rằng : « Nhà người muốn đi du-thuyết ư ? Ta bảo cho nhà người cái đạo đi du-thuyết. »

Chú-giải. — Du = Du - thuyết, đi chơi các nước chư-hầu, mà bày lời biện-thuyết.

驚。知。人。驚。之。人
驚。亦。不。驚。亦。知

Dịch-âm. — « Nhân tri chi diệc hiếu-hiêu, nhân bất tri diệc hiếu-hiêu. »

DỊCH-NGHĨA. — « Người đời biết tin dùng lời mình, mình cũng nhưng-nhưng. Người đời chẳng biết tin dùng lời mình, mình cũng nhưng-nhưng. »

Chú-giải. — Hiếu-hiêu = Vui thích tự nhiên mà không có lòng dục-vọng.

驚。可。樂。曰。驚。斯。曰。
矣。以。義。尊。驚。器。可。何
驚。則。德。矣。以。如

Dịch-âm. — Viết : « Hà như tư khả dĩ hiếu-hiêu hi. ». Viết : « Tôn đức lạc nghĩa, tắc khả dĩ hiếu-hiêu hi. »

DỊCH-NGHĨA. — Câu - Tiên hỏi rằng : « Thế nào thì có thể hiếu-hiêu được ? » Thầy Mạnh nói rằng : « Tôn-trọng điều đức của mình, vui thú điều nghĩa của mình mà chẳng mến cái vinh-hoa tước-lộc ở bề ngoài, thì có thể nhưng-nhưng được. »

離。達。失。窮。故
道。不。義。不。士

Dịch-âm. — « Cố sĩ cùng bất thất nghĩa, đạt bất li đạo. »

Dịch NGHĨA. — « Cho nên kẻ sĩ, lúc cũng vẫn giữ lấy nghĩa mà chẳng sai, lúc đạt cũng vẫn giữ lấy đạo mà chẳng bỏ.

Chú-giải. — Cùng = Lúc bản - tiện. Đạt = Lúc phú - qui.

Đây là nói chẳng vì cái cảnh - ngộ nó xui khiến được nình, lúc nào cũng giữ lấy đạo nghĩa mà không sai.

窮。不。道。達。得。義。窮
焉。失。故。不。已。故。不
望。民。離。焉。士。失

Dịch-âm. — « Cùng bất thất nghĩa, cố sĩ đắc kỷ yên. Đạt bất lệ đạo, cố dân bất thất vọng yên.

Dịch-NHĨA. — « Lúc cùng giữ điều nghĩa mà chẳng sai, thế là kẻ sĩ trọn vẹn được cái phẩm-hạnh của mình vậy. Lúc đạt vẫn giữ lấy đạo mà chẳng lìa, cho nên dân chẳng mất sự ngưỡng-vọng về kẻ sĩ vậy.

Chú-giải. — Đắc-kỷ = Giữ - gìn được phẩm-hạnh mình. Dân bất thất vọng = Dân vốn ngưỡng-vọng kẻ sĩ ra hành đạo để giúp đời, mà nay quả được như sở-vọng.

下。則。善。世。修。民。志。古
彙。其。窮。身。不。澤。之
善。身。則。見。得。加。人
天。達。獨。於。志。於。得

Dịch-âm. — « Cổ chi nhân, đắc chi trách gia ư dân, bất đắc chi tu thân hiện ư thế, cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên-hạ,

Dịch-NHĨA. — « Người đời xưa lúc đắc-chí, thì ơn-huệ ra khắp ở dân, lúc bất-đắc-chí, thì tu-thân để tỏ rõ cái danh-dự ở đời; lúc cùng thì vẫn giữ điều đức nghĩa mà độc thiện lấy cái thân, lúc đạt thì đem đức nghĩa ra dạy người mà kiêm-thiện cho cả thiên-hạ.»

Chú-giải. — Đắc-chí = Tức là lúc đạt. Bất-đắc-chí = Tức là lúc cùng. Độc-thiện = Tự-trị lấy mình cho hay. Kiêm-thiện = Đem điều hay mà cảm-hóa cả mọi người.

Toàn-chương này là khuyên kẻ du-sĩ nên giữ lấy đức-nghĩa mà tự-trọng.

X

興。文。士。豪。也。者。而。待。孟
王。雖。傑。若。凡。後。文。子
猶。無。之。夫。民。興。王。曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Đãi Văn-vương nhi hậu hưng giả phạm-dân dã; nhược phú hào-kiệt chi sĩ, tuy vô Văn-vương do hưng ».

Dịch-NHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Những kẻ đợi vua Văn-vương giáo-hóa mà sau mới phẫn-khởi làm điều thiện, là kẻ dân thường vậy. Đến như kẻ sĩ hào-kiệt, đâu không có vua Văn-vương giáo-hóa, cũng tự mình phẫn-khởi làm điều thiện ».

Chú-giải. — Hưng = Cảm-dộng phẫn-phát. Phạm-dân = Kẻ dân thường. Hào-kiệt = Người có tài-tri hơn người, không mê-hoặc về tình-dục mà hay tự-lập.

Chương này là khuyên người nên tự-lập như kẻ hào-kiệt, chớ không nên tự-khi như kẻ phạm-dân.

XI

人。然。自。家。韓。附。孟
遠。則。視。如。魏。之。子
矣。過。欲。其。之。以。曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết: « Phụ chi dĩ Hàn Ngụy chi gia, như kỳ tự thị khâm-nhiên, tắc quá nhân viễn hi.»

Dịch-NHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Co người đem cái phú-qui của họ Hàn họ Ngụy phụ thêm cho mình, mà mình coi như không, chẳng lấy gì làm tự-mãn, thế thì kiến-thức hơn người lắm vậy ».

Chú-giải. — Hàn Ngụy = Hai nhà giáo làm quan Khanh nước Tấn. Khâm-nhiên = Cái ý không tự-mãn-túc coi cái phú-qui cũng như không.

Chương này nói phú-qui là đồ ngoại - vật, không nên say-dắm, mới là người kiến-thức hơn người.

XII

殺。死。殺。以。勞。使。以。孟
者。不。怨。民。生。不。使。使。子
怨。雖。道。怨。難。道。曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết: « *Dĩ* đặt đạo sử dân, tuy lao bất oán; dĩ sinh đạo sát dân, tuy tử bất oán sát giả ».

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Kể làm người trên đem cái đạo muốn cho dân nhàn rỗi bất-đắc-dĩ mà phải sai khiến thì dân dẫu khó-nhọc mà chẳng oán; đem cái đạo muốn cho dân sống bất-đắc-dĩ mà phải giết dân, thì dân dẫu chết cũng bằng oán kẻ giết mình ».

Chú-giải. — *Dĩ* đặt đạo sử dân = Cái ý muốn cho dân an-nhàn, bất-đắc-dĩ mà phải sai dân, như khiến dân cần-mẫn về việc canh-nông vân-vân. *Sinh đạo sát dân* = Cái ý muốn cho dân sự sống được yên vui bất-đắc-dĩ mà phải giết, như những việc trừ bỏ kẻ gian-ác làm hại lương-dân.

XIII

也。皞者如民。霸孟
皞之也。驩者子
如民。王虞之曰。

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết: « *Bá-giả* chi dân, hoan ngu như dã; *ương-giả* chi dân, hao-hao như dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng: « Khi-tượng dân đời *Bá*, vui sướng một cách hi-hởn; khi-tượng dân đời *Vương*, thỏa thích một cách êm-đềm!

Chú-giải. — *Hoan-ngu* = Vui-vẻ, có ý cảm ơn người trên cõ-yũ cào, mà hi-hởn lấy làm vui. *Hao-hao* = Thênh-tuang rộng-rãi thỏa-thích một cách tự-nhiên, hình như quên cả ơn trên vậy.

之 不 遷 庸。之 不 殺
者 知 善 民 而 怨。之
為 而 曰 不 利 而

Dịch-âm. — « *Sát chi nhi* bất oán, lợi chi nhi bất dung, dân nhật thiện thiện nhi bất tri vì chi giả.

DỊCH-NGHĨA. — « *Giết bỏ* kẻ làm hại dân mà dân chẳng biết oán, lợi ích cho dân mà dân chẳng kể làm công, dân hằng ngày đời theo điều thiện mà chẳng biết ai giáo-hóa cho mình.

Chú-giải. — Đây là hình-dung cái khi-tượng dân đời *ương-giả*, không biết oán, không biết ơn, mà cũng chẳng biết ai dạy mình làm thiện, thực là một cái khi-tượng bạo-nhiên.

補 豈 地 下 者 化。所 天
之 口 同 與 神。所 過 君
哉。小 流。天 上 存 者 子。

Dịch-âm. — « *Phù quân-tử*, sở quá giả hóa, sở tồn giả thần, thượng hạ dữ thiên độn đồng lưu, khởi viết liệu bô chi tại ».

DỊCH-NGHĨA. — « *Ồi*, *Đấng quân-tử* cái thân kinh-lịch đến đâu thì người đều cảm-hóa, cái tâm chủ-định sự gì rat la thân-diệu, đức-nghiệp lớn-lao trên dưới cùng trời đất cùng vận-hóa, há như cái cách *bồ-cứu* nhỏ-nhặt đâu?»

Chú-giải. — *Quân-tử* = *Trở* bậc thành-nuân. Đây là kẻ cái đức-nghiệp rộng-lớn của bậc thành-nhân đời *Vương-giả*, khác với cái cách làm ơn-huệ nhỏ-nhặt như đời *Bá-giả*.

XIV

深 入 聲 如 言 曰。孟
也。人 之 仁 不 仁 子

Dịch-âm. — *Mạnh-tử* viết: « *Nhân-ngôn* bất như *nhân-thanh* chi nhập nhân - thâm dã.

DỊCH-NGHĨA. — *Trầy Mạnh* nói rằng: « *Lời nói nhân-hậu* chẳng bằng tiếng khen *nhân-đức* cảm đến người sau hơn vậy.

Chú-giải. — *Nhân-ngôn* = *Lời nói nhân-hậu* vô-vẻ khuyên-dỗ nhau-dân. *Nhân-thanh* = *Tiếng khen nhân-đức*, nghĩa là có cái sự thực làm điều nhân-ái, mà được người ta khen.

Đây là nói người trên thi-hành chính-giáo cho dân, một dạng là *không-ngôn*, còn là *tuần*; một dạng là *thực-huệ*, mới là *thâm*.

民 之 善 不 善
也。得 教 如 政

Dịch-âm. — « *Thiện-chính* bất như *thiện-giáo* chi đắc nhân dã.

DỊCH-NGHĨA. — « *Chính-trị* hay chẳng bằng *giáo-hóa* hay được lòng dân hơn vậy.

Chú-giải — Chính = Những sự phát-lệnh để hạn-chế bề ngoài. Giáo = Những điều đức lễ để dạy bảo dân cải-cách trong tâm.

民善得之。教畏善
心。教民善。民畏之。政
得財。政愛善民

Dịch-âm. — « Thiện chính dân úy chi, thiện giáo dân ái chi, thiện chính đức dân tài, thiện giáo đức dân tâm.

DỊCH-NGHĨA. — « Chính - trị hay dân sợ mà phải theo, giáo-hóa hay dân yêu mà tự-phục ; chính-trị hay thì được của dân giàu đủ ; giáo - hóa hay thì được lòng dân yêu mến ».

Chú-giải. — Đức dân-tài = Của dân tức là của vua, của dân phong-túc thì nhà vua cũng phong-túc. Đức dân tâm = Được lòng dân yêu mến, biết kính yêu người trên mà chẳng bỏ vua.

XV

也。甘而所良能不入子
良知不。能者。壽之。子
知孝。慮也。其而所曰。

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng dã ; sở bất tự nhi tri giả, kỳ lương tri dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta, cái sự gì chẳng đợi học-tập mà tự mình làm được, là cái lương-năng vậy ; cái lẽ gì chẳng đợi nghĩ-ngợi mà tự mình biết được, là cái lương-tri vậy.

Chú-giải. — Lương-năng lương-tri = Điều thiện bản-nhiên của trời phú cho, mà tự mình hay, tự mình biết được.

也。敬無其親知童孩。
甘不長也。愛無提之
兄知也。及其不之

Dịch-âm. — « Hải đề chí đồng, vô bất tri ái kỳ thân dã ; cấp kỳ trưởng dã, vô bất tri kính kỳ huynh dã.

DỊCH-NGHĨA. — « Đứa trẻ hải - đề không đứa nào chẳng biết yêu cha mẹ

nó, kịp nó lớn lên, không đứa nào chẳng biết kính anh nó.

Chú-giải. — Hải-đề = Hải = Cười đùa bỡ = Ôm ẵm. Đứa trẻ lên hai lên ba, biết cười đùa, khá ôm-ẵm.

Đây tức là nói rõ ra cái điều lương-tri lương-răng của đứa trẻ.

也。天達無義敬仁親
下之他。也。長也。親

Dịch-âm. — « Thân-thân nhân dã, kính trưởng nghĩa dã ; vô tha, đạt chi thiên-hạ dã. »

DỊCH-NGHĨA. — « Yêu đồng thân, tức là điều nhân vậy, kính kẻ huynh-trưởng tức là điều nghĩa vậy. Cái điều biết yêu biết kính mà cho là cái bản-tính nhân-nghĩa, không vì có gì khác đâu, vì là cái lòng kính yêu ấy suốt cả thiên-hạ ai ai cũng vậy. »

Chú-giải. — Chương này là nói ni ân nghĩa vốn là bản-tính trí năng của người ta, ai cũng cùng một tâm tính ấy, không phải đợi tìm ở đâu cả.

XVI

之決言。希。山其石深
能江見及之。所居山子
禦河。一其野。以與之
也。沛善聞人異鹿中
然行。一者於豕與
莫若善幾深遊木居

Dịch-âm. — Mạnh-tử viết : « Thuần chí cư thâm - sơn chi trung, dữ mộc thạch cư, dữ lộc tử du, kỳ sở-dĩ dĩ u thâm-sơn chi dã-nhân giả cơ hi, cấp kỳ văn nhất thiện ngôn, kiến nhất thiện hạnh, nhược quyết giang hà, bài-nhiên mạc chi năng ngự dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói rằng : « Ông Thuần khi còn ở trong núi sâu, cùng loài đá loài cây cùng ở, cùng loài hươu loài lợn cùng chơi, ông Thuần sở-dĩ khác với kẻ dã-nhân trong núi sâu có là bao. Kịp khi ông nghe một lời

thiện của người, thấy một nét thiện của người, thì ông sẵn lòng cảm-thông hiểu biết ngay, như khơi nước sông Giang sông Hà ào ào chảy g ã thể ngăn được, ông Thuấn sở dĩ hơn người là thế.»

Chú-giải. - *Cơ-hi* = Không mấy tí, không bao nhiêu. *Quyết* = Khoi, chảy.

Chương này là hình - dung cái tâm đấng thánh-nhân vốn là hồn-thiên hư-minh, nghe lẽ phải thì cảm-thông ngay như nước chảy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU VÀ TÙNG-VÂN dịch

TÂM GƯƠNG TÌNH

(*Boãn-thiên tiểu-thuyết*)

1. - Tái-sinh chữa rứt hương thề

Kẻ nhà giàu đất Trào - châu tên họ là Giang-Ông, có một người con trai là Giang Trùng, tiểu-tự là Man-tú. Người đất Trào thường gọi tiếng cực là tiếng man, vì Giang Trùng là người rất tuấn tú, cho nên đặt tên tự là Man-tú, nghĩa là cực tuấn-tú. Giang Trùng tuổi hai - mươi, học-tập nghề thi cử. Người mẹ là Tiêu-thị. Có người hàng cậu là Tiêu ông từng làm chức Bộ-lang, nhưng tạ-thế đã lâu ngày, chỉ có người hàng mợ tức là vợ Tiêu-ông là Vương-thị góa chõng ở nhà, có một con trai một con gái, con trai mới lên sáu tuổi. Người con gái tên tự là Miến-nhi, cùng với Giang Trùng đồng-tuế, mà xinh-đẹp chẳng ai sánh tầy. Những nhà trâm anh tranh nhau đến giạm hỏi. Vương - thị vì quá yêu con gái, kén rề rất hà-khắc, chẳng nơi nào là vừa ý. Giang Trùng tự thuở còn trái đạo, đã từng cùng Miến-nhi cùng làm hạng trẻ con chơi đùa. Kịp khi lớn lên, Giang Trùng thì chuyên việc thi-cử, Miến-nhi thì chăm việc thêu - thùa, hình - ảnh dẫu - vết hai người mới cùng nhau xa cách. Nhưng mỗi khi nào vì nghĩa thân-thích của hai nhà, nhân có sự gì mà được trông thấy mặt nhau, Giang Trùng thì nhất - tâm khuyh - hướng về Miến-nhi, thường mỉm cười tiếp-đón, Miến - nhi cũng nhất-ý chú - trọng về Giang Trùng,

thường để vào trong con mắt sanh mà đoái liếc. Hoặc khi Vương-thị chẳng ở trước mặt, Giang Trùng tất thiên-phương bách-kế, mưu cũng với Miến-nhi nói chuyện; Miến - nhi cũng sợ phật-ý Giang Trùng, nên cũng chẳng dám tiếe lời ứng-đáp.

Một hôm Giang Trùng với Miến-nhi cùng ở một nhà thân - thích khác dự tiệc thang - bính, hàng nữ-quyển đầy cả ở trong phòng. Sau khi đã ăn cơm xong, có người thi vào nhà trong thay áo, có người thi ra nơi khác rửa mặt chải tóc, có người thi ở trong viện thăm hoa hay hoặc bồn đập con bướm-bướm. Duy Miến-nhi một mình đứng ở dưới hiên. Chợt Giang Trùng tự bên ngoài lại, đối với Miến-nhi hỏi xin hạt cau, Miến-nhi thưa rằng không có, Giang Trùng làm ra điều chẳng tin mà trách lại Miến-nhi. Hai người đương cười nói, thì bà Vương-thị chợt đi đến, Miến - nhi kịp toan lui tránh, Vương-thị gọi mà ngăn lại rằng: « Mày cùng Giang-huynh mày thuở bé đã cùng chơi với nhau một đàn, vả lại là tình chõn thân-thích, chớ bắt-chước thói con nhà tầm-thường, không có gì mà cứ tránh náu.» Miến-nhi mỉm cười vàng lời. Giang Trùng liền thưa rằng: « Em Miến-nhi đòi cháu hạt cau, cháu lấy làm hạt đậu khấu đem phụng tặng, cho nên cười đấy thôi.» Vương - thị cũng

cười nói rằng : « Em Miến - nhi mày tinh nó hay ăn hạt cau, mày, cháu Giang-sinh, trong túi thuốc mày há lại thiếu cái vật ấy. Đã là nghĩa anh em với nhau, thì ngày khác đòi một trăm cân hạt cau, cũng chẳng là nhiều.» Miến-nhi với Giang Trùng đều cười. Từ đấy hai người đã được dần - dần thân-cận.

Lại nhân dịp Vương - thị có tiệc mừng thọ, Giang Trùng đi theo mẹ là Tiên-thị sang chúc thọ, gặp mưa mấy ngày, ngăn - trở chẳng thể về được. Khi ấy Tiên-thị với Vương-thị chuyê-trò cố - cự, đêm uống rượu ở nhà trong. Giang Trùng với Miến-nhi ngồi ở chỗ hiên mát khoảng nhà ngoài đánh bài với nhau bằng lối thẻ ngà súc quân, mà mặc-cả với nhau rằng bên nào thua thì phải chia bàn tay ra để bên được phát. Miến-nhi liền thua luôn. Giang Trùng đòi chia tay ra để phát, Miến-nhi thu tay áo lại, giấu tay đi không chịu thừa-nhận để phát. Giang Trùng nắm lấy cánh tay Miến-nhi, lật tay áo, dùng sức lấy bàn tay ra để phát, nhưng lại nói rằng : « Bàn tay yếu-điều như thế này, tôi không nở phát.» Liền ghé răng vào cắn cắn. Miến-nhi càng rút tay lại, Giang Trùng càng dùng sức ghé răng vào. Tiên-thị với Vương - thị nghe tiếng cười bốn, liền gọi mà hỏi sự gì vậy. Miến - nhi ứng khẩu nói dối rằng : « Con với Giang-huynh đánh bài, anh ấy liền thua, con bắt anh ấy phải khấu-đầu. anh ấy lười quá, chẳng chịu quì gối đấy thôi » Tiên-thị Vương-thị đều cười mà trách rằng : « Chúng bay đều đã lớn khôn cả. Hỡi mày Miến-nhi ! Thế nào là thói khùè-các ? Hỡi mày Giang-sinh ! thế nào là thói đại-gia ? Lại còn học cái thói trẻ con đùa-bỡn thế dư ? » Giang Trùng với Miến-nhi đều cúi mặt vắng lời dạy mà tan đi, mỗi người về mỗi chốn.

Miến-nhi nguyên có đứa nữ-ti tên là Xuân - Lan, xinh đẹp khéo chiều người và thông-minh tai-quái. Kể về bề phẩm-cách thì Miến-nhi là chủ, Xuân - Lan là nô. Kể về bề tài-sắc, thì Xuân-Lan chỉ kém Miến - nhi một chút mà thôi. Mà Xuân - Lan đối với Giang Trùng cũng thường khi trộm đưa làn thu - thủy, tỏ nét xuân-son. Miến-nhi vẫn để ý lo rằng Xuân-Lan làm mê-hoặc Giang Trùng, cho nên khi ăn ở ra vào, giữ-gìn nghiêm - mật lắm. Xuân-Lan vì có ấy đem lòng oán Miến - nhi, hàng ngày đem - đặt ra những điều nguyệt nọ hoa kia của Miến - nhi, để tâu mách với Vương-thị ; lại hàng ngày dòm những khi cười đào cợt mạn của Miến - nhi với Giang Trùng, để mong bắt được quả-tang. Gặp một khi Giang Trùng vì sự khác, sáng sớm vào yết - kiến Vương-thị, Vương-thị còn chưa trở dậy. Miến-nhi đương sửa tóc đứng ở bên cái cầu-lon, miệng ngậm điều thuốc lá đứng xem hoa. Giang Trùng thừa-cơ tiện-lợi, miệng cũng ngậm điều thuốc lá, đi lại gần Miến-nhi cầu tiếp lửa. Miến-nhi ngoảnh mặt trông đi đằng khác, cho nên chẳng lý-hội gì sự ấy. Giang Trùng đột-ngột tiến lên lấy tay bưng lấy đôi má Miến - nhi, ghé mồm cưỡng tiếp lấy lửa. Trong khi bất-ý, bị con Xuân-Lan trông thấy, lẳng-lặng đi vào mách với Vương-thị. Vương-thị cả giận, gọi Miến-nhi đến trước giường trách mắng. Miến - nhi không chịu thừa-nhận, nói rằng : « Sự ấy ai trông thấy ? » Vương-thị nói rằng : « Con Xuân-Lan mắt nó trông thấy, tuồng vô-sĩ kia, còn nở miệng thế dư ! » Miến-nhi nét mặt phát đỏ, sầm-sầm muốn khóc và mắng con Xuân-Lan có gì đặt chuyện nói càn. Xuân-Lan mỉm cười mà quì xuống nói rằng : « Tôi là phận con hầu, không sự gì can-thiếp cho ai, lẽ đâu tôi dám nói càn.» Miến-nhi khi ấy cái độ nước trào hổ giận

đã lên đến cùng-cực, bung mặt cả khóc. Vương-thị cũng cho triệu Giang Trùng vào để trách mắng, thì Giang Trùng đã sớm cút đi rồi. Vương-thị vốn yêu con gái, song - le cái sự quan-hệ trong chốn khuê-môn, rất lấy làm đau-đớn hờn-giận, trách mắng chẳng thôi. Bà Tiêu-thị là mẹ Giang Trùng nghe sự ấy cũng lấy làm giận, tục-khắc bảo Giang - ông đánh Giang Trùng vài mươi roi, và không cho lại được đến bên nhà cậu nữa.

Miến-nhi khi ấy, phần thì xấu-hỗ, phần thì oán-giận con Xuân-Lan, hàng ngày ngồi một chỗ vắng người, khóc-lóc chẳng ăn cơm. Được vài ngày con giận của Vương thị dẹp dần, cái tâm yêu con gái lại thiết-tha. Có mặt khiến đưa nữ-tì khác riêng đến chỗ Miến-nhi khuyên-dỗ yên-ủi. Hay đâu con Xuân-Lan lại đem điều lợi mà mớm lời cho đưa nữ-tì khác. Nên chỉ đưa nữ-tì khác đã chẳng khuyên-dỗ, lại nói ra những lời Vương - thị sẽ đoạn tình mẫu-tử, mà họ Giang sẽ tuyệt-ý hôn-nhân. Là ý con Xuân-Lan muốn làm cho Miến - nhi tuyệt đường hi-vọng mà tính sự quyên-sinh, để mình được tự-do cảm - dỗ Giang Trùng. Đêm hôm ấy Miến-nhi quả-nhiên tự mình lấy giấy thắt cổ. Bà Vương - thị thương khóc ngắt đi vài bốn lần, nhưng hối lại cũng không kịp, chỉ cả mắng con Xuân-Lan là đứa mỏng môi hay hớt mà thôi. Bà Vương-thị thì vẫn quan-ho thương - tiếc mãi, đến chiều ngày hôm sau mới bỏ xác Miến - nhi vào quan - tài, đem chôn ở một chỗ gò cao, phong đắp thành mound rồi về. Ngày tối hôm ấy có một lũ vô-lại cho rằng trong mound kẻ mĩ-nhân nhà quan sang tất có đồ châu báu, mới rủ nhau đào cái mound lên, mà khiêng quan-tài vào một tòa miếu nhỏ là Sơn-vương-miếu ở giữa cánh rừng. Lũ ấy vừa mở nắp quan-tài ra, thì chợt thấy con hổ sừng-

sực ở đầu lại, lũ ấy sợ hãi đều ù té chạy. Nhưng sự ấy chữa ai biết cả.

Ngày hôm ấy, đến buổi chiều, nhà họ Giang đã được tin Miến - nhi chết. Giang Trùng nghe tin, thần mê phách táng, chỉ muốn một hơi bay ngay đến mả Miến-nhi mà khóc, nhưng vì trời đã tối không thể bay đi được. Gặp tết ấy là tết Trung - nguyên, giữa rằm tháng bảy, là cảnh sơ-thu, Giang Trùng tối hôm ấy nằm ở chỗ thư - viện riêng, ước chừng trống canh hai, cây gió thương gào, khắp trời trắng tỏ, bốn bên thanh-vắng, tiếng đẽ kêu sầu, lửa huỳnh thấp - thoáng thương kẻ mĩ-nhân, cách nơi hoàng-thỏ, không khi nào lại trông thấy nhau nữa. Một mình tựa gối ôm giường, nước mắt chảy xuống như mưa, chớp mắt thiêu thiêu đi lúc nào không biết. Bỗng nghe ở ngoài cửa có tiếng ngón tay người gõ cửa, nghỉ rồi lại gõ. Giang Trùng mới khoác áo ra mở cửa, thấy một người đứng ở giữa cửa, nhìn trông ra, thì là Miến-nhi vậy. Giang Trùng kinh-ngạc, mừng rỡ khác thường, dặt tay mời vào trong nhà. Hai người cùng ngồi mà đều khóc, kẻ nói điều biệt-hận, người tỏ nỗi ly-sầu, nỉ-non hồi lâu. Miến-nhi tỏ ý muốn lưu ở chỗ thư-viện này để cùng đọc sách. Giang Trùng lại gạt đi nói rằng: « Tôi hai cha mẹ đương già yếu, vả nhà còn ông thầy dạy học là bậc tôn-nghiêm, nằng ở đây không có danh - nghĩa gì cả, xin tính về đường khác. » Miến - nhi gạt đầu. Một chốc, Miến-nhi lại nói rằng: « Tôi muốn tạm về thăm mẹ già tôi một chút, chàng có thể đưa tôi về được không? » Giang Trùng nói rằng: « Chẳng nên, đây cách nhà bên ấy hơn hai - mươi dặm, đều là đường núi đường khe, nằng sức yếu chân nhỏ sao có thể đi đến được; vả nằng sinh-trưởng trong khuê-các, chân chẳng đi ra khỏi cửa khỏi sân, nay đi bộ mà về, làm kinh-dị cho tai mắt người, tôi

với nàng đều đi, sự hiềm-nghi sao tránh khỏi kẻ phụ-lão họ hỏi tội, thì trả lời làm sao?» Miến-nhi nói rằng : « Tôi nay đi họ đã giỏi, khác với ngày bình - sinh và tôi nhớ mẹ tôi lắm, chàng cứ dắt tôi đi, đều không phượng-ngại gì cả. » Giang Trùng không nỡ phật-ý, mới dắt tay Miến-nhi cùng đi. Vừa mới đi ra khỏi cửa, thì thấy thân-thể nhẹ - nhàng, phiêu - phiêu - nhiên như cái lá cây theo gió mà đi. Một chốc tức-khắc đã đến bên nhà cậu, đi thẳng vào nhà trong thấy Vương-thị khóc-lóc thở than, đương dặn bảo người nhà dự-bị đồ hương-hoa tửu-quả, để sáng mai đem ra tế mả Miến-nhi. Miến-nhi thì đứng chân ở ngoài cửa, không dám vào, chỉ bưng mặt khóc mà lại lui ra. Giang Trùng nói rằng : « Lại đây sao lạo-thảo thế, đi đâu sao vội-vàng thế ? » Miến-nhi nói rằng : « Đi về nghỉ. » Lại cùng nhau đi ra, gặp con Xuân - Lan ở ngoài sảnh, Miến-nhi mang điều giận cũ, bước thẳng lên vả vào mép con Xuân-Lan, con Xuân-Lan kinh ngã lăn đùng xuống đất, cắn-khầu không nói-năng gì được nữa ; Miến-nhi lại bảo Giang Trùng lấy đất bùn nhét vào đầy miệng con Xuân-Lan, mới bỏ con Xuân-Lan đấy mà đi. Đến ngõ, có kẻ lập đàn bố-thi cho hồn chúng - sinh. Miến-nhi với Giang Trùng cũng đến đây ăn. Phút chốc đến chỗ rừng núi, vầng trăng đã lặn về phía tây, sao mai vừa mọc lên đang đòng, quang - cảnh rất là thè - lương Giang Trùng nói rằng : « Đi về chứ? » Miến-nhi nói rằng : « Sao chẳng qua lại chỗ này một chút nữa? » Giang Trùng nói rằng : « Vừa mới toan về, lại muốn đi đâu? » Miến-nhi nói rằng : « Không phải là đi đâu, chỗ ấy là chỗ hình-thể tôi ở đấy » Mới xuyên qua rừng thông, độ vài mươi bước, thì thấy bốn bên đều cây tốt, giữa có một tòa miếu cổ nhỏ - nhỏ, trong miếu có một cái quan-tài, bên cạnh quan - tài

có một con hồ ngồi trông ra. Giang Trùng có ý sợ hãi. Miến-nhi nói rằng đừng sợ, đấy là vị sơn - thần đấy. Giang Trùng lại muốn Miến-nhi lại về nhà mình, Miến-nhi cũng vâng lời, mới lại đi trở ra, theo bóng trăng tàn đi thông-thả. Miến-nhi nhân khóc-lóc dặn-dò rằng : « Tôi số dương chữa hết, đường âm hết thầy không cho về, hình-thể tôi vẫn được hoàn-hảo, chàng nếu đoái thương, thì chàng về bảo với mẹ già tôi đi cầu với người Nam-quan đạo-sĩ đưa đường đến chỗ thể-phách cho, và chữa thuốc cho, thì tôi có thể sống lại được vậy. » Giang Trùng cũng lấy làm mừng - rỡ nhận lời. Vừa nói chuyện vừa đi phút chốc đã đến nhà Giang Trùng. Giang Trùng chợt nghe có tiếng xôn-xao, mới sực tỉnh dậy, thì trời đã sáng bạch, thuộc về phân ban ngày, thân mình thì nằm cứng trên giường, cha mẹ thì vô vào mình mà khóc ở bên cạnh. Giang Trùng cả lấy làm kinh-hãi. Phút chốc, Giang-Trùng thấy thân thể mình nóng lên như lửa, vừng trở dậy. Cha mẹ kinh sợ lui ra vài bước, mắt trông vào Giang Trùng, mừng quá hóa khóc mà nói rằng : « Con ta sống rồi ! » Giang Trùng ngậm-ngùi ít lâu, tâm-thần mới định, hỏi cha mẹ rằng : « Làm sao mà đến thế vậy? » Cha mẹ nói rằng : « Con còn mê-mộng đấy dư? Con ngủ đi chẳng tỉnh, đã một đêm lại nửa ngày rồi, nay ta vì cơ mừng con đã tỉnh, cái bệnh già của ta cũng tự - nhiên mất đi đàng nào, như người không có bệnh vậy. » Giang Trùng mới hiểu sự thần - mộng là kỳ, nhưng vẫn dè búng chẳng dám nói ra. Sáng sớm ngày hôm sau, khăn-câu cho mình được cùng với cha mẹ sang bên nhà cậu, thăm tin Miến-nhi và yên-ủi Vương-thị. Khi đi gần đến nơi, gặp Vương-thị thuật ra sự mả Miến-nhi bị trộm đào lấy mất quan-tài, và con Xuân-Lan vô-cố lăn đùng chết

ngất, dường như bệnh ma trêu, chính hợp với sự trong mộng đêm mới rồi, Giang Trùng đã đề bụng lấy làm kỳ-di. Kịp đi qua đến cửa làng quả-nhiên lại có người lập đàn bố-thi ba ngày hôm nay, Giang Trùng càng lấy làm kỳ-quái.

Vào yên-ủi Vương-thị xong, Giang Trùng nhân dịp đi tìm hỏi tung-tích người Nam-quan đạo-sĩ, thì người ấy tu-dưỡng ở trong cái chùa cổ gần miền ấy. Giang Trùng vào đến tận nơi, khúm-núm khăn-cầu và hỏi thăm tòa Sơn-vương-miếu ở trong núi. Người đạo-sĩ nói rằng: « Miếu ấy phong-cảnh tuy nhỏ, nhưng rất thanh-u, vì đường khó vào nên ít người đi đến, năm nọ tôi đã toan tu-dưỡng ở trong ấy, nên chỉ tòa miếu ấy tôi đã biết. Nay nhà người muốn vào thăm miếu, tôi sẽ có thể đưa được đường vào. » Giang Trùng cả mừng, hai người mới cùng nhau xuyên mây vách cỏ đi vào. Khi vào đến nơi thì thấy cây cao suối mát, chim lạ hoa thơm. Miếu thì nhỏ nhỏ mà rất cổ, trong miếu thì sáng-sủa, ba bên đều bỏ trống, không u-âm như miếu khác, chỉ bên sau có một phiến bàn-thạch để làm cái bệ thờ, mà đề rằng: Sơn-vương-miếu. Trông vào trong thì cũng không thấy hồ, chỉ thấy một cái quan-tài đã ngổ núp ra. Giang Trùng vội vàng tiến lại, nhìn ra thì là thi-thẻ Miến-nhi, mà nhan-sắc bất-biến, chẳng khác gì ngày bình-sinh. Giang Trùng cả lạ và cả mừng, quì xuống khăn-cầu với người đạo-sĩ. Người đạo-sĩ xem qua nói rằng: « Người này còn có thể sống được. » Người đạo-sĩ mới dạo quanh quăng rùng đi hái thuốc. Giang Trùng mới từ-biệt người đạo-sĩ, kịp về báo tin cho Vương-thị. Vương-thị mới nghe, nửa mừng nửa sợ, nửa tin nửa ngờ; nhưng cũng kịp cùng mấy kẻ gia-nhân theo Giang Trùng vào nơi sơn-miếu. Vương-thị vào đến nơi, thì Miến-nhi đã hơi có

trạng-thái hồi-sinh. Vương-thị khi ấy khôn xiết kinh mừng, vừa khóc vừa cười, toan đem ngay Miến-nhi về nhà, mà mời người đạo-sĩ về điều-trị. Người đạo-sĩ nói rằng: « Ở đây phong-cảnh thanh-u, chẳng khác gì một nơi tiên-cảnh nho-nhỏ, tình ra đã ba bốn ngày mà còn chưa chết, cũng là nhờ cái khí thanh-hư ấy đề mà điều-dưỡng, chẳng qua cũng như người nhịn ăn thóc mà hô-hấp không-khi đầy thòi. Nếu vội về nhà bị cái khí trần-tục nó là n khốn, thì chữa tất đã chữa được. Chỉ bằng ở đây mà điều-trị ít ngày, bao giờ khá khá mạnh-mẽ rồi về, cũng chữa muộn gì. » Vương-thị theo lời, chữa đây mười ngày, Miến-nhi đã cùng với Vương-thị, mẹ con khấu đầu tạ ơn người đạo-sĩ và thần-miếu, rồi từ-giã cảnh miếu cảnh núi về nhà. Vương-thị cảm cái nghĩa lớn của Giang Trùng, tức-khắc đem Miến-nhi gả cho Giang Trùng, tình cảm-sắt rút là hài-hòa. Sau Vương-thị đem vàng lụa định đi trả ơn người đạo-sĩ một số rất hậu, thì khi đi đến nơi người đạo-sĩ đã đi vân-du nơi khác, không biết đâu mà tìm nữa...

2. — Nhờ tay ăn-sĩ cứu người u-cung

Chàng Vương Tiên-Khách về triều nhà Đường năm Kiến-trung đó, là châu gọi một viên triều-quan là Lưu Chấn bằng câu vậy. Trước kia Tiên-Khách vì cha mất sớm, cùng với mẹ là Lưu-thị cùng về ý-thác chỗ ngoại-gia. Lưu Chấn có một người con gái tên là Vô-Song, kèm Tiên-Khách độ vài tuổi, đều là hàng ấu-trĩ, chơi đùa thân-yêu nhau. Người vợ Lưu Chấn thường gọi bữa Tiên-Khách là Vương-tiêu-lang. Như thế chừng độ vài năm, mà Lưu Chấn thì phụng-sự chị góa và vô-về Tiên-Khách càng gia-ý lắm.

Một hôm, Lưu-thị có bệnh coi chừng nặng lắm, triệu Lưu Chấn đến mà định-ước rằng: « Chị hiểm-hoi, có một

Tiên-Khách là con, lòng chị thương nó, em hẳn đã biết, chị chỉ hận rằng chẳng được kịp trông thấy nó lấy vợ. Cái cháu Vô-Song doan-trang thông-tuệ, chị rất yêu nó. Sau này em chớ gả nó về họ khác, chị xin đem thẳng Tiên-Khách để chúc-thác cho em. Em nếu hứa cho chị điều ấy, thì chị nhắm mắt cũng không hận gì. » Lư Chấn nói rằng : « Chị hãy nên an-tĩnh để dưỡng-bệnh, chớ nên nghĩ gì đến điều khác cho thêm bận lòng »

Rút lại Lư-thị chẳng khỏi bệnh, Tiên-Khách đem tang mẹ về chôn ở Trương-đăng, là nơi cố-hương. Ba năm hết trở, Tiên-Khách nghĩ riêng rằng ta thân-thế cô-đan như thế này, nên tìm đường hôn-thú, để mong tự-tục về mai sau. Á Vô-Song ngày nay đã trưởng-thành, câu ta há lại vì có ngôi tôn chức hiền mà bỏ điều ước cũ đó ru ! Rồi Tiên-Khách chỉnh-sức đồ hành-trang lên đất Trảng-an là chốn quốc-đô. Khi ấy Lư Chấn đã làm chức Thượng-thư kiêm chức Tô-dung-sứ, môn-phiệt hách-dịch, mũ lông đầy nhà. Tiên-Khách vào yết-kiến, Lư Chấn cho ở nơi học-xá làm hàng đệ-tử, cái tình câu cháu vẫn y-nhiên như cũ, chỉ tịch-nhiên chẳng nghe có cái nghị kén rề chi cả.

Tiên-Khách thường thường ở nơi cửa sổ hé, dòm thấy Vô-Song tư-chất minh-diễm, chẳng khác người trong bậc thần-tiên. Tiên-Khách phát cuồng lên, chỉ sợ rằng sự hôn-nhân chẳng hài, mới đem bán cả đồ tư-nang, được số tiền ít nhiều. Một hôm gặp ngày sinh-nhật người vợ, Tiên-Khách đi mua đồ tân-kỳ về để hiến, thuận là đồ ngà ngọc chạm khắc tinh-xảo, để dùng làm đồ trang-sức trên mái đầu. Người vợ lấy làm như ý cả mừng. Cách mười ngày, Tiên-Khách lại hối-lộ cho một người lão-âu khiến đem sự cầu-thân nói đến tai người vợ. Người

mợ nói rằng : « Ta vốn muốn thế, nên tức-khắc bàn ngay sự ấy. » Lại cách vài hôm nữa, có một đờa thanh-y đến bảo với Tiên-Khách rằng : « Tôi chợt thấy phu-nhân có đem sự-tình kết-thân của qui-công-tử nói với tương-công. Tương-công có nói rằng : Ngày trước cũng chưa từng đã quả quyết hứa lời, chẳng qua là một điều mơ-hồ trong khi bà chị đương tật-bệnh đấy mà thôi. Tương-công nói như vậy, tôi sợ rằng sự ấy sau này chắc có phần chệch-mác. » Tiên-Khách nghe được lời ấy, như sét đánh ngang đầu, tâm với khi đều táng, suốt đêm chẳng ngủ, chỉ sợ câu bỏ mình mà thôi. Nhưng về bề phụng-sự câu vợ thì vẫn chẳng dám chút gì trễ biếng.

Một hôm, sáng ngày sớm, mặt trời mới mọc, Lư Chấn đi vào triều được một chốc, hốt-nhiên thấy cưỡi ngựa chạy về nhà, mồ-hôi đầm-dia, hơi thở cấp-súc, chỉ nói lên rằng : « Kịp kịp khóa cửa đại-môn ! Khóa cửa đại-môn ! » Cả nhà đều kinh-hãi, chẳng hiểu duyên-cớ gì. Một chốc Lư Chấn mới nói rằng : « Hình-nguyên binh-sĩ làm phản, tướng giặc là Diêu Lệnh-Ngôn đã lĩnh binh tiến vào Hàm-nguyên-điện, dặng thiên-tử chạy ra cửa Uyển-bắc, hách-quan đều chạy theo vua đến chỗ hành-tại. Ta vì doái nghĩ vợ con, chút về thu-xếp việc nhà. » Lư Chấn kịp triệu Tiên-Khách mà bảo rằng : « Người kịp cùng ta đảm-đang việc nhà, ta tất gả cái Vô-Song cho người. » Tiên-Khách nghe lệnh, vừa sợ vừa mừng, khấu-đầu bái-tạ. Lư Chấn liền thu-thập đồ kim-ngân cầm-tú, mọi đồ tế-nhuỷn 20 gói, và bảo Tiên-Khách rằng : « Người thay đổi quần áo mặc lối người thường, cưỡi một con ngựa mang linh-vật này ra cửa Khai-viên, tìm lấy một nơi điểm-xá thâm-u mà ẩn ở đấy, rồi ta sẽ đem phu-nhân với Vô-Song ra

cửa Khái-hạ, lần quanh đường thành kế-tục đến sau.

Tiên-Khách nhất-thiết tuân-y như lời Lưu Chấn bảo, đến khi mặt trời đã lặn, vẫn ở trong một cái điểm bên ngoài thành, chờ đợi mãi chẳng thấy Lưu Chấn đến. Hối ra thì cửa thành tự lúc quá trưa đã đóng khóa chặt cấm xuất-nhập rồi. Tiên-Khách trông ngóng về phía nam, kê mắt đã đứt, mới cưỡi ngựa đốt đèn dạo quanh đường thành đến cửa Khái-hạ thì cửa ấy cũng khóa, và có nhiều người canh giữ cầm đồ binh-khi nhấp-nhoáng, kể thì ngồi kể thì đứng Tiên-Khách xuống ngựa, từ từ đi đến hỏi rằng: « Trong thành có việc gì mà như vậy? » Người canh cửa chưa kịp đáp, Tiên-Khách lại liền hỏi: « Ngày hôm nay có người nào đi ra cửa này không? » Người canh cửa đáp rằng: « Quan Thái-tý Chu Tử hiện đã lên ngôi làm thiên-tử, sau giờ Ngọ hôm nay có một người mang xách nặng-nề và dắt-diu bốn năm người đàn bà, muốn đi ra cửa này. Người trong ngõ này đều biết cả mà bảo nhau rằng chính đó là quan Lưu Thượng-thư. Bọn tôi có trách-nhiệm canh giữ cửa nên chẳng dám phóng cho ra. Đến lúc gần tối, có kỵ-binh đuổi theo đến, nhất-loạt sủa bắt rồi hướng về phía bắc mà đem đi. » Tiên-Khách nghe nói vật-vã khóc-lóc mất cả tiếng, rồi trở về điểm. Đến độ hết trống canh ba, cửa thành hốt-nhiên mở ra, đuốc lửa sáng như ban ngày, binh-sĩ người nào người ấy đều cầm binh-khi sáng nhoáng truyền hô rằng: « Chém bắt! chém bắt! » Thì ra trong thành có lệnh sai ra tìm bắt các triều-quan ở ngoài thành.

Tiên Khách sợ hãi bỏ cả ngựa lẫn đồ-vật tế-nhuyn, một thân chạy về đất Tương-dương. Ở chốn thôn-quê ba năm, sau biết rằng triều-quan là Lý-Thạnh đã thu-phục được kinh-thành, vua Đức-tôn đã trở về, giặc Chu

Tử đã yên, thiên-hạ vô-sự, Tiên-Khách mới lại vào kinh để hỏi thăm tin-tức nhà cậu.

Tiên-Khách đi đến ngõ Nam-nhai đất Tân-xương, đương khi bàng-hoàng đứng vô ngựa, chợt có một người đi đến trước ngựa bái chào. Tiên-Khách nhìn kĩ, thì là một đứa sai khiến cũ của nhà Lưu Thượng-thư, tên là Tái-Hồng. Tiên-Khách vội-vàng nắm lấy tay Tái-Hồng sa nước mắt mà hỏi rằng: « Cậu ta với vợ ta được bình yên không? » Tái-Hồng thoát-tiên đáp ngay rằng ông bà đều ở chỗ Hưng-hóa-trạch, được bình-yên cả. Tiên-Khách lấy làm mừng quá nói rằng: « Vậy ta tức-khắc qua ngõ ấy đi vào thăm. » Tái-Hồng nắm áo lại nói rằng: « Tôi nay đã được tự-do, có một nếp nhà nhỏ ở nơi Khách-hộ, làm nghề-nghiệp buôn lụa, ngày nay trời đã tối, xin hiền-lang hăng đến nơi Khách-hộ ngủ tạm một đêm, đến sáng sớm mai xin cùng đi, cũng chữa muộn gì. »

Tái-Hồng mới dẫn Tiên-Khách đến chỗ mình ở, cơm rượu rất là phong-hậu chu-tri.

Đến nửa đêm, Tiên-Khách mới nghe Tái-Hồng báo rằng: « Quan Lưu-thượng-thư nhà ta chịu quan-tước của giặc, khi vua Đức-tôn về thì những người chịu quan-tước của giặc đều bị tội cả. Quan ông quan bà nhà ta đều phải xử về tội cực-hình. Còn có Vô-Song thì hiện đã phải bắt vào trong cung giữ việc quét sửa chốn dịch-dinh. » Tiên-Khách nghe nói thảm-khóc kêu oan, dường như ngất đi, khiến cảm-động cả đến người chốn lân-lý. Rồi Tiên-Khách than với Tái-Hồng rằng: « Than ôi! Bốn bề thật là rất rộng, thế mà ta giương mắt trông ra, không có kẻ nào là người thân-thích, nay ta chưa biết gửi thân về chốn nào! » Rồi lại hỏi Tái-Hồng rằng: « Người nhà cũ của quan Lưu-thượng-thư còn ai nữa không? » Tái-Hồng đáp rằng: « Chỉ còn

một kẻ nữ-tì của cô Vô-Song sai-khiến ngày trước là Thái-Tần thôi. Hiện nay ở trong nhà quan Kim-ngò tướng - quân là Vương Toại-Trung mà cũng sung về chức nữ-tỳ. » Tiên - Khách nói rằng : « Vô-Song danh không bao giờ trông thấy, được trông thấy Thái - Tần, thì chết cũng là đủ vậy. » Tiên - Khách mới viết thiệp vào yết, lấy lễ hàn-sĩ vào yết-kiến Vương Toại-Trung, nhân nói hết đầu đuôi sự mình, xin đem một số hậu - giá để chuộc Thái - Tần về. Toại-Trung cũng rất kiến - trọng là kẻ danh - sĩ, vả lại cũng cảm - động về sự đó, hứa cho Thái-Tần về, mà không lấy số tiền chuộc Tiên-Khách mới thuê một nếp nhà, cùng với Tái-Hồng và Thái-lần cùng ở.

Tái-Hồng thường nói với Tiên-Khách rằng : « Vương hiền-lang tuổi đã khá lớn, tài cũng bằng người, nên có lấy một chút quan-chức, chứ nếu chỉ bo-bo ôm sấu áp hậu, thì lấy gì mà tiêu-khiến tháng ngày ? » Tiên-Khách cảm lời Tái-Hồng nói là phải, mới đem tình thực khấn-cáo với Vương Toại-Trung. Toại-Trung cũng sẵn lòng kính thương, bèn tiến-cử cho viên Kinh-triệu-doãn là Lý Tề-Vận. Tề-Vận cũng biết Tiên-Khách là kẻ có tài, liền cử làm chức tri-huyện Phú-bình, kiêm chức giám - sát trạm Trảng-lạc.

Tiên-Khách tại chức được vài tháng, chợt kẻ tiêu-lại vào báo có viên Sơn-lãng sứ-giả áp-dẫn một đội cung - nữ đến ba mươi người, đi ra chốn viên-lãng của liệt-thánh để cung-chức sai-tảo đương đi qua trạm Trảng-lạc, còn ngủ lại ở trạm một đêm, xe loan-xa đến hơn mười cỗ, dừng bánh ở đó. Tiên - Khách mật báo với Tái-Hồng rằng : « Ta nghe những cung - nữ bị tuyển ở chốn dịch-đình, phần nhiều là con gái nhà y-quan qui-tộc, ta e rằng có nàng Vô-Song ở đó, anh vì ta thử đi dò xem, nên chăng ? » Tái-Hồng đáp rằng : « Cung-nữ kẻ có vài nghìn người,

đã chắc gì sai đến Vô-Song. » Tiên-Khách nói rằng : « Anh cứ đi, nhân-sự cũng chưa biết đâu. » Tiên-Khách bèn sai Tái-Hồng giả-danh làm một kẻ dịch-lại, giữ việc pha chè quạt nước ở ngoài bức rèm, và bảo rằng hoặc có trông thấy Vô-Song, thì tức-khắc chạy nhanh về báo. Tái - Hồng vâng dạ đi ra trạm Trảng-lạc nhân việc. Bọn cung-nữ thì hết thấy ở trong bức rèm, không thể nào trông thấy được, chỉ ban đêm nghe có tiếng thì-thào cười nói mà thôi.

Đến đêm khuya, các tiếng động đều yên-tĩnh, Tái-Hồng thắp đèn rửa chén chẳng dám đi ngủ. Chợt nghe ở dưới bức rèm có tiếng gọi rằng : « Tái-Hồng ! Tái-hồng ! ta là Vô-Song đây, mày có biết ta ở đây không ? Chàng Vương-lang được mạnh - khỏe không ? » Nói xong như thồn-thức nuốt nước mắt khóc. Tái-Hồng biết rõ là Vô-Song, bèn nói rằng : « Vương-quân hiền làm chức giám-sát ở trạm này, hôm nay ngo rằng có qui-nương ở đây, vậy sai Tái-Hồng này chực sẵn để thăm hỏi. » Vô - Song lại nói rằng : « Ta không thể đứng nói lâu với mày được, sáng ngày mai sau khi ta đã đi rồi, mày cứ ở chỗ gác mé đông-bắc nhà, dưới cái thảm tía, lấy ra một bức thư đưa cho Vương-lang. » Vô-Song nói xong, vội-vàng đi ngay, Tái-Hồng chợt nghe ở trong rèm có tiếng ồn-ào nào-dộng, bảo nhau rằng có một vị cung-nữ trảng-phong. Liền thấy quan Trung-sứ đi tìm thuốc thang kịp lắm, phút-chốc lại nghe nói vị cung-nữ đã hồi-tĩnh, chừng là Vô-Song trở vào cảm-dộng quá mà ngất đi vậy.

Tái-Hồng kịp vội đi báo Tiên-Khách. Tiên-Khách kinh-ngạc nói rằng : « Ta làm thế nào mà được nhất-kiến Vô-Song ? » Tái - Hồng đáp rằng : « Hiện nay đang sửa-sang cầu Vị-kiều, hiền-lang có thể giả - danh làm một viên quan ra xét việc tu-lý kiều, khi đoàn xe cung-nữ đi qua kiều, thì

hiền-lang cứ gần xe mà đứng, Vô-Song nếu nhận được là hiền-lang, tất-nhiên mở bức rèm ra, chắc được trông thấy Vô-Song vậy.» Tiên-Khách nghe theo lời Tái-Hồng, đến cỗ xe thứ ba, quả-nhiên thấy bức rèm mở ra, Tiên-Khách rờm thấy, thực là Vô-Song vậy. Tiên-Khách khi ấy, vừa bị-cảm vừa oán-mộ, khôn xiết dễ tình. Rồi Tái-Hồng đem bức thư lấy được ở dưới thảm trong gác ra đưa cho Tiên-Khách. Tiên-Khách tiếp coi, thì giấy hoa-tiên năm bức, đều là chữ thủ-bút của Vô-Song, lời-lẽ thảm-thiết, kể-lẽ hết thấy sự-tình. Tiên-Khách xem xong, nuốt hận rỏ nước mắt than rằng: «Tự đây là đường vĩnh-quyết vậy!»

Tiên-Khách liền xin giải-chức coi trạm, về huyện làm việc bản-quan, tuy ngày tháng tiêu-dao, nhưng vẫn dễ lòng mong thoát khỏi cho Vô-Song ra ngoài vánh cung-cấm, mà chưa tìm được phương-kế gì cả. Một hôm Tiên-Khách ra dạo chơi chỗ Cỗ-áp-nhai, thấy một người ăn-sĩ niên đã lão, nhân-cư ở trong chốn thôn-thữ, hỏi ra thì danh-hiệu là Cỗ-Sinh. Tiên-Khách dần-dà biết là người nghĩa-hiệp tri-mưu, mới hết lòng phụng-sự Cỗ-Sinh, vàng ngọc gấm lụa đem lại tặng không xiết kể. Cỗ-Sinh cứ nhất-nhất không từ-chối. Như thế hơn một năm, Tiên-Khách chưa dám khai-khẩu nói sự mình. Một hôm Tiên-Khách nhân-cư ở trong huyện, thấy Cỗ-Sinh hốt-nhiên lại, bảo Tiên-Khách rằng: «Vương-quản đối với lão-phu này, thực đã kiệt-phận tận-tâm, xét ý Vương-quản, chắc có sự gì sở-cầu với lão-phu, lão-phu này thực cũng là người nhất-phiến hữu-tâm, Vương-quản cứ nói rõ, lão-phu này cảm ân sâu của Vương-quản, xin lấy thân để báo đáp.» Tiên-Khách khóc-lóc sụp xuống lạy, đem thực-tình báo với Cỗ-Sinh. Cỗ-Sinh ngửa mặt lên trời, lấy tay vỗ vào óc vài bốn lần, rồi mới nói

rằng: «Việc ấy khó lắm, không phải là việc dễ, phi có nghìn lạng vàng, chẳng mong mưu-tính được việc ấy.» Tiên-Khách ngần-ngơ nói rằng: «Tiền-sinh khánh-khiet tư-nang cũng chỉ được bốn năm trăm lạng mà thôi.» Cỗ-Sinh gật đầu nói rằng: «Sự ấy ngõ-hầu xong được, cái số của Vương-quản tặng lão-phu hơn một năm nay cũng có đủ năm trăm lạng, lão-phu vì biết Vương-quản tất có sở-cầu, cho nên vẫn dành lại để mưu việc cho Vương-quản.» Cuối cùng Cỗ-Sinh lại bảo Tiên-Khách rằng: «Sự này không thể mong sớm chiều thành-sự được, ít ra cũng kể hàng năm, Vương-quản đừng lấy làm muộn.» Tiên-Khách bái-tạ nói rằng: «Tiền-sinh hết sức hết lòng, tiền-sinh không dám kể sớm muộn.» Cỗ-Sinh gật đầu cười, rồi từ-biệt về nhà.

Cỗ-Sinh về nhà, bắt đầu mua một cái quan-tài, thạc-ngôn rằng vị mình dự-bị cõi thọ. Cách ba ngày Tiên-Khách đem vàng năm trăm lạng giao cho Cỗ-Sinh. Cỗ-Sinh thu-thập vàng cũ cũng có năm trăm lạng nữa. Số vàng ấy phó mặc cho tay Cỗ-Sinh mưu việc, Tiên-Khách không hỏi gì đến Cỗ-Sinh, mới mặt mưu với một viên hoạn-quan, lấy số vàng ấy ra đem rắc bỏ ở trong cung để tùy-cơ mưu việc. Ngày tháng ít lâu, trong cung dần dần có những lời lao-xao rằng: «Con Vô-Song nó là con nhà kẻ nghịch-thần, đối với nhà vua đã là kẻ đại-thù, nếu chẳng giết nó đi mà cho nó ở trong cung, sợ rằng một ngày kia nhà vua tất có cái vạ nguy-hiểm bất-trắc.» Lời ấy trước còn ít người nói, sau nhiều người nói, rồi đến tai vua Đức-tôn. Vua Đức-tôn chột tỉnh-ngộ, tức-khắc giáng-chiều sai viên Trung-sứ đem thuốc độc cho Vô-Song, khiến Vô-Song mộng ân mà tự-tận. Kẻ hoạn-quan mới mặt-mưu với viên Trung-sứ đem thuốc độc giả

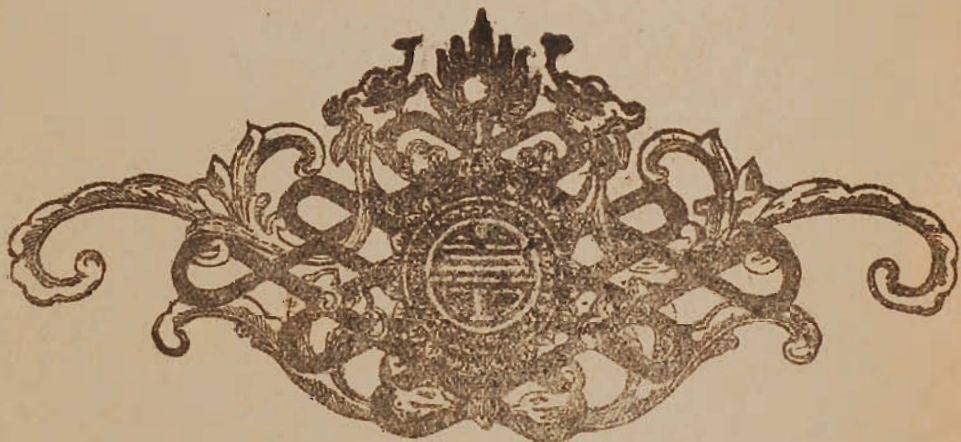
ban cho Vô-Song, Vô-Song liền vàng mệnh uống thuốc độc giả-cách chết. Đến khi trời đã hoàng-hôn, viên Trung-sứ đến khám-nghiệm là Vô - Song đã chết, liền sai mang ra ngoài thành đem chôn. Lệ ở trong cung, phạm cung-nữ kẻ nào có tội mà chết, không được có quan-quách, chỉ phủ bọc cái vật khác cho khỏi bọc-lộ mà thôi; kẻ nào có nhà thì giao về cho nhà ấy, để người nhà đem chôn lấy.

Khi ấy mặt trời đã lặn, có hai tên lính vệ đem xác Vô-Song ra cửa bắc-môn. Cỗ-Sinh thì cùng với một vài kẻ người nhà chực sẵn ở đấy, thấy xác Vô-Song đem ra, Cỗ-Sinh tiến lại gần vật-vỡ khóc than, xưng mình là kẻ thân-thích, xin mông-ân lĩnh xác về chôn.

Cỗ-Sinh đem Vô-Song về nhà liền để Vô-Song ở một nơi khóa chặt cửa lại, rồi khiêng một cái quan-tài không ra phía đông núi xa xa đem chôn, giả-thác là mồ cung - nữ. Cỗ-Sinh kịp đi báo tin cho Tiên-Khách. Tiên - Khách cả mừng, tức-khắc sai Tái-Hồng nữa đem dẫn Vô-Song đi về Tương - đặng là nơi quê-hương cũ của Tiên-Khách.

Vô-Song về Tương-đặng đổi họ tên, ăn mặc lối người thường, không ai biết là Lưu Vô-Song vậy. Tiên-Khách đã được Vô-Song, liền cầu giải chức Phú-bình tri-huyện để về cố-hương. Bèn thu-thập đồ hành - trang thì chỉ còn có một thanh gươm của mình thường đeo, chuỗi cầm bằng ngọc, cũng đáng giá trăm lạng vàng. Nhân nghĩ rằng cái ơn của Cỗ-Sinh ân-sĩ chữa lấy gì báo-đáp được, mới đem thanh gươm ấy đến tặng Cỗ-Sinh. Cỗ-Sinh từ chối mà rằng: « Lão-phu binh-sinh chỉ vì nghĩa không vì lợi, mai trán đẽo gót mà lợi cho thiên-hạ, cõnhan còn làm, nữa là việc này, lão-phu chữa từng mất một cái lông. Người ta lấy ngọc làm báu, lão - phu này lấy điều nghĩa làm báu, xin trả lại thanh ngọc-kiếm ấy để Vương-quân làm đồ hành - lý. » Tiên - Khách bất - đắc - dĩ khất đầu bái tạ Cỗ-Sinh, rồi ruổi về cố-hương. Non cao nước biếc, tiêu dao ít lâu, rồi đem bán thanh ngọc - kiếm ấy đi, khởi lên một nơi biệt - nghiệp cùng ả Vô-Song bách-niên giai-lão,

TÙNG-VÂN dịch



VĂN-UYỄN

Điệu cổ chiến-trường-phú (1)

(diễn nôm)

浩浩乎平沙無垠。鳥不見人。河水縈帶。羣山糾紛。黯分慘悴。風悲日曛。蓬斷草枯。凜若霜晨。鳥飛不下。獸挺亡羣。亭長告予曰。此古戰場也。嘗覆三軍。往往鬼泣。天陰則聞。

Bãi cát rộng bóng người nào thấy,
Núi sắp bầy nước chảy quanh co ;
Ngon gió thắm mặt trời mờ,
Hơi sương bông héo cỏ khô một màu.
Chim bay bông dầm dàu sa cánh,
Muông chạy dài dầm ngánh tìm bầy ;
Ông Đình-trưởng bảo tôi hay,
Rằng : « Đây chiến-địa từ ngày đời xưa.
Một đời lúc thất cơ lỡ trận,
Mệnh ba quân vơ-vẩn còn đâu,
Thường khi trời tối mịt-mù,
Lẳng nghe quỷ khóc ở đâu chốn này.
傷心哉。秦歟漢歟。將近代歟。吾聞夫
齊魏徭戍。荆韓召募。萬里奔走。連年
暴露。沙草晨牧。河水夜渡。地濶天長。
不知歸路。寄身鋒刃。隔臆誰訴。

Nghe phân-thuyết xiết thay kinh hãi,
Lòng thương-tâm trăm mối xa gần ;
Ấy đời Hán hay đời Tần,
Là đời thương-cổ hay gần đời nay,
Tề với Ngụy từng khi giao-thủ,
Kinh với Hàn triệu mộ thuở xưa ;
Dăm nghìn nước thắm non xa,
Liên năm gió dập mưa sa cõi ngoài.
Cỏ bãi cát buổi mai rêu ngựa,
Nước dòng khe lội giữa canh khuya ;
Rộng dài nào biết đường về,
Gửi thân mũi giáo ai thì tỏ hay.

秦漢而還。多事四夷。中州耗斁。無世無之。古稱戎夏。不抗王師。文教失宣。

(1) Nguyên hán-văn của Lý Hoa 李華 đời Đường.

武臣用奇。奇兵有異於仁義。王道迂濶而莫爲。

Đời Tần Hán sau này lắm việc,
Thường đưa quân đánh chác cõi ngoài ;
Trung-châu mấy quận tươi-bời,
Của môn người chết chẳng đời nào
không.

Xưa nghe nói quân Nhung-địch ấy,
Chẳng khi nào chống lại vương-sĩ ;
Văn không dạy võ dùng kỳ,
Kỳ-binh nào biết nhân-nghĩ đạo vương,
呼嗚噫嘻。吾想夫北風振漠。胡兵伺便。主將驕敵。期門受戰。野豎旄旗。川迴組練。注重心駭。威尊命賤。利鏖穿骨。驚沙入面。主客相搏。山川震眩。聲析江河。勢崩雷電。

Khi gió lạnh bắc-phương thổi đến,
Quân giặc Hồ thừa-tiên lấn vào,
Lại vì ông chủ-trưởng kiêu,
Cơ-môn giáp trận quyết liều đánh nhau.
Ngoài đồng nội cờ mao cắm lóp,
Quanh dòng khe áo giáp bầy hàng ;
Phép nghiêm xem mệnh nhẹ-nhàng,
Tên dâm xương nát cát phang mặt dày.
Chủ với khách ra tay quyết-đấu,
Tiếng hò reo vang thấu núi sông ;
Ào-ào nước chảy giữa dòng,
Àm-ảm sấm sét vang lòng bốn phương.
至若窮陰凝閉。凜冽海隅。積雪沒脛。
堅冰在鬚。鷺鳥休巢。征馬踟躕。繒纒無溫。
墜指裂膚。當此苦寒。天假強胡。憑陵殺氣。
以相剪屠。徑截輜重。橫攻士卒。都尉新降。
將軍覆沒。屍填巨港之岸。血滿長城之窟。
無貴無賤。同歸枯骨。可勝言哉。

Tiết đông lạnh khi dương ngưng-kết,
Chốn hải-nghỉ lạnh rét giòng bao ;
Tuyết lút về, đá đọng rầu,
Chim buồn tỏ nghĩ ngựa sầu dòng giòng.
Rét cắt thịt lua bông cũng rét,

Tiết rét này là tiết hồ-di ;
 Xe lương nó đã cướp đi,
 Bao nhiêu quân-sĩ nó thì đón ngang .
 Đô-uy đã mình hàng với giặc,
 Tướng-quân cùng phách thác suốt vàng ;
 Thấy đầy nội máu đầy hang,
 Xương khô nào kể kể sang người hèn.
 鼓衰兮力盡。矢竭兮弦絕。白刃交兮
 寶刀折。兩軍蹙兮生死決。降矣哉終
 身夷狄。戰矣哉骨暴沙礫。烏無聲兮
 山寂寂。夜正長兮風析析。魂魄結兮
 天沈沈。鬼神聚兮雲羃羃。日光寒兮
 草短。月色苦兮霜白。傷心慘目。有如是耶。

Trống đánh mãi tiếng hèn sức mệt,
 Cung bắn hoài tên hết giày tan ;
 Ngọn giáo chỉ, mũi gươm chen,
 Đồi bên sống thác một phen quyết liều.
 Hàng thì phải trọn theo mọi-rợ,
 Đánh thì nơi cát đá liều mình ;
 Chim lặng ngắt núi vắng tanh,
 Năm canh gió thổi bên mình véo-von.
 Trời thăm-thăm phách hồn chốn ấy,
 Mây mờ-mờ thần quỷ dàu dầy ;
 Bóng dương lạnh, bóng trăng cay,
 Đau lòng xót mắt đường này nữa
 không.

吾聞之牧用趙卒。大破林胡。開地千里。
 遁逃匈奴。漢傾天下。財殫力竭。任人而已。
 其在多乎。

Ta nghe nói xưa ông Triệu Mục,
 Từng nhiều phen khu-trục quân Hồ ;
 Nước non rộng mở cơ-dồ,
 Làm cho quân giặc Hung-nô chạy dài.
 Lại nghe nói những đời Hán-dại,
 Nghiêng nước nhà chống với Hồ-di ;
 Sức hèn của hết ích chi,
 Tại người cho giỏi tại gì quân đông.

周伐獫狁。北至太原。既城朔方。全師而還。
 飲至策勳。和樂且閒。穆穆棣棣。君臣之間。
 秦起長城。竟海爲關。荼毒生靈。萬里朱殷。
 漢擊匈奴。雖得陰山。枕骸遍野。功不補患。

Đời nhà Chu đánh cùng Hiêm - doãn,
 Thành Sóc-phương liền phàn quân về ;
 Khai-hoàn yển ẩm rượu chè,
 Vua tôi hòa kính trăm bề vầy vui .
 Đời Tần dập thành dài tận bề,
 Hại sinh-linh xiết kể máu chan ;

Hán tuy lấy được Âm san,
 Xương khô đầy nội khôn đền vạ chung.
 蒼蒼蒸民。誰無父母。提攜捧負。恐其
 不壽。誰無兄弟。如足如手。誰無夫婦。
 如賓如友。生也何恩。殺之何咎。

Thương-dân ta ai không cha mẹ,
 Lòng thương con bồng bế ấp yểu ;
 Những là rày ước mai ao,
 Trông cho con được hưởng lâu tuổi trời.
 Ai là chẳng có người huynh đệ,
 Nghĩa đồng-bào như thể tay chân ;
 Ai không chồng vợ tình thân,
 Xem nhau như thể hữu-tân một nhà
 Nghĩ khi sống ơn đã chẳng có,
 Làm chết đi tội khổ chi dày ;

其存其沒。家莫聞知。人或言。將信
 將疑。惛惛心目。寢寐見之。布奠稱
 哭。望天涯。天地爲愁。草木悽悲。吊祭
 不至。精魂何依。必有凶年。人其流離。
 嗚呼噫嘻。時耶命耶。從古如斯。爲
 之奈何。守在四夷。

Mất còn nhà cũng không hay,
 Nghe tin luống những hồ - nghi đời
 đường,

Lòng thương xót mơ-màng mộng-mị,
 Giấc chiêm-bao bỗng thấy hồn về ;
 Đặt đàn cúng tế rượu chè,
 Xa trông những chốn thiên-nhi xụi-xụi.
 Cây cỏ thăm đất trời sâu xót,
 Diêu tế không hồn trót nương đâu ;

Ắt rồi liền tiếp năm sau,
 Mùa màng mất-mát người hầu lưu-ly.
 Thời hay mệnh thói thì xiết kể,
 Vốn từ xưa cũng thế khác gì,

Làm sao khỏi được vạ ni,
 Chử rằng : « thú tại tứ di » mới là .»

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thế-giới đại-sự-ký

(TỪ MỒNG 1 ĐẾN 30 THÁNG SÁU NĂM 1930)

Mồng 1 tháng sáu. — Thủ-tướng Pháp TARDIEU đọc ở Dijon một bài diễn-văn tổng-thuật về tình-hình chính-trị và bày tỏ sự kết-quả từ ngày đem thi-hành cái chương-trình của Nội-các mình.

Mồng 2. — Tại Chúng-nghị-viện Anh có cuộc tranh-luận lớn về bản hiệp-ước hải-quân ở Londres: Ông BALDWIN thay mặt đảng bảo-thủ trình đơn xin lập một ủy-ban điều-tra, đơn này, sau khi thủ tướng MACDONALD đã đáp lại, bị 282 phiếu phản - đối chống với 201 phiếu ưng-thuận. — Có tin tòa Nội-các MACDONALD sắp chính-đốn lại.

— Tòa Nội-các Thụy-điển (Suède) từ chức.

Mồng 3. — Nghị - viện Pháp tiếp-tục các công việc; Hạ-nghị-viện đình-đề ngày thứ sáu thảo-luận các cuộc chất-vấn, bắt đầu thảo-luận cuộc chất-vấn về các việc biển-dộng ở Đông-dương.

— Nước Pháp và nước Ý đã ký tại Rome (kinh-đô Ý) một bản hiệp-ước giao-lễ.

— Ông EKMAN là linh-tụ đảng binh-dân Thụy-điển (Suède) được cử lên lập tòa Nội-các mới.

Mồng 4. — Nước Pháp và nước Ý đã thảo xong hai bản hiệp-ước mới về kinh-lễ.

Mồng 5. — Thủ-tướng MACDONALD nước Anh trình Chúng-nghị-viện biết rằng

chính-phủ đã quyết-nghị không ưng bản dự-án xây đường hầm dưới bể Manche.

— Tại Ấn-độ có một toán chừng 1 vạn 4 nghìn quân rợ Affredis phản-nghịch vây thành Peshayar.

Mồng 6. — Ở Pháp, Hạ-nghị-viện bắt đầu thảo-luận các cuộc chất-vấn về việc biển-dộng xứ Đông-dương và đã nghe lời chất-vấn của các ông nghị - viện MOUTET, TAITTINGER và OUTREY.

— Chúng-nghị-viện Anh tranh-luận về việc giao-lễ của chính-phủ Anh với chính-phủ Sô-viết. Tổng-trưởng ngoại-giao HENDERSON có tuyên-ngôn về việc đó trong cuộc tranh-luận. — Chính-phủ Anh xuất-bản một quyển « Bạch-thư » (Livre blanc) nói rõ các lẽ vì sao mà không ưng bản dự-án xây đường hầm dưới bể Manche.

— Nước Anh và nước Nhật ưng-thuận lời biện - giải của nước Mĩ về khoản thay đổi trong bản hiệp-ước hải-quân ở Londres. Theo bản hiệp ước này thì nước Nhật được tặng đôi hàng-không của mình.

— Tòa Nội-các mới nước Thụy-điển đã thành-lập, ông EKMAN làm tổng-lý, ông RAME sung vào bộ ngoại-giao.

Mồng 7. — Thủ-tướng TARDIEU thương thuyết cùng các ông PIÉTRI Thuộc-địa tổng-trưởng, MAGINOT Lục-quân tổng-trưởng, DELMONT Thuộc-địa thứ-trưởng, và đại-tướng CLAUZEL quân-đốc các đạo quân thuộc-địa, về các việc biển-dộng ở Đông-dương.

— Hoàng-thân CAROL nước Lô-mã-ni (Roumanie) đã lên về nước. Hoàng-thân về như thế này có dự bị trước nên được hoan-nghênh lắm. Nội-các MANIU vì không điều-định được đề cho Hoàng-thân vào hội-đồng phụ-chính hoặc đề tước vị Hoàng-đế, phải từ-chức. Nghị-viện sắp chiêu-tập và có lẽ ông MIRONESCO đứng lên lập tòa Nội-các mới.

Mồng 8. — Ông PIÉTRI là tổng-trưởng bộ thuộc-địa diên-thuyết ở trước hội liên-đoàn các nhà thuộc-địa Pháp họp ở Lorient đã nói rõ cái chính-sách thuộc-địa của nước Pháp và ý-kiến của chính-phủ định đối-phó với các việc khó-khăn ở thuộc-địa thế nào. (Bài diên-thuyết này, bản-chí đã bình-luận ở mục xã-thuyết trên kia.)

— Quốc-hội nước Lô-mã-ni thủ-tiêu đạo luật trước công-quyền của Hoàng-thân CAROL. Quốc-hội tôn hoàng-thân lên làm vua, và định việc suy-tôn này có «*lỗ-cấp hiệu-lực*» (effet rétroactif), nghĩa là có hiệu-lực ngược lại từ trước, kể cho là làm vua từ sau khi tiên-hoàng mất đến giờ. Ấu-hoàng MICHEL là con hoàng-thân thì thoái-vị và vua mới đặt hiệu là CHARLES II đã làm lễ tuyên-thệ. Tòa Nội-các lâm-thời của ông MIRONESCO đã đệ đơn xin từ chức.

Mồng 9. — Vua CHARLES II nước Lô-mã-ni giao cho ông MANIU lập tòa Nội-các mới. Các quân-nhân tuyên-thệ trung-thành với nhà vua. Ông DIAMANDY công-sứ Lô-mã-ni ở Paris bị triệu về Bucarest. Đảng tự-do có cái nguy sẽ phân-liệt.

— Bộ tổng-tham-mưu hải-quân nước Nhật chỉnh-đốn lại. Sự xung-đột của ban tham-mưu với bộ hải-quân điều-định đã tam xuôi.

— Ở Anh, bản báo-cáo của phái-bộ SIMON điều-tra về việc Ấn-độ, đã đem công-bố một phần thứ nhất.

Ngày 10. — Vua CHARLES II nước Lô-mã-ni vẫn dò hỏi ý-kiến các phái đề lập

Nội-các mới. Chắc ông MANIU sẽ được cử ra chủ-trương Nội-các.

Ngày 11. — Ông MANIU khước không nhận lập tòa Nội-các mới nước Lô-mã-ni. Trước vua Lô-mã-ni vì bỏ bà phi HÉLÈNE nên bị truất, nay đã về nước đang cùng bà phi điều-định đề hòa-hợp với nhau.

Ngày 12. — Ông MANIU là lãnh-tu đảng quốc-gia thôn-dân (parti national paysan) nước Lô-mã-ni đã tuyên-ngôn nói vì có gì khước không nhận lập tòa nội-các. Đại-tướng PRESAN cũng từ-chối nốt.

Ngày 13. — Nghị-viện Pháp vẫn thảo-luận các lời chất-vấn về việc biến-động xứ Đông-dương và nghe ông PIÉTRI là tổng-trưởng bộ thuộc-địa nói rõ về tình-hình xứ đó.

— Ông MANIU ưng-thuận đứng lên lập tòa Nội-các mới nước Lô-mã-ni, trong tòa Nội-các này thì ông MIRONESCO giữ bộ ngoại-giao. Đến tháng chín này sẽ làm lễ đăng-quang vua CHARLES II. Ông DINU CESIANO sẽ thay ông DIAMANDY làm công-sứ Lô-mã-ni tại Paris.

Ngày 14. — Tòa nội-các MANIU đã ra trước hai nghị-viện nước Lô-mã-ni; bài tuyên-ngôn của Nội-các được hoan-nghênh lắm.

Ngày 15. — Ông MIRONESCO tổng-trưởng bộ ngoại-giao Lô-mã-ni, có nói cho một viên thông-tin của báo Petit Paris biết rằng cái chính-sách ngoại-giao của nước Lô-mã-ni không thay đổi gì hết.

— Tại Ấn-độ, các dân Ấn-độ-giáo (Hindous, theo đạo chính-truyền) họp hội-đồng ở Bombay rất là náo-nhiệt đề tỏ ý bênh-vực cái chế-độ giai-cấp (régime des castes) và đề yêu-cầu cho việc lập-hiến sau này của Ấn-độ đừng can-thiếp về tôn-giáo cùng sự hành-động của các giáo-hội. Hai nhà linh-tu quan-trọng của phái Hồi-giáo thương-thuyết cùng tổng-

đốc Ấn-độ và tổ ý phái mình muốn hợp-tác cùng chính-phủ Anh.

Ngày 16. — Hội - đồng trị - sự nhà «Quốc-tể thanh-trái ngân hàng» đã họp kỳ thứ hai và định yêu-cầu cùng mười hai nhà ngân-hàng phát-hành mới góp vốn vào cho nhà Ngân-hàng quốc-tể.

— Hai nước Pháp và Ý ký tại Rome (Ý) một bản hiệp-ước về cách đối-dãi người dân của hai nước

— Có tin đich là ông CÉSARIO sẽ thay cho ông DIAMANDY làm công-sứ Lô-mã-ni ở Paris.

Ngày 17. — Thủ-tướng Anh MACDONALD, chủ tọa ở Guidhall (nhà thị-sảnh thành Luân-đôn) một cuộc hội-nghị lớn cùng các chức-dịch sở-tại và yêu cầu các nhà chức-dịch phụ-lực với mình để ngăn-ngừa cái nạn thợ-thuyền thất-nghiệp. Theo cuộc phỏng-vấn của báo Daily Herald, thì nguyên-thủ - tướng LLOYD GEORGE cũng sẵn lòng giúp chính-phủ trong việc này.

— Tổng-thống HOOVER nước Mĩ ký đạo luật mới về quan-thuế.

Ngày 18. — Ủy-ban của Quốc-tể lao-động-cục (B. I. T.) xét về vấn - đề thời-hạn làm việc trong một ngày, bỏ 27 phiếu đối lại với 16 phiếu đề phản-đối sự làm 7 giờ một ngày và bỏ 27 phiếu đối lại với 18 phiếu đề phản-đối sự làm 7 giờ rưỡi một ngày.

— Tòa nội-các Ai-cập (Egypte) từ chức.

Ngày 19. — Ủy-ban Hội-nghị Quốc-tể lao - động ưng - chuẩn hai khoản thứ nhất bản dự-án hiệp-ước định hạn làm việc cho các công-nhân, là 8 giờ một ngày và 48 giờ một tuần-lễ.

— Ông BALDWIN (nước Anh) thay mặt đảng bảo-thủ từ chối không muốn cùng thủ-tướng MACDONALD cộng - tác trong việc giải-quyết vấn-đề công-nhân thất-nghiệp (question du chômage).

Ngày 20. — Hạ nghị-viện Pháp trong kỳ họp buổi chiều đã nghe các ông nghị-viên THOUMYRE, CANDACE và VARENNE thảo-luận về các việc biến động ở Đông-dương.

— Hội-nghị lao-động định trong các mỏ mỗi ngày làm việc 7 giờ 45 phút thôi.

— ISMAIL SIDKYPACHA lập tòa nội-các Ai-cập mới.

Ngày 21. — Nghị-viện Ai-cập hoãn lại một tháng nữa.

— Ở Ấn-độ có nhiều cuộc xung-đột lưu-huyết tại tỉnh Bombay.

Ngày 22. — Vì đạo luật mới về quan-thuế của nước Mĩ có thiệt lớn cho các nước nên các nước đều có lời phản-kháng. Tổng-thống HOOVER nước Mĩ định rằng trong luật đã có một điều cho phép được chằm-chước (clause de flexibilité), vậy sẽ thi-hành điều đó đối với nước Pháp cho được bằng lòng.

Ngày 23. — Ông ALBERT THOMAS giám-đốc quốc-tể lao-động-cục, đọc tại Hội-nghị lao-động họp ở Genève (Thụy-sĩ) một bài diễn-văn nói tóm lược tình-hình các vấn-đề lao-động đã đem nghiên-cứu ở Hội-nghị.

— Bản báo-cáo của phái-bộ SIMON kết-luận cần phải xét lại việc lập-hiến cho Ấn-độ.

Ngày 24. — Ủy-ban xét về thời-hạn làm việc trong các mỏ than họp tại Genève, cảm không được bắt các thợ-thuyền làm việc thêm giờ, trừ khi có việc chiến-tranh thì không kể.

Ngày 25. — Chính-phủ Madrid (Tây-ban-nha) biểu đồng-tình về bản dự-án Liên-Âu của ngoại-tướng BRIAND nước Pháp đã khởi-xướng, nhưng vẫn muốn giữ quyền tự-do hành-động của mình.

Ngày 26. — Ở Pháp đảng xã-hội cấp-tiến tại Nghị-viện quyết-nghị yêu-cầu lập một ban ủy-viên riêng của Nghị-viện để điều-tra về tình - hình xứ Đông-dương cùng là xét các việc cải-cách cần-cấp.

— Ông ROBERT DE CAIX đã trình rõ với ủy-ban của hội Vạn-quốc về công-cuộc của nước Pháp ở Syrie và Liban.

Ngày 27. — Tại Nghị-viện Pháp đã kết-liệu cuộc thảo-luận các lời chất-vấn về việc biến-động xứ Đông-dương. Lời thỉnh-cầu của ông DALADIER lập một ủy-ban điều-tra, sau khi thủ-tướng ANDRÉ TARDIEU can-thiệp vào, bị 325 phiếu phản-kháng đối lại với 260 phiếu đồng-tình, cả nghị-viện đều giơ tay tỏ lòng tin-nhiệm chính-phủ.

Ngày 28. — Thượng-ủy-ban đồng-minh thông cho ủy-viên Đế-quốc Đức (Commissaire d'Empire) ở Mayence (Đức) biết rằng việc các nước đồng-minh đóng binh ở đất Rhénanie nay đã kết-liệu, và chuyển-giao lại các quyền cho viên ấy.

— Hội-nghị quốc-tế lao-động họp ở Genève (Thụy-sĩ) bỏ 70 phiếu đối lại với 43 phiếu để phản - đối bản dự-án định hạn-chế giờ làm trong một ngày ở các mỏ than. Bản hiệp-uớc về vấn-đề « cưỡng-bách lao-động (travail forcé) ở các thuộc-địa được 93 phiếu ưng-thuận đối lại với 50 phiếu phản-đối.

Ngày 29 — Mấy toán quân đồng-minh còn đóng ở Rhénanie Đức, đã triệt-hồi nốt.

— Tại Bruxelles (nước Bỉ) khai Hội-nghị quốc-gia về khoa-học.

— Việc cách-mệnh ở Bolovie (Nam-Mĩ) đã kết-quả thành-lập một chính-phủ mới ở đô-thành La Paz.

Ngày 30 — Mấy toán quân sau cùng còn đóng ở Rhénanie đã rút về hết. Lá cờ ở bộ lông-tham-mưu Pháp đã hạ xuống, có ông TIRARD và thống-soái GUILLAUMAT chứng - kiến. Kinh - thành Berlin nước Đức hoan-nghehnh việc triệt-hồi quân Đồng-minh ở Rhénanie. Tổng-thống HINDENBURG và chính-phủ Đức đã tuyên-bố một bài thông - cáo quốc-dân về việc đó, cả Nghị-viện đứng dậy nghe bài diễn-văn ứng-khẩu của thủ-tướng LOEB.

— Chung-nghị-viện Anh quyết-nghị phản-đối việc đào đường hầm dưới biển Manche thẳng được 7 phiếu.

Vấn-đề tự-trị nước Cao-ly. —

Ít lâu nay trong báo-giới Nhật-bản có nói ngổ rằng Chính-phủ sắp cải-cách việc chính-trị nước Cao ly. Nước Nhật đối với việc ấy định xử-tri thế nào, đó là một vấn-đề mà dân Cao-ly hàng lần làm lo-ngại. Thủ-tướng SAITO làm Tổng-đốc Cao-ly vừa bị triệu về Tokio để thương-thuyết cùng chính-phủ về một vài điều nên sửa đổi trong việc cai-trị thuộc địa.

Năm 1920 chính Thủ-tướng SAITO đã lập ra cái chế-độ hiện-hành để cho người Cao-ly được quyền bày tỏ ý-kiến về các vấn-đề có quan-hệ đến mình. Cái chế-độ ấy chưa thể vi với một chính-phủ tự-trị được, nhưng cũng là một quãng đầu trong con đường tự-trị đó rồi. Cách chính-trị nước Cao-ly ngày nay như thế nào? Chính-phủ lập một hội-đồng trung-ương (Chusin) để giúp việc cho quan Tổng-đốc. Các hội-viện thì tuyển trong các người Cao-ly có thể-lực và có lịch-duyet. Hội-đồng này tự-cách na-ná như Nghị-viện và đứng giữa làm môi-giới cho dân và chính-phủ, Hội-đồng thay mặt dân đạt lời yêu-cầu lên chính-phủ, lại công - bố cách chính-trị của chính-phủ cho dân rõ.

Ngoài Hội-đồng trung - ương, ở các tỉnh cũng có đặt các hội-đồng ương-tự, nhưng chỉ xét các vấn-đề can-thiệp riêng đến việc cai-trị các địa - phương mà thôi.

Thủ-tướng SAITO lập ra các Hội-đồng đó là cốt để giảm bớt cái ác-cảm của dân đối với một chính-phủ ngoại-quốc vẫn có ý nghiê-m-khắc, vì các quan-lại Nhật cai-trị nước Cao-ly thường không biết thấu bụng dân, xử-c-phạm đến tnh

lĩnh phong-tục của dân, nên lòng dân sinh oán. Người Nhật hiểu rằng việc làm-lỡ đó có thể làm tổn-hại đến thanh-thế của chính-phủ được, cần phải cải cái chính-sách cũ, nên mới lập ra Hội-đồng trung-vương. Tuy người Cao-ly không ép chính-phủ phải theo ý mình được, nhưng được quyền tham-dự đến việc cai-trị trong nước, cũng đủ rửa được cái tiếng nghiêm-khắc cho chính-phủ rồi.

Cái chế độ này mới thi-hành được mười năm mà quang-cảnh trong nước đã khác nhiều. Nhờ về cái chính-sách kinh-tế khôn-khéo của chính-phủ Nhật mà trong nước được thịnh-vượng và cách sinh-hoạt của dân cũng khá nhiều, Hội-đồng Cao-ly đâu không ép chính-phủ theo ý-kiến của mình được, nhưng người Nhật cũng đã lưu-tâm đến các điều yêu-cầu của Hội-đồng.

Về việc học trong bản-xứ đã có về tiền-bộ, người dân đã sẵn có học-thức, đã tiếm được tự-do, bèn yêu-cầu chính-phủ cho rộng quyền tham-dự vào việc chính-trị trong nước. Người Nhật không thể làm ngơ các điều yêu-cầu đó được, nên quan Tổng-đốc phải hứa cho dân sẽ lập một chính-phủ tự-trị.

Từ-tước SAITO đã thương-thuyết cùng chính-phủ Nhật về cái ý của mình muốn cải các Hội-đồng Cao-ly hữu-danh vô quyền, ra làm các cơ-quan chính-trị mới có quyền thảo-luận và quyết-nghị các việc, không phải tùy ý chính-phủ. Song quan Tổng-đốc cùng các quan Công-sứ các tỉnh vẫn giữ chuẩn-y các việc Hội-đồng đã quyết-nghị.

Việc cải-cách đương dự-tính đó chắc sẽ làm cho quyền công-dân của người Cao-ly được tăng-tiến, nhưng không biết có vừa lòng cả toàn-dân không. Xem các việc âm-mưu mới khám-phá ra được ở Nhật-bản và ở Cao-ly thì có thể đoán được rằng người Cao-

ly cũng chưa lầy thế làm mãn-nguyên. Vấn-đề Cao-ly là một vấn-đề quan-trọng, không phải nhất-đán cải-cách mà giới-quyết xong được ngay. Nước Nhật nói rằng Cao-ly là một thuộc-địa của mình, nhưng địa-vị của cái thuộc-địa nước Nhật đó phải như thế nào? Có phải nước Nhật muốn nước Cao-ly đồng-hóa mà làm thành một địa-phận của Nhật không? Nếu phải thì tại sao trong cách đối-đãi người Nhật và người Cao-ly lại có khác nhau? Từ trước đến giờ người Cao-ly vẫn bị coi vào hàng dân-tộc thuộc quyền nước Nhật, chứ không được đãi ngang hàng với người Nhật, không được quyền bầu-cử, không được dự các kỳ thi công,

Chính-phủ thuộc-địa thì rõ ra cái tinh-chất phái quan-liều Nhật-bản. Người Cao-ly tuy là được quyền phái đại-biêu để bày tỏ ý-kiến của mình về việc cai-trị trong nước, nhưng đó chỉ là một sự tham-dự gián-tiếp và hẹp-hòi vào việc chính-trị mà thôi. Về đường chính-trị, đến ngày nay người Cao-ly cũng chỉ mới được một cái nghị viện chưa thành hình (embryon de parlement), cho đến việc học, cũng chịu phần kém, không được đãi như người Nhật, vì có hai hạng trường sơ-đẳng, trung-đẳng và cao-đẳng, một hạng cho người Nhật và một hạng cho người Cao-ly.

Cái tình-trạng nguy-ngập đó là do nước Nhật không có một cái chính-sách nhất-định đối với Cao-ly. Ngay chính-phủ cũng chưa hề nghĩ tới sẽ dùng phương gì đối-phó với thuộc-địa, không cho người Cao-ly được hưởng lợi-quyền của người Nhật mà cũng không dám cho được tự-trị. Người nào đã nghiên-cứu về lịch-sử ngoại-giao của nước Nhật đều phải công-nhận rằng người Nhật ít khi chịu đem một ý-kiến

gì hay, hay một cái chương-trình thích-hợp, ra thực-thành ngay bao giờ. Vẫn biết rằng trước khi đem thực-hành một việc cải-cách to-tát cũng cần phải qua một cái thời-kỳ dự-bị và thí-nghiệm đã, nhưng trong bao nhiêu năm trời mà vẫn do-dự thì có phải rõ ra cái thái-độ cầu-an, không biết mưu-linh những việc trường-cửu không?

Chính cái tình do-dự đó là một cái nguyên-nhân của cách chính-trị thuộc-địa bất-dinh của người Nhật ở Cao-ly, đã làm cho dân xứ này càng ngày càng thêm mỗi lo ngại. Nước Nhật ngày nay như đang tới quãng đường rẽ, kịp phải quyết định nên bắt nước Cao-ly đồng-hóa với mình hay là cho được tự-chủ. Vấn-đề này mà chưa giải-quyết ngay đi, thì e rằng cái chính-sách của Tả-tước Saito cũng không thể ngăn-ngừa được các nỗi khó-khăn trong việc giao-lễ của nước Cao-ly với nước Nhật.— (Dịch báo Tây).

Thời-cục nước Tàu

Cuộc Nam Bắc phân-tranh trong nước Tàu kéo dài-dai mãi chưa biết bao giờ liêu-kết. Cứ như tin-tức trong hơn một tháng nay, từ khi Ông Tinh-Vệ ở hải-ngoại lên miền Bắc hợp-tác với Diêm, Phùng, ai cũng tưởng rằng cánh Bắc-phương lại được đảng quốc-dân giúp thêm vào thì thế-lực lại càng thêm mạnh, chính Tưởng Giới-Thạch cũng lấy làm lo. Nào là Ông đứng đầu cho Tả-đảng cực-lực hoạt-động ở miền Bắc; nào là câu-kết đảng Cộng-sản cho nổi lên quấy rối ở miền Hồ-nam và miền Dương tử-giang, làm cho Tưởng phải hoãn việc đánh Tể-nam.

Nguyên Ông vốn có tiếng là người khuynh-hướng về xã-hội-chủ-nghĩa và lại vẫn thân-thiện với phái Cộng-sản, nay lại lên hợp-tác với hai nhà quân-phiệt Diêm, Phùng thì thanh-thế rất lớn. Trước kia các phái trong đảng quốc-dân bất-bình với Tưởng cũng đều

lên họp cả ở Bắc-bình, nương với Diêm Phùng, đề cùng mưu đảo Tưởng. Diêm vốn chẳng ưa gì đảng quốc-dân, nhưng cũng lợi-dụng đảng cho mạnh thế-lực. Lại còn đảng Sơn-tây là đảng thực-lực thuộc về hữu-phái thì Châu Lô đứng đầu, vốn cùng với phái Cải-tổ là tả-phái, Ông Tinh-Vệ đứng đầu, không khác gì như nước với lửa, xưa nay vẫn công-kích lẫn nhau. Nay muốn điều-hòa các phái lại, nên mới lập ra khước-đại hội-nghị, do hai phái Cải-tổ và phái Sơn-tây cùng các phần-tử ở dưới quyền Diêm, Phùng tổ-chức nên, nhóm hội-nghị thì lấy ủy-viên kỳ thứ hai (tức là phái Cải-tổ) làm trung-tâm, mà mở rộng ra cho các ủy-viên các kỳ khác cùng dự vào; lại mời cả những ông không có chân trong quốc-dân-đảng cũng dự hội-nghị, cách ấy là mở rộng ra để điều-hòa cả hai bên, nên mới gọi là khước-đại hội-nghị, chủ ý là muốn tổ-chức lấy Chính-phủ Bắc-bình cho được chóng thành. Về việc quân và chính trị thì Diêm chịu toàn-trách về việc đảng thì Ông chịu trách-nhiệm châu-toàn. Phùng thì để mặc cho Ông với Diêm bàn tính tổ-chức ra chính-phủ; lúc thì tuyên-bố sẽ lập một tòa nội-các Trung-hoa, lúc thì bàn sẽ lập ra mười bộ, lúc thì Ông, Diêm, hai người cùng nhường nhau chức chủ-tịch chính-phủ, cái cách nhường nhau ấy cũng chẳng cao-thượng gì, chẳng qua đã biết tổng rằng cái chức chủ-tịch chỉ làm bung-xung cho các mặt họ công-kích, mà khó-khăn nhất là vấn-đề tài chính, sau này chính-phủ mà thành-lập thì biết trừ-liệu vào đâu, thôi thà lảng ra làm bộ tương-nhượng chứ chả đại gì mà giờ đầu chịu báng.

Ngờ đâu đương lúc tài-chính quân-bách, việc quân bối-rối, Ông, Diêm đương bàn tính lập chính-phủ chưa xong, thì việc quân đã thất-bại ở mặt Tể-nam.

Chánh-phủ Nam-king định đem cái âm-muru của bọn Uông Tinh-Vệ giúp ngấm quân Cộng-sản tàn phá tỉnh Hồ-nam, tuyên-bố cho liệt-cường biết. Hà Ứng-Khâm cũng bảo rằng việc loạn ở Trường-xa thực do Uông, Diêm, Phùng xui giục. Lưu Lư-Ẩn cũng báo-cáo, đại-ý nói Uông Tinh-Vệ gần đây vì quân-đội của Trương-Phát - Khuê và Lý Tôn - Nhân tan vỡ, miền Nam không có chỗ đứng vững được nữa, nên phải lên miền Bắc để tìm đường ra. Điều kém nhất của Uông là không có chủ-kiến, sau khi đến Bắc-bình đã mấy lần đổi cách chủ-trương, lúc đầu thì chủ lấy đảng trị nước, rồi lại mở cuộc quốc-dân hội-nghị, sau lại chủ thảo ước-pháp; cùng thời lại liên-lạc đảng Cộng-sản, khiến ở Hồ-nam bạo-động đốt cướp thành Trường-sa đến hơn 30 tiếng đồng-hồ. Uông làm hại dân, lần này lại thêm một cái ấn-tượng rất sâu nữa.

Nay Uông thấy Bắc-quân thất-bại ở Tế-nam, sự-thế miền Bắc càng ngày càng nguy-cấp, tình-thế của Uông có thể nói là « chui vào ống đẽ, chui ra ống khó ».

Xem thế thì gần đây Nam-quân đã thắng-lợi, mà Bắc-quân đã suy kém dần. Hiện hai quân Nam Bắc trước kia đương chống nhau ở mặt Lan-phong, mà đánh nhau kịch-liệt nhất là trận Kỷ-huyện ở về phía đông Hà-nam. Nhưng về mặt Lan-phong quân Phùng phòng-thủ kiên-cố, khó lòng vượt qua được, Tướng mới dụng kế dương đông kích tây, ra sức đánh một trận ở Kỷ-huyện rồi lui quân mặt này mà quay về mặt Tân-phố, tiến lên đánh Tế-nam. Trong khi đánh lấy Tế-nam, Bắc-quân mất đến hai phần ba quân-linh và rất nhiều khi-giới, Nam-quân tiến lên không gặp ngăn-

trở gì cả, có thể kéo thẳng lên đến Thiên-tân. Thế là Nam-quân đã thực được thành Tế-nam.

Chánh-phủ Sơn-dông đã từ Thanh-đảo dọn về Tế-nam. Quân Sơn-tây ở dọc đường Giao-tế đã lui hết về Thanh-thành. Hiện cả đường ấy đã phạm-vi về quân Trung-ương. Nam-quân lại đánh tan được đạo quân Sơn-tây ở Thái-an. Hiện đã lục-tục qua sông Hoàng - hà đuổi đánh địch-quân

Tướng Giới-Thạch quyết thừa thắng dời quân đến đánh Trịnh-châu và Biện-lương. Hiện đã cho mang quân ở đường Tân-phố xuống đường Lũng-hải để đuổi quân Phùng.

Phùng Ngọc-Tường vì thấy Tế-nam thất - thú, Hứa-xương và Lan-phong đều có cơ nguy-cấp, nên đã triệu-tập cuộc hội-nghị quân-sự khẩn-cấp ở trạm xe Trịnh-châu quyết trong ba ngày rút hết các bộ đội ở hai đường Lũng-hải và Bình-hán, họp cả ở Trịnh-châu. Nếu có nguy nữa sẽ bỏ Trịnh-châu lui giữ Đông-quan, sẽ tính cuộc quyết-đấu cuối cùng.

Tướng Giới-Thạch liền điện cho các bộ chia làm hai bộ lớn, một bộ tiến lên miền Bắc đuổi đánh, một bộ kéo lên đóng thêm ở đường Lũng-hải. Bộ đuổi đánh do Hàn Phục-Cừ, Lý Diên-Uần chỉ-huy, Trần - Điều-Nguyên, Mã Hồng-Quý giữ mặt sau còn đều kéo lên đường Lũng-hải.

Quân Trung-ương lại đánh đến Lan-phong, hiện quân Phùng và quân Diêm đã rút ra cả. Tướng Giới-Thạch lại hạ lệnh đánh thành Lạc-dương, có treo giải một trăm vạn đồng, đề thưởng cho đạo quân nào vào được thành ấy. Máy bay Trung-ương có bay đến Bắc-bình, ném bom xuống nhiều nơi, làm cho khếch-dại hội-nghị đương họp chưa xong mà

phải tan. Lại ném cả bom xuống chỗ gần nhà Uông Tinh - Vệ ở.

Diêm Tích-Sơn vì quân-sự thất-bại hiện không biết làm ra thế nào, quyết hết sức kết giao với Trương Học-Lương, cầu Trương Học-Lương lấy thực-lực cùng giúp, thì chức chủ-tịch chính-phủ có thể nhường Trương. Diêm đã phái Phó Tác-Nghĩa đến Bắc-đại-hà yết-kiến Trương, và phái Triệu Đái-Văn ra cửa quan yết-kiến Trương Tác-Tướng. Trước khi phái đông - bắc chưa đem thực - lực cùng giúp, hai đường đông-tây đều thu-rút phòng-tuyến, hết sức cố giữ.

Diêm tích-Sơn lại điện cho Trương Học-Lương nói rằng: Thành Tế-nam thất-hãm, thực bị thiệt hại to, tôi sẽ chịu cả trách-nhiệm đối với quốc-dân nhận tội, nhưng vẫn cần phải đánh đổ Trương Giới-Thạch, việc do trừ ngại không còn ai làm được, các việc đã phái Phó Tác-Nghĩa đến nơi bày tỏ, xin vì nước vì dân, cùng mưu toan chính-cục ở miền Bắc.

Trương Tác - Tướng điện cho Trương Học - Lương, đại - ý nói nên trước sau nghiêm giữ thái-độ trung-lập, chớ vì lời nói ngọt mà chuyển lòng, chớ vì uy-vũ mà khuất-phục và khuyên Trương Học-Lương mau mau trở về Thẩm-dương, chớ để người các phương quấy rối. Trương Học-Lương trả lời, nói cái danh-phận đại-nghĩa, dấu phục-tông Trung - ương, nhưng phạm có cử-dộng gì, tất phải trông vào phần phúc-lợi của bốn tỉnh Đông-bắc mà xem xét một cách cẩn-thận, còn việc mang quân vào cửa quan, thì chắc không có việc đó, xin cứ yên lòng.

Xem thế thì Trương Học-Lương vẫn cứ trông ngón không chịu giúp bên nào, thủy - chung vẫn giữ thái - độ trung lập.

Có người bàn với Diêm Tích-Sơn nói phái Cải-tổ vốn người về miền Đông-bắc (cánh Trương Học-Lương) không ưa, nếu đuổi Uông di, thì mới có thể mong miền đông - bắc giúp sức được.

Có tin ở Bắc-bình rằng các tướng lĩnh là bọn Hà Thành-Tuấn, Dương Hồ - Thành, Vương Kim - Ngọc, Từ Nguyên - Toàn, Trương Đình-Văn, Hà Đầu-Dần, Thượng Quan Văn-Tướng, Nhạc Duy-Tuấn, Phạm-Thạch - Sinh, Tiên Chi-Sở, Hách Mộng-Linh cùng thông - điệp đánh Uông Đình-Vệ, vì Uông như Khánh-Phủ ngày xưa, nói không trừ được Khánh-Phủ thì nạn nước Lô chưa bao giờ thôi. Các bậc hiền-triết trong nước và các bạn đồng-chí trong đảng nên cùng lòng phấn-hưng kẻ tội rồi mang quân đánh.

Lại có tin ở Bắc-đái-hà, Trương Học-Lương có mở cuộc hội-nghị trọng-yếu; các tướng-lĩnh bậc cao thuộc bộ-hạ Diêm Tích-Sơn và Phùng Ngọc-Tường có nhiều người mặt-kiểu đại-biểu đến yết-kiến Trương Học-Lương tỏ ý không muốn đánh nhau nữa, xin Trương đừng ra cán-toàn, mong sau này Diêm Phùng đi sang nước khác, khôi-phục hòa-bình, bền đem toàn-lực trừ nạn Cộng sản. Trương bằng lòng, lập-tức định rõ cái phương-pháp làm ra thế nào, giao cho bọn Trương-Quần điện trình chính - phủ Trung-ương và Trương Giới-Thạch đề hỏi ý-kiến.

Trung Nga giao - thiệp. — Cuộc hội-nghị Trung Nga chính-thức vẫn chưa định vào ngày nào. Xét ra nước Nga vì thấy Diêm Phùng làm phản, có ý trông ngóng; hiện đại-biểu Trung-hoa là Mạc Đức-Huệ dấu còn ở Moscou, nhưng chỗ nào cũng bị chánh-phủ Nga coi xét, hành - động cũng gần mất tự-do, chính-phủ Nam - kinh đã điện cho

Mạc hỏi rõ cái thái - độ của nước Nga, đợi sau khi Mạc trả lời, nếu nước Nga quả không có cái ý thực-thà, thì hạ-lệnh đòi Mạc về để tỏ ý cự-tuyệt.

Bản hiệp-ước Trung-Pháp-Việt. — Ngày thứ sáu 25 Juillet, trong quan-báo ở Paris và ở Nam - kinh có tuyên-bố bản hiệp - ước Trung-Pháp. Gọi là « Trung-Pháp » nhưng thực là bản hiệp-ước riêng của Trung-hoa đối với Đông - dương. Ngày 2 Décembre 1928 hai chính-phủ Pháp và Trung-hoa đã cùng nhau ký một bản thương ước, còn đối với Đông-dương, Paris và Nam-kinh đều nghĩ nên ký một bản hiệp-ước riêng.

Các vấn-đề mà hai chính-phủ phải đem xét, rất là khó-khăn. Người Tàu sang làm ăn ở Đông-dương từ xưa đến nay vẫn được hậu - đãi, được hưởng đủ mọi sự dễ-dàng trong xứ này, thế mà còn kêu không được đãi nhu các người ngoại-quốc khác, đòi đủ các thứ quyền-lợi cho xứng-đáng với dân một nước độc-lập.

Lời yêu-cầu chánh-dáng, chính-phủ Pháp chẳng lẽ không xét cho công-bằng. Vì vậy chính-phủ mới giao đặc-quyền cho bá-tước de MARTEL, đại-sứ ở Trung - hoa, M. M. DE LA BROUSSE nguyên Thống-đốc Nam-kỳ và GARREAU đại - diện quan Toàn-quyền Đông-dương để cùng đại-biểu chính - phủ Nam-kinh xem xét về mọi khoản trong bản hiệp-ước.

Trải qua bao sự khó-khăn, đã nhiều lần tưởng việc điều-dinh đến thất-bại, mãi đến 16 Mai trước, mới ký xong bản hiệp-ước này tại Nam-kinh. Hôm 25 juillet quan-báo Paris và Nam-kinh đều tuyên-bố các khoản trong điều-ước này. Bản hiệp-ước Trung Pháp

đối với Đông-dương rất quan-hệ, nay lược đăng các khoản như sau.

Nội dung bản điều-ước có 11 khoản. Ngay khoản đầu bãi cả các bản hiệp-ước ký từ trước: bản thương-ước Trung-Pháp ký tại Thiên-tân ngày 26 Avril 1886, bản thương-ước phụ ký ngày 26 juin 1888 tại Bắc-kinh và các công-văn về bản-ước này, trao đổi tại Bắc-kinh ngày 27 juin 1887, cũng là bản hiệp ước ký tại Bắc-kinh ngày 20 Juin 1895. Các bản hiệp-ước đó từ nay bãi đi không thi-hành được nữa.

Khoản thứ nhì. — Các thành - phố Long-châu ở Quảng-tây, Tu-mao, Hà-khầu và Mông-tự ở Vân-nam vẫn mở cho việc buôn bán qua cương-giới xứ Đông dương và Trung-hoa.

Khoản thứ ba. — Chính-phủ Trung-hoa có thể phái lãnh-sự sang Đông-dương đặt tại các thành - phố Hà-nội hay Hải-phòng và Sai-gòn. Mà chính-phủ Pháp vẫn được cử lãnh-sự sang các tỉnh đã kể ở khoản trên.

Các viên lãnh-sự hay các viên-chức làm tòa lãnh-sự phải là người quán ở nước cử mình đi, Các viên-chức ấy không được buôn bán hoặc làm kỹ-nghệ gì.

Khoản thứ tư. — Các người Trung-hoa lúc tới địa-phận Đông-dương, các người thuộc dân Đông-dương lúc tới địa-phận Trung-hoa, đều phải có giấy thông-hành do quan chức xứ mình phát cho. Các giấy thông - hành đó phải có chữ ký chuẩn của tòa lãnh-sự xứ mình sắp tới, hoặc của các viên chức xứ ấy có quyền ký chuẩn.

Hai nước giao ước cùng nhau vẫn nước nào theo luật lệ nước ấy, mà đối đãi lẫn nhau theo như một tối-huệ-quốc, về các lệ-luật lấy căn cứ về những giấy má sau này :

1.) Giấy thông-hành.

2.) Giấy phép đi lại trong xứ và giấy phép ra ngoài.

3.) Việc người thuộc xứ Đông-dương xuất-nhập ba tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và Quảng-đông, và người Trung-hoa xuất-nhập xứ Đông-dương.

Những lệ-luật về việc cho phép hoặc ở tạm-thời, hoặc ở vĩnh-viễn cho các dân-cư vùng cương-giới, vì công việc phải qua lại luôn luôn địa-phận nước láng giềng hoặc ở tạm đó ít lâu, thì vẫn không thay đổi.

Khoản thứ năm — Người Trung-hoa sang ở Đông-dương hay người thuộc Đông-dương sang các tỉnh đã kể trên, có quyền lập-nghiệp ở đó, hoặc đi lại trong xứ cùng là buôn bán, làm kỹ-nghệ. Theo như các luật-pháp thi-hành ở Đông-dương hay ở Trung-hoa, thì các người ấy quyền-lợi không kém các người ngoại-quốc khác.

Người Trung-hoa ở Đông-dương, người Pháp và người Đông-dương ở các tỉnh Trung-hoa đã kể tên trên kia, không bao giờ phải chịu thuế cao hơn, hoặc đánh thêm, như tiền thuế các người ngoại-quốc khác.

Khoản thứ sáu. — Các thứ hàng-hóa Trung-hoa do các cảng Trung-hoa lại, muốn nhờ đường qua Bắc-kỳ đi thẳng lên Vân-nam, được biệt-đãi, không phải chịu tiền thuế theo lệ chung.

Các hàng-hóa ấy cứ tính giá mà phải trả một phần (1%) thôi. Các hàng-hóa ở các tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và Quảng-đông mượn đường Bắc-kỳ đi cũng được quyền-lợi như thế.

Các quặng mỏ, thiếc, da tươi cùng các thứ hàng-hóa đã ghi hoặc sau sẽ ghi vào bản A phụ thêm vào khoản này, được miễn trừ thuế. Các thứ hàng-hóa khác phải tính theo giá mà trả 1%.

Các thứ chiến-cụ khi-giờ và đạn-dược của chính-phủ muốn nhờ vận tải qua địa phận Bắc-kỳ cũng được miễn thuế.

Các tàu của Đông-dương, trừ thứ chiến-hạm và tàu chở quân lính và đạn-dược, được đi từ Lạng-son đến Cao-băng khứ hồi trong các sông Kỳ-cùng và sông Bằng-giang là đường thủy nối tỉnh Lạng-son với Long-châu và Cao-băng.

Các tàu ấy và hàng-hóa để trong tàu không phải đóng thứ thuế gì.

Khoản thứ bảy. — Hai nước cam đoan nếu phải đặt lệ cấm hoặc ngăn giảm việc nhập-cảng và xuất-cảng hoặc vận-tải ở Đông-dương và ba tỉnh Yun-nam, Quảng-tây và Quảng-đông thì luật-lệ ấy cũng thi-hành ngay đối với các nước khác.

Tuy vậy hai nước vẫn có được quyền ra luật-lệ ngăn cấm hay giảm việc nhập-cảng, xuất-cảng và vận-tải các thứ thổ-sản có quan-hệ đến việc trị-an, cần cho việc quân-nhu, cần phải bênh-vực về phương-diện kỹ-nghệ và mỹ-thuật, hoặc phòng giữ cho khỏi bệnh thời-khí, bệnh vục mùa-màng trong xứ, hoặc có liên-can phạm đến độc-quyền của nhà nước hay là việc luân-lý chung. Mà các điều-luật ấy phải do việc tối-cần làm chúng, cũng là phải thi-hành với các nước ở vào cảnh-ngộ ấy.

Khoản thứ tám — Chính-phủ Trung-hoa ở ba tỉnh Vân-nam, Quảng-tây và Quảng-đông cùng là chính-phủ Pháp ở Đông-dương không được đánh thuế các hàng-hóa của người thuộc Đông-dương hay người Trung-hoa mang vào, nặng quá tiền thuế mà người trong xứ ấy hay người các ngoại-quốc khác phải chịu.

Khoản thứ chín. — Các người Trung-hoa bị tội bên Tàu trốn sang địa-phận Đông-dương, người Đông-dương bị tội bên xứ này trốn sang Tàu, theo đơn của chính - phủ hai nước nếu quả là kẻ có tội thời sẽ bị truy-nã bắt giao về nước, trừ ra những trường-hợp mà theo như lệ thường của vạn-quốc không có thể bắt giao trả thì thôi.

Khoản thứ mười. — Bản hiệp-ước này thi-hành trong một thời hạn 5 năm. Sáu tháng trước khi hết hạn, mỗi bên đều có thể đạt giấy cho chính - phủ bên kia biết ý mình hoặc muốn sửa lại hoặc muốn bỏ bản hiệp-ước này; nếu không có công - văn trong hạn ấy thì bản hiệp-ước sẽ cứ thi-hành. Nhưng hết cái hạn 5 năm thì bất cứ lúc nào hai nước đều có thể đạt công-văn tỏ ý muốn hoặc sửa đổi

lại, hoặc hủy bỏ bản hiệp-ước. Như thế thì bản hiệp-ước sẽ thành vô-dụng một năm sau kể từ ngày đạt công-văn.

Bản hiệp-ước này sẽ chuẩn-y ngay và trao đổi tại *Paris* và hai tháng sau sẽ đem thi-hành tại Đông-dương cùng ngày với các tỉnh Vân-nam Quảng-tây và Quảng-đông.

Khoản thứ mười một — Bản hiệp-ước này làm bằng chữ Pháp và chữ Hán, Hai bản đều đem so-sánh rất kỹ-lưỡng.

Tin đủ như thế, các đại - biểu hai nước đều ký bản hiệp-ước này làm thành 2 bản và đóng ấn lên.

Làm tại Nam - kinh ngày 16 mai 1930, trùng vào ngày 16 tháng năm năm Trung-hoa dân-quốc thứ 19.

Việc trong nước

Các việc xảy ra trong nước từ 15 Juillet đến 15 Aout. — *Một cuộc biểu-tình ở Trung-kỳ.* — Sáng hôm 16 Juillet có độ 700 người biểu-tình mang cờ đỏ vào huyện Ninh-hòa tỉnh Nha-trang. Viên tri-huyện hứa dè lời yêu-cầu lên quan sứ thì bọn biểu-tình giải-tân ngay.

Công-thải thuộc-địa. — Hạ-nghị viện bên Pháp mới thảo-luận bản dự-án công-thải ở thuộc-địa định là 3 ngàn triệu quan (3 milliards). Riêng phần Đông-dương là 1250 triệu.

Việc án mạng chính-trị ở đường Barbier (Sài-gòn). — Vụ án mạng này

xảy ra từ năm 1926, nay tòa mới tra xét xong và tìm ra được nhiều hội kín. Phiên hôm 18 tòa tuyên án 3 người bị xử tử. 1 người 20 năm khổ-sai, 1 người 10 năm khổ-sai, 1 người 8 năm tội đồ, 3 người 10 năm cấm-cố, 2 người 7 năm cấm-cố, 13 người 8 năm cấm-cố và nhiều người từ 18 tháng đến 5 năm tù.

Lính ta sang Pháp. — Chính-phủ Đông-dương định chọn trong 5 xứ lấy 150 người lính khố-xanh để cho sang dự cuộc đấu-xảo thuộc-địa năm 1931.

Việc bênh-vực các người lao-dộng. — Trưởng ban quốc-tế lao-dộng khi đã

khảo-sát về vấn-đề lao-động ở Viễn-đông, có thêm mấy điều này vào chương trình: vấn-đề cưỡng-bách lao-động việc điều-tra tình-hình bọn lao-động ở các thuộc-địa. Về việc thứ nhì quan Tổng-thống Pháp mới ký một bản sắc-lệnh nói về cách mộ người làm, cách lập các phòng coi về lao-động, các tờ hợp-đồng của chủ với người làm công, và lập hội-đồng hòa-giải. Các vấn-đề này khi thi-hành thì thợ-thuyền nước ta cũng được nhờ.

Một điều sửa-đổi trong viện dân-biểu.— Quan Thống-sứ định sửa-đổi lại mấy điều ở viện dân-biểu, nhất là việc ban trị-sự của viện phải mỗi năm bầu một lần chứ không để ba năm như trước nữa.

Một đạo nghị-định mới.— Hôm 23 quan Thống-sứ ra một đạo nghị-định đề riêng các đất bãi bề cho các dân quê An-Nam ở các làng gần bề để các làng ấy được mở mang to ra, và để cho dân-cư các làng đông-đúc ra đây lập xóm mà ở.

Quan Toàn-quyền với việc thể-thao.— Quan Toàn-quyền cho hội *Cercle Sportif Annamite* ở Nam-kỳ 1 ngàn đồng để giúp tiền lộ-phi cho mấy người hội-viên sang đấu vợt ở *Singapour*.

Sự phòng-thủ các phủ huyện.— Quan Thống-sứ truyền lệnh cho các quan Công-sứ và các quan tỉnh phải tìm cách đề-phòng các phủ huyện cho được vững-vàng. Các nhà tư phải xa huyện và phủ-ly nên những nhà

nào ở gần phủ huyện sẽ phải dọn đi hết.

Tòa Thượng-thẩm xử việc chính-trị.— Phiên tòa họp hôm 28 xử ba việc chính-trị. Việc thứ nhất là vụ cộng-sản ở Hưng-yên, tòa phạt 8 người từ 2 năm tù cho tới 15 năm khổ-sai. Vụ thứ nhì là vụ cộng-sản Nam-định, 1 người bị 7 năm khổ sai. Vụ thứ ba là vụ ba đảng-viên cộng-sản bị bắt ở Nam-định thì 2 người đàn ông bị khổ sai chung-thân và 1 người bị 20 năm khổ-sai, còn người đàn bà bị 10 năm khổ-sai.

Truyền-đơn ở Hà-nội.— Hôm 28 ở các phố Hà-nội có rải nhiều truyền đơn cộng sản khuyến thợ-thuyền lập các cuộc biểu-tình ngày 1er Août này để yêu-cầu tăng lương cho các thợ-thuyền và bồi-thương cho nhà các người bị thiệt-hại trong các cuộc biểu-tình ở Thái-bình và Nghệ-an.

Đề-phòng ngày 1er Août.— Vì trong thành-phố có nhiều truyền-đơn cổ-động biểu-tình trong ngày 1er Août, nên sáng hôm 31 *Juillet* sở mật-thám có đến khám xét nhiều nhà trong thành-phố và bắt nhiều người bị tình-nghi. Phủ Thống-sứ có một bài tuyên-cáo cho quốc-dân biết rằng Chính-phủ sẽ hết sức giữ trật-tự và khuyến dân không nên làm điều trái phép. Ở Hà-nội, Vinh, Hải-phòng, Thái-bình có bắt được nhiều truyền-đơn.

Ngày 1er Août.— Cả ngày hôm nay ở Hà-nội được bình-tĩnh không xảy ra chuyện gì. Các lính-tráng được lệnh phải ở trại từ 31 *Juillet* cho tới 2 *Août*. Tối có xe thiết-giáp chở súng cối xây

và các toán lính bỗng súng đi tuần các phố. Quan Thống-sứ phái 2 chiếc máy bay đi tuần khắp địa-hạt Bắc-kỳ.

Tại Bến-thủy (Trung - kỳ) có cuộc biểu-tình chừng vài trăm người, ở Hóc-môn, Baqueo (Nam-kỳ) cũng có biểu-tình nhưng giải-tán ngay được, tại Trà-vinh (Nam-kỳ) lính cảnh-sát bắn vào bọn biểu-tình bị 3 người chết và mười người bị thương. Chừng vài chục người bị bắt.

Một việc sửa đổi trong chính-trị xứ Đông-dương. — Quan Toàn-quyền mới ký một đạo nghị-định lập ở Nam-kỳ, Cao - miên. Trung-kỳ và Bắc-kỳ những ủy-ban để điều - tra nghiên-cứu và thực-tình mấy việc cải - cách quan - trọng về kinh-tế và xã - hội. Những ủy - ban này do các quan thủ - hiến các xứ chủ - tọa và các hội - viên Tây Nam sẽ cử ở trong các hội - đồng bản - xứ, các phòng thương-mại và canh-nông.

Vụ Việt-Nam quốc-dân đảng tại Hội-đồng đề-hình. — Sáng hôm 5 Aoút Hội-đồng đề-hình đã họp ở tòa - án Hà-nội để xét-xử 140 người bị-cáo có chân trong Việt-Nam quốc-dân đảng. Hội-đồng xử mãi đến mồng 9 mới tuyên-án. 12 người bị xử-lử trong số đó có Đoàn Trần-Nghiệp tức Kỳ Cor, Phạm Văn-Khuê tức Cai Khuê, Nguyễn Văn-Nho là em Nguyễn Thái-Học và Lương Ngọc-Tôn. 109 người bị phát-

lưu chung - thân, 5 người phát - lưu chung-thân vắng mặt, 11 người khổ-sai chung-thân, 4 người 20 năm khổ-sai, 20 năm biệt-sứ, 4 người 10 năm khổ-sai 10 năm biệt-xứ, 2 người 10 năm tội đồ 20 năm biệt - xứ, 1 người 10 năm cấm - cố 20 năm biệt - xứ, 2 người 5 năm cấm-cố 5 năm biệt-xứ, 1 người 5 năm tội đồ 20 năm biệt-xứ, 1 người 5 năm tù 3000 quan tiền phạt 1 người 5 năm tù.

Việc sửa - đổi trong ngạch Học - chính. — Quan Thống-sứ sắp cho thi-hành việc sửa-đổi trong ngạch Học-chính, định mỗi tỉnh đặt một viên đốc-học hay điển-học người Nam, mỗi phủ huyện đặt một viên giáo-thụ, huấn-đạo có quyền đi xem xét công việc của các giáo-viên trong hạt mình.

Việc tăng thuế giấy nhật - trình. — Vì có tin trong Nam-kỳ nói rằng các nhà làm báo trong đó đã phản-kháng việc chính-phủ dự-bị tăng thuế giấy nhật-trình tại phòng thương-mại, nên hôm mồng 10 báo *France - Indochine* có đặt giấy mời các nhà báo ngoài Bắc phản-kháng việc này tại phòng Thương-mại Hà-nội.

Các dân - biểu chính - phủ cử ra. — Chính-phủ đã cử 26 vị dân-biểu thay mặt dân tại Nghị-viện cho cả toàn xứ Bắc-kỳ. Tính cả các vị đại-biểu do dân bầu thì kỳ này toàn-viện có 104 vị.

Giới-thiệu sách mới

1. — *Gia-đình giáo-dục (phép dạy con)*. 67 trang, giá 0p.35. — 2^o — *Học-sinh tu-trí (lời khuyên học-trò)*. 33 trang, giá 0p.20. Hai quyển này đều của cụ cô-giáo-học NGUYỄN BÁ - HỌC soạn ra và đã có đăng trong báo *Nam-Phong* năm trước, nay con cụ là NGUYỄN VĂN-MINH và NGUYỄN VĂN-KHẢI xuất-bản, in tại Đông-Tây ấn-quán, phố hàng Bông, Hà-nội, bán tại nhà M. Nguyễn Văn-Minh, 108 Rue de France Nam-định, và M. Nguyễn Văn-Khải. 117 bis Rue du Chanvre Hà-nội.

3^o — *Tu-thần*. NGUYỄN QUÝ-TOÀN soạn, 95 trang, in tại nhà in Trung-bắc tân-văn Hà-nội.

Nam-Phong tùng-thư

Mới xuất-bản :

Le Paysan Tonkinois à travers le parler populaire (Bài diễn-thuyết của ông Phạm Quỳnh ở hội Địa-dư Hà-nội). Đông-kinh ấn-quán xuất-bản, giá 0p.40; ở xa tiền cước ngoài.

Xuất-bản trước :

- | | |
|--|--------|
| 1. — Văn-minh luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, quyển thứ I, 5 hào, quyển thứ II | 4 hào. |
| 6. — Khảo về tiêu-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |

Sắp xuất-bản :

Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE.

